ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

1299 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 10

CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO
VÀ CƠ BẢN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯƠNG NGỌC THƠI

1299 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

LỊCH SỬ 10

CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO VÀ CƠ BẢN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Để hướng tới kiểm tra và thi theo hình thức trắc nghiệm, chúng tôi giới thiệu với các em cuốn sách **"1299 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ LỚP 10"**. Cuốn sách ra mắt cùng các em lần này nhằm giúp các em vừa "biết" vừa "hiểu" các niên đại, sự kiện, nhân vật lịch sử, tình hình kinh tế, chính trị - xã hội của Lịch sử thế giới thời nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại, Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX và Lịch sử thế giới cận đại.

Sách gồm hai phần:

- Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm chương trình nâng cao và chương trình cơ bản, gồm Lịch sử thế giới thời nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại, Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX.

- Phần II: Câu hỏi trắc nghiệm Lịch sử thế giới cận đại. Phần này chỉ dành riêng cho học sinh đang theo học lớp 10 chương trình cơ bản.

Sách được viết dưới dạng:

Các câu hỏi trắc nghiệm theo từng bài, từng chương (kể cả bài ôn tập các chương, bài tổng kết), giúp các em có thể tự kiểm tra nhanh mức độ nắm vững kiến thức ngay sau khi học các bài, các chương.

Trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm trong cuốn sách này nghĩa là các em đã nắm vững kiến thức lịch sử lớp 10 chương trình nâng cao và cơ bản, có điều kiện hiểu thêm lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

Những thiếu sót trong sách là điều không thể tránh khỏi. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ phía quý thầy, cô giáo và các em học sinh.

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI
THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

Chương I
XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Bài 1
SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THUỶ

Câu 1: Khoảng 6 triệu năm trước đây xuất hiện loài người như thế nào?

A. Loài vượn người. B. Người tinh khôn.
C. Loài vượn cổ. D. Người tối cổ.

Câu 2: Ở Việt Nam di tích người tối cổ được tìm thấy đầu tiên ở tỉnh nào?

A. Nghệ An. B. Thanh Hoá. C. Cao Bằng. D. Lạng Sơn.

Câu 3: Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm của Người tối cổ?

A. Biết sử dụng công cụ bằng đồng.
B. Đã biết chế tạo công cụ lao động.
C. Đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
D. Hầu như đã hoàn toàn đi bằng hai chân.

Câu 4: Người tối cổ sử dụng phổ biến công cụ lao động gì?

A. Đồ đá cũ. B. Đồ đá giữa. C. Đồ đá mới. D. Đồ đồng thau.

Câu 5: Việc giữ lửa trong tự nhiên và chế tạo ra lửa là công lao của:

A. Người vượn cổ. B. Người tối cổ.
C. Người tinh khôn. D. Người hiện đại.

Câu 6: Nhờ lao động mà Người tối cổ đã làm được gì cho mình trên bước đường tiến hoá?

A. Tự chuyển hoá mình.
B. Tự tìm kiếm được thức ăn.
C. Tự cải biến, hoàn thiện mình từng bước.
D. Tự cải tạo thiên nhiên.

Câu 7: "Ăn lông ở lỗ" là nét đặc trưng của bầy người nguyên thuỷ. Đúng hay sai?

A. Sai. B. Đúng.

Câu 8: Khoảng 4 vạn năm cách đây đã xuất hiện loài người nào?

A. Người vượn cổ. B. Người tối cổ.
C. Người vượn. D. Người tinh khôn.

Câu 9: Đặc điểm của người tinh khôn là gì?

A. Đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên người.
B. Là người tối cổ tiến bộ.

C. Vẫn còn một ít dấu tích vượn trên người.

D. Đã biết chế tạo ra lửa để nấu chín thức ăn.

Câu 10: Khi Người tinh khôn xuất hiện thì đồng thời xuất hiện những màu da nào là chủ yếu?

A. Da trắng. B. Da vàng. C. Da đen. D. Da vàng, trắng, đen.

Câu 11: Người tinh khôn đã sử dụng phương thức nào để tăng nguồn thức ăn?

A. Ghè đẽo đá thật sắc bén để giết thú vật.

B. Chế tạo cung tên để săn bắn thú vật.

C. Tập hợp đông người đi vào rừng săn bắn.

D. Tất cả các việc làm trên.

Câu 12: Đặc điểm của cuộc "Cách mạng đá mới "là gì?

A. Con người biết sử dụng đá mới để làm công cụ.

B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.

C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.

D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

Câu 13: Yếu tố nào là cơ bản nhất để khẳng định rằng Người tối cổ bắt đầu định hình cuộc sống vật chất?

A. Người tối cổ đã sử dụng công cụ đá cũ (sơ kì).

B. Họ kiếm sống bằng lao động tập thể, bằng phương thức hái lượm và săn bắt.

C. Từ chỗ biết giữ lửa trong tự nhiên, họ tiến tới chế tạo ra lửa bằng cách ghè hai mảnh đá vào với nhau để lấy lửa.

D.Từ công cụ đá cũ bắt đầu chuyển sang công cụ đá mới.

Câu 14: Vì sao gọi là Bầy người nguyên thuỷ?

A. Đã có quan hệ hợp quần xã hội: có người đứng đầu, có phân công lao động giữa nam và nữ, cùng chăm sóc con cái.

B. Sống quây quần theo quan hệ ruột thịt với nhau, gồm 5 - 7 gia đình.

C. Họ chưa có những qui định xã hội trong cộng đồng Người tối cổ.

D. Sống thành từng bầy như các động vật khác.

Câu 15: Vì sao sau khi thoát khỏi giới động vật, Người tối cổ phải sống thành từng bầy?

A. Do trình độ sản xuất thấp kém.

B. Công cụ thô sơ, họ phải kiếm sống bằng lao động tập thể với phương thức hái lượm và săn bắt.

C. Do sống trong điều kiện thiên nhiên hoang dã, luôn bị thú dữ đe doạ... nên phải dựa vào sức mạnh của tập thể để tự vệ.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 16: Điểm nào dưới đây là điểm giống nhau giữa bầy người nguyên thuỷ và bầy động vật?

A. Sống chung thành từng bầy để bảo vệ lẫn nhau.

B. Cùng nhau tìm kiếm thức thức ăn trong rừng.

C. Cùng nhau chung sống trong các hang động, mái đá.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17: Điểm nào dưới đây là điểm khác nhau giữa bầy người nguyên thuỷ và bầy động vật?

A. Bầy người nguyên thuỷ đã biết chế tạo công cụ lao động.

B. Bầy người nguyên thuỷ đã biết sống chung thành cộng đồng.

C. Bầy người nguyên thuỷ đã biết tìm kiếm thức ăn có sẵn trong tự nhiên.

D. Tất cả các điểm trên.

Câu 18: Hãy điền hình dáng của Người vượn cổ, Người tối cổ và Người tinh khôn vào các ô trống dưới đây:

A. Người vượn cổ: ....

B. Người tối cổ: ....

C. Người tinh khôn: ....

Câu 19 Người vượn cổ được tìm thấy nhiều nhất ở đâu?

A. Đông Phi, Tây Á và Lạng Sơn (Việt Nam).

B. Đông Phi, Gia va (In-đô-nê-xi-a), Bắc Kinh (Trung Quốc), Thanh Hoá (Việt Nam).

C. Châu Á, châu Âu và châu Phi.

D. Ở tất cả các vùng trên.

Câu 20 Người tối cổ được tìm thấy nhiều nhất ở đâu?

A. Đông Phi, Tây Á và Lạng Sơn (Việt Nam).

B. Đông Phi, Gia va (In-đô-nê-xi-a), Bắc Kinh (Trung Quốc), Thanh Hoá (Việt Nam).

C. Châu Á, châu Âu và châu Phi.

D. Ở tất cả các vùng trên.

Câu 21 Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) về những tiến bộ khi Người tinh khôn xuất hiện dưới đây:

A. Người tinh khôn đã biết ghè hai rìa của một mảnh đá, làm cho nó gọn và sắc cạnh hơn, dùng làm rìu, dao, nạo.

B. Biết lấy xương cá, cành cây đem mài hoặc đẽo nhọn đầu làm lao.

C. Biết chế tạo cung tên làm công cụ săn bắn.

D. Biết sống thành từng bầy để bảo vệ lẫn nhau trong cộng đồng.

E. Thức ăn tăng lên đáng kể, nhất là thức ăn động vật.

F. Biết sinh sản theo yêu cầu của giống nòi.

G. Người tinh khôn bắt đầu rời hang động ra dựng lều, định cư ở những địa điểm thuận lợi hơn trước. Ngoài ra, còn biết đánh cá, biết làm đồ gốm. . .

Câu 22: Vì sao gọi thời kì đá mới là cuộc "Cách mạng đá mới"?

A. Con người đã biết mài nhẵn công cụ bằng đá ở rìa lưỡi hoặc toàn thân, biết khoan lỗ để tra cán.

B. Thời kì đá mới con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi nguyên thuỷ.

C. Con người đã chuyển từ kinh tế thu lượm sang kinh tế săn bắn.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 23: Hãy nối nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Người tối cổ 2. Người tinh khôn	A. Ghè đẽo công cụ một mặt cho sắc để sử dụng. B. Đã xuất hiện ba chủng tộc lớn. C. Biết giữ lửa và chế tạo ra lửa để sưởi ấm và nướng chín thức ăn. D. Tổ chức xã hội là bầy người nguyên thuỷ. E. Bàn tay nhỏ, khéo léo, các ngón tay linh hoạt. F. Trán còn thấp và bợt ra phía sau. G. Biết sống định cư ở những định cư ở những địa điểm thuận lợi. H. Biết chế tạo cung tên.

Câu 24: Hãy chọn những đặc điểm của người tinh khôn và Cách mạng đá mới để ghi vào chỗ trống theo bảng dưới đây:

A. Biết chế tạo cung tên.

B. Biết chế tạo ra lửa.

C. Đã biết đến đồ trang sức.

D. Biết sống định cư ở những địa điểm thuận lợi.

1. Người tinh khôn	....
2. Cách mạng đá mới	....

Câu 25: Nơi nào trên thế giới được tìm thấy di cốt Người tối cổ đầu tiên?

A. Ở Đông Phi, Tây Á, Gia-va.

B. Ở Đông Phi, Gia-va, Bắc Kinh.

C. Ở Tây Á, Gia- va, Bắc Kinh.

D. Ở Bắc Kinh, Tây Á, Gia- va.

Câu 26: Người tối cổ đã có những phát minh lớn gì ghi dấu ấn trong thời nguyên thuỷ?

A. Giữ lửa trong tự nhiên.

B. Giữ lửa và tạo ra lửa.

C. Chế tạo công cụ bằng đá.

D. Ghè đẽo công cụ bằng đá thật sắc..

Câu 27: Hãy nối nội dung ở cột A cho phù hợp với nội dung cột B sau đây:

A	B
1. Người tối cổ	A. Xuất hiện những màu da khác nhau, chia thành ba chủng tộc lớn.
2. Người tinh khôn	B. Biết sử dụng lửa và chế tạo ra lửa.
3. Cách mạng đá mới	C. Ghè đẽo công cụ một mặt cho sắc và vừa tay cầm..
	D. Biết sử dụng đồ trang sức.
	E. Biết chế tạo cung tên.

Câu 28: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây:

A. Loài vượn cổ, sống khoảng 6 triệu năm trước đây, đã có thể đứng và đi bằng hai chân.

B. Xương hoá thạch của loài vượn cổ được tìm thấy khắp thế giới.

C. Ở Việt Nam đã từng tìm thấy xương hoá thạch của người vượn cổ.

D. Người tối cổ đã biết lấy những mảnh đá, đem ghè cho sắc và vừa tay cầm.

E. Khoảng 2 vạn năm trước đây, Người tinh khôn bắt đầu xuất hiện.

F. Hợp quần xã hội là tổ chức đầu tiên của loài người.

G. Đến khoảng 10 vạn năm trước đây, con người tiến vào thời đá mới.

Câu 29: Người tối cổ đã làm gì để sử dụng công cụ lao động bằng đá có hiệu quả hơn?

A. Đã biết ghè đẽo hai cạnh thật sắc bén.

B. Đã biết ghè đẽo một mặt cho sắc và vừa tay cầm.

C. Đã biết tra cán vào công cụ bằng đá.

D. Chỉ sử dụng những hòn đá có sẵn trong tự nhiên, không hề biết ghè đẽo, trau chuốt.

Câu 30: Bước nhảy vọt đầu tiên trong quá trình tiến hoá của loài người là gì?

A. Từ vượn cổ chuyển thành Người tối cổ.

B. Từ Người tối cổ chuyển thành Người tinh khôn.

C. Từ vượn cổ chuyển thành Người tinh khôn.

D. Từ Người tinh khôn chuyển thành Người hiện đại.

Câu 31: Đặc điểm nào dưới đây biểu hiện sự khác biệt giữa Người tinh khôn và Người tối cổ?

A. Đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên người.

B. Là Người tối cổ tiến bộ.

C. Vẫn còn một ít dấu tích vượn trên người.

D. Đã biết chế tạo ra lửa để nấu chín thức ăn.

Câu 32: Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây:

A	B
1. Khoảng 6 triệu năm	A. Người tinh khôn xuất hiện.
2. Khoảng 4 triệu năm	B. Loài người tiến vào thời đá mới.
3. Khoảng 4 vạn năm	C. Người tối cổ xuất hiện.
4. Khoảng 1 vạn năm	D. Loài vượn cổ đang sinh sống.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 1

1. C **2.** B **3.** D **4.** A **5.** B **6.** C **7.** B **8.** D **9.** A

10. D **11.** B **12.** C **13.** C **14.** C **15.** D **16.** D **17.** A

18. A. Có thể đứng và đi bằng hai chân, dùng tay cầm nắm, ăn hoa, quả, lá.

B. Đã hoàn toàn đi đứng bằng hai chân.

C. Có cấu tạo cơ thể như người ngày nay: Xương cốt nhỏ hơn người tối cổ, lớp lông mỏng trên người không còn nữa.

19. A **20.** B **21.** A, B, C, E, G: Đúng; D, F: Sai. **22.** D
23. 1: A, C, D, F; 2: B, C, D, E, G, H. **24.** 1: A, B, D; 2: B,C.
25. B **26.** B **27.** 1: B, C; 2: A,B,E; 3: B, D
28. A, C, D, F: Đúng; B, E, G: Sai. **29.** B **30.** A **31.** A
32. 1: D, 2:C, 3:A,4: B

Bài 2
BẦY NGƯỜI NGUYÊN THUỶ

Câu 1: Biểu hiện nào dưới đây gắn liền với thị tộc?
A. Những gia đình gồm hai đến ba thế hệ có chung dòng máu.
B. Những người đàn bà giữ vai trò quan trọng trong xã hội.
C. Những người sống chung trong hang động, mái đá.
D. Những người đàn bà cùng làm nghề hái lượm.

Câu 2: Biểu hiện nào dưới đây gắn liền với bộ lạc?
A. Tập hợp một số thị tộc.
B. Các thị tộc có quan hệ gắn bó với nhau.
C. Tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có họ hàng gắn với nhau và cùng một nguồn gốc tổ tiên xa xôi.
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 3: Trong quá trình phát triển chung của lịch sử nhân loại, cư dân ở đâu sử dụng công cụ bằng đồng thau sớm nhất?
A. Trung Quốc, Việt Nam.　　B. Tây Á, Ai Cập.
C. In-đô-nê-xi-a, Đông Phi.　　D. Tất cả các vùng trên.

Câu 4: Khoảng 3.000 năm trước đây cư dân nước nào là những người đầu tiên biết đúc và dùng đồ sắt?
A. Trung Quốc.　　B. Việt Nam.
C. In- đô-nê-xi-a.　　D. Tây Á và Nam châu Âu.

Câu 5: Kết quả nào dưới đây được đánh giá là kết quả lớn nhất của việc sử dụng công cụ bằng kim khí, nhất là đồ sắt là gì?
A. Khai khẩn được đất bỏ hoang.
B. Đưa năng suất lao động tăng lên.
C. Sản xuất đủ nuôi sống cộng đồng.
D. Sản phẩm làm ra không chỉ nuôi sống con người mà còn dư thừa.

Câu 6: Trong buổi đầu thời đại kim khí, loại kim loại nào được sử dụng sớm nhất?
A. Sắt.　　B. Đồng thau.　　C. Đồng đỏ.　　D. Thiếc.

Câu 7: Điều kiện nào làm cho xã hội có sản phẩm dư thừa?
A. Con người hăng hái sản xuất.
B. Công cụ sản xuất bằng kim loại xuất hiện.

C. Con người biết tiết kiệm trong chi tiêu.

D. Con người đã chinh phục được tự nhiên.

Câu 8: Khi sản phẩm xã hội dư thừa, ai là người chiếm đoạt của dư thừa đó?

A. Tất cả mọi người trong xã hội.

B. Những người có chức phận khác nhau.

C. Những người trực tiếp làm ra của cải nhiều nhất.

D. Những người đứng đầu mỗi gia đình.

Câu 9: Gia đình phụ hệ thay thế cho thị tộc; xã hội phân chia thành giai cấp gắn liền với công cụ sản xuất nào dưới đây?

A. Công cụ bằng đá mới.

B. Công cụ bằng kim loại.

C. Công cụ bằng đồng đỏ.

D. Công cụ bằng đồng thau.

Câu 10: Tư hữu xuất hiện đã dẫn tới sự thay đổi trong xã hội như thế nào?

A. Xã hội phân chia kẻ giàu, người nghèo dẫn đến phân chia thành giai cấp.

B. Của cải dư thừa dẫn đến khủng hoảng thừa.

C. Những người giàu có, phung phí tài sản.

D. Tất cả các sự thay đổi trên.

Câu 11: Thời kì mà xã hội có giai cấp đầu tiên gọi là thời kì nào?

A. Thời nguyên thuỷ.

B. Thời đá mới.

C. Thời cổ đại.

D. Thời kim khí.

Câu 12:Ý nghĩa lớn nhất của sự xuất hiện công cụ sản xuất bằng kim khí?

A. Con người có thể khai phá đất đai.

B. Sự xuất hiện nông nghiệp dùng cày.

C. Làm ra lượng sản phẩm dư thừa.

D. Biết đúc công cụ bằng sắt.

Câu 13: Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện chế độ tư hữu?

A. Trong xã hội đã có sản phẩm dư thừa.

B. Xã hội có sự phân chia chức phận khác nhau.

C. Sự không công bằng trong xã hội.

D. Cả ba nguyên nhân trên.

Câu 14: Khi chế độ tư hữu xuất hiện đã kéo theo sự xuất hiện gia đình như thế nào?

A. Gia đình mẫu hệ xuất hiện.

B. Gia đình ba thế hệ xuất hiện.

C. Gia đình phụ hệ xuất hiện.

D. Gia đình hai thế hệ xuất hiện.

Câu 15: Quan hệ giữa các thị tộc trong bộ lạc diễn ra như thế nào?

A. Xung đột vì mâu thuẫn về phân chia đất đai.

B. Thường xuyên gây chiến tranh xâm lược lẫn nhau.

C. Quan hệ gắn bó, giúp đỡ nhau.

D. Quan hệ đối kháng lẫn nhau.

Câu 16: Quan hệ xã hội của người nguyên thủy?

A. Con người "hợp tác lao động", hưởng thụ bằng nhau và "sự cộng đồng " rất cao.

B. Mọi người đều hưởng thụ thành quả lao động như nhau.

C. Con người đã bắt đầu phân chia tài sản.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17: Vì sao trong xã hội nguyên thủy có sự hưởng thụ công bằng?

A. Của cải làm ra chỉ đủ ăn, chưa có dư thừa để mà chiếm hữu.

B. Những tư liệu sản xuất chưa có để tranh giành lẫn nhau.

C. Do quan hệ huyết tộc nên con người quá yêu thương nhau.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 18: Nhờ đâu con người thời đá mới có những bước tiến vượt bậc?

A. Con người đã khai phá những vùng đất mà trước đây chưa khai phá nổi.

B. Con người có thể làm ra một lượng sản phẩm thừa để nuôi sống mình.

C. Con người có óc sáng tạo, họ bắt đầu biết khai thác từ thiên nhiên cái cần thiết cho cuộc sống của mình.

D. Con người đã biết dùng đồ trang sức : vòng tay, vòng cổ chân, hoa tai.

Câu 19: Biểu hiện nào dưới đây thể hiện sự xuất hiện gia đình phụ hệ trong xã hội nguyên thuỷ?

A. Đàn ông làm các công việc nặng nhọc hơn phụ nữ.

B. Đàn ông có vai trò trụ cột trong gia đình.

C. Đã xuất hiện sự phân công lao động nam nữ.

D. Khả năng lao động của đàn ông khác phụ nữ.

Câu 20: Tính cộng đồng trong Thị tộc được biểu hiện rõ nét nhất ở yếu tố nào dưới đây?

A. Sự bình đẳng giữa các thành viên.

B. Sự hợp tác trong quá trình lao động.

C. Sự hưởng thụ bằng nhau.

D. Mọi sinh hoạt và của cải được coi là của chung, việc chung, làm chung, ăn chung.

Câu 21: Hãy nối nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Bầy người nguyên thuỷ.	A. 4 triệu năm.
2. Công xã thị tộc mẫu hệ.	B. 1 vạn năm.
3. Công xã thị tộc phụ hệ.	C. 3.000 năm.
4. Thời kì xã hội có giai cấp.	D. 4 vạn năm.
	E. Săn bắt, hái lượm.
	F. Trồng trọt, chăn nuôi.
	G. Đồng thau.
	H. Sống theo gia đình phụ hệ.

	I. Sống từng bầy. K. Sống từng nhóm theo gia đình mẫu hệ, bình đẳng. L. Đồ sắt xuất hiện.

Câu 22: Vì sao trong xã hội nguyên thuỷ, công bằng và bình đẳng là "nguyên tắc vàng"?

A. Lúc này chưa có sản phẩm dư, thừa.

B. Mọi người còn yêu thương nhau.

C. Của cải chưa có nhiều.

D. Con người chưa biết nghĩ đến cá nhân mình.

Câu 23: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Trong xã hội nguyên thuỷ, sự công bằng và bình đẳng là "nguyên tắc vàng" vì lúc này chưa có sản phẩm dư, thừa.

B. Đến thời đại kim khí, của cải làm ra không chỉ đủ nuôi sống con người mà còn dư thừa.

C. Trong Thị tộc bắt đầu phân chia giàu nghèo.

D. Những người có chức phận đã chiếm đoạt của dư, thừa biến thành của riêng mình. Thế là của tư hữu bắt đầu xuất hiện, quan hệ cộng đồng bị phá vỡ.

E. Đàn ông làm các công việc nặng nhọc và giữ vai trò trụ cột trong gia đình. Con cái lấy theo họ cha. Gia đình phụ hệ xuất hiện.

F. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự xuất hiện tư hữu là do xuất hiện sản phẩm thừa thường xuyên.

Câu 24: Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với công cụ sản xuất ở cột B sau đây:

A	B
1. 4 vạn năm trước đây.	A. Đồ đồng thau xuất hiện.
2. 1 vạn năm trước đây.	B. Kĩ thuật mài đá xuất hiện.
3. 5.000 năm trước đây.	C. Đồ đồng đỏ xuất hiện.
4. 4.000 năm trước đây.	D. Cung tên xuất hiện.
5. 3.000 năm trước đây.	E. Đồ sắt xuất hiện.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 2

1. A **2.** C **3.** B **4.** D **5.** D **6.** C **7.** B **8.** B **9.** B **10.** A
11. C **12.** A **13.** D **14.** C **15.** C **16.** D **17.** A **18.** C **19.** B **20.** D
21. 1 : A, E, I; 2: D, E, K; 3:B, G, H; 4: C, F, L. **22.** A
23. A, B, D, E: Đúng; C, F: Sai. **24.** 1: D, 2: B, 3: C, 4: A, 5: E.

Chương II
XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Bài 3
CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

***Câu 1:** Các quốc gia cổ đại phương Đông sử dụng công cụ gì để sản xuất trong thời cổ đại?*

A. Công cụ bằng tre, gỗ, đá. B. Công cụ bằng đồng.

C. Công cụ bằng sắt. D. Câu A và B đúng.

***Câu 2:** Khi xã hội nguyên thuỷ tan rã, người phương Đông thường quần tụ ở đâu để sinh sống?*

A. Vùng rừng núi. B. Vùng trung du.

C. Các con sông lớn. D. Vùng sa mạc.

***Câu 3:** Vì sao ngành nông nghiệp phát triển sớm nhất và có hiệu quả nhất ở các quốc gia cổ đại phương Đông?*

A. Nhờ sử dụng công cụ bằng sắt sớm.

B. Nhờ các dòng sông mang phù sa bồi đắp.

C. Nhờ nhân dân cần cù lao động.

D. Tất cả các lí do trên.

***Câu 4:** Các quốc gia cổ đại phương Đông xuất hiện đầu tiên ở đâu?*

A. Ven bờ biển.

B. Lưu vực các con sông.

C. Nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

***Câu 5:** Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông gắn bó và ràng buộc với nhau trong tổ chức công xã?*

A. Trồng lúa nước. B. Trị thuỷ.

C. Chăn nuôi. D. Làm nghề thủ công nghiệp.

***Câu 6:** Xác định các sự kiện cặp đôi sau đây cho phù hợp với tên nước với các dòng sông mà cư dân phương Đông định cư đầu tiên?*

1. Trung Quốc — A. Sông Hằng, sông Ấn.

2. Lưỡng Hà — B. Sông Nin.

3. Ấn Độ — C. Sông Hồng.

4. Ai Cập — D. Sông Hoàng Hà.

5. Việt Nam — E. Sông Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ.

***Câu 7:** Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành trong khoảng thời gian nào?*

A. Khoảng thiên niên kỉ IV - III TCN.

B. Khoảng thiên niên kỉ IV - III.

C. Khoảng thiên niên ki III - IV TCN.

D. Khoảng thiên niên ki V – IV TCN.

Câu 8: Trong các quốc gia cổ đại phương Đông: Trung Quốc, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Ai Cập, quốc gia nào được hình thành sớm nhất?

A. Ấn Độ. B. Ai Cập, Lưỡng Hà. .

C. Trung Quốc. D. Ai Cập, Ấn Độ.

Câu 9: Ở Trung Quốc, vương triều nào được thành lập đầu tiên trong thời cổ đại?

A. Nhà Chu. B. Nhà Tần. C. Nhà Hán. D. Nhà Hạ.

Câu 10: Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành khi những cư dân ở đây đều biết sử dụng công cụ đồ sắt. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 11: Đứng đầu giai cấp thống trị ở các quốc gia cổ đại phương Đông là ai?

A. Vua chuyên chế. B. Đông đảo quý tộc quan lại.

C. Chủ ruộng đất và tầng lớp tăng lữ. D. Tất cả các tầng lớp đó.

Câu 12: Lực lượng đông đảo nhất và là thành phần sản xuất chủ yếu của xã hội cổ đại phương Đông là tầng lớp nào?

A. Nô lệ. B. Nông dân công xã.

C. Nông dân tự do. D. Nông nô.

Câu 13: Trong các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp nào thấp nhất trong xã hội?

A. Nô lệ. B. Nông nô.

C. Nông dân công xã. D. Tất cả các tầng lớp đó.

Câu 14: Những người nô lệ trong xã hội cổ đại phương Đông xuất thân từ đâu?

A. Tù binh của chiến tranh. B. Nông dân nghèo không trả được nợ.

C. Buôn bán từ các nước khác đến. D. Câu A và B đúng.

Câu 15: Vua ở Ai Cập được gọi là gì?

A. Pha-ra-ôn. B. En-xi.

C. Thiên tử. D. Thần thánh dưới trần gian.

Câu 16: "Dưới bầu trời rộng lớn không có nơi nào là không phải đất của nhà vua; trong phạm vi lãnh thổ, không người nào không phải thần dân của nhà vua". Câu nói đó được thể hiện trong quốc gia cổ đại nào ở phương Đông?

A. Ai Cập. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. Việt Nam.

Câu 17: Chữ viết đầu tiên của người phương Đông cổ đại là gì?

A. Chữ tượng ý. B. Chữ La tinh.

C. Chữ tượng hình. D. Chữ tượng hình và tượng ý.

Câu 18: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"..................là ngành khoa học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp".

A. Chữ viết. B. Thiên văn học và lịch.

C. Toán học. D. Chữ viết và lịch.

Câu 19: Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại phương Đông, cư dân nước nào thạo về số học? Vì sao?

A. Trung Quốc. Vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.

B. Ai Cập. Vì phải đo diện tích phù sa bồi đắp.

C. Lưỡng Hà. Vì phải đi buôn bán xa.

D. Ấn Độ. Vì phải tính thuế.

Câu 20: Vì sao trong thời cổ đại người Ai Cập thạo về hình học?

A. Phải đo lại ruộng đất và vẽ các hình để xây tháp.

B. Phải đo lại ruộng đất và chia đất cho nông dân.

C. Phải vẽ các hình để xây tháp và tính diện tích nhà ở của vua.

D. Phải tính toán các công trình kiến trúc.

Câu 21: Kim Tự Tháp ở Ai Cập được xây dựng vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng 2000 - 1500 nămTCN. B. Khoảng 2500 - 3000 năm TCN.

C. Khoảng 3500 - 4000 năm TCN. D. Khoảng 3000 - 2500 năm TCN.

Câu 22: Cư dân Tây Á và Ai Cập sống ở các đồng bằng ven sông cách ngày nay:

A. 2550 năm. B. 3000 năm. C. 3500 năm. D. 3200 năm.

Câu 23: Đặc điểm kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?

A. Nông nghiệp lúa nước. B. Làm đồ gốm, dệt vải.

C. Chăn nuôi gia súc. D. Buôn bán giữa các vùng.

Câu 24: Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội phương Đông cổ đại là mâu thuẫn giữa các giai cấp nào?

A. Địa chủ với nông dân. B. Quý tộc với nông dân công xã.

C. Quý tộc với nô lệ. D. Vua với nông dân công xã .

Câu 25: Các vua chuyên chế ở phương Đông có quyền hành như thế nào?

A. Có quyền sở hữu tối cao về ruộng đất.

B. Có quyền chỉ huy quân đội tối cao.

C. Tự quyết định mọi chính sách và công việc.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 26: Đặc điểm nổi bật nhất về điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?

A. Xuất hiện trên lĩnh vực các dòng sông lớn, hàng năm có lượng phù sa bồi đắp.

B. Có nhiều đất canh tác, có mưa đều đặn, theo mùa.

C. Xuất hiện trên các dòng sông lớn, hàng năm phải đối phó với nạn lũ lụt..

D. Câu A và B đúng.

Câu 27: Ngành kinh tế nào được xem là then chốt của các nước ở phương Đông thời cổ đại?

A. Kinh tế nông nghiệp và thương nghiệp.

B. Kinh tế thủ công nghiệp và luyện kim.

C. Kinh tế nông nghiệp.

D. Kinh tế chăn nuôi và trồng trọt.

Câu 28: Hãy điền vào chỗ trống về sự hình thành các quốc gia cổ đại ở phương Đông theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông
1. Giữa thiên niên kỉ IV TCN	A. ....
2. Giữa thiên niên kỉ III TCN	B. ....
3. Cuối thiên niên kỉ III TCN	C. ....

Câu 29: Trong các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp quý tộc bao gồm những thành phần nào trong xã hội?

A. Quan lại, nông dân giàu có và thương nhân.

B. Các quan lại, các thủ lĩnh quân sự và những người phụ trách lễ nghi, tôn giáo.

C. Vua chuyên chế và các tầng lớp địa chủ.

D. Các tầng lớp sống sung sướng, dựa trên sự bóc lột nông dân.

Câu 30: Giai cấp bị trị trong các quốc gia cổ đại phương Đông là:

A. Nông dân lĩnh canh và nô lệ.

B. Nông dân tự canh và tầng lớp bình dân.

C. Nông dân công xã và nô lệ.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp nêu trên.

Câu 31: Do nhu cầu nào mà ở các quốc gia cổ đại phương Đông người ta phải liên kết với nhau?

A. Do nhu cầu chống ngoại xâm.

B. Do nhu cầu khai phá đất đai và làm thuỷ lợi.

C. Do nhu cầu chống lại vua chuyên chế.

D. Do nhu cầu bảo vệ văn hoá xóm làng.

Câu 32: Chế độ quân chủ chuyên chế là:

A. Mọi quyền hành tập trung trong tay nhà vua.

B. Mọi quyền hành tập trung trong tay quý tộc.

C. Mọi quyền hành tập trung trong tay vua và quý tộc.

D. Mọi quyền hành tập trung trong tay địa chủ và quý tộc.

Câu 33: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Ở Ai Cập, vua được gọi là……(A)……. , ở Lưỡng Hà là……(B)…., ở Trung Quốc là ……(C)……"

Câu 34: Chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao và một bộ máy hành chính quan liêu giúp việc thừa hành như quý tộc, tăng lữ, gọi là:

A. Chế độ chuyên chế cổ đại. B. Chế độ quân chủ chuyên chế.

C. Chế độ quân chủ lập hiến. D. Chế độ phong kiến chuyên chế.

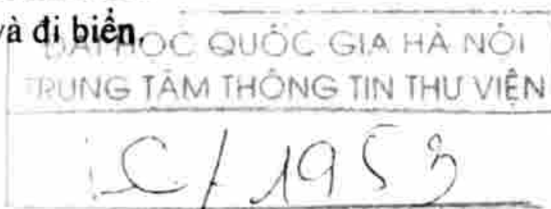
Câu 35: Thiên văn học và lịch ra đời ở phương Đông gắn với nhu cầu nào?

A. Sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

B. Sản xuất nông nghiệp.

C. Việc tính thời lịch cho chính xác.

D. Sản xuất nông nghiệp và đi biển.

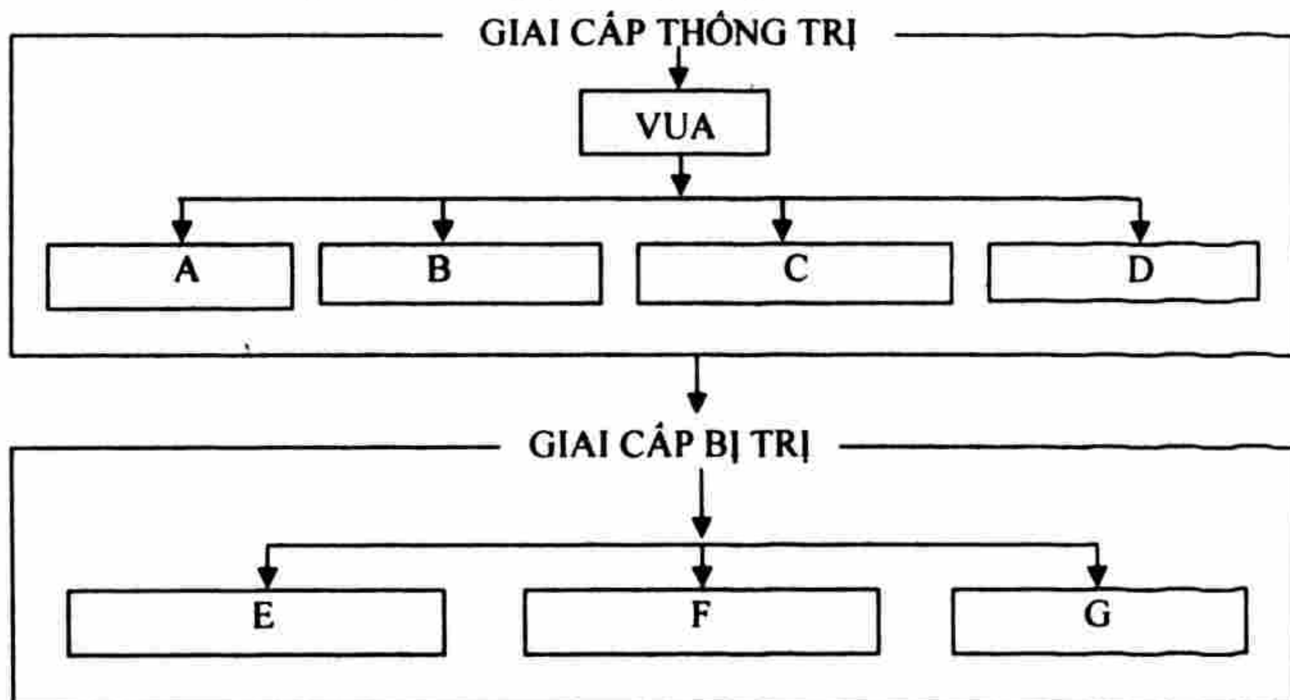


Câu 36: Thạo về số học và hình học, đó là sở trường của cư dân nào thời cổ đại?

A. Cư dân Ai Cập và Trung Quốc. B. Cư dân Lưỡng Hà và Ấn Độ.

C. Cư dân Ai Cập và Lưỡng Hà. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 37: Điền vào chỗ trống các ô trong sơ đồ sau đây thể hiện tổ chức bộ máy nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông.



Câu 38: Theo quan niệm của người phương Đông cổ đại, một năm có bao nhiêu ngày?

A. 365 ngày. B. 360 ngày. C. 366 ngày. D. 364 ngày.

Câu 39: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các quốc gia cổ đại phương Đông ở cột A sau đây:

A	B
1. Ai Cập 2. Lưỡng Hà 3. Trung Quốc 4. Ấn Độ	A. Nhà nước ra đời khoảng 3500 TCN. B. Nhà nước ra đời khoảng 3200 năm TCN. C. Nhà nước ra đời khoảng 2100 năm TCN. D. Nhà nước ra đời khoảng 2500 năm TCN E. Vua được gọi là Pha-ra-ôn. F. Vua được gọi là Thiên tử. G. Nhà nước ra đời do nhu cầu trị thuỷ và xây dựng công trình thuỷ lợi. H. Vua gọi là En-xi.

Câu 40: Hãy hoàn thành nốt các câu sau đây cho đúng:

A. Giai cấp có vai trò quan trọng nhất trong sản xuất ở các quốc gia cổ đại phương Đông là............

B. Tầng lớp có địa vị thấp nhất trong xã hội cổ đại phương Đông là...............

C. Tri thức khoa học ra đời sớm nhất của loài người là.................................

D. Lịch pháp của cư dân cổ đại phương Đông là...

E. Chữ viết đầu tiên của loài người là...

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 3

1. A **2.** C **3.** B **4.** B **5.** B **6.** 1:D, 2:E, 3: A, 4:B, 5: C
7. A **8.** B **9.** D **10.** B **11.** A **12.** B **13.** A **14.** D **15.** A **16.** B
17. C **18.** B **19.** C **20.** A **21.** D **22.** C **23.** A **24.** B **25.** D **26.** D **27.** C
28. A. Nhà nước Ai Cập cổ đại.
B. Nhà nước Lưỡng Hà cổ đại.
C. Nhà nước Ấn Độ cổ đại.
29. B **30.** C **31.** B **32.** A **33.** A: Pha-ra-ôn, B: En-xi, C: Thiên Tử.
34. A **35.** B **36.** C
37. A. Quan lại; B. Quý tộc. C. Chủ ruộng đất. D. Tăng lữ.
E. Nông dân công xã. F. Thợ thủ công. G. Nô lệ.
38. A **39.** 1: B, E; G 2: A, G, H; 3: C, F, G; 4: D, G.
40. A. Nông dân công xã.
B. Nô lệ.
C. Thiên văn học và lịch pháp.
D. Nông lịch.
E. Chữ tượng hình.

Bài 4
CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY - HI LẠP VÀ RÔ-MA

Câu 1: Phần lớn lãnh thổ của các nước phương Tây cổ đại được hình thành trên những vùng đất nào?
A. Đồng bằng. B. Cao nguyên. C. Núi và cao nguyên. D. Núi.

Câu 2: Vào khoảng thời gian nào cư dân Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt?
A. Khoảng thiên niên kỉ I TCN. B. Khoảng thiên niên kỉ II TCN.
C. Khoảng thiên niên kỉ III TCN. D. Khoảng thiên niên kỉ IV TCN.

Câu 3: Điều kiện tự nhiên của Địa Trung Hải thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Đúng hay sai?
A. Đúng. B. Sai.

Câu 4: Ngành sản xuất nào phát triển sớm và mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải?
A. Nông nghiệp. B. Thủ công nghiệp.
C. Thương nghiệp. D. Câu A và B đúng.

Câu 5: Người Hi Lạp và Rô-ma đã đem các sản phẩm thủ công nghiệp bán ở đâu?
A. Khắp các nước phương Đông. B. Khắp thế giới.
C. Khắp Trung Quốc và Ấn Độ. D. Khắp mọi miền ven biển Địa Trung Hải.

Câu 6: Người Hi Lạp và Rô-ma đã mua những sản phẩm như lúa mì, súc vật, lông thú từ đâu về?

A. Từ Địa Trung Hải. B. Từ Hắc Hải, Ai Cập.

C. Từ Ấn Độ, Trung Quốc. D. Từ các nước trên thế giới.

Câu 7: Trong các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, giai cấp nào trở thành lực lượng lao động chính làm ra của cải nhiều nhất cho xã hội?

A. Chủ nô. B. Nô lệ. C. Nông dân. D. Quý tộc.

Câu 8: Trong xã hội chiếm nô ở Hi Lạp và Rô-ma có hai giai cấp cơ bản nào?

A. Địa chủ và nông dân. B. Quý tộc và nông dân.

C. Chủ nô và nô lệ. D. Chủ nô và nông dân công xã.

Câu 9: Thành phố nào của Hi Lạp cổ đại có ngày bán hàng vạn nô lệ?

A. A-ten. B. At-tích. C. Pi-rê. D. Câu A và B đúng.

Câu 10: Ở Rô-ma, những người lao động khỏe mạnh nhất được sử dụng làm gì?

A. Làm việc ở xưởng thủ công. B. Làm việc ở trang trại.

C. Làm đấu sĩ ở trường đấu. D. Làm việc ở các lĩnh vực trên.

Câu 11: Ngoài nô lệ là lực lượng đông nhất, trong xã hội Hi Lạp và Rô-ma còn có lực lượng nào cũng chiếm tỉ lệ khá đông?

A. Nông dân. B. Thương nhân. C. Thợ thủ công. D. Bình dân.

Câu 12: Được gọi là xã hội chiếm nô, xã hội đó phải có đặc trưng tiêu biểu nhất là gì?

A. Chủ nô chiếm nhiều nô lệ.

B. Xã hội chỉ có hoàn toàn chủ nô và nô lệ.

C. Xã hội chủ yếu dựa trên lao động của nô lệ, bóc lột nô lệ.

D. Chủ nô buôn bán, bắt bớ nô lệ.

Câu 13: Địa bàn sinh sống của những cư dân ở Địa Trung Hải đông nhất ở đâu?

A. Ở nông thôn. B. Ở miền núi. C. Ở thành thị. D. Ở trung du.

Câu 14: Đặc điểm của Thị quốc ở Địa Trung Hải là gì?

A. Ở Địa Trung Hải nhiều quốc gia có thành thị.

B. Ở Địa Trung Hải mỗi thành thị là một quốc gia.

C. Ở Địa Trung Hải có nhiều phụ nữ sống ở thành thị

D. Ở Địa Trung Hải mỗi thành thị có nhiều quốc gia.

Câu 15: Quyền lực xã hội ở các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải nằm trong tay thành phần nào?

A. Quý tộc phong kiến. B. Vua chuyên chế.

C. Chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn. D. Bô lão của thị tộc.

Câu 16: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Người ta không chấp nhận có vua. Có 50 phường, mỗi phường cử 10 người làm thành một ....(A)......... có vai trò như...........(B)..............., thay mặt nhân dân quyết định công việc trong nhiệm kì 1 năm".

Câu 17: Thể chế dân chủ ở A-ten của Hi Lạp cổ đại có bước tiến bộ như thế nào?

A. Tạo điều kiện cho chủ nô quyết định mọi công việc.

B. Tạo điều kiện cho chủ xưởng quyết định mọi công việc.

C. Tạo điều kiện cho các công dân có quyền tham gia hoặc giám sát đời sống chính trị của đất nước.

D. Tạo điều kiện cho vua thực hiện quyền chuyên chế thông qua các Viện nguyên lão.

Câu 18: Sau cuộc chiến tranh với Ba Tư, thị quốc A-ten như thế nào?

A. Bị điêu tàn do chiến tranh.

B. Trở thành minh chủ của các quốc gia Hi Lạp.

C. Trở thành đế quốc mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải.

D. Trở thành một quốc gia độc lập.

Câu 19: Nối các sự kiện cặp đôi sau đây cho đúng.

A	B
1. A-ten	A. Vua chuyên chế thông qua các Pharaon.
	B. Hội đồng dân chủ 500 người.
2. Rô-ma	C. Đi xâm chiếm các nước và thành thị trên bán đảo Italia.
	D. Chinh phục các vùng của Hi Lạp, các nước ven biển Địa Trung Hải.
3. Ai Cập	E. Hoàng đế đầy quyền lực.
	G. Công dân tham gia công việc của nhà nước.

Câu 20: Rô-ma trở thành quốc gia mạnh nhất khu vực Địa Trung Hải vào thời gian nào?

A. Thế kỉ III TCN. B. Thế kỉ II TCN.

C. Thế kỉ IV TCN. D. Thế kỉ V TCN.

Câu 21: Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất ở các thị quốc trong các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải?

A. Thị dân. B. Thương nhân.

C. Nô lệ. D. Bình dân.

Câu 22: Trong các quốc gia cổ đại ở Địa Trung Hải, nước nào sử dụng và đối xử với nô lệ tàn tệ nhất?

A. Rô-ma. B. Hi Lạp.

C. Ba Tư. D. Tất cả các nước trên.

Câu 23: Cuộc khởi nghĩa Xpac-ta-cút diễn ra vào năm nào?

A. Năm 73 - 71 TCN. B. Năm 71 - 73 TCN.

C. Năm 71 - 72 TCN. D. Năm 476 - 477.

Câu 24: Xpac-ta-cút người ở nước nào?

A. Rô-ma. B. Hi Lạp.

C. Ba Tư. D. Ai Cập.

Câu 25: Cuộc khởi nghĩa Xpac-ta-cút đã tác động như thế nào đối với chế độ chiếm nô Rô-ma?

A. Làm sụp đổ hoàn toàn chế độ chiếm nô Rô-ma.

B. Làm lung lay tận gốc chế độ chiếm nô Rô-ma.

C. Làm thay đổi cách cai trị của chủ nô Rô-ma.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 26: Năm 476, đế quốc nào ở Địa Trung Hải một thời oai hùng, bị sụp đổ?

A. Đế quốc Hi Lạp. B. Đế quốc Rô-ma.

C. Đế quốc BaTư. D. Tất cả các đế quốc trên.

Câu 27: Nước nào đi đầu trong việc hiểu biết chính xác về Trái Đất và Hệ Mặt Trời? Nhờ đâu?

A. Rô-ma. Nhờ canh tác nông nghiệp.

B. Hi Lạp. Nhờ đi biển.

C. Hi Lạp. Nhờ buôn bán giữa các thị quốc.

D. Ba Tư. Nhờ khoa học kĩ thuật phát triển.

Câu 28: Người nước nào đã tính được một năm có 365 ngày và ¼, nên họ định một tháng có 30 ngày và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày?

A. Hi Lạp. B. Ai Cập. C. Trung Quốc. D. Rô-ma.

Câu 29: Nước nào đã phát minh ra hệ thống chữ cái A, B, C ?

A. Ai Cập. B. Hi Lạp.

C. Hi Lạp, Rô-ma. D. Ai Cập, Ấn Độ.

Câu 30: "Trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh góc vuông". Đó là định lý của ai?

A. Pi-ta-go. B. Ơ-clit. C. Ta-lét. D. Ac-si-met.

Câu 31: Ai là tác giả cuốn "Lịch sử cuộc chiến tranh Hi Lạp - Ba Tư"?

A. Tu-xi-đit. B. Hê-rô-đôt. C. Xtra-bôn. D. Ê-xin.

Câu 32: Ai là tác giả cuốn "Lịch sử chiến tranh Pê-lô-pô-ne"?

A. Hê-rô-đôt. B. Ta-xit. C. Tu-xi-đit. D. Xtra-bôn.

Câu 33: "Lịch sử Rô-ma" và "Phong tục người Giec-man" là tác phẩm lịch sử nổi tiếng của ai?

A. Hê-rô-đôt. B. Ta-xit. C. Tu-xi-đit. D. Xtra-bôn.

Câu 34: I-li-at và Ô-đi-xê là bản anh hùng ca nổi tiếng của nước nào thời cổ đại?

A. Hi Lạp. B. Ai Cập. C. Rô-ma. D. Trung Quốc.

Câu 35: Tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng thế giới: Người lực sĩ ném đĩa, Thần Vệ nữ Mi-lô của nước nào?

A. Hi Lạp. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Rôma.

Câu 36: Những công trình kiến trúc tạo nên dáng vẻ oai nghiêm, đồ sộ, hoành tráng và thiết thực, đó là đặc điểm nghệ thuật của quốc gia cổ đại nào?

A. Hi Lạp. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Rô-ma.

Câu 37: Hãy nối nội dung ở cột A cho phù hợp với nội dung ở cột B sau đây:

A	B
1. Phương Đông.	A. Khí hậu ấm áp, trong lành.
	B. Mưa đều đặn theo mùa, khí hậu nóng ẩm.
2. Phương Tây	C. Đất đai màu mỡ, được các dòng sông bồi đắp phù sa.
	D. Đất đai ít màu mỡ, khô cằn.
	E. Công cụ sản xuất bằng tre, gỗ, đá.
	F. Công cụ sản xuất bằng sắt.
	G. Ngành sản xuất chính là thủ công nghiệp.
	H. Ngành sản xuất chính là nông nghiệp.
	I. Lực lượng lao động chủ yếu là nông dân công xã.
	K. Lực lượng lao động chủ yếu là nô lệ.

Câu 38: Chủ nô trong xã hội hội cổ đại ở phương Tây bao gồm những thành phần nào?

A. Các chủ xưởng, chủ lò, chủ thuyền rất giàu có.

B. Những người có nhiều nô lệ để bắt lao động và hầu hạ.

C. Những người rất có thế lực về kinh tế và cả về chính trị.

D. Những người có cuộc sống xa hoa.

Câu 39: Tầng lớp nào trong xã hội cổ đại phương Đông là những cư dân tự do, có nghề nghiệp và chút ít tài sản để tự sinh sống bằng lao động của bản thân?

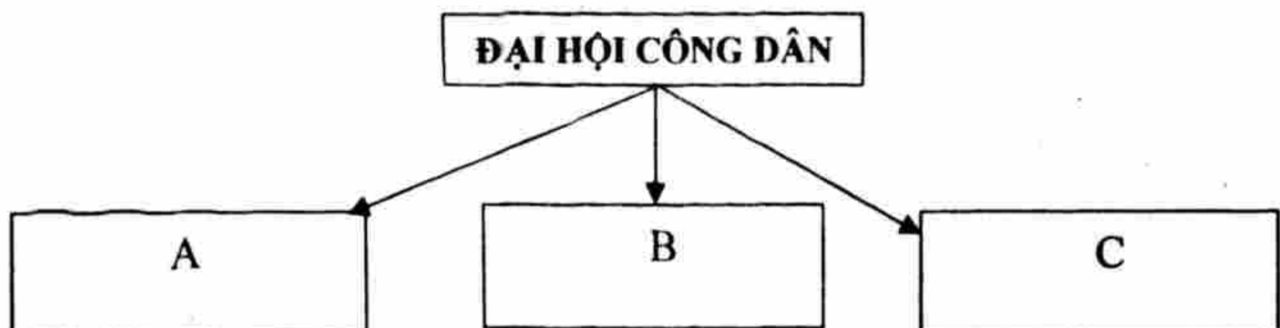
A. Nông dân lĩnh canh.

B. Trí thức tiểu tư sản.

C. Nô lệ có chút ít tài sản.

D. Bình dân.

Câu 40: Điền nội dung vào các ô trống trong sơ đồ dưới đây về thể chế chính trị dân chủ chủ nô ở A-ten?



Câu 41: Vào khoảng thời gian nào cư dân Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt?

A. Khoảng thiên niên kỉ I TCN.

B. Khoảng thiên niên kỉ II TCN.

C. Khoảng thiên niên kỉ III TCN.

D. Khoảng thiên niên kỉ IV TCN.

Câu 42: Nhờ đâu sản xuất hàng hoá của người Hi Lạp và Rô-ma tăng nhanh, quan hệ thương mại được mở rộng?

A. Buôn bán khắp các nước phương Đông.

B. Nông nghiệp phát triển, các mặt hàng nông sản ngày càng nhiều.

C. Sử dụng công cụ đồ sắt, năng suất lao động tăng nhanh.

D. Sự phát triển mạnh mẽ của thủ công nghiệp.

Câu 43: Trong các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, gồm có những giai cấp, tầng lớp nào?

A. Chủ nô – nô lệ – bình dân.

B. Quý tộc – nông dân công xã – nô lệ.

C. Chủ nô – nông dân công xã – nô lệ.

D. Quý tộc – chủ nô – nông dân công xã – nô lệ.

Câu 44: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các nhân vật ở cột A sau đây:

A	B
1. Ta-lét	A. Ông tổ của Sử học phương Tây.
2. Pi-ta-go	B. Hoàng đế La Mã nổi tiếng.
3. Ơ-clít	C. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Rô-ma.
4. Viếc-ghin	D. Tiền đề bất hủ về đường song song.
5. Hê-rô-đốt	E. Định lí về tam giác vuông: Bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh góc vuông.
6. Xê-da	
7. Xpác-ta-cút	F. Nhà thơ nổi tiếng của Rô-ma.
8. Hô-me	G. Tác giả bản anh hùng ca I-đi-át và Ô-đi-xê.
	H. Người đầu tiên đo được chiều cao của Kim tự tháp ở Ai Cập.

Câu 45: Quyền lực xã hội ở các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải nằm trong tay thành phần nào?

A. Quý tộc phong kiến.
B. Vua chuyên chế.
C. Chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn.
D. Bô lão của thị tộc.

Câu 46: Bộ phận dân cư nào chiếm tỉ lệ đông nhất ở Địa Trung Hải ?

A. Thợ thủ công.
B. Thương nhân.
C. Nô lệ.
D. Bình dân.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 4

1. C **2.** A **3.** B **4.** B **5.** D **6.** B **7.** B **8.** C **9.** A **10.** C **11.** D
12. C **13.** C **14.** B **15.** C **16.** A. Hội đồng 500 người; B. "quốc hội".
17. C **18.** B **19.** 1:B,G, 2:C,D,E, 3:A **20.** A **21.** B **22.** A **23.** A **24.** B
25. B **26.** B **27.** B **28.** D **29.** C **30.** A **31.** B **32.** C **33.** B **34.** A **35.** A
36. D **37.** 1: B, C, E, H, I; 2: A, D, F, G, K. **38.** A **39.** D
40. A. Hội đồng 10 tư lệnh. B. Hội đồng 500 đại biểu C. Toà án nhân dân.
41. A **42.** D **43.** A **44.** 1: H. 2: E. 3:D. 4 : F. 5:A. 6 : B. 7: C. 8: G.
45. C **46.** C

Chương III

TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

Bài 5

TRUNG QUỐC THỜI TẦN – HÁN

Câu 1: Vào năm nào nhà Tần thống nhất Trung Quốc?

A. Năm 211 TCN. B. Năm 212 TCN.

C. Năm 122 TCN. D. Năm 215 TCN.

Câu 2: Ý nghĩa của công cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần:

A. Chấm dứt thời kì chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.

B. Tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.

C. Tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.

D. Câu A và C đúng.

Câu 3: Chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại để cai trị, ban hành một chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất cho cả nước, gây chiến tranh, mở rộng lãnh thổ về phía bắc và phía nam. Đó là chính sách của triều đại nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Tần (221- 206 TCN). B. Nhà Hán (206 TCN đến 220).

C. Nhà Tùy (589- 618). D. Nhà Đường (618- 907).

Câu 4: Chế độ phong kiến Trung Quốc bắt đầu từ thời nhà nào?

A. Nhà Hạ. B. Nhà Hán. C. Nhà Tần. D. Nhà Chu.

Câu 5: Nhà Tần ở Trung Quốc tồn tại bao nhiêu năm, rồi nhà Hán lên thay?

A. 10 năm. B. 15 năm. C. 20 năm. D. 22 năm.

Câu 6: Sự xuất hiện công cụ bằng sắt ở Trung Quốc vào giai đoạn lịch sử nào?

A. Thời Xuân Thu - Chiến Quốc. B. Thời Tam quốc.

C. Thời Tây Tấn. D. Thời Đông Tấn.

Câu 7: Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động đến xã hội làm cho xã hội Trung Quốc có những sự thay đổi như thế nào?

A. Giai cấp địa chủ xuất hiện. B. Nông dân bị phân hoá.

C. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ. D. Câu A và B đúng.

Câu 8: Năm 770 - 475 TCN, tương ứng với thời nào ở Trung Quốc?

A. Thời Xuân Thu. B. Thời Chiến Quốc.

C. Thời nhà Tần. D. Thời nhà Hán.

Câu 9: Giai cấp địa chủ ở Trung Quốc được hình thành từ:

A. Quan lại, quý tộc, địa chủ và nông dân.

B. Quan lại và một số nông dân giàu có.

C. Quý tộc, quan lại và tăng lữ.

D. Quan lại, quý tộc, tăng lữ và nông dân giàu có.

Câu 10: Nông dân lĩnh canh ở Trung Quốc thời phong kiến xuất thân từ đâu?

A. Nông dân tự canh.

B. Nông dân công xã rất nghèo, không có hoặc quá ít ruộng.

C. Tá điền.

D. Nông dân giàu có bị phá sản.

Câu 11: Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ cày gọi là:

A. Nông dân tự canh. B. Nông dân lĩnh canh.

C. Nông dân làm thuê. D. Nông nô.

Câu 12: Quan hệ sản xuất trong xã hội phong kiến Trung Quốc là quan hệ giữa giai cấp nào với giai cấp nào?

A. Quý tộc với nông dân công xã. B. Quý tộc với nô lệ.

C. Địa chủ với nông dân lĩnh canh. D. Địa chủ với nông dân tự canh.

Câu 13: Xoá bỏ chế độ pháp luật hà khắc của nhà Tần, giảm nhẹ tô thuế và sưu dịch cho nông dân, khuyến khích họ nhận ruộng cày cấy và khai hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp. Đó là việc làm của triều đại nào?

A. Nhà Hán. B. Nhà Đường. C. Nhà Tống. D. Nhà Nguyên.

Câu 14: Đơn vị hành chính cao nhất dưới thời nhà Tần là gì?

A. Trấn, phủ. B. Quận, huyện. C. Huyện, xã. D. Phủ, thành.

Câu 15: Công trình phòng ngự nổi tiếng của nhân dân Trung Quốc được xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là gì?

A. Vạn lí trường thành. B. Tử cấm thành.

C. Ngọ môn. D. Lũy Trường Dục.

Câu 16: Chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời nhà Hán tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. 206 TCN - 221. B. 207 TCN - 222.

C. 207 TCN - 221. D. 206 TCN - 212.

Câu 17: Dưới thời Tần - Hán, Trung Quốc đã phát động các cuộc chiến tranh xâm lược nào?

A. Việt Nam, Ấn Độ.

B. Bán đảo Triều Tiên, các nước phương Nam và Nam Việt.

C. Mông Cổ, Cham-pa.

D. Triều Tiên, Ấn Độ, Việt Nam.

Câu 18: Ở Trung Quốc, Nho giáo là một trường phái tư tưởng xuất hiện vào thời kì nào? Do ai sáng lập?

A. Thời cổ đại, do Khổng Minh sáng lập.

B. Thời phong kiến Tần - Hán, do Khổng Tử sáng lập.

C. Thời Xuân Thu - Chiến Quốc, do Mạnh Tử sáng lập.

D. Thời cổ đại, do Khổng Tử sáng lập.

Câu 19: Vào thời nào của nhà Hán, Nho giáo trở thành công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến?

A. Thời Hán Vũ Đế. B. Thời Hán Quang Vũ.

C. Thời Hán Ẩn Đế. D. Các thời trên.

Câu 20: Quan điểm cơ bản của Nho giáo là đảm bảo tôn ti trật tự ổn định trong các quan hệ chủ yếu của xã hội . Đó là quan hệ nào?

A. Vua - tôi, cha - con, bạn - bè.

B. Vua - tôi, vợ - chồng, cha - con.

C. Vua - tôi, cha - con, vợ - chồng.

D. Các quan hệ trên.

Câu 21: "Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung
Phụ xử tử trung, tử bất trung bất hiếu"

Đó là quan điểm của:

A. Nho giáo. B. Phật giáo. C. Đạo giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 22: Sắp xếp theo thứ tự cho đúng với thuyết "ngũ thường" của Nho giáo?

A. Nhân - Nghĩa - Lễ - Tín - Trí. B. Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín.

C. Nhân - Trí - Lễ - Nghĩa - Tín. D. Nhân - Nghĩa - Tín - Trí - Lễ.

Câu 23: Vào thời kì nào ở Việt Nam, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến?

A. Thời nhà Lý. B. Thời nhà Trần.

C. Thời nhà Lê. D. Thời nhà Hồ.

Câu 24: Bộ "Sử Kí" của Tư Mã Thiên, ghi chép sự thật lịch sử của mấy ngàn năm, từ thời kì nào đến thời kì nào?

A. Thời Các triều đại truyền thuyết đến nhà Tần.

B. Thời Các triều đại truyền thuyết đến đời Hán Vũ Đế.

C. Thời nhà Tần đến nhà Hán.

D. Thời nhà Hạ đến nhà Hán.

Câu 25: Tiến bộ nào dưới đây được đánh giá là tiến bộ nhất vào cuối thời Xuân thu - Chiến quốc ở Trung Quốc?

A. Người ta bắt đầu chế tạo công cụ bằng sắt làm cho diện tích trồng trọt được mở rộng.

B. Kĩ thuật sản xuất được cải tiến.

C. Các công trình thuỷ lợi được xây dựng.

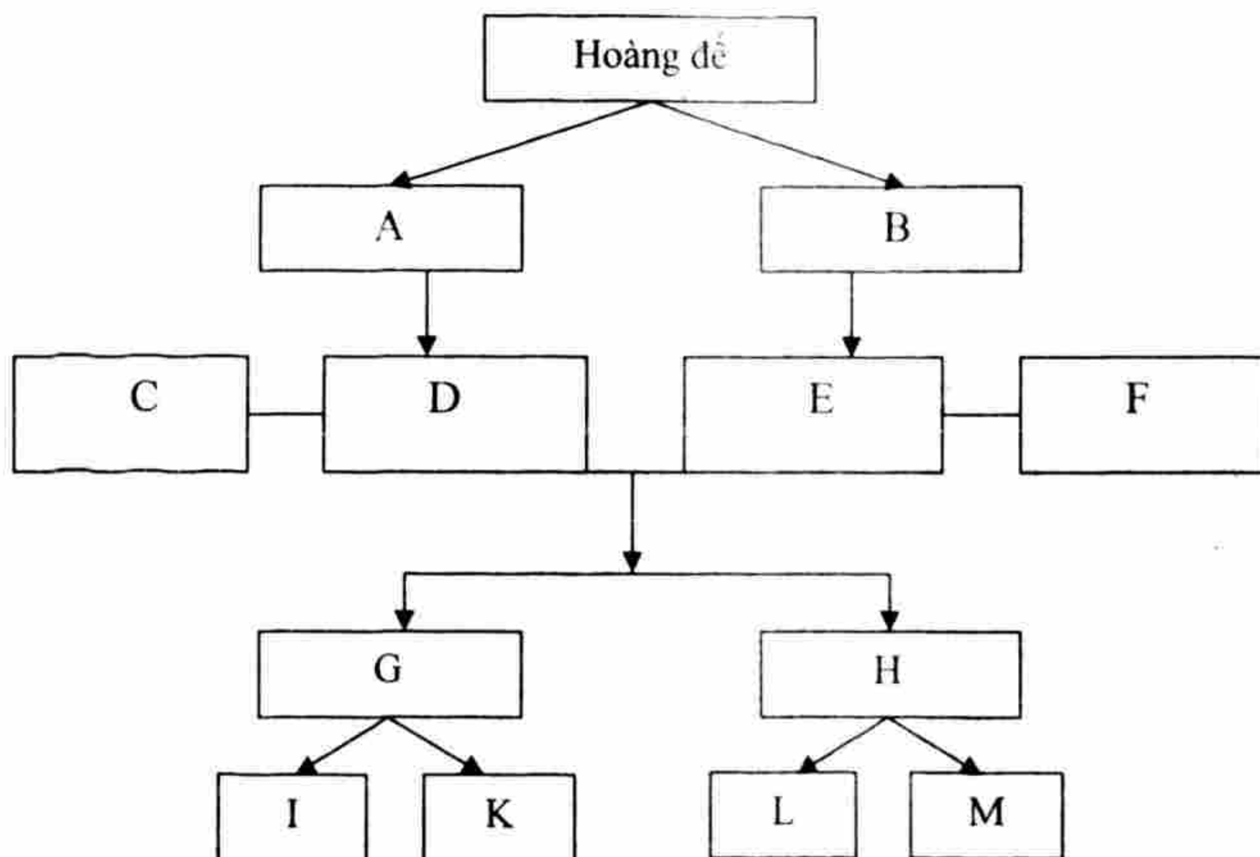
D. Hệ thống giao thông được mở rộng.

Câu 26: Dưới thời phong kiến ở Trung Quốc, nông dân giữ được một số ruộng đất họ trở thành:

A. Nông dân lĩnh canh. B. Những quan lại giàu có.

C. Nông dân tự canh. D. Nông dân công xã.

Câu 27 Hãy điền vào các ô trống về các chức danh của độ phong kiến Trung Quốc tời Tần – Hán dưới đây:



Câu 28 Chính sách nào dưới đây của Nhà Tần nhằm khuyến khích sản xuất?

A. Đ thống nhất tiền tệ, đơn vị đo lường, mở rộng giao thông.

B. Cú trọng công tác thuỷ lợi.

C. Cú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp.

D. Cú trọng phát triển các nghề thủ công và mở rộng buôn bán..

Câu 29 Các vua Tần – Hán đã làm gì để mở rộng lãnh thổ?

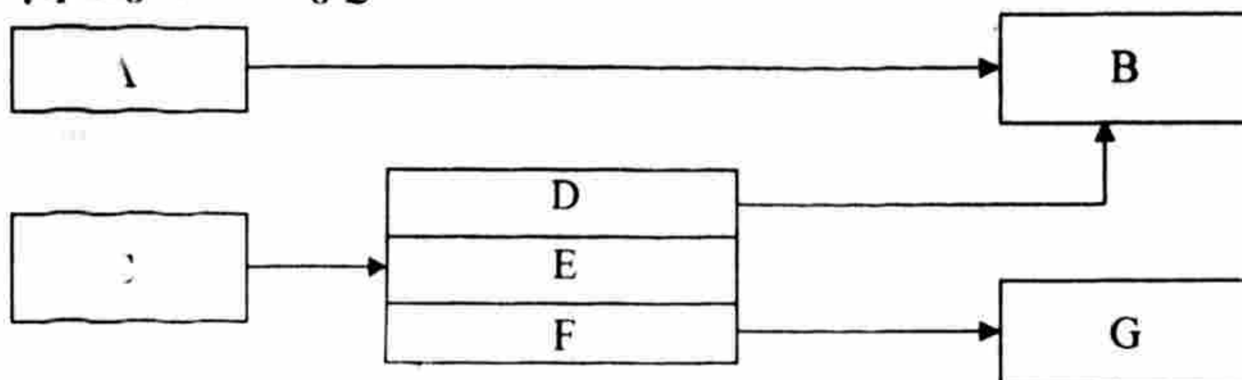
A. Đy mạnh công tác khẩn hoang.

B. Đy mạnh việc xâm lược lãnh thổ, chiếm nhiều đất đai các nước khác.

C. Đy mạnh việc xâm chiếm các vùng lân cận.

D. Tt cả đều đúng.

Câu 30 Điền nội dung vào các ô trống trong sơ đồ dưới đây về sự hình thành xã hội phcng kiến Trung Quốc?



Câu 31: Điền sự kiện vào cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A sau đây:

Năm (A)	Triều đại (B)
1. Trước 2205 TCN	A. ....
2. 2205 - 1767 TCN	B. ....
3. 1767 - 1112 TCN	C. ....
4. 1112 - 770 TCN	D. ....
5. 770 - 475 TCN	E. ....
6. 475 - 221 TCN	F. ....
7. 221 - 206 TCN	G. ....
8. 206 - 221	H. ....

Câu 32: Hãy nối nội dung cột A với nội dung cột B sau đây:

A	B
1. Nhà Tần	A. 206 TCN - 221.
2. Nhà Hán	B. 221 - 206 TCN.
	C. Chia đất nước thành quận, huyện.
	D. Chia đất nước thành quận, huyện.
	E. Giảm tô thuế, sưu dịch cho nông dân, phát triển sản xuất nông nghiệp.
	F. Ban hành chế độ tiền tệ đo lường thống nhất.
	G. Mở rộng lãnh thổ về phía Nam và phía Bắc.
	H. Chiến tranh xâm lược Triều Tiên và các nước phương Nam.
	I. Khởi nghĩa Trần Thắng - Ngô Quảng.
	K. Khởi nghĩa của Xích Mi - Lục Lâm.

Câu 33: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Nho gia là một trường phái tư tưởng xuất hiện từ thời cổ đại, do Khổng Tử sáng lập.

B. Thời Hán Vũ Đế, Nho giáo trở thành công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền trở thành cơ sở lí luận và tư tưởng của chế độ phong kiến.

C. Các quan niệm về quan hệ, phục tùng giữa vua-tôi, chồng-vợ, cha-con.

D. Ở thời Hán, truyện ngụ ngôn là một thể loại văn học đặc biệt với nội dung ca ngợi tổ quốc, khích lệ lòng yêu nước của nhân dân.

E. Những nhà sáng tác phú nổi tiếng thời Tây Hán là Giả Nghị, Tư Mã Thiên.

F. Từ thời Tây Hán, sử học đã trở thành một lĩnh vực độc lập.

Câu 34: Chế độ phong kiến Trung Quốc phát triển đến đỉnh cao vào thời nhà nào?

A.Thời nhà Hán. B. Thời nhà Tần. C. Thời nhà Đường. D. Thời nhà Tống.

Câu 35: Dưới Tần Thuỷ Hoàng là hai vị quan đứng đầu, đó là

A. Tể tướng và Thừa tướng. B. Tể tướng và Thái uý.

C. Thừa tướng và Thái uý. D. Thái uý và Thượng thư.

Câu 36: Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân lật đổ nhà Tần là

A. Trần Thắng, Ngô Quảng. B. Hoàng Sào.

C. Chu Nguyên Chương. D. Lý Tự Thành.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 5

1. A **2.** D **3.** A **4.** C **5.** B **6.** A **7.** D **8.** A **9.** B **10.** B

11. B **12.** C **13.** A **14.** B **15.** A **16.** A **17.** B **18.** D **19.** A **20.** B

21. A **22.** B **23.** C **24.** B **25.** A **26.** C

27. A. Thừa tướng. B. Thái uý. C. Các quan chức khác.
D. Các quan văn. E. Các quan võ. F. Các quan chức khác.
G. Quận. H. Quận. I. Huyện.
K. Huyện. L. Huyện. M. Huyện.

28. A **29.** B

30. A. Quý tộc. B. Quan lại địa chủ. C. Nông dân công xã.
D. Nông dân giàu. E. Nông dân tự canh. F. Nông dân Nghèo.
G. Nông dân lĩnh canh.

31. A. Các triều đại truyền thuyết. B. Nhà Hạ. C. Nhà Thương.
D. Nhà Chu. E. Xuân Thu. F. Chiến Quốc.
G. Tần. H. Hán

32. 1: B, C, F, G, I; 2: A, C, D, E, H, K.

33. A, B, C, F: Đúng; D, E: Sai. **34.** C **35.** C **36.** A

Bài 6
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI ĐƯỜNG - TỐNG

Câu 1: Vào thời nào Trung Quốc được thống nhất trở lại?

A. Nhà Tống. B. Nhà Đường.

C. Nhà Minh. D. Nhà Tuỳ.

Câu 2: Ai là người cướp ngôi nhà Tuỳ, lập ra nhà Đường?

A. Trần Thắng. B. Ngô Quảng.

C. Lý Uyên. D. Chu Nguyên Chương.

Câu 3: Trong khoảng thời gian từ năm 618 - 907 gắn liền với thời nhà nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Tống. B. Nhà Đường.

C. Nhà Minh. D. Nhà Tuỳ.

Câu 4: Nhà Đường đã cắt cử những ai giữ chức Tiết độ sứ để cai trị các vùng biên cương?

A. Con em địa chủ có tài. B. Những người thân tộc và các công thần

C. Những người thi đỗ cao. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 5: Chế độ ruộng đất nổi tiếng dưới thời nhà Đường gọi là gì?

A. Chế độ công điền. B. Chế độ tịch điền.

C. Chế độ quân điền. D. Chế độ lĩnh canh.

Câu 6: Nhà nước đem ruộng đất do mình trực tiếp quản lí chia cho nông dân cày cấy. Đó là nội dung của :

A. Chế độ quân điền. B. Chế độ lộc điền.

C. Chế độ tịch điền. D. Chế độ lĩnh canh.

Câu 7: Dưới thời nhà Đường, khi nhận ruộng, nông dân phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước theo chế độ tô, dung, điệu. Vậy tô là gì?

A.Là thuế thân, nộp bằng lao dịch. B. Là thuế ruộng, nộp bằng lúa.

C. Là thuế hộ khẩu, nộp bằng vải, lúa. D. Tất cả các loại thuế trên.

Câu 8: Người được mệnh danh là "Ông nhiều ruộng" dưới thời nhà Đường ở Trung Quốc là ai?

A. Lý Bành Niên. B. Lý Thừa Văn.

C. Chu Nguyên Chương. D. Lư Trùng Nguyên.

Câu 9: Triều đại nhà Tống ở Trung Quốc tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. 907 - 960. B. 960 - 1279. C. 618 - 907. D. 589 - 618.

Câu 10: Đến thời nhà Tống, người Trung Quốc đã có những phát minh quan trọng, đó là gì?

A. Kĩ thuật luyện đồ kim loại. B. Đóng tàu, chế tạo súng.

C. Thuốc nhuộm, thuốc in. D. La bàn, thuốc súng, nghề in, giấy viết.

Câu 11: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là ba nhà thơ lớn dưới thời nào ở Trung Quốc?

A. Thời nhà Tần. B. Thời nhà Hán.

C. Thời nhà Đường. D. Thời nhà Tống.

Câu 12: Lời thơ đẹp và hào hùng, ý thơ có màu sắc của chủ nghĩa lãng mạn. Đó là đặc điểm nghệ thuật của nhà thơ nào?

A. Đỗ Phủ. B. Lý Bạch. C. Bạch Cư Dị. D. Cả ba nhà thơ trên.

Câu 13: Thơ ông tập trung miêu tả những cảnh bất công trong xã hội, miêu tả cảnh nghèo khổ và những nỗi oan khuất của nhân dân lao động, vạch trần sự áp bức bóc lột và xa xỉ của giai cấp thống trị. Ông là ai?

A. Đỗ Phủ. B. Lý Bạch. C. Bạch Cư Dị. D. Đỗ Lăng.

Câu 14: Cùng với đạo Phật, đến thời Tống, tôn giáo nào được phát triển thêm một bước về lí luận?

A. Đạo giáo. B. Thiên chúa giáo.

C. Nho giáo. D. Các tôn giáo trên.

Câu 15: ***"Quan trên biết rõ mà không xét***
Thúc lấy đủ tô cầu lập công
Bán đất cầm dâu nộp cho đủ
Cơm áo sang năm trông vào đâu"

Đó là 4 câu thơ của nhà thơ nào dưới thời Đường ở Trung Quốc?

A. Lý Bạch. B. Đỗ Phủ. C. Bạch Cư Dị. D. Đường Huyền Tông.

Câu 16: Tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện từ trung ương đến địa phương, chế độ tuyển dụng quan lại bằng hình thức thi cử là biểu hiện của sự tiến bộ và chính sách trọng người tài. Đó là sự phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc dưới triều đại nào?

A. Nhà Tần. B. Nhà Hán. C. Nhà Đường. D. Nhà Minh.

Câu 17: Dưới triều đại nào Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á?

A. Nhà Tần. B. Nhà Đường. C. Nhà Minh. D. Nhà Thanh.

Câu 18: Tình trạng chia cắt loạn lạc sau thời Đường trước thời Tống ở Trung Quốc được sử sách gọi là gì?

A. Thời Đông Tấn. B. Thời Ngũ đại.

C. Thời Tam quốc. D. Thời Tây Tấn.

Câu 19: Bộ máy nhà nước thời nhà Đường khác thời nhà Tần, Hán ở điểm nào?

A. Bỏ chức Thừa tướng và Thái uý. B. Thêm chức Tể tướng

C. Có thêm chức Tiết độ sứ. D. Có thêm chức Tể tướng và Tiết độ sứ.

Câu 20: Sự hoàn thiện bộ máy từ trung ương đến địa phương dưới thời nhà Đường được biểu hiện như thế nào?

A. Cử người thân tín cai quản các địa phương. Cử người thân tộc và các công thần giữ chức Tiết độ sứ cai trị các vùng biên cương.

B. Đặt các khoa thi để tuyển chọn người làm quan.

C. Nâng cao quyền lực tuyệt đối của Hoàng đế.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 21: Vì sao kinh tế Trung Quốc dưới thời Đường phát triển cao hơn các thời kì trước?

A. Dưới thời nhà Đường, nhà nước quan tâm đến sự phát triển kinh tế một cách toàn diện.

B. Nhà nước thực hiện chính sách quân điền.

C. Nhà nước đem ruộng đất của mình trực tiếp quản lí chia cho nông dân cày cấy.

D. Các quan lại tuỳ theo chức vụ cao thấp, được cấp ruộng đất làm bổng lộc.

Câu 22: Điểm nào dưới đây là nét nổi bật của văn hóa Trung Quốc thời Đường, Tống?

A. Thơ Đường có số lượng lớn, phản ánh sâu sắc đời sống xã hội lúc bấy giờ và đạt đến trình độ cao về nghệ thuật.

B. Có sự xuất hiện các nhà thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

C. Phật giáo, ngày một thịnh hành, biểu hiện là các nhà sư sang Ấn Độ học và các nhà sư Ấn Độ sang Trung Quốc để truyền đạo, chùa chiền được xây dựng nhiều.

D. Câu A và C đúng.

Câu 23: Chế độ quân điền có những nội dung cơ bản gì?

A. Lấy ruộng đất công ban thưởng cho người có công.

B. Chia ruộng đất công cho các quan lại đại thần.

C. Chia ruộng đất công và đất bỏ hoang cho nông dân.

D. Chia ruộng đất bình quân cho nông dân.

Câu 24: Tác dụng lớn nhất của chế độ quân điền đối với nhà nước phong kiến ở Trung Quốc là gì?

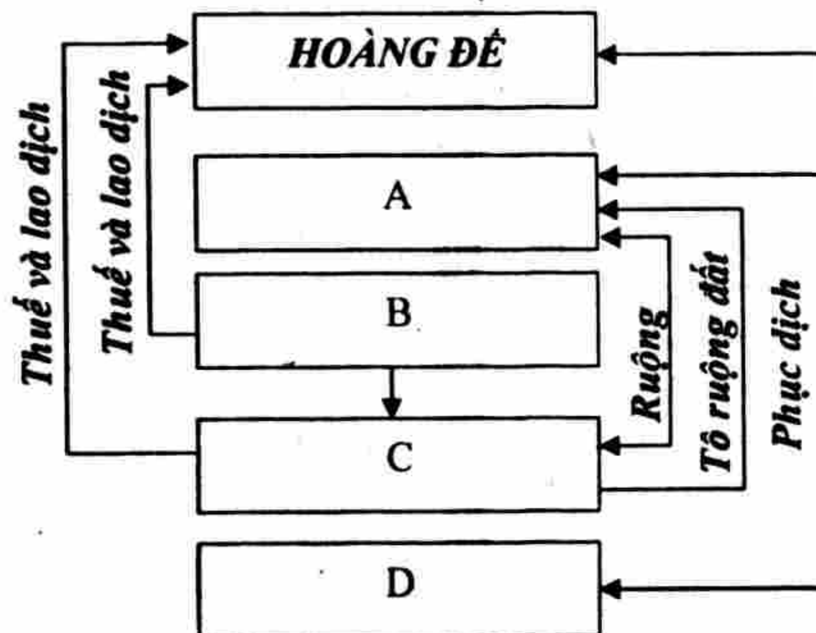
A. Nông dân yên tâm sản xuất.

B. Thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

C. Hạn chế phong trào đấu tranh của nông dân.

D. Nông dân được cải thiện một phần đời sống của mình.

Câu 25: Điền nội dung vào các ô trống trong sơ đồ về mối quan hệ xã hội dưới thời phong kiến Đường - Tống ở Trung Quốc.



Câu 26: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các triều đại phong kiến Trung Quốc ở cột A sau đây:

A	B
1. Nhà Tần 2. Nhà Hán 3. Nhà Đường.	A. Ban hành chế độ quân điền. B. Sử dụng tư tưởng pháp trị. C. Gắn với tên tuổi của Lưu Bang. D. Gắn với tên tuổi của Lý Uyên. E. Tiến hành chiến tranh xâm lược Nội Mông.

	F. Thêm chức Tiết độ sứ. G. Bị cuộc khởi nghĩa Trần Thắng và Ngô Quảng làm cho sụp đổ. H. Gắn với cuộc khởi nghĩa do Hoàng Sào lãnh đạo. I. Được thành lập vào năm 206 TCN.

Câu 27: Nhân vật chính trong tiểu thuyết Thuỷ hử là

A. Trương Phi, Lưu Bị. B. Trương Phi, Lưu Bị, Quang Công.

C. Tống Giang. D. Tống Giang, Giả Bảo Ngọc.

Câu 28: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Người lập ra nhà Hán là Lưu Bị.

B. Người lập ra nhà Đường là Lý Uyên.

C. Nhà Đường lấy đất công và đất bỏ hoang chia cho nông dân gọi là chế độ lộc điền.

D. Nhà Đường cử người thân tín cai quản các địa phương, trấn ải các miền biên cương gọi là chức Tiết độ sứ.

E. Người sáng tạo ra Nho giáo là Khổng Tử.

F. Phật giáo ở Trung Quốc thịnh hành nhất trong thời nhà Đường.

G. Người đặt nền móng cho nền sử học Trung Quốc là Tư Mã Tương Tư.

H. Các đại diện tiêu biểu cho thơ Đường ở Trung Quốc là Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị.

Câu 29: Cuộc khởi nghĩa nào ở Trung Quốc làm cho nhà Đường sụp đổ?

A. Khởi nghĩa nông dân Chu Nguyên Chương.

B. Khởi nghĩa nông dân Hoàng Sào.

C. Khởi nghĩa nông dân Trần Thắng.

D. Khởi nghĩa nông dân Ngô Quảng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 6

1. D **2.** C **3.** B **4.** B **5.** C **6.** A **7.** B **8.** D
9. B **10.** D **11.** C **12.** B **13.** A **14.** C **15.** C **16.** C
17. B **18.** B **19.** C **20.** D **21.** A **22.** D **23.** C **24.** C
25. A. Quan lại. B. Nông dân tự canh. C. Nông dân lĩnh canh. D. Nô lệ.
26. 1: B, G; 2: C, I; 3: A, D, E, F, H. **27.** C
28. B, D, E, F, H: Đúng; A, C, G: Sai. **29.** B

Bài 7
TRUNG QUỐC THỜI MINH - THANH

Câu 1: Nhà Tống bị quân Mông Cổ xâm lược vào thời gian nào?

A. 1257. B. 1275. C. 1258. D. 1279.

Câu 2: Sau khi nhà Tống bị tiêu diệt, Trung Quốc bước vào triều đại nhà nào?

A. Nhà Minh. B. Nhà Thanh. C. Nhà Nguyên. D. Nhà Bắc Tống.

Câu 3: Nhà Nguyên tồn tại ở Trung Quốc trong thời gian bao lâu?

A. 79 năm. B. 97 năm. C. 99 năm. D. 76 năm.

Câu 4: Ai là người lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Minh?

A. Lý Tự Thành. B. Ngô Quảng.

C. Chu Nguyên Chương. D. Trần Thắng.

Câu 5: Nhà Minh tồn tại ở Trung Quốc vào khoảng thời gian nào?

A. 1271 - 1279. B. 1271 - 1368. C. 1368 - 1544. D. 1368 – 1644.

Câu 6: Năm 1380, vua Minh Thái Tổ quyết định bỏ chức gì ở triều đình?

A. Quan văn. B. Quan Võ. C. Thừa Tướng. D. Thừa Tướng, Thái Uý.

Câu 7: Thời nhà Minh bỏ các chức Thừa Tướng, Thái Uý và thay vào đó bằng chức gì?

A. Các quan Thượng thư phụ trách các bộ.

B. Tiết độ sứ.

C. Quan văn, quan võ.

D. Không thay chức nào cả.

Câu 8: Bộ Lễ, Binh, Hình, Công, Lại, Hộ ở thời nhà Minh của Trung Quốc bắt đầu xuất hiện trong triều đại phong kiến nào ở Việt Nam?

A. Thời Lý. B. Thời Trần. C. Thời Lê sơ. D. Thời Nguyễn.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Thành bùng nổ vào thời điểm lịch sử nào?

A. Cuối thời nhà Tống. B. Cuối thời nhà Minh.

C. Đầu thời nhà Minh. D. Đầu thời nhà Thanh.

Câu 10: Từ năm 1644 - 1911, đó là thời gian tồn tại của triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Tống. B. Nhà Đường. C. Nhà Minh. D. Nhà Thanh.

Câu 11: Nét khác biệt cơ bản trong chính sách cai trị của nhà Nguyên so với nhà Tống là gì?

A. Nhà nước không chăm lo đến phát triển sản xuất.

B. Tăng thêm thuế và sưu dịch nặng nề vào người dân.

C. Thi hành các chính sách áp bức, chia rẽ dân tộc.

D. Tất cả các chính sách trên.

Câu 12: Mông Cổ bị nhà Thanh thôn tính vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XVII. B. Đầu thế kỉ XVIII.

C. Cuối thế kỉ XVIII. D. Giữa thế kỉ XVIII.

Câu 13: Triều đại phong kiến nào ở Việt Nam phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh ở Trung Quốc?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Thời Lê sơ. D. Nhà Nguyễn.

Câu 14: Ai là người lãnh đạo quân dân ta đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của 29 vạn quân Thanh vào năm 1789?

A. Nguyễn Nhạc. B. Nguyễn Huệ. C. Nguyễn Lữ. D. Ba anh em Tây Sơn.

Câu 15: Mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong thời kì nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Đường. B. Nhà Tống. C. Nhà Minh. D. Nhà Thanh.

Câu 16: Biểu hiện của mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới thời nhà Minh là gì?

A. Đã xuất hiện hình thức bao mua trong nông nghiệp.

B. Quan hệ giữa chủ và thợ trong công nghiệp.

C. Đã có lao động làm thuê trong nông nghiệp.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17: Bắc Kinh và Nam Kinh vừa là trung tâm kinh tế vừa là trung tâm chính trị vào thời kì nào?

A. Thời Minh - Thanh. B. Thời Đường - Tống.

C. Thời Tần - Hán. D. Tất cả các thời kì trên.

Câu 18: Dựa vào đâu các nhà văn Trung Quốc viết loại "Tiểu thuyết chương hồi"?

A. Những câu chuyện dân gian.

B. Những sự tích lịch sử.

C. Những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm.

D. Những chính sách cai trị của các hoàng đế.

Câu 19: Lưu Bị, Quang Vũ và Trương Phi là ba nhân vật chính trong tác phẩm nào ở Trung Quốc?

A. Thuỷ hử. B. Tam quốc diễn nghĩa.

C. Hồng lâu mộng. D. Tây du ký.

Câu 20: "Vĩnh lạc đại điền", một bộ sách đồ sộ được ra đời vào thời kì nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Minh - Thanh. B. Nhà Tống - Đường.

C. Nhà Tần - Hán. D. Nhà Tây Hạ.

Câu 21: Triều đại phong kiến nhà Minh ở Trung Quốc do ai lập ra?

A. Lý Tự Thành. B. Chu Nguyên Chương.

C. Hốt Tất Liệt. D. Lưu Bang.

Câu 22: "Vua chỉ biết đục khoét nhân dân để sống xa hoa, truỵ lạc. Còn những người nông dân và thợ thủ công thì không những phải nộp tô, thuế nặng nề mà còn bị đi lính, đi phu, xây dựng nhiều công trình đồ sộ, tốn kém như Cố cung ở kinh đô Bắc Kinh". Đó là tình hình xã hội phong kiến Trung Quốc triều đại nào?

A. Cuối thời Tần- Hán. B. Cuối thời Đường.

C. Cuối thời Tống- Nguyên. D. Cuối thời Minh- Thanh.

Câu 23: Nhà Minh được thành lập trong khoảng thời gian nào?

A. Khoảng thời gian 1368-1464. B. Khoảng thời gian 1271-1464.

C. Khoảng thời gian 1271- 1368. D. Khoảng thời gian 1368-1474.

Câu 24: Nối tên nhân vật lịch sử gắn với các triều đại phong kiến ở Trung Quốc theo yêu cầu sau đây:

Tên nhân vật	Triều đại phong kiến Trung Quốc
1. Chu Nguyên Chương.	A. Lập ra nhà Đường.
2. Lý Uyên.	B. Lập ra nhà Tống
3. Hoàng Sào.	C. Lập ra nhà Minh.
4. Triệu Khuông Dẫn.	D. Làm cho nhà Minh sụp đổ.
5. Lý Tự Thành.	E. Làm cho nhà Đường sụp đổ.

Câu 25: Ghi đúng (Đ) hoặc sai vào các câu dưới đây:

A. La Quán Trung viết Tam quốc diễn nghĩa dựa vào câu chuyện được lưu truyền trong dân gian về Lưu Bị, Quang Vũ, Trương Phi đã kết nghĩa ở vườn đào.

B. Tác phẩm Thuỷ hử của Ngô Thừa Ân tường thuật lại diễn biến cuộc khởi nghĩa nông dân do Tống Giang làm thủ kĩnh.

C. Tây Du Kí là một tác phẩm nổi tiếng của Thi Nại Am kể chuyện sư Huyền Trang và đồ đệ tìm đường sang Ấn Độ lấy kinh.

D. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần viết về câu chuyện hưng suy của một gia đình quý tộc phong kiến và tình yêu trai gái.

Câu 26: Điểm mới về văn học thời Minh, Thanh là gì?

A. " Tiểu thuyết chương hồi". B. "Tiểu thuyết kể chuyện".

C. "Tiểu thuyết lịch sử". D. "Tiểu thuyết dân gian".

Câu 27: Hãy nối tên các tác giả cho phù hợp với các tác phẩm nổi tiếng sau đây:

Tác giả	Tác phẩm
1. Tư Mã Thiên.	Tây du ký.
2. Lý Bạch.	Tam Quốc diễn nghĩa.
3. Đỗ Phủ.	Hồng lâu mộng.
4. Bạch Cư Dị.	Sử ký.
5. Thi Nại Am.	Thuỷ hử.
6. La Quán Trung.	Hành lộ nam.
7. Ngô Thừa Ân.	Thu hứng.
8. Tào Tuyết Cần	Tỳ bà hành.

Câu 28: Điểm nào dưới đây là điểm khác nhau giữa chế độ phong kiến ở thời nhà Thanh với các triều đại trước đó ở Trung Quốc?

A. Bỏ chức Thái uý và Thừa tướng, thay vào các bộ.

B. Có sự phân biệt đối xử giữa người Hán với người Mãn.

C. Đem quân đi xâm lược các nước láng giềng.

D. Tất cả các điểm trên.

Câu 29: Biểu hiện của sự phát triển thủ công nghiệp dưới thời Minh – Thanh hơn hẳn các thời kì trước là

A. Các hình thức công xưởng thủ công đã xuất hiện trong các nghề dệt, làm giấy, đồ sứ.

B. Đã xuất hiện các làng nghề thủ công trong nhận dân.

C. Có nhiều xưởng thủ công do nhà nước quản lí.

D. Đã sản xuất được các mặt hàng thủ công xuất khẩu.

Câu 30: Ở Trung Quốc thời phong kiến, nền kinh tế nào chiếm địa vị thống trị?

A. Kinh tế công thương nghiệp. B. Kinh tế tự nhiên.

C. Kinh tế nông nghiệp. D. Kinh tế tiểu thủ công nghiệp.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 7

1. A **2.** C **3.** B **4.** C **5.** D **6.** D **7.** A **8.** C **9.** B **10.** D **11.** C
12. D **13.** C **14.** B **15.** C **16.** B **17.** A **18.** B **19.** B **20.** A **21.** B **22.** D
23. A **24.** 1: C. 2: A. 3: E. 4: B. 5: D. **25.** A, D: Đúng, B, C : Sai.
26. A **27.** 1: D, 2: F, 3: G, 4: H, 5: E, 6: B, 7: A, 8: C.
28. B **29.** A **30.** B

Chương IV
ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI VÀ PHONG KIẾN

Bài 8
CÁC QUỐC GIA ẤN VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ

Câu 1: Quốc gia đầu tiên của Ấn Độ có tên gọi là gì?

A. Gup-ta.
B. Vương triều Hồi giáo Đê-li.
C. Vương triều Mô-gôn.
D. Ma-ga-đa.

Câu 2: Vua đầu tiên của nước Ma-ga-đa là ai?

A. Bim-bi-sa-ra.
B. A-sô-ca.
C. A-cơ-ba.
D. Không phải các vua trên.

Câu 3: Ông vua kiệt xuất của nước Ma-ga-đa và nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử Ấn Độ là ai?

A. Bim-bi-sa-ra. B. A-sô-ca. C. A-cơ-ba. D. Bơ-ra-ma.

Câu 4: Khi A-sô-ca mất, đất nước Ấn Độ như thế nào?

A. Thống nhất gần hết bán đảo Ấn Độ.
B. Đất nước trở nên hùng cường.
C. Ấn Độ bị chia cắt, khủng hoảng.
D. Ấn Độ bị Mông Cổ xâm lược ngay.

Câu 5: Đến Vương triều nào, miền Bắc Ấn Độ được thống nhất trở lại, bước vào một thời kì mới, thời kì phát triển cao và rất đặc sắc của lịch sử Ấn Độ?

A. Vương triều Hồi giáo Đê-li.
B. Vương triều Hac-sa.
C. Vương triều A-sô-ca.
D. Vương triều Gup-ta.

Câu 6: Vương triều Gup-ta do ai sáng lập? Vào thời gian nào?

A. Gup-ta sáng lập, vào đầu Công nguyên.
B. A-sô-ca sáng lập, vào thế kỉ II.
C. A-cơ-ba sáng lập, vào thế kỉ IV.
D. Bim-bi-sa-ra sáng lập, vào năm 1500 TCN.

Câu 7: Vương triều Gup-ta có bao nhiêu đời vua? Trải qua bao nhiêu năm?

A. 7 đời vua - 120 năm.
B. 9 đời vua - 150 năm.
C. 8 đời vua - 140 năm.
D. 10 đời vua – 150 năm.

Câu 8: Vương triều Hac-sa tồn tại trong thời gian nào?

A. 319 - 467. B. 319 - 606. C. 606 - 647. D. 606 - 764.

Câu 9: Đạo Phật ra đời vào thời gian nào ở Ấn Độ? Tương ứng với đời vua nào?

A. Thế kỉ III TCN, tương ứng với vua A-sô-ca.
B. Thế kỉ I, tương ứng với vua Gup-ta.
C. Thế kỉ IV, tương ứng với vua Hác-sa.
D. Thế kỉ VI TCN, tương ứng với vua Bim-bi-sa-ra.

Câu 10: Phật giáo được truyền bá rộng khắp dưới thời vua nào của Ấn Độ?

A. Bim-bi-sa-ra. B. A-sô-ca. C. A-cơ-ba. D. Gup-ta.

Câu 11: Dưới thời vua nào ở Ấn Độ, đạo Phật được tôn làm quốc giáo?

A. A-sô-ca. B. A-cơ-ba. C. Gup-ta. D. Hac-sa.

Câu 12: Trong bốn thần chủ yếu mà người Ấn Độ thờ, thần Bơ-ra-ma gọi là thần gì?

A. Thần Sáng tạo thế giới. B. Thần Tàn phá.

C. Thần Bảo hộ. D. Thần Sấm sét.

Câu 13: Thần nào dưới đây ở Ấn Độ được gọi là thần Bảo hộ?

A. Bơ-ra-ma. B. Si-va. C. Vi-sna. D. In-đra.

Câu 14: Chữ viết San-SKơ-rít (Chữ Phạn) được hoàn thiện dưới thời vua nào ở Ấn Độ?

A. A-sô-ca. B. A-bơ-ca. C. Gup-ta. D. Hac-sa.

Câu 15: Yếu tố nào dưới đây không thuộc sự phát triển về văn hoá lâu đời của Ấn Độ?

A. Tôn giáo (Phật giáo và Hin đu giáo).

B. Nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ, tượng Phật.

C. Chữ viết, đặc biệt là chữ Phạn.

D. Lễ, Hội tổ chức vào mùa gặt hái.

Câu 16: Các nước nào đã chịu ảnh hưởng rất rõ rệt về văn hoá truyền thống của Ấn Độ?

A. Trung Quốc. B. Ấn Độ.

C. Mông Cổ. D. Các nước Đông Nam Á.

Câu 17: Tôn giáo nào giữ vai trò quan trọng trong quá trình thống nhất vương quốc Ma-ga-đa?

A. Ấn Độ giáo. B. Phật giáo. C. Hồi giáo. D. Thiên Chúa giáo.

Câu 18: Đạo Phật ra đời vào thời gian nào ở Ấn Độ?

A. Thế kỉ III TCN. B. Thế kỉ IV TCN.

C. Thế kỉ V TCN. D. Thế kỉ VI TCN.

Câu 19: Đến thế kỉ III TCN, đất nước Ma-ga-đa trở nên hùng mạnh nhất dưới thời vua nào?

A. A-cơ-ba. B. A-sô-ca.

C. Sa-mu-đra-gup-ta. D. Mi-hi-ra-cu-la.

Câu 20: Sau thời kì phân tán loạn lạc (thế kỉ III TCN đến đầu thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất lại dưới vương triều nào?

A. Vương triều Gup-ta. B. Vương triều Hồi giáo Đê-li.

C. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn. D. Vương triều Hác-sa.

Câu 21: Trong lịch sử trung đại Ấn Độ, vương triều nào được xem là giai đoạn thống nhất và thịnh vượng nhất?

A.Vương triều Gup-ta. B. Vương triều Hồi giáo Đê-li.

C. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn. D. Vương triều Hác-sa.

Câu 22: Điều nào chứng tỏ trình độ phát triển cao của nghề luyện kim dưới Vương triều Gup-ta?

A. Đúc được cột sắt không ri, đúc tượng Phật bằng đồng cao 2m.

B. Đúc được cột sắt, đúc tượng Phật bằng sắt cao 2m.

C. Nghề khai mỏ phát triển: khai thác sắt, đồng, vàng.

D. Đúc một cột sắt cao 7,25m nặng 6500kg.

Câu 23: Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Khoảng năm 1500 TCN, vùng sông Hằng ở ....(A)...... có điều kiệm tự nhiên thuận lợi, bắt đầu hình thành một số nhà nước đầu tiên.

B. Đến 500 năm TCN, nước ....(B).......tỏ ra lớn mạnh hơn cả.

C. Vua mở đầu là ......(C)......được coi là cùng thời với Phật tổ.

D. Nhưng vua kiệt xuất nhất là .....(D).....(thế kỉ III TCN).

Câu 24: Nét đặc sắc và nổi bật nhất của Vương triều Gup-ta ở Ấn Độ là gì?

A. Bắc Ấn Độ được thống nhất lại, bước vào thời kì phát triển cao.

B. Vương triều Gúp-ta có 9 đời vua, qua 150 năm (319-476).

C. Sự định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ.

D. Đạo Phật phát triển mạnh dưới thời Gup-ta.

Câu 25: Do đâu mà ở Ấn Độ thời Gup-ta người ta làm nhiều chùa hang?

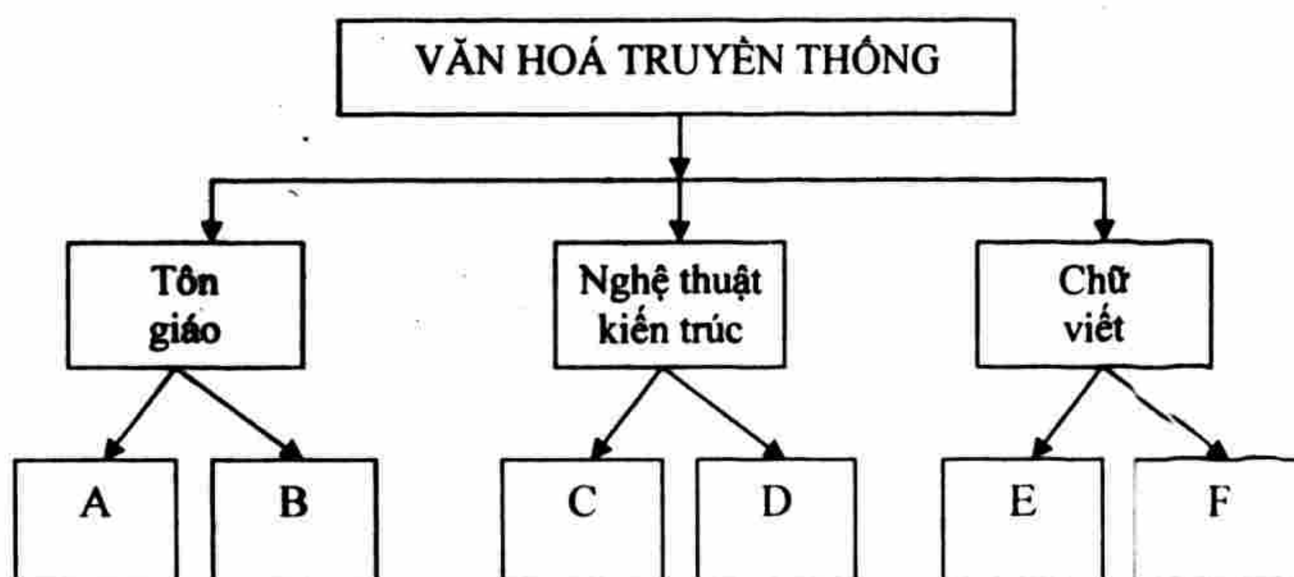
A. Do sự truyền bá đạo Phật trong công chúng.

B. Do lòng tôn sùng đạo Phật của dân chúng.

C. Do người ta bắt đầu nghĩ đến tín ngưỡng.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 26: Điền vào các ô trống về văn hóa truyền thống Ấn Độ sau đây:



Câu 27: Hãy điền sự kiện vào các niên đại đã cho sau đây:

Thời gian	Sự kiện
1. 1.500 TCN	A. ....
2. 500 TCN	B. ....
3. Thế ki III TCN	C. ....
4. Cuối thế ki III TCN	D. ....
5. Thế ki	E. ....
6. Thế ki III	F. ....
7. Thế ki IV	G. ....

Câu 28: Lịch sử Ấn Độ từ năm 2500 đến năm 2000 TCN là thời kì:

A. Quá trình phát triển của lịch sử Ấn Độ.

B. Hình thành những tiểu vương quốc ở lưu vực sông Ấn.

C. Bộ tộc người Ấn -Âu xâm nhập vào Bắc Ấn.

D. Ấn Độ bị phân chia thành nhiều quốc gia nhỏ trước khi được thống nhất dưới Vương triều Gup-ta.

Câu 29: Từ sau thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ III, tình hình Ấn Độ như thế nào?

A. Hình thành những tiểu vương quốc ở lưu vực sông Ấn.

B. Các bộ tộc người Ấn -Âu xâm nhập vào Bắc Ấn, họ đã xây dựng nhiều quốc gia ở lưu vực sông Hằng.

C. Ma-ga-đa đã thống nhất được toàn bộ Bắc Ấn và phát triển thịnh đạt dưới thời vua A-sô-ca.

D. Ấn Độ bị phân chia thành nhiều quốc gia nhỏ.

Câu 30: Những yếu tố nào là cơ bản nhất thể hiện Ấn Độ có nền văn hoá phát triển lâu đời?

A. Tôn giáo (Phật giáo và Hin đu giáo) cùng với những tập tục, lễ nghi tôn giáo hình thành và phát triển sớm.

B. Nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ như kiểu đền tháp, hình tháp, lăng mộ hình bát úp, bán cầu.

C. Nghệ thuật tạc tượng Phật giáo, Hin-đu giáo qua các thời kì, các phong cách, kiểu dáng.

D. Chữ viết, đặc biệt là chữ Phạn dùng để viết văn, ghi tài liệu, khắc bia, và chữ Pa-li, dùng để viết kinh Phật.

Câu 31: Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

A. Văn hoá Ấn Độ được hình thành từ rất sớm.

B. Ấn Độ có một nền văn hoá phát triển cao, phong phú, toàn diện, trong đó có một số thành tựu vẫn được sử dụng đến ngày nay.

C. Văn hoá Ấn Độ có ảnh hưởng rộng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hoá của các dân tộc Đông Nam Á.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 32: Nối nội dung ở cột A cho phù hợp với nội dung ở cột B sau đây:

A	B
1. Đầu Công nguyên đến năm 319	A. Thống nhất miền Bắc Ấn Độ, lên ngôi và lập ra vương triều Gup-ta.
2. Năm 319, A-sô-ca I	B. Miền Bắc Ấn Độ thường xuyên bị các tộc người bên ngoài uy hiếp.
3. 9 đời vua với 148 năm	C. Là quê hương của Phật tổ.
4. Thành phố Ka-pi-la-va-xtu	D. Thời gian tồn tại của vương triều Gúp-ta.
5. Nét đặc sắc, nổi bật của vương triều Gup-ta và Hác- sa	E. Quê hương của đạo Hin-đu.
6. Từ thời A-sô-ca, đạo Phật	F. Được truyền bá khắp miền Bắc Ấn Độ và mở rộng ở nhiều nơi.
	G. Sự định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 8

1. D **2.** A **3.** B **4.** C **5.** D **6.** A **7.** B **8.** C **9.** D **10.** B **11.** A
12. A **13.** C **14.** A **15.** D **16.** D **17.** B **18.** D **19.** B **20.** A **21.** C **22.** A
23. A. Đông Bắc; B. Ma-ga-đa; C. Bim-bi-sa-ra; D. A-sô-ca.
24. C **25.** B
26. A. Phật giáo. B. Hin-đu. C. Chùa.
D. Lăng mộ. E. Chữ phạn. F. Chữ Pa-li.
27. A. Các tiểu vương quốc Ấn Độ bắt đầu hình thành.
B. Nước Ma-ga-đa được thành lập dưới thời vua Bim-bi-sa-ra.
C. Ấn Độ dưới thời vua A-sô-ca.
D. A-sô-ca qua đời, Ấn Độ rơi vào thời kì chia rẽ, khủng hoảng.
E. Miền Bắc Ấn Độ thống nhất lại, bước vào thời kì phát triển cao và rất đặc sắc của lịch sử Ấn Độ - thời Gup-ta.
F. Vẫn giữ vững sự phát triển và nét đặc sắc của Ấn Độ.
G. Sự định hình và phát triển văn hoá truyền thống Ấn Độ dưới thời Hac-sa.
28. B **29.** D **30.** A **31.** D **32.** 1: B, 2: A, 3: D, 4: C, 5: G, 6: F.

Bài 9
SỰ PHÁT TRIỂN VÀ NỀN VĂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA ẤN ĐỘ

Câu 1: Vì sao đến thế kỉ VII, Ấn Độ lại rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán?

A. Do chính quyền trung ương suy yếu.

B. Do mỗi vùng lãnh thổ có điều kiện và sắc thái riêng.

C. Do ngoại xâm xâm lược.

D. Câu A và B đúng.

Câu 2. Khi bị chia rẽ, phân tán, đất nước Ấn Độ chia thành mấy miền?

A. Hai miền : Bắc - Nam.

B. Ba miền : Bắc - Nam - Trung.

C. Bốn miền: Bắc - Nam - Trung - Đông.

D. Ba miền : Tây Nam - Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 3. Trong sáu nước đã chia cắt, nước nào ở vùng Đông Bắc Ấn Độ nổi trội hơn cả?

A. Vương quốc Pa-la-va.　　B. Vương quốc Pa-la.

C. Vương quốc Hồi giáo Mô-gôn.　　D. Vương quốc Hồi giáo Đê-li.

Câu 4. Nước nào ở miền Nam Ấn Độ có vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hoá Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á?

A. Vương quốc Pa-la-va.　　B. Vương quốc Hồi giáo Mô-gôn.

C. Vương quốc Hồi giáo Đê-li.　　D. Vương quốc Pa-la.

Câu 5. Người Hồi giáo gốc ở đâu tiến hành cuộc chinh chiến vào đất Ấn Độ, từng bước chinh phục các tiểu quốc Ấn rồi lập nên vương triều Hồi giáo Đê-li?

A. Ở Tây Á.　　B. Ở Trung Á.　　C. Ở Nam Á.　　D. Ở Bắc Á.

Câu 6. Vương triều Hồi giáo Đê-li tồn tại và phát triển ở Ấn Độ trong khoảng thời gian nào?

A. Khoảng năm 1206 - 1526.　　B. Khoảng năm 1207 - 1526.

C. Khoảng năm 1208 - 1526.　　D. Khoảng năm 1026 - 1526.

Câu 7: Vương triều Hồi giáo Đê-li được thành lập ở Ấn Độ đã truyền bá, áp đặt đạo Hồi vào những cư dân đã và đang theo đạo nào?

A. Đang theo Ấn Độ giáo.　　B. Đang theo Phật giáo.

C. Đang theo Hin-đu giáo.　　D. Cả ba tôn giáo trên.

Câu 8: Vào thời gian nào kinh đô Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới"?

A. Thế kỉ XIII.　　B. Thế kỉ XIV.　　C. Thế kỉ XV.　　D. Thế kỉ XVI.

Câu 9: Ai là người đánh chiếm Đê-li, lập ra Vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ?

A. Ti-mua-Leng.　　B. Ba-bua.　　C. A-cơ-ba.　　D. Sa-Gia-han.

Câu 10. Thời gian từ 1526 – 1707, là thời kì tồn tại của Vương triều nào ở Ấn Độ?

A. Vương triều Mô-gôn.　　B. Vương triều Hồi giáo Đê-li.

C. Vương triều Gup-ta.　　D. Tất cả các vương triều trên.

Câu 11. A-cơ-ba làm vua ở Vương triều Mô-gôn được bao nhiêu năm?

A. 39 năm.　　B. 30 năm.　　C. 49 năm.　　D. 59 năm.

Câu 12. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo... Đó là chính sách tiến bộ của ai?

A. Gup-ta.　　B. A-sô-ca.　　C. Hac-sa.　　D. A-cơ-ba.

Câu 13. Người Ấn Độ có chữ viết riêng của mình từ rất sớm, phổ biến nhất là chữ gì?

A. Chữ tượng hình.　　B. Chữ tượng ý.

C. Chữ Hin-đu.　　D. Chữ Phạn.

Câu 14: Kinh Vê-đa là kinh cầu nguyện xưa nhất của đạo nào ở Ấn Độ?

A. Đạo Phật. B. Đạo Bà-la-môn và đạo Hin- đu.

C. Đạo Hồi. D. Tất cả các đạo trên.

Câu 15: Hoàng đế cuối cùng của các Vương triều ở Ấn Độ là ai?

A. A-cơ-ba. B. Gian-han-ghia.

C. Ao-reng-dép. D. Sa-gia-han.

Câu 16: Vương triều Hồi giáo Đê-li do người nào lập nên?

A. Người Ấn Độ. B. Người Thổ Nhĩ Kì.

C. Người Mông Cổ. D. Người Trung Quốc.

Câu 17: Dưới Vương triều Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XII - XVI) cấm đoán nghiệt ngã đạo gì?

A. Đạo Phật. B. Đạo Thiên Chúa.

C. Đạo Hin-đu. D. Đạo Bà La Môn.

Câu 18: Vương triều Ấn Độ Mô-gôn có một vị vua kiệt xuất, ông là ai?

A. A-cơ-ba. B. A-sô-ca.

C. Sa-mu-đra Gup-ta. D. Mi-hi-ra-cu-la.

Câu 19: Dưới sự trị vì của mình, A-cơ-ba (1556 - 1605) đã thi hành nhiều biện pháp tiến bộ. Đó là những biện pháp gì?

A. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo.

B. Thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo.

C. Khôi phục và phát triển kinh tế Ấn Độ.

D.. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 20: Kinh Vê-đa là bộ kinh cầu nguyện xưa nhất của đạo nào?

A. Đạo Phật. B. Đạo Bà La Môn và đạo Hin-đu.

C. Đạo Hồi. D. Đạo Thiên Chúa.

Câu 21: Hai bộ sử thi nổi tiếng nhất của Ấn Độ thời cổ đại là

A. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na. B. Ma-ha-bha-ra-ta và Pritsicat.

C. Ra-ma-ya-na và Xat-sai-a. D. Ra-ma-ya-na và Mê-ga-đu-ta.

Câu 22: Đặc điểm nổi bật nhất của Ấn Độ vào thế kỉ VII là

A. Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, mỗi vùng có những điều kiện và sắc thái riêng của mình.

B. Đất nước chia thành hai miền - Bắc và Nam, mỗi miền lại tách thành ba vùng, ba nước riêng.

C. Nước Pa-la ở vùng Đông Bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn.

D. Mỗi nước lại tiếp tục phát triển sâu rộng nền văn hoá của mình, trên cơ sở văn hoá truyền thống Ấn Độ.

Câu 23: Vì sao nước Pa-la-va có vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hoá Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á.

A. Gần bến cảng và đường biển.

B. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

C. Có nền văn hoá truyền thống phát triển lâu đời.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 24: Vương triều Hồi giáo Đê-li được hình thành ở Ấn Độ như thế nào?

A. Người Ấn Độ có nền văn hoá truyền thống, lập ra vương triều mới để bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

B. Người Hồi giáo gốc Trung Á xâm chiếm Ấn Độ, lập ra vương quốc Hồi giáo Ấn Độ, đóng đô ở Đê-li.

C. Người Ấn Độ đã áp đặt Hồi giáo vào những cư dân ở Ấn Độ theo Hin-đu giáo.

D. Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ, đan xen tồn tại với văn hoá truyền thống.

Câu 25: Vì sao Hồi giáo lại không chiếm được ưu thế ở đất nước Ấn Độ?

A. Hồi giáo là một tôn giáo ngoại bang.

B. Hồi giáo mới được du nhập vào Ấn Độ.

C. Người dân Ấn Độ vốn đã gắn bó mật thiết với Hin-đu giáo và Ấn Độ giáo.

D. Hồi giáo thực hiện các chính sách tôn giáo khắc nghiệt.

Câu 26: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc hình thành Vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ?

A. Vương triều Hồi giáo Đê-li bắt đầu suy yếu.

B. Một bộ phận dân Trung Á cũng theo Hồi giáo nhưng tự nhận là dòng dõi Mông Cổ, bắt đầu tấn công Ấn Độ.

C. Vương triều Hồi giáo tự rút khỏi Ấn Độ.

D. Do những ông vua đầu tiên ra sức củng cố vương triều theo hướng "Ấn Độ hoá".

Câu 27: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây về chính sách của A-cơ-ba:

A. Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc, không phân biệt nguồn gốc, số quan lại gốc Mông Cổ, gốc Ấn Độ Hồi giáo và cả gốc Ấn Độ giáo.

B. Xây dựng khối hoà hợp dân tộc trên cơ sở hạn chế sự phân biệt sắc tộc và tôn giáo.

C. Đưa con cháu và những người thân tín của mình nắm quyền hành.

D. Tiến hành đo đạc lại ruộng đất để định ra mức thuế hợp lí, thống nhất hệ thống cân đong, đo lường.

E. Khuyến khích người nước ngoài vào Ấn Độ để phát triển kinh tế và văn hoá.

F. Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật.

Câu 28: Nguyên nhân khách quan làm cho vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ bị sụp đổ?

A. Do sự phá sản của Gia-han-ghia và Sa-gia-han.

B. Do các hoàng đế trưng tập vào ngân khố nhiều của cải và thu được nhiều châu báu làm của riêng.

C. Do xuất hiện sự bất mãn của dân chúng, những âm mưu chống đối, tranh giành quyền lực đã gia tăng.

D. Do sự xâm lấn của thực dân Anh, làm mất Bom-bay và Ma-drát.

Câu 29: Điền sử liệu vào niên đại đã cho theo yêu cầu sau đây:

Niên đại	Sự kiện
1. Năm 2500 TCN	A. ....
2. Năm 1500 TCN	B. ....
3. Thế kỉ VI TCN	C. ....
4. Thế kỉ III TCN	D. ....
5. Thế kỉ IV	E. ....
6. Thế kỉ VI	F. ....
7. Thế kỉ XII	G. ....
8. Thế kỉ XVI	H. ....
9. Thế kỉ XIX	I. ....

Câu 30: Hoàn thành nốt các câu sau đây cho đúng:

A. Trong suốt nửa thế kỉ ở ngôi vua, A-cơ-ba, đã thi hành ....

B. A-cơ-ba xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc, không phân biệt nguồn gốc, số quan lại gốc ....

C. A-cơ-ba xây dựng khối hoà hợp dân tộc trên cơ sở hạn chế sự phân biệt.................

D. A-cơ-ba hạn chế sự bóc lột của.........................

E. A-cơ-ba tiến hành đo đạc lại ruộng đất để định ra mức thuế đúng và hợp lí, thống nhất ....

F. A-cơ-ba khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động....................

Câu 31: Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với các vương triều của Ấn Độ ở cột A sau đây:

A	B
1. Vương triều Gup-ta. 2. Vương triều Hồi giáo Đê-li. 3. Vương triều Mô-gôn.	A. Người Hồi giáo gốc Trung Á tiến hành cuộc chinh chiến vào Ấn Độ. B. Có chín đời vua, trải qua 150 năm. C. Hơn 300 năm tồn tại và phát triển. D. A-cơ-ba thi hành một số chính sách tích cực. E. Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật. G. Sự định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 9

1. D **2.** A **3.** B **4.** A **5.** B **6.** A **7.** C **8.** B **9.** B **10.** A **11.** C
12. D **13.** D **14.** B **15.** C **16.** B **17.** C **18.** A **19.** D **20.** B **21.** A **22.** A
23. A **24.** B **25.** C **26.** B **27.** A, B, D, F: Đúng; C, E: Sai. **28.** D

29. A. Xuất hiện một số thành thị đầu tiên bên sông Ấn.
B. Xuất hiện một số nhà nước trên lưu vực sông Hằng.
C. Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ.
D. Vua A-sô-ca mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam Ấn Độ.
E. Vương triều Gup-ta bị diệt vong.
F. Vương triều Gup-ta thành lập.
G. Người Thổ Nhĩ Kì thôn tính Bắc Ấn, lập ra Vương triều Hồi giáo Đê-li.
H. Người Mông Cổ tấn công Ấn Độ lập ra Vương triều Ấn Độ Mô-gôn.
I. Thực dân Anh xâm lược Ấn Độ.

30. A. Một số chính sách tích cực.
B. Mông Cổ, gốc Ấn Độ Hồi giáo và gốc Ấn Độ Ấn Độ giáo.
C. Sắc tộc và tôn giáo.
D. Quý tộc.
E. Các hệ thống cân đong và đo lường.
F. Sáng tạo văn hoá, nghệ thuật.

31. 1: B, G; 2: A, C; 3: D, E.

Chương V
ĐÔNG NAM Á CỔ ĐẠI VÀ PHONG KIẾN

Bài 10
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA THẾ KỈ XIX

***Câu 1:** Đông Nam Á từ lâu được coi là một khu vực địa lí - lịch sử - văn hoá riêng biệt và còn được gọi là khu vực gì?*

A. "Châu Á gió mùa". B. "Châu Á thức tỉnh".

C. "Châu Á lục địa". D. "Châu Á bùng cháy".

***Câu 2:** Các quốc gia Đông Nam Á có một nét chung về điều kiện tự nhiên, đó là:*

A. Chịu ảnh hưởng của khí hậu gió mùa.

B. Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới.

C. Chịu ảnh hưởng của khí hậu ôn đới.

D. Chịu ảnh hưởng của khí hậu hàn đới.

***Câu 3:** Đông Nam Á chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt đó là:*

A. Mùa khô và mùa hanh. B. Mùa khô và mùa mưa.

C. Mùa đông và mùa xuân. D. Mùa thu và mùa hạ.

***Câu 4:** Dựa vào yếu tố tự nhiên nào, cư dân Đông Nam Á từ xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây ăn quả, ăn củ khác?*

A. Mùa khô tương đối lạnh, mát. B. Mùa mưa tương đối nóng.

C. Gió mùa kèm theo mưa. D. Khí hậu mát, ẩm.

***Câu 6:** Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng kim loại gì?*

A. Sắt. B. Đồng. C. Vàng. D. Thiếc.

***Câu 7:** Đông Nam Á hiện nay có thêm nước nào?*

A. Mi-an-ma. B. Mã Lai. C. Đông-ti-mo. D. Ma-lai-xi-a.

***Câu 8:** Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: " Ở Đông Nam Á, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều dấu vết của quá trình chuyển từ vượn thành…………..".*

A. Người. B. Vượn người. C. Người tinh khôn.

D. Người vượn sống cách đây khoảng 5 triệu năm.

***Câu 9:** Loài vượn khổng lồ được các nhà khoa học phát hiện ở nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á?*

A. Việt Nam. B. In-đô-nê-xi-a. C. Ma-lai-xi-a. D. Phi-lip-pin.

***Câu 10:** Tại Việt Nam các nhà khoa học đã phát hiện ra những di cốt và những công cụ đồ đá của Người tối cổ ở vùng nào?*

A. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, núi Đọ. B. Sa Huỳnh - Quảng Ngãi.

C. Ở đồng bằng sông Hồng. D. Ở đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 11: Vào giai đoạn nào ở Đông Nam Á đã có sự chuyển biến mạnh mẽ từ nông nghiệp trồng rau củ sang nông nghiệp trồng lúa nước?

A. Sơ kì đá mới. B. Trung kì đá mới.

C. Hậu kì đá mới. D. Sơ kì đồ sắt.

Câu 12: Ngoài nông nghiệp trồng lúa nước, còn có những ngành nào ra đời ở Đông Nam Á trong thời hậu kì đá mới?

A. Chăn nuôi gia súc. B. Làm đồ gốm và dệt vải.

C. Đúc đồng, rèn sắt. D. Câu A và B đúng.

Câu 13: Dấu vết của những hạt lúa cháy hay vỏ trấu trộn trong gốm được tìm thấy ở đâu?

A. Thái Lan. B. Thái Lan, Việt Nam.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a. D. Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin.

Câu14: Đồ đồng được sử dụng ở Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?

A. Thiên niên kỉ I TCN. B. Thiên niên kỉ II TCN.

C. Thiên niên kỉ III TCN. D. Thiên niên kỉ IV TCN.

Câu 15: Vào những thế kỉ tiếp giáp với Công nguyên, loại công cụ nào được bắt đầu sử dụng rộng rãi ở Đông Nam Á để đưa các tộc người Đông Nam Á đứng trước "ngưỡng cửa" của xã hội có giai cấp và Nhà nước?

A. Đồ đồng. B. Đồ đá mới. C. Đồ sắt. D. Các loại công cụ trên.

Câu 16: Từ khoảng đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, ở vùng Nam Trung Bộ Việt Nam ngày nay có vương quốc nào ra đời?

A. Vương quốc Chăm-pa. B. Vương quốc Phù Nam.

C. Vương quốc Pa-gan. D. Câu A và B đúng.

Câu 17: Vương quốc Phù Nam xuất hiện vào khoảng thời gian nào và tồn tại đến khoảng thời gian nào?

A. Từ cuối thế kỉ I đến đầu thế kỉ VI. B. Từ cuối thế kỉ II đến cuối thế kỉ VI.

C. Từ cuối thế kỉ I đến cuối thế kỉ VI. D. Từ đầu thế kỉ I đến đầu thế kỉ VI.

Câu 18: Vương quốc Phù Nam với 13 đời vua, đã từng chinh phục nhiều nước ở Đông Nam Á lục địa. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 19: Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á được hình thành vào thời gian nào?

A. Từ thế kỉ VII đến đầu thế kỉ X. B. Từ thế kỉ VII đến nửa đầu thế kỉ X.

C. Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ X. D. Từ thế kỉ VI đến đầu thế kỉ X.

Câu 20: Từ thế kỉ IX, vương quốc nào đã trở thành một trong những vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất trong khu vực Đông Nam Á?

A. Phù Nam. B. Cam-pu-chia. C. Pa-gan. D. Chăm-pa.

Câu 21: Dưới thời Giay-a-vác-man, quân Cam-pu-chia đã xâm chiếm nước nào, thu phục trung và hạ lưu Mê Nam?

A. Phù Nam. B. Pa-gan. C. Chăm-pa. D. Câu A và B đúng.

Câu 22: Vào thế kỉ IX, trên lưu vực sông I-ra-oa-đi, người Miến đã lập ra vương quốc nào?

A. Vương quốc Pa-gan.

B. Vương quốc Chăm-pa.

C. Vương quốc Phù Nam.

D. Vương quốc của người Môn-ha-ri-pun-giay-a.

Câu 23: Vào đầu thế kỉ XIII, Mông Cổ đã năm lần đem quân đánh nước nào ở Đông Nam Á?

A. Đại Việt. B. Miến Điện. C. Cham-pa. D. Cam-pu-chia.

Câu 24: Vương quốc Xu-khô-thay-a và A-út-thay-a của người Thái được thành lập ở khu vực nào của Đông Nam Á?

A. Thượng nguồn sông Mê Công. B. Hạ nguồn sông Mê Công.

C. Lưu vực sông Mê Nam. D. Tất cả các khu vực trên.

Câu 25: Vương quốc A-út-thay-a của người Thái đổi thành nhà nước Xiêm vào thời gian nào?

A. Năm1676. B. Năm 1776. C. Năm 1767. D. Năm 1768.

Câu 26: Năm 1353, vương quốc nào của người Thái được thành lập ở vùng trung lưu sông Mê Công?

A. Vương quốc A-út-thay-a. B. Vương quốc Xu-khô-thay-a.

C. Vương quốc Xiêm. D. Vương quốc Lan Xang.

Câu 27: Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Khu đền Ăng-co Vát và Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thọc Lũng ở Lào, tháp Chàm ở Việt Nam vừa mang dáng dấp kiến trúc của…………., vừa có nét độc đáo riêng của nền dân tộc, là những di tích lịch sử - văn hoá nổi tiếng thế giới".

A. Trung Quốc. B. Thái Lan. C. Ấn Độ. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 28: Vào thời gian nào các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bước vào giai đoạn suy thoái?

A. Nửa sau thế kỉ XVI. B. Nửa sau thế kỉ XVII.

C. Nửa đầu thế kỉ XVIII. D. Nửa sau thế kỉ XVIII.

Câu 29: Sự suy thoái của các quốc gia phong kiến diễn ra cùng một lúc, đó là vào nửa sau thế kỉ XVIII. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 30: Nguyên nhân sâu xa của tình trạng suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bắt nguồn từ đâu?

A. Từ sự tấn công của các thế lực ngoại xâm.

B. Từ ngay trong lòng chế độ phong kiến ở mỗi quốc gia.

C. Từ sự chia rẽ giữa các tộc người ở Đông Nam Á.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 31: Nhân tố nào là nhân tố cuối cùng, có tính chất quyết định, dẫn tới sự suy sụp của các vương quốc ở Đông Nam Á?

A. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

B. Phong trào khởi nghĩa của nông dân.

C. Sự xung đột giữa các quốc gia Đông Nam Á.

D. Sự nổi dậy của cát cứ, địa phương ở từng nước.

Câu 32: Nước nào ở phương Tây mở đầu cho việc xâm lược các nước ở khu vực Đông Nam Á?

A. Tây Ban Nha. B. Bồ Đào Nha.

C. Anh. D. Pháp.

Câu 33: Vào cuối thế kỉ XIX, nước nào ở Đông Nam Á bị thực dân Pháp xâm lược?

A. Việt Nam. B. Lào.

C. Cam-pu-chia. D. Ba nước Đông Dương.

Câu 34: Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?

A. Đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

B. Giữa thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

C. Nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

D. Cuối thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

Câu 35: Giữa thế kỉ XIX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây, trừ nước nào?

A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Phi-lip-pin. D. Xinh-ga-po.

Câu 36: Người tối cổ ở Đông Nam Á xuất hiện trong thời kì nào?

A. Thời kì đá cũ. B. Thời kì đá giữa.

C. Thời sơ kì đá giữa. D. Thời đá cũ hậu kì.

Câu 37: Yếu tố khách quan nào tác động đến quá trình xuất hiện các Vương quốc cổ ở Đông Nam Á ?

A. Sự chuyển biến mạnh mẽ từ nông nghiệp trồng rau củ sang nông nghiệp trồng lúa nước.

B. Thuần dưỡng sang chăn nuôi gia súc, kết hợp với nghề làm đồ gốm và dệt.

C. Sự xuất công cụ sản xuất bằng đồng vào khoảng đầu thiên niên kỉ II TCN.

D. Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.

Câu 38: Từ khoảng đầu Công nguyên đến thế kỉ II, điễn ra sự biến gì ở Đông Nam Á?

A. Vương quốc Chăm-pa, quốc gia Phù Nam ra đời.

B. Hàng loạt các quốc gia cổ Đông Nam Á hình thành.

C. Vương quốc Sri-kse-tra, vương quốc Kê-đa, Tam-bra-lin-ga, Tu-ma-sic hình thành.

D. Vương quốc Phù Nam xuất hiện với 13 đời vua, đã chinh phục nhiều nước ở Đông Nam Á.

Câu 39: Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIII gắn với các quốc gia phong kiến Đông Nam Á như thế nào?

A. Là thời kì hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

B. Là giai đoạn các nước nhỏ hình thành theo địa vực tự nhiên hợp nhất lại theo tộc người.

C. Là thời kì xác lập và phát triển của quan hệ sản xuất phong kiến trong mỗi quốc gia Đông Nam Á.

D. Là thời kì các nước Đông Nam Á bị phương Tây xâm lược.

Câu 40: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Thế kỉ XIII, …..(A)……xâm lược các nước Đông Nam Á. Bị dồn đẩy do cuộc tấn công của người Mông Cổ, một bộ phận người ……(B)….. đã di cư ồ ạt xuống phía Nam; họ lập ra một quốc gia nhỏ, đến đầu thế kỉ XIV mới thống nhất lại, lập …..(C)…... Sau đó, một nhóm người nói tiếng Thái khác di cư xuống vùng trung lưu sông ……(D)……, gọi là người Lào Lùm, lập vương quốc …….(E)……giữa thế kỉ XIX.

Câu 41: Sau khi chiến thắng quân Mông Cổ, một số quốc gia Đông Nam Á như thế nào?

A. Bước vào thời kì phát triển thịnh đạt kéo dài tới đầu thế kỉ XVIII.

B. Tiếp tục đối phó với các thế lực xâm lược của phương Tây.

C. Xác lập các quốc gia đa dân tộc.

D. Bước vào thời kì suy thoái do hậu quả chiến tranh để lại.

Câu 42: Nền văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á được hình thành gắn với:

A. Sự hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp một số lượng lớn lương thực, thực phẩm, các sản phẩm thủ công và những sản vật thiên nhiên.

B. Quá trình xác lập các "quốc gia dân tộc".

C. Việc du nhập nền văn hoá của Ấn Độ.

D. Sự đóng góp vào kho tàng văn hoá loài người những giá trị tinh thần độc đáo.

Câu 43: Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bị suy thoái?

A. Nền kinh tế phong kiến trở nên lỗi thời, không còn tiếp tục phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

B. Chính quyền phong kiến chuyên chế không chăm lo đến sự phát triển kinh tế của đất nước, nhất là công tác thuỷ lợi, mà chi tiêu hao sức người, sức của vào các cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ.

C. Chế độ phong kiến trở nên trì trệ và dần dần suy thoái.

D. Mâu thuẫn xã hội, chiến tranh và nội chiến giữa các quốc gia.

Câu 44: Nối tên các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á bị xâm lược theo yêu cầu dưới đây:

Các nước phương Tây	Các nước Đông Nam Á bị xâm lược
1. Bồ Đào Nha.	A. Miến Điện, Xiêm.
2. Anh.	B. Phi-lip-pin, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
3. Pháp.	C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
4. Tây Ban Nha.	D. Phi-lip-pin, Ma-lac-ca.
5. Mĩ.	E. Phi-lip-pin.
6. Hà Lan.	F. In-đô-nê-xi-a.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 10

1. A **2.** C **3.** D **4.** B **5.** A **6.** C **7.** D **8.** B **9.** B **10.** C
11. A **12.** C **13.** A **14.** B **15.** B **16.** C **17.** A **18.** B **19.** C **20.** C
21. D **22.** C **23.** D **24.** B **25.** B **26.** A **27.** B **28.** D **29.** B **30.** B
31. A **32.** B **33.** D **34.** C **35.** B **36.** A **37.** D **38.** B **39.** C
40. A. Mông Cổ; B. Thái; C. Vương quốc Thái; D. Mê Công; E. Lan Xang
41. A **42.** B **43.** B **44.** 1: D, 2: A, 3: E, 4: C, 5: F, 6: B.

Bài 11
VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐÔNG NAM Á

Câu 1:* *Văn hoá của các nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều nhất của văn hoá nước nào?

A. Ấn Độ. B. Trung Quốc. C. Triều Tiên. D. Nhật Bản.

Câu 2:* *Các cư dân ở Đông Nam Á tiếp thu của Ấn Độ tôn giáo nào?

A. Hin-đu. B. Bà-la-môn, Hin đu.
C. Phật giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 3:* *Từ thế kỉ nào dòng Phật giáo Tiểu thừa được phổ biến ở các nước Đông Nam Á?

A. Thế kỉ XI. B. Thế kỉ XIII. C. Thế kỉ XV. D. Thế kỉ XVI.

Câu 4:* *Từ khoảng thế kỉ XII-XIII, tôn giáo nào theo chân các thương nhân Ả Rập và Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á?

A. Ấn Độ giáo. B. Thiên Chúa giáo.
C. Bà-la-môn giáo. D. Hồi giáo.

Câu 5:* *Từ khi người phương Tây bắt đầu có mặt ở Đông Nam Á, đạo nào cũng xuất hiện và dần dần thâm nhập vào khu vực này?

A. Hồi giáo. B. Đạo giáo.
C. Ki-tô giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 6: Chữ Phạn của Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á khoảng thời gian nào?

A. Khoảng thế kỉ đầu Công nguyên. B. Khoảng thế kỉ II.

C. Khoảng thế kỉ III. D. Khoảng thế kỉ VI.

Câu 7: Truyện thần thoại "Đẻ đất, đẻ nước" của dân tộc nào ở Đông Nam Á?

A. Lào. B. Cam-pu-chia. C. Việt Nam. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 8: Dòng văn học viết của các nước ở Đông Nam Á hình thành trên cơ sở dòng văn học nào?

A. Văn học dân gian.

B. Văn học nước ngoài.

C. Sự tích lịch sử.

D. Văn học dân gian và văn học nước ngoài.

Câu 9: Dòng văn học viết Đông Nam Á tiếp thu văn học Ấn Độ và Trung Hoa về những gì?

A. Mẫu tự. B. Đề tài và thể loại.

C. Những bản văn đa dạng. D. Câu A và B đúng.

Câu 10: Vì sao trong giai đoạn đầu văn học viết của các nước Đông Nam Á gọi là văn học cung đình?

A. Dòng văn học này chỉ phục vụ cho vua.

B. Dòng văn học này phát triển chủ yếu trong giới qúi tộc, quan lại.

C. Dòng văn học này bảo vệ cho triều đình của vua.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 11: Khi ý thức của các dân tộc Đông Nam Á trỗi dậy, văn học viết có xu hướng tìm về đâu?

A. Về với truyền thống đấu tranh của dân tộc.

B. Về với văn học dân gian.

C. Về với văn học nước ngoài.

D. Về với làng quê yên ả.

Câu 12: Mối quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian của các dân tộc Đông Nam Á thể hiện như thế nào?

A. Văn học dân gian làm nền tảng cho văn học viết.

B. Văn học viết tái tạo và thúc đẩy văn học dân gian phát triển.

C. Câu A và B đúng.

D. Câu A và B sai.

Câu 13: Kiến trúc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc nào?

A. Ấn Độ (Kiến trúc Hin-đu, Phật giáo).

B. Hồi giáo.

C. Trung Quốc.

D. Ấn Độ (Kiến trúc Hin-đu, Phật giáo) và kiến trúc Hồi giáo.

Câu 14: Khu di tích Mĩ Sơn của người Chăm hiện nay đang ở tỉnh nào của Việt Nam?

A. Quảng Nam. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Quảng Ngãi.

Câu 15: Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIII, di tích kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng nhất ở Đông Nam Á là di tích nào?

A. Đền Ăng-co Vát, Ăng-co Thom (Cam-pu-chia).

B. Đền Ăng-co Thom (Cam-pu-chia).

C. Di tích Mĩ Sơn của người Chăm (Việt Nam).

D. Tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).

Câu 16: Ở Đông Nam Á có hình thức tín ngưỡng nào vẫn còn được duy trì và phổ biến đến ngày nay?

A. Thờ cúng tổ tiên.

B. Thờ các thần như thần Núi, thần Sông, thần Lửa, thần Đất.

C. Tín ngưỡng phồn thực với những nghi thức cầu mong được mùa, cầu mong các giống loài sinh sôi, nảy nở.

D. Tất cả các hình thức tín ngưỡng trên.

Câu 17: Tôn giáo nào được truyền bá vào Đông Nam Á ngay từ những thế kỉ đầu Công nguyên?

A. Ấn Độ giáo và Hin-đu giáo. B. Hin-đu giáo và Phật giáo.

C. Hồi giáo và Phật giáo. D. Ki-tô giáo và Ấn Độ giáo.

Câu 18: Chữ viết của các dân tộc Đông Nam Á được sáng tạo như thế nào?

A. Sáng tạo trên cơ sở chữ chữ Phạn của Ấn Độ.

B. Sáng tạo trên cơ sở chữ tượng hình của Trung Quốc.

C. Sáng tạo trên cơ sở chữ la tinh.

D. Sáng tạo trên cơ sở chữ viết riêng của mình.

Câu 19: Dòng văn học nào trở thành nét riêng của các dân tộc ở Đông Nam Á?

A. Dòng văn học dân gian.

B. Dòng văn học viết.

C. Dòng văn học dân gian và văn học nước ngoài.

D. Tất cả các dòng văn học trên.

Câu 20: Cùng với quá trình hình thành quốc gia dân tộc, dòng văn học nào dần dần trở về với văn học dân gian?

A. Dòng văn học nước ngoài. B. Dòng văn học viết.

C. Dòng văn học dân tộc. D. Tất cả các dòng văn học trên.

Câu 21: Vào thế kỉ X, kiến trúc nổi tiếng ở Đông Nam Á là

A. Kiến trúc Hin-đu giáo và Phật giáo và kiến trúc Hồi giáo.

B. Di tích Mĩ Sơn của người Chăm và tổng thể kiến trúc Bô-rô-bu-đua ở In-đô-nê-xi-a.

C. Di tích kiến trúc khu đền Ăng-co ở Cam-pu-chia, đó là Ăng-co Vát và Ăng-co Thom.

D. Khu di tích kiến trúc Thạt Luổng ở Lào.

Câu 22: Nghệ thuật điêu khắc ở Đông Nam Á được thể hiện chủ yếu ở hai loại nào là tiêu biểu nhất?

A. Tượng tròn và phù điêu. B. Tượng Phật và tháp bút.

C. Tạc tượng và điêu khắc. D. Tượng tròn và tượng vuông.

Câu 23: Hãy ghi các loại hình tôn giáo được phổ biến ở Đông Nam Á theo thứ tự thời gian đã cho sau đây:

Thời gian	**Các loại hình tôn giáo**
1. Thế kỉ đầu Công nguyên	A
2. Thế kỉ XII, XIII	B
3. Thế kỉ XIV - XV	C
4. Thế kỉ XIX	D

Câu 24: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây về vai trò của Phật giáo ở Đông Nam Á.

A. Giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội và văn hoá của cư dân Đông Nam Á.

B. Phật giáo trở thành quốc giáo ngay từ khi các nước Đông Nam Á thành lập.

C. Tư tưởng Phật giáo được phổ biến trong dân chúng, đặc biệt là qua hệ thống giáo dục.

D. Chùa không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là một trung tâm văn hoá, là hình tượng về Chân - Thiện - Mĩ đối với người dân, trở thành nơi lưu giữ và phổ biến văn hoá, tri thức cho dân chúng.

E. Tất cả các quan lại và quý tộc ở Đông Nam Á đều đi tu, thờ Phật.

Câu 25: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với nội dung đã cho sẵn ở cột A.

A	**B**
1. Dòng văn học dân gian. 2. Dòng văn học viết.	A. Xuất hiện muộn nhưng phát triển nhanh và dần dần trở thành nền văn học của toàn dân tộc. B. Giai đoạn đầu phát triển chủ yếu trong giới quý tộc, quan lại. C. Không chỉ có tác dụng giải trí lành mạnh, mà còn có ý nghĩa răn đời. D. Phản ánh những tình cảm của con người với thiên nhiên, với cuộc sống và cả cộng đồng. E. Không chỉ tiếp thu văn học Ấn Độ và Trung Hoa về mẫu tự, mà cả về đề tài và thể loại. F. Hết sức phong phú về thể loại.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 11

1. A **2.** C **3.** B **4.** D **5.** C **6.** A **7.** C **8.** D **9.** D **10.** B **11.** B
12. C **13.** D **14.** A **15.** A **16.** A **17.** B **18.** A **19.** A **20.** B **21.** B **22.** A

23. A. Hin-đu giáo và Phật giáo từ Ấn Độ được truyền bá vào Đông Nam Á.
B. Dòng Phật giáo Tiểu thừa được phổ biến ở nhiều nước Đông Nam Á.
C. Hồi giáo được truyền bá rộng rãi vào các nước Đông Nam Á, hàng loạt tiểu quốc Hồi giáo đã ra đời ở Đông Nam Á.
D. Đạo Ki-tô xuất hiện và thâm nhập vào các nước Đông Nam Á.

24. A, C, D: Đúng; B, E: Sai. **25.** 1: B, C, F; 2: A, D, E.

Bài 12
VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

Câu 1: Vương quốc Cam-pu-chia được hình thành vào thời gian nào?
A. Thế kỉ III. B. Thế kỉ IV. C. Thế kỉ V. D. Thế kỉ VI.

Câu 2: Sử sách Trung Quốc gọi vương quốc của người Khơ-me là gì?
A. Chăm-pa. B. Chân Lạp. C. Cam-pu-chia. D. Miên.

Câu 3: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ I đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì gì?
A. Thời kì thịnh đạt. B. Thời kì Ăng-co.
C. Thời kì hoàng kim. D. Thời kì Bay-on.

Câu 4: Dưới thời Ăng-co, người dân Cam-pu-chia sống chủ yếu bằng nghề gì?
A. Nông nghiệp. B. Thủ công nghiệp.
C. Thương nghiệp. D. Tất cả các nghề trên.

Câu 5: Vào thời gian nào Cam-pu-chia trở thành một trong những vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất ở Đông Nam Á?
A. Thế kỉ XI – XII. B. Thế kỉ X – XI.
C. Thế kỉ X – XII. D. Thế kỉ XIII.

Câu 6: Giay-a-vac-man VII làm vua ở Cam-pu-chia được bao nhiêu năm?
A. 20 năm. B. 18 năm. C. 9 năm. D. 7 năm.

Câu 7: Dưới thời Giay-a-vac-man VII, quân Cam-pu-chia đã biến vương quốc nào thành một tỉnh của Ăng-co?
A. Thái Lan. B. Chăm-pa. C. Chân Lạp. D. Mã Lai.

Câu 8: Vì sao đến năm 1432, người Khơ-me phải bỏ Ăng-co về phía Nam Biển Hồ?
A. Vì phía Nam Biển Hồ là vùng đất trù phú.
B. Vì bị người Thái chiếm phía Tây Biển Hồ.
C. Vì bị người Mã Lai xâm chiếm phía Tây Biển Hồ.
D. Phía Tây-Bắc Biển Hồ là vùng đất của Chăm-pa phải trả lại.

Câu 9: Vào năm 1863, Cam-pu-chia bị nước nào xâm lược?

A. Thái Lan. B. Mã Lai. C. Anh. D. Pháp.

Câu 10: Thế kỉ XII, đạo nào có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia?

A. Đạo phật Đại thừa. B. Đạo phật Tiểu thừa.

C. Đạo Hin-đu. D. Đạo Ki-tô.

Câu 11: Công trình kiến trúc quần thể Ăng-co Vát và Ăng-co Thom là biểu trưng của tôn giáo nào?

A. Phật giáo. B. Nho giáo.

C. Ấn Độ giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên hoà quyện lẫn nhau.

Câu 12: Cư dân Lào cổ cũng nói tiếng Môn Khơ-me, gọi là gì?

A. Lào Lùm. B. Lào Thơng.

C. Lào Môn Khơ-me. D. Lào Xạng.

Câu 13: Nước Lan Xang ở Lào được thành lập vào năm nào?

A. Năm 1353. B. Năm 1363. C. Năm 1533. D. Năm 1336.

Câu 14: Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng vào thế kỉ nào?

A. Thế kỉ XIV - XV. B. Thế kỉ XVI - XVII.

C. Thế kỉ XV - XVII. D. Thế kỉ XV - XVI.

Câu 15: Dưới thời vua nào, nước Lan Xang chia thành 7 tỉnh?

A. Pha Ngừm. B. Xu-li-nha Vông-xa.

C. Khún Bo-lom. D. Phia Khâm Phòng.

Câu 16: Luang-pha-băng là một tiểu quốc của Lạn Xạng. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 17: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Sau khi Xu-li-nha Vông-xa qua đời, nước Lạn Xạng chia thành ba tiểu quốc đối địch nhau: Luang-pha-băng, ……………và Chăm-pa-xắc ".

A. Xiêng Khoảng. B. Sê-nô. C. Mường Sài. D. Viêng Chăn.

Câu 18: Năm 1827, Châu A Nụ phất cờ khởi nghĩa chống lại quân xâm lược nào?

A. Quân Xiêm. B. Quân Cam-pu-chia.

C. Quân Mã Lai. D. Quân Pháp.

Câu 19: Thế kỉ XIII, tôn giáo nào được truyền bá vào nước Lào?

A. Phật giáo Đại thừa. B. Phật giáo Tiểu thừa.

C. Ấn Độ giáo. D. Ki-tô giáo.

Câu 20: Công trình kiến trúc nổi tiếng của Lào là công trình nào?

A. Ăng-co Vát. B. Ăng-co Thom.

C. Thạt Luổng. D. Bay-on.

Câu 21: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia còn gọi là thời kì Ăng-co kéo dài trong bao lâu?

A. Thế kỉ IX đến thế kỉ XII. B. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIII.

C. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIV. D. Thế kỉ IX đến thế kỉ XV.

Câu 2.: Những sự kiện nào chứng tỏ thời kì Ăng-co đất nước Cam-pu-chia rất phát triển?

A. Nông nghiệp phát triển

B. Dùng vũ lực mở rộng lãnh thổ về phía đông, sang hạ lưu sông Mê Nam và vùng trung lưu Mê Công.

C. Kinh đô Ăng-co được xây dựng như một thành phố với những đền tháp đồ sộ và độc đáo, nổi tiếng thế giới.

D. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 2.: Chủ nhân đầu tiên sống trên đất Lào là tộc người nào?

A. Lào Thơng. B. Lào Lùm. C. Người Thái. D. Người Khơ-me.

Câu 24 Các bộ lạc Lào tập hợp và thống nhất thành quốc gia vào thời gian nào?

A. Năm 1350. B. Năm 1351. C. Năm 1352. D. Năm 1353.

Câu 2.: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Ở Cam-pu-chia, tộc người đa số, chủ yếu là người ......(A)...... Địa bàn sinh sống của họ chủ yếu trên cao nguyên .....(B)....... Đến thế kỉ XVI, vương quốc của người Khơ-me hình thành, họ tự gọi là ....(C)......... Thời kì phát triển của vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì ....(D).........

Câu 26 Biểu hiện nào dưới đây là sự phát triển thịnh đạt nhất của Vương quốc Cam-pu-chia?

A. Người dân sống chủ yếu bằng nông nghiệp, họ đào nhiều hồ, kênh, máng để trữ và điều phối nước tưới.

B. Người dân biết làm đồ trang sức và chạm khắc trên đá, trên các bức phù điêu của đền tháp.

C. Xây dựng được nhiều công trình lớn: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, khu đền Bay-on.

D. Các vua Cam-pu-chia không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài.

Câu 27 Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Cư dân cổ của Lào nói tiếng ...., gọi là Lào Thơng.

B. Mãi đến thế kỉ XIII, mới có một nhóm người nói tiếng Thái di cư đến đây, sinh sống hoà nhập với người Lào Thơng, gọi là ....

C. Thế kỉ XIV, họ lập nước riêng, gọi là Lan Xang. Vua sáng lập là ....

D. Thời thịnh vượng nhất là cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII dưới triều vua ....

Câu 28 Chính sách đối ngoại tiến bộ nhất của Lào thế kỉ XVII là gì?

A. Trao đổi, buôn bán với các nước láng giềng được mở rộng.

B. Xây dựng Lào thành một trung tâm Phật giáo để quan hệ tốt với các nước..

C. Xây dựng quân đội tương đối mạnh để bảo vệ Tổ quốc.

D. Giữ quan hệ hoà hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt, chống quân xâm lược Mi-an-ma.

Câu 29: Nét độc đáo về chữ viết của Lào là gì?

A. Từ học chữ Phạn sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc mình.

B. Từ chữ tượng hình sáng tạo ra chữ viết của dân tộc mình.

C. Từ chữ la tinh sáng tạo ra chữ viết của dân tộc mình.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 30: Hãy điền nội dung vào B cho phù hợp với thời gian cho sẵn ở cột A dưới đây:

Thời gian - A	Sự kiện - B
1. Đầu thế kỉ VI	A. ....
2. Thế kỉ IX đến thế kỉ XV	B. ....
3. Thế kỉ XV	C. ....
4. Thế kỉ XIX	D. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 12

1. D **2.** B **3.** B **4.** A **5.** C **6.** A **7.** B **8.** B

9. D **10.** A **11.** A **12.** B **13.** A **14.** C **15.** B **16.** A

17. D **18.** A **19.** B **20.** C **21.** D **22.** D **23.** A **24.** D

25. A: Khơ-me, B: Cò Rạt; C: Cam-pu-chia; D: Ăng-co. **26.** C

27. A: Khơ-me. B: người Lào. C: Pha Ngừm. D: Xu-li-nha-vông-xa.

28. D **29.** A

30. A. Thời kì hình thành Vương quốc Cam-pu-chia.

B. Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia, còn gọi là thời kì Ăng-co.

C. Cam-pu-chia bước vào thời kì suy thoái.

D. Cam-pu-chia bị thực dân Pháp xâm lược.

Chương VI
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TÂY ÂU

Bài 13
SỰ HÌNH THÀNH CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN TÂY ÂU

***Câu 1:** Chế độ công xã nguyên thuỷ của người Giéc-man đang trong quá tình tan rã vào thời gian nào?*

A. Những năm đầu Công nguyên. B. Những năm cuối Công nguyên.

C. Thế kỉ II. D. Thế kỉ III.

***Câu 2:** Vì sao người Giéc-man có nhu cầu mở rộng lãnh thổ?*

A. Do kinh tế phát triển. B. Do dân số tăng nhanh.

C. Do máu hiếu chiến. D. Câu A và B đúng.

***Câu 3:** Từ cuối thế kỉ II đã có một số bộ tộc người Giéc-man như người Tây Gốt, Phơ-răng... di cư vào lãnh thổ đế quốc Rô-ma sinh sống và nhận làm đồng minh của Rô-ma. Đúng hay sai?*

A. Đúng. B. Sai.

***Câu 4:** Vì sao đến giữa thế kỉ IV, các bộ lạc người Giéc-man ồ ạt xâm nhập vào đế quốc Rô-ma?*

A. Lực lượng đủ mạnh.

B. Máu hiếu chiến trào dâng.

C. Bị sự tấn công của người Hung Nô.

D. Bị sự tấn công của người Rô-ma trước đó nên muốn trả thù lại.

***Câu 5:** Đế quốc Rô-ma hùng cứ một thời đã bị bộ tộc Giéc-man xâm chiếm vào năm nào?*

A. Năm 476. B. Năm 477. C. Năm 746. D. Năm 774.

***Câu 6:** Vương quốc được thành lập đầu tiên của bộ tộc Giéc-man là vương quốc nào?*

A. Đông Gốt. B. Tây Gốt. C. Văng-đan. D. Phơ-răng.

***Câu 7:** Vương quốc Phơ-răng sau này là quốc gia của nước nào?*

A. Nước Anh. B. Nước Đức. C. Nước Pháp. D. Nước Tây Ban Nha.

***Câu 8:** Khi chiếm ruộng đất của người Rô-ma, bộ tộc Giéc-man đã chia cho ai cày cấy?*

A. Các gia đình có thể cày cấy. B. Các tăng lữ.

C. Các quý tộc. D. Các binh lính tham gia chiến tranh.

***Câu 9:** Trong các vương quốc "man tộc" của người Giéc-man, vương quốc nào giữ vai trò quan trọng và thể hiện rõ nét nhất quá trình phong kiến hoá?*

A. Tây Gốt. B. Đông Gốt. C. Văng-đan. D. Phơ-răng.

Câu 10: Người Phơ-răng vốn dĩ là một bộ tộc sống ở miền nào của châu Âu?

A. Miền Nam châu Âu. B. Miền Bắc châu Âu.

C. Miều Tây châu Âu. D. Miền Đông châu Âu.

Câu 11: Thủ lĩnh của vương quốc Phơ-răng là ai?

A. Sac-lơ Mac-ten. B. Sac-lơ-ma-nhơ.

D. Clô-vít. D. Không phải các thủ lĩnh trên.

Câu 12: Clô-vít đã sử dụng lực lượng nào để làm chỗ dựa cho bộ máy chính quyền của mình?

A. Tầng lớp quý tộc, lãnh chúa phong kiến. B. Nông nô.

C. Nô lệ. D. Không phải các lực lượng đó.

Câu 13: Clô-vít đã ban cấp ruộng đất cho bộ phận nào để làm chỗ dựa về tinh thần?

A. Quý tộc. B. Lãnh chúa phong kiến.

C. Nhà thơ Ki tô. D. Nông dân.

Câu 14: Chế độ phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng phát triển hơn một bước dưới thời vua nào?

A. Vua Clô-vít. B. Vua Sac-lơ Mac-ten.

C. Vua Sac-lơ-ma-nhơ. D. Tất cả các vua trên.

Câu 15: Vương quốc Phơ-răng phát triển cực thịnh vào thời vua nào?

A. Clô-vít. B. Sac-lơ Mac-ten.

C. Sac-lơ-ma-nhơ. D. Không phải các vua trên.

Câu 16: Sau khi Sac-lơ-ma-nhơ chết, Vương quốc Phơ-răng bị phân tán thành những quốc gia nào?

A. Anh, Pháp, Đức. B. Anh, Pháp, I-ta-li-a.

C. Anh, Pháp, Tây Ban Nha. D. Pháp, Đức, I-ta-li-a.

Câu 17: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Người Giéc-man là một trong những bộ tộc lớn thuộc chủng tộc .....(A).....đến sinh sống ở vùng biên giới phía bắc và đông-bắc của đế quốc ....(B)........từ nhiều thế kỉ trước Công nguyên. Đến thế kỉ IV, do sự tấn công của người ....(C).......vào khu vực ......(D), các bộ tộc người ....(E) ồ ạt xâm nhập vào đế quốc Rô-ma."

Câu 18: Nguyên nhân nào làm cho đế quốc Ro-ma suy yếu, không đủ sức ngăn ngừa cuộc tấn công của người "man tộc"?

A. Do sự khủng hoảng về kinh tế, chính trị và những cuộc khởi nghĩa của nô lệ, lệ nông và dân nghèo.

B. Do cuộc khởi nghĩa của nô lệ nổ ra rộng khắp đế quốc Rô-ma.

C. Do tầng lớp chủ nô Rô-ma ăn chơi sa đoạ không quan tâm đến vấn đề quốc phòng

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 19: Vương quốc "man-tộc" được thành lập đầu tiên ở Rô-ma gọi là:

A. Vương quốc Phơ-răng và Vương quốc của người Ăng-glô Xắc-xông.

B. Vương quốc Tây Gốt.

C. Vương quốc Văng-đan.

D. Vương quốc Đông và Tây Gốt.

Câu 20: Sự hình thành tầng lớp quý tộc mới và lãnh chúa phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng diễn ra như thế nào?

A. Cơ-lô-vít chiếm nhiều ruộng đất của quý tộc Rô-ma tặng rộng rãi cho qúy tộc thị tộc Phơ-răng, thân binh và những người thân cận của mình.

B. Những người nông dân chiếm được nhiều ruộng đất của quý tộc Rô-ma trở thành quý tộc mới, những lãnh chúa phong kiến.

C. Các đại chủ phong kiến dùng vũ lực cướp ruộng đất của nông dân tự do, trở thành quý tộc mới và lãnh chúa phong kiến.

D. Quý tộc và địa chủ phong kiến đã cướp được thêm nhiều ruộng đất của nông dân, họ trở thành quý tộc mới và lãnh chúa phong kiến.

Câu 21: Thời vua Sac-lơ-Mac-ten đã thi hành hình thức phong cấp ruộng đất như thế nào?

A. Phong cấp ruộng đất cho những người có công với nước.

B. Phong cấp ruộng đất cho những người nghèo khổ.

C. Phong cấp ruộng đất cho những người thân tín.

D. Phong cấp ruộng đất có kèm theo những điều kiện phục vụ quân sự.

Câu 22: Dưới thời Sac-lơ-Mac-ten xã hội đã hình thành bậc thang đẳng cấp phong kiến, với mối quan hệ như thế nào?

A. Quan hệ cha truyền con nối.

B. Quan hệ phong quân - bồi thần bất di bất dịch.

C. Quan hệ trung quân, ái quốc.

D. Quan hệ theo từng đẳng cấp và chức tước.

Câu 23: Thời vua Sac-lơ-xia-nhơ, Vương quốc Phơ-răng đã tiến hành 55 cuộc viễn chinh lớn nhỏ, chiếm toàn bộ khu vực nào?

A. Trung Âu và Bắc I-ta-li-a. B. Nam Âu và Bắc I-ta-li-a.

C. Đông Âu, Bắc I-ta-li-a và Tây Âu. D. Trung Âu, Bắc Âu và Nam Âu.

Câu 24: So sánh sự hình thành các quốc gia phong kiến Tây Âu với các nước ở châu Á theo yêu cầu dưới đây:

Các thời kì lịch sử	Châu Á	Tây Âu
1. Thời kì hình thành.	A...........................	B...........................
2. Thời kì phát triển.	C...........................	D...........................
3. Thời kì khủng hoảng và suy vong.	E...........................	F...........................
4. Cơ sở kinh tế.	G...........................	H...........................
5. Các giai cấp cơ bản.	I...........................	K...........................

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 13

1. A **2.** D **3.** A **4.** C **5.** A **6.** B **7.** C **8.** A
9. D **10.** B **11.** C **12.** A **13.** C **14.** B **15.** C **16.** D
17. A: A-ri-an, B: Rô-ma, C: Hung Nô, D: Đông và Nam Âu, E: Giéc-man
18. A **19.** B **20.** A **21.** D **22.** B **23.** A
24. A. Từ thế kỉ III TCN đến thế kỉ X.
B. Từ thế kỉ V đến thế kỉ X.
C. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.
D. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.
E. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX
F. Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XV.
G. Nông nghiệp đóng kín cửa ở nông thôn.
H. Nông nghiệp đóng kín cửa ở lãnh địa.
I. Địa chủ và nông dân.
K. Lãnh chúa và nông nô.

Bài 14
XÃ HỘI PHONG KIẾN TÂY ÂU

Câu 1: Xã hội phong kiến ở Tây Âu được hình thành trong khoảng thời gian nào?
A. Thế kỉ V đến thế kỉ X. B. Thế kỉ VI đến thế kỉ XI.
C. Thế kỉ III TCN đến thế kỉ X. D. Thế kỉ VII đến thế kỉ X.

Câu 2: Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV, xã hội phong kiến ở Tây Âu như thế nào?
A. Hình thành. B. Phát triển thịnh đạt.
C. Suy vong. D. Chuyển sang thời kì TBCN.

Câu 3: Trong xã hội phong kiến Tây Âu gồm có những giai cấp cơ bản nào?
A. Lãnh chúa và nông dân tự do. B. Chủ nô và nô lệ.
C. Lãnh chúa và nông nô. D. Địa chủ và nông dân.

Câu 4: Lãnh địa phong kiến là gì?
A. Vùng đất rộng lớn của nông dân.
B. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa và nông nô.
C. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa phong kiến và bình dân.
D. Vùng đất rộng lớn của quý tộc, tăng lữ.

Câu 5: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong các lãnh địa phong kiến là ai?
A. Nông dân tự do. B. Nông nô.
C. Nô lệ. D. Lãnh chúa phong kiến.

Câu 6: Ngành sản xuất nào giữ vai trò quan trọng nhất trong các lãnh địa phong kiến?

A. Công nghiệp. B. Thủ công nghiệp.

C. Thương nghiệp. D. Nông nghiệp.

Câu 7 Hình thức bóc lột chủ yếu của lãnh chúa phong kiến đối với nông nô là gì?

A. Thuế. B. Địa tô.

C. Lao dịch. D. Tất cả các hình thức trên.

Câu 8 Nông nô bị phụ thuộc vào lãnh chúa phong kiến như thế nào?

A. Phụ thuộc về kinh tế. B. Phụ thuộc về chính trị.

C. Phụ thuộc về thân thể. D. Phụ thuộc vào công việc làm.

Câu 9 Dưới ách áp bức, bóc lột của lãnh chúa phong kiến, nông nô đã làm gì?

A. Bỏ trốn vào rừng.

B. Đốt cháy kho tàng của lãnh chúa.

C. Thường xuyên đấu tranh chống lãnh chúa bằng nhiều hình thức khác nhau.

D. Nhẫn nhục chịu đựng.

Câu 10: Cuộc khởi nghĩa Giắc- cơ- ri ở Pháp diễn ra vào năm nào?

A. 358. B. 1538. C. 1359. D. 1385.

Câu 11: Khởi nghĩa Oát Tay-lơ nổ ra ở nước nào vào năm 1381?

A. Pháp. B. I-ta-li-a. C. Đức. D. Anh.

Câu 12: Thời kì khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến ở châu Âu vào thời gian nào?

A. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XI. B. Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XV.

C. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVII. D. Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XIV.

Câu 13: Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến châu Âu là?

A. Hình thành muộn, phát triển nhanh, ngắn, kết thúc sớm nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản.

B. Hình thành sớm, phát triển nhanh, kết thúc sớm nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản.

C. Hình thành muộn, phát triển nhanh, kết thúc muộn.

D. Hình thành sớm, phát triển muộn, kết thúc chậm

Câu 14 Xã hội phong kiến châu Âu phát triển trong khoảng thời gian nào?

A. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIII. B. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.

C. Tr thế kỉ XI đến thế kỉ XV. D. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVI.

Câu 15 Xã hội phong kiến châu Âu suy vong trong khoảng thời gian nào?

A. Thế kỉ XIII - XVI. B. Thế kỉ XIV - XVI.

C. Thế kỉ XV - XVI. D. Thế kỉ XVI - XVII.

Câu 16 Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến châu Âu là gì?

A. Nghề nông trồng lúa nước .

B. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn.

C. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các lãnh địa phong kiến.

D. Nghề nông trồng lúa và chăn nuôi gia súc.

Câu 17: Ở châu Âu từ thế kỉ XV, khi các quốc gia phong kiến thống nhất quyền hành tập trung vào bộ phận nào?

A. Tập trung vào tay quý tộc.

B. Tập trung vào tay các lãnh chúa .

C. Tập trung vào tay vua .

D. Tập trung vào tay bộ máy quan lại thống trị.

Câu 18: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Ở Tây Âu, lãnh địa phong kiến bao gồm một khu đất rộng, có cả đất trồng trọt, đồng cỏ, rừng rú, bãi hoang.

B. Trong lãnh địa có lâu đài của quý tộc, nhà thờ, nhà cửa của nông nô.

C. Nông dân công xã là lực lượng sản xuất chính trong lãnh địa.

D. Mỗi lãnh địa thuộc quyền cai quản của một lãnh chúa; mỗi lãnh chúa có 10 lãnh địa.

E. Lãnh địa có quyền thừa kế: Sau khi lãnh chúa chết thì con trai cả có quyền được thừa hưởng lãnh địa và có nghĩa vụ đối với người đã phân phong lãnh địa đó.

F. Kinh tế trong lãnh địa là kinh tế tự nhiên, tự cấp, tụ túc và kinh tế hàng hoá.

G. Kĩ thuật sản xuất trong lãnh địa: đầu thời trung đại, công cụ sản xuất thô sơ, kĩ thuật canh tác lạc hậu, năng suất lao động thấp.

H. Từ khoảng thế kỉ IX trở đi, công cụ bắt đầu được cải tiến, do đó sản xuất nông nghiệp dần dần được phát triển.

Câu 19: Do đâu mà mỗi lãnh địa phong kiến là một đơn vị chính trị độc lập, tương tự như một vương quốc riêng, có quân đội, luật lệ, toà án riêng, chế độ thuế khoá và đơn vị đo lường riêng.

A. Do cơ sở kinh tế tự nhiên với chế độ nông nô mang tính chất địa phương biệt lập.

B. Do mỗi lãnh địa như một pháo đài kiên cố bất khả xâm phạm.

C. Do mỗi lãnh chúa trong lãnh địa có quyền cai trị riêng.

D. Do trong lãnh địa, lãnh chúa có thể hành động theo ý mình.

Câu 20: Biểu hiện nào dưới đây không có trong cuộc sống của lãnh chúa phong kiến trong các lãnh địa?

A. Họ sống cuộc đời nhàn rỗi, xa hoa.

B. Họ chuyên quyền, độc đoán trong quan hệ xã hội, tàn nhẫn đối với nông nô.

C. Thời bình, họ thường tổ chức săn bắn, tiệc tùng, vũ hội.

D. Thời chiến họ cùng với nông nô chống lại các thế lực xâm lược để bảo vệ lãnh địa.

Câu 21: Nỗi khổ nhục nhất của người nông nô trong các lãnh địa của lãnh chúa phong kiến là

A. Là người sản xuất chính trong các lãnh địa phong kiến.

B. Nông nô bị phụ thuộc về thân thể vào lãnh chúa.

C. Nông nô bị gắn chặt vào ruộng đất của lãnh chúa, không được tự ý bỏ đi khỏi lãnh địa.

D. Lãnh chúa bóc lột nông nô bằng địa tô.

Câu 22: Lãnh chúa giao ruộng đất cho nông nô, nhưng chia làm hai phần: một phần gọi là "đất phần" nghĩa là

A. Nông nô cày cấy và hưởng lợi trên mảnh đất đó.

B. Nông nô canh tác nhưng toàn bộ hoa lợi thuộc về lãnh chúa.

C. Nông nô canh tác phải nộp thuế cho lãnh chúa.

D. Nông nô làm không công cho lãnh chúa.

Câu 23: Nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong các lãnh địa phong kiến Tây Âu được biểu hiện như thế nào?

A. Mỗi lãnh địa có một khu vực đất đai rộng lớn, trong đó có ruộng đất, ao, hồ, rừng rú, sông đầm, bãi hoang…để cho nông nô sản xuất.

B. Tất cả những vật phẩm cần dùng cho đời sống của lãnh chúa và nông nô đều được làm ra trong lãnh địa.

C. Nông nô bị buộc chặt vào ruộng đất phong kiến và lãnh địa, nếu ai bỏ trốn sẽ bị trừng phạt hết sức dã man.

D. Tất các các ý trên đều đúng.

Câu 24: Năm 1358 diễn ra sự kiện lịch sử nào ở nước Pháp?

A. Khởi nghĩa Giắc-cơ-ri. B. Khởi nghĩa Oát Tay-lơ.

C. Cuộc bạo động của nông nô. D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 25: Nối nội dung cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Lãnh địa phong kiến.	Gắn chặt với ruộng đất trong các lãnh địa phong kiến.
2. Lãnh chúa phong kiến.	Một khu đất rộng lớn, có lâu đài, dinh thự, nhà thờ…
3. Nông nô.	Có quyền cai trị lãnh địa mình như một ông vua.
	Thời bình họ luyện tập cung kiếm, cưỡi ngựa…
	Là một đơn vị kinh tế, chính trị biệt lập.
	Là những người sản xuất chính trong xã hội.

Câu 26: Thành thị châu Âu trung đại ra đời có tác động như thế nào đối với sự tồn vong của các lãnh địa phong kiến?

A. Thúc đẩy kinh tế lãnh địa phát triển.

B. Kìm hãm sự phát triển kinh tế lãnh địa.

C. Tiền đề để làm tiêu vong các lãnh địa.

D. Làm cho lãnh địa thêm phong phú.

Câu 27: Điền vào chỗ trống (….) những cụm từ đã cho sẵn dưới đây về kinh tế lãnh địa ở Tây Âu.

lãnh địa, lương thực, thực phẩm, nông nô, tự nhiên, tự cấp, tự túc.

Kĩ thuật sản xuất trong ……(A)…… đã có những tiến bộ đáng kể: biết dùng phân bón, gieo trồng theo thời vụ, biết dùng cày bừa cải tiến do hai ngựa kéo v.v….Mọi thứ cần dùng trong lãnh địa từ……………(B)………… cho đến quần áo, giày dép…đều do …(C)………… sản xuất. Như thế ……(D)…… là cơ sở kinh tế đóng kín, mang tính chất ………(E)…………..

Câu 28: Ghi nội dung vào bảng thống kê dưới đây về các lĩnh vực thuộc lãnh địa phong kiến

Các lĩnh vực	Nội dung
1. Đất đai trong lãnh địa.	A. …………………………………………………………
2. Kinh tế lãnh địa.	B. …………………………………………………………
3. Chính trị trong lãnh địa.	C. …………………………………………………………
4. Vai trò của nông nô.	D. …………………………………………………………
5. Kĩ thuật sản xuất.	E. …………………………………………………………

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 14

1. A **2.** B **3.** C **4.** C **5.** B **6.** D **7.** B **8.** C **9.** C

10. A **11.** D **12.** B **13.** A **14.** B **15.** C **16.** C **17.** C

18. A, B, E, G, H: Đúng; C, D, F: Sai.

19. A **20.** D **21.** A **22.** A **23.** B **24.** A

25. 1: B, E; 2: C, D; 3:A, F. **26.** C

27. A. lãnh địa, B. lương thực, thực phẩm

C. nông nô, D. lãnh địa, E. tự nhiên, tự cấp, tự túc.

28. A. Gồm một khu đất rộng lớn (trong đó có đất trồng trọt, đồng cỏ, rừng rú, ao hồ, bãi hoang).

B. Kinh tế khép kín, tự cấp tự túc.

C. Là một đơn vị chính trị biệt lập, tương tự như một quốc gia riêng, có quân đội, luật lệ, toà án, chế độ thuế khoá và đơn vị đo lường riêng.

D. Nông nô là lực lượng sản xuất chính trong lãnh địa.

E. Kĩ thuật sản xuất còn lạc hậu.

Bài 15

SỰ RA ĐỜI CỦA THÀNH THỊ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THƯƠNG MẠI TÂY ÂU

Câu 1: Vào thế kỉ nào ở châu Âu có sự ra đời của " Bông hoa rực rỡ nhất" đó là thành thị?

A. Thế kỉ X. B. Thế kỉ XI. C. Thế kỉ XII. D. Thế kỉ XIII.

Câu 2: Thành thị trung đại châu Âu ra đời biểu hiện sự tiến bộ trước hết trong lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp. B. Thủ công nghiệp.

C. Thương nghiệp. D. Tất cả các lĩnh vực trên.

Câu 3: Công cụ sản xuất được cải tiến hơn, kĩ thuật canh tác tiến bộ hơn và khai hoang được đẩy mạnh, diện tích canh tác tăng nhanh. Điều đó dẫn đến hệ quả gì?

A. Xuất hiện nhiều sản phẩm thừa, nảy sinh nhu cầu trao đổi, mua bán.

B. Tạo điều kiện cho việc chuyên môn hoá của những người thợ thủ công.

C. Câu A và B đúng.

D. Câu A đúng, câu B sai.

Câu 4: Tổ chức phường hội ở các thành thị trung đại được tầng lớp nào lập nên? Để làm gì?

A. Thương nhân. Để buôn bán.

B. Thợ thủ công. Để sản xuất các nghề thủ công và chống lại sự quấy nhiễu của lãnh chúa phong kiến.

C. Nông nô. Để chống lại lãnh chúa phong kiến.

D. Tất cả các tầng lớp giai cấp trên. Để cạnh tranh với lãnh địa phong kiến.

Câu 5: Giữ độc quyền sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ quyền lợi cho thợ thủ công cùng ngành nghề và đấu tranh chống lại sự áp bức, sách nhiễu của lãnh chúa phong kiến địa phương. Đó là mục đích của:

A. Thương hội. B. Phường hội.

C. Các xưởng thủ công. D. Các công trường thủ công.

Câu 6: Để bảo vệ lợi ích cho mình, các thương nhân đã thành lập tổ chức gì trong thành thị thời trung đại?

A. Thương hội. B. Phường hội.

C. Hội bảo vệ thương nhân. D. Hội bảo vệ thợ thủ công.

Câu 7: Sự ra đời và ngày càng lớn mạnh của các hội chợ ở châu Âu trung đại nhằm mục đích gì?

A. Bảo vệ thương hội.

B. Thúc đẩy hoạt động thương mại.

C. Thúc đẩy thủ công nghiệp phát triển.

D. Chống lại các thế lực phong kiến.

Câu 8: Thành thị châu Âu trung đại ra đời có tác động như thế nào đối với sự tồn vong của các lãnh địa phong kiến?

A. Thúc đẩy kinh tế lãnh địa phát triển.

B. Kìm hãm sự phát triển kinh tế lãnh địa.

C. Tiền đề để làm tiêu vong các lãnh địa.

D. Làm cho lãnh địa thêm phong phú.

Câu 9: Vai trò của thành thị Tây Âu thời trung đại được hể hiện như thế nào?

A. Sự phát triển kinh tế hàng hoá đã phá vỡ nền kinh tế tự cấp, tự túc, thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, tạo điều kiện thống nhất quốc gia.

B. Các thiết chế dân chủ trong thành thị có vai trò to lớn trong việc xác lập nhu cầu và khả năng thực hiện một lí tưởng xã hội mới.

C. Tạo điều kiện cho các lãnh địa ngày càng phồn hoa, đô hội.

D. Không khí tự do của thành thị là môi trường thuận lợi để phát triển văn hoá.

Câu 10: "Thành thị là bông hoa rực rỡ nhất thời trung đại". Đó là câu nói của ai?

A. Lê-nin. B. Ăng-ghen. C. Khổng Tử. D. C.Mác.

Câu 11: Hội chợ Săm-pa-nhơ, là một hội chợ nổi tiếng của thế giới, hội chợ ấy nằm trên lãnh thổ của nước nào ở châu Âu thời trung đại?

A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. I-ta-li-a.

Câu 12: Thương nhân Pháp đã từng mang dạ, rượu vang dọc theo sông nào để bán tại hội chợ Săm-pa-nhơ?

A. Sông Xen. B. Sông Mac-nơ. C. Sông Ranh. D. Câu A và B đúng.

Câu 13: Hội chợ Săm-pa-nhơ của nước Pháp đã từng vang bóng một thời, đến thế kỉ nào bị sụp đổ?

A. Thế kỉ XIII. B. Thế kỉ XIV. C. Thế kỉ XV. D. Thế kỉ XVI.

Câu 14: Khi hình thức hội chợ bị phá vỡ, một hình thức mới trong thương mại xuất hiện, đó là hình thức nào?

A. Thương điếm. B. Thương hiệu. C. Thương đoàn. D. Các hình thức trên.

Câu 15: Thương đoàn xuất hiện thay thế cho hội chợ, thương đoàn là gì?

A. Là một liên minh kinh tế của các thành thị.

B. Là một liên minh thương mại của các thành thị.

C. Là một liên minh văn hoá của các thành thị.

D. Là một liên minh chính trị của các thành thị.

Câu 16: Từ thế kỉ XIV, ở châu Âu việc buôn bán ở miền nào có ý nghĩa quan trọng nhất?

A. Đông Âu. B. Nam Âu. C. Bắc Âu. D. Tây Âu.

Câu 17: Sự phá sản thành thị của miền nào ở nước Đức làm cho các thương đoàn sụp đổ?

A. Bắc Đức. B. Nam Đức. C. Tây Đức. D. Đông Đức.

Câu 18: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:

"Từ thế kỉ XVI, việc buôn bán của thương đoàn hầu như không có gì nữa, thậm chí còn bị người .... gạt ra khỏi thị trường vùng biển Ban Tích".

A. Đức. B. Bỉ. C. Đan Mạch. D. Hà Lan.

Câu 19: Trong chế độ phong kiến lãnh địa, giai cấp phong kiến thống trị lấy tôn giáo nào làm hệ tư tưởng chính thống của mình?

A. Đạo giáo. B. Ki-tô giáo. C. Nho giáo. D. Phật giáo.

Câu 20: Trong chế độ phong kiến lãnh địa, môn học nào được suy tôn là "bà chúa của khoa học"?

A. Văn học. B. Thần học. C. Sử học. D. Toán học.

Câu 21: Vì sao văn hoá Tây Âu trước thế kỉ X còn nghèo nàn, ít phát triển?

A. Nền kính tế nông nghiệp đóng kín trong các lãnh địa.

B. Thủ công nghiệp kém phát triển.

C. Giai cấp quý tộc phong kiến chỉ ham chơi và luyện tập cung kiếm.

D. Câu A và C đúng.

Câu 22: Văn hoá Tây Âu bắt đầu khởi sắc vào thế kỉ nào?

A. Thế kỉ X. B. Thế kỉ XI. C. Thế kỉ XII. D. Thế kỉ XIII.

Câu 23: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự ra đời của thành thị ở châu Âu thời trung đại?

A. Sản xuất nông nghiệp phát triển xuất hiện nhiều sản phẩm thừa, nảy sinh nhu cầu trao đổi, mua bán.

B. Việc chuyên môn hoá của những người thợ thủ công được hình thành.

C. Một số thợ thủ công tìm cách thoát khỏi lãnh địa, tập trung ở những nơi thuận tiện sản xuất, mua bán.

D. Các bến sông, nơi giao nhau của các trục đường giao thông chính được hình thành.

Câu 24: Mục đích hoạt động của phường hội là gì?

A. Tập hợp những người thợ thủ công cùng làm một nghề để sản xuất ra hàng hoá.

B. Giữ độc quyền sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ quyền lợi của các thành viên.

C. Giữ mối quan hệ giữa các loại thợ để đảm bảo quy cách, chất lượng, giá cả sản phẩm..

D. Tất cả đều đúng.

Câu 25: Các thương hội ra đời ở Tây Âu thời trung đại nhằm mục đích gì?

A. Để đảm bảo việc giao lưu buôn bán trong các phương hội.

B. Để duy trì hoạt động thương mại trong thành thị.

C. Để bảo vệ lợi ích cho các thương nhân về độc quyền buôn bán.

D. Để chống lại sự quấy nhiễu của các lãnh chúa phong kiến.

Câu 26: Thành thị ở châu Âu thời Trung đại ra đời đã phá vỡ nền kinh tế nào của chế độ phong kiến?

A. Thành thị ra đời đã phá vỡ nền kinh tế tự cấp, tự túc của chế độ phong kiến.

B. Thành thị ra đời phá vỡ nền kinh tế thủ công nghiệp phong kiến.

C. Thành thị ra đời phá vỡ nền kinh tế lãnh địa phong kiến.

D. Thành thị ra đời phá vỡ nền kinh tế nông nghiệp phong kiến.

Câu 27: Các hội chợ ở châu Âu thời trung đại ra đời và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của các lĩnh vực nào?

A. Cùng với sự ra đời và phát triển của các hoạt động thương mại.

B. Cùng với sự phát triển của thành thị và kinh tế hàng hoá.

C. Cùng với sự ra đời và phát triển của kinh tế hàng hòa.

D. Cùng với sự ra đời và phát triển của việc trao đổi, mua bán t thành thị.

Câu 28: Hội chợ ở châu Âu ra đời có tác dụng kích thích lĩnh v o để qua đó kích thích nền kinh tế phát triển?

A. Kích thích sản xuất nông nghiệp. B. Kích thích sản xuất t nghiệp.

C. Kích thích sản xuất công nghiệp. D. Kích thích hoạt động mại.

Câu 29: Vì sao các thương nhân châu Âu khi tiến hành buôn bá phải lập ra thương đoàn?

A. Để đảm bảo nhu cầu buôn bán với các nước.

B. Phải cạnh tranh với thương nhân các nước.

C. Việc mua bán giữa các nước ngày càng phát triển, đặc biệt xung quanh vùng Địa Trung Hải.

D. Phải đi buôn bán xa, thương nhân gặp nhiều khó khăn: bị cướp biển, bị chặn c

Câu 30: Vì sao từ giữa thế kỉ XV trở đi, các thương đoàn hoạt động yếu dần, ch đến thế kỉ XVI thì căn bản chấm dứt hoạt động?

A. Do sự kìm hãm của nhà nước phong kiến.

B. Do không đủ sức cạnh tranh với thương nhân các nước.

C. Do thường xuyên bị bọn cướp biển phá hoại.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 31: Ghi nội dung vào cột B cho phù hợp với cột A về văn hoá Tây Âu trung đại?

A	B
1. Văn hoá Tây Âu thời sơ kì trung đại.	A.. ....
2. Văn hoá Tây Âu trung kì trung đại.	B.. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 15

1. B **2.** A **3.** C **4.** B **5.** B **6.** A **7.** B **8.** C **9.** C **10.** D

11. B **12.** D **13.** B **14.** C **15.** D **16.** C **17.** B **18.** D **19.** B **20.** B

21. D **22.** B **23.** A **24.** B **25.** C **26.** A **27.** B **28.** D **29.** D **30.** A

31. A.
- Giáo lí Ki-tô là hệ tư tưởng chính thống.
- Thần học được coi là "bà chúa của khoa học".
- Ngữ pháp, tu từ học, lôgic, số học, hình học, thiên văn và âm nhạc phục vụ cho thần học.

B.
- Triết học kinh viện xuất hiện.
- Văn học kỵ sĩ và văn học thành thị ra đời.
- Trường học thị dân và các trường đại học hình thành.

Chương VII
TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

Bài 16
NHỮNG CUỘC PHÁT KIẾN LỚN VỀ ĐỊA LÍ

***Câu 1:** Việc tìm kiếm con đường giao lưu buôn bán giữa châu Âu và phương Đông được đặt ra vô cùng bức thiết từ thời gian nào?*

A. Thế kỉ XIV. B. Thế kỉ XV. C. Thế kỉ XVI. D. Thế kỉ XVII.

***Câu 2:** Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Vào thế kỉ XV, con đường buôn bán trực tiếp giữa châu Âu và phương Đông qua Tây Á và Địa Trung Hải bị............. chiếm độc quyền".*

A. Tây Ban Nha. B. I-ta-li-a. C. Bồ Đào Nha. D. Thổ Nhĩ Kỳ.

***Câu 3:** Câu nào dưới đây không nằm trong mục đích của cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV của các quý tộc phong kiến châu Âu?*

A. Tìm nguyên liệu, vàng bạc từ các nước phương Đông.

B. Tìm thị trường tiêu thụ hàng hoá từ phương Đông.

C. Tìm vùng đất mới ở châu Phi và châu Âu.

D. Câu A và B đúng.

***Câu 4:** Cuộc phát kiến địa lí vào thế kỉ XV được thực hiện bằng con đường nào?*

A. Đường bộ. B. Đường biển.

C. Đường hàng không. D. Đường sông.

***Câu 5:** Lĩnh vực nào thực hiện sự tiến bộ của khoa học và kĩ thuật vào thế kỉ XV ở các nước châu Âu?*

A. Sự hiểu biết về địa lí, về đại dương.

B. Sự hiểu biết về địa lí của các đại dương về sử dụng la bàn.

C. Hiểu biết về thiên văn và lịch học.

D. Sự hiểu biết về dự báo thời tiết.

***Câu 6:** Ai là người thưa kiện cuộc hành trình từ châu Âu sang phương Đông trước cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV?*

A. Mac-ô-pô-lô. B. B. Đi-a-xơ.

C. Va-xcô-đơ Ga-ma. D. Không có ai cả.

***Câu 7:** Nước nào đi tiên phong trong các cuộc thám hiểm bằng đường biển vào thế kỉ XV, XVI?*

A. I-ta-li-a. B. Bồ Đào Nha.

C. Tây Ban Nha. D. Tất cả các nước trên.

***Câu 8:** Vào năm 1415, nhiều đoàn thuyền thám hiểm người Bồ Đào Nha đi dọc theo bờ biển châu lục nào?*

A. Châu Á. B. Châu Âu. C. Châu Đại Dương. D. Châu Phi.

Câu 9: Ai là người đặt tên điểm cực Nam Châu Phi là mũi Bão tố?

A. Hen-ri. B. B. Đi-a-xơ.

C. Vac-xcô-đơ Ga-ma. D. Cô-lôm-bô.

Câu 10: Ai là người đổi tên mũi Bão tố thành mũi Hi vọng?

A. Vua Hoan I. B. Hen-ri. C. B. Đi-a-xơ. D. Vua Hoan II.

Câu 11: Cuộc hành trình của Va-xcô-đơ Ga-ma bắt đầu vào năm nào? Ông đã đến được nước nào?

A. Năm 1492 - đến Ấn Độ. B. Năm 1497 - đến phương Đông.

C. Năm 1498 - đến Trung Quốc. D. Năm 1497 - đến Ấn Độ.

Câu 12: Sau gần một năm thực hiện cuộc hành trình vòng qua châu Phi đến Ca-li-cút (Ấn Độ), khi trở về Li-xbon, Va-xcô-đơ Ga-ma được nhân dân phong chức gì?

A. Phó vương Ấn Độ. B. Phó vương Bồ Đào Nha.

C. Phó vương Tây Ban Nha. D. Phó vương I-ta-li-a.

Câu 13: Tháng 5 - 1498, Va-xcô-đơ Ga-ma đến vùng đất nào trên bờ biển tây nam Ấn Độ?

A. Đê-li. B. Bom-bay. C. Ca-li-cút. D. Can-cut-ta.

Câu 14: C.Cô-lôm-bô thực hiện cuộc hành trình của mình vào năm nào? Đoàn thuỷ thủ của ông gồm bao nhiêu người?

A. Năm 1497 - gồm 90 người. B. Năm 1492 - gồm 60 người.

C. Năm 1487 - gồm 80 người. D. Năm 1492 - gồm 90 người.

Câu 15: Ai là người phát hiện ra châu Mĩ mà đến chết vẫn lầm tưởng đó là Ấn Độ?

A. Va-xcô-đơ Ga-ma. B. A-me-ri-ca.

C. C. Cô-lôm-bô. D. Ma-gien-lan.

Câu 16: Ai là người lập ra bản đồ châu Mĩ sau cuộc tìm kiếm vùng đất mới thế kỉ XV?

A. C. Cô-Lôm-bô. B. A-me-ri-ca.

C. Va-xcô-đơ Ga-ma. D. Tất cả các nhà thám hiểm trên.

Câu 17: Ph. Ma-gien-lan là người nước nào?

A. Bồ Đào Nha. B. Tây Ban Nha. C. I-ta-li-a. D. Hà Lan.

Câu 18: Đoàn thuyền của Ma-gien-lan đã vượt qua nơi nào mà sau này gọi là eo Ma-gien-lan?

A. Cực Nam châu Phi. B. Cực Nam châu Mĩ.

C. Cực Nam châu Âu. D. Ca-li-cút Ấn Độ.

Câu 19: Trong cuộc hành trình của mình, Ma-gien-lan mất tại đâu?

A. Ấn Độ. B. Tây Ban Nha. C. Phi-lip-pin. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 20: Ai là người thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển vào năm 1519?

A. C. Co-lôm-bô. B. Va-xcô-đơ Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lan. D. B. Đi-a-xơ.

Câu 21: Phát kiến địa lí được coi như một "cuộc cách mạng thực sự" trong lĩnh vực nào?

A. Địa lí. B. Khoa học hàng hải.

C. Giao thông đường biển. D. Giao thông và tri thức.

Câu 22: Phát kiến địa lí đem lại cho tầng lớp thương nhân châu Âu những nguyên liệu quý giá vô tận, những kho vàng bạc, châu báu khổng lồ mà chúng cướp được ở đâu?

A. Ấn Độ. B. Châu Mĩ.

C. Châu Á. D. Châu Mĩ, châu Á và châu Phi.

Câu 23: Cuộc phát kiến địa lí của các thương nhân châu Âu chủ yếu hướng về đâu?

A. Ấn Độ và các nước phương Đông.

B. Trung Quốc và các nước phương Đông.

C. Nhật Bản và các nước phương Đông.

D. Ấn Độ và các nước phương Tây.

Câu 24: Cuộc phát kiến địa lý đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu ?

A. Tăng lữ, quý tộc. B. Công nhân, quý tộc.

C. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc. D. Thương nhân, quý tộc.

Câu 25: Sau cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV, người nông nô như thế nào?

A. Được hưởng thành quả do phát kiến mang lại.

B. Được ấm no vì của cải xã hội ngày càng nhiều.

C. Bị thất nghiệp và phải làm thuê cho tư sản.

D. Bị trở thành những người nô lệ.

Câu 26: Chủ nghĩa tư bản ở châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

A. Các thành thị trung đại.

B. Thu vàng bạc, hương liệu từ Ấn Độ và phương Đông.

C. Sự phá sản của chế độ phong kiến.

D. Vốn và công nhân làm thuê.

Câu 27: Vì sao người nông nô phải làm thuê trong các xí nghiệp của tư bản?

A. Họ thấy vào xí nghiệp tư bản dễ sống hơn.

B. Họ bị tư bản và phong kiến cướp ruộng đất.

C. Họ không muốn lao động bằng nông nghiệp.

D. Tất cả những lí do trên.

Câu 28: Giai cấp tư sản được hình thành từ đâu?

A. Địa chủ giàu có. B. Chủ xưởng, chủ đồn điền.

C. Thương nhân giàu có. D. Câu B và C đúng.

Câu 29: Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây:

A	B
1. Năm 1492 2. Năm 1497 3. Ngày 8-7-1497 4. Tháng 5 - 1498 5. Năm 1519	A. Va-xcô đơ Ga- ma chỉ huy một đoàn tàu gồm 4 chiếc với 160 thủy thủ đi tìm xứ sở huyền thoại ở phương Đông. B. C.Cô-lôm-bô cùng với đoàn thủy thủ 90 người trên ba chiếc tàu biển đã từ Tây Ban Nha đi về phía tây, ra Đại Tây Dương mênh mông. C. Đoàn tàu của Ma-gien-len đi vòng quanh thế giới bằng đường biển. D. Va-xcô đơ Ga-ma rời cảng Li-xbon, vòng quanh châu Phi đến Ca-li-cút trên bờ biển tây nam Ấn Độ. E. Khi trở về Li-xbon, nhân dân chào mừng ông như một người chiến thắng. Sau đó, Va-xcô đơ Ga- ma được phong làm Phó vương Ấn Độ.

Câu 30. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây về những hệ quả của những cuộc phát kiến lớn địa lí.

A. Phát kiến địa lí được coi như một "cuộc cách mạng thực sự" trong lĩnh vực giao thông và tri thức.

B. Phát kiến địa lí giúp con người hình dung được hình ảnh chính xác về hành tinh, về bề rộng và hình thái Trái Đất.

C. Phát kiến địa lí giúp con người phát hiện ra châu Đại Dương.

D. Phát kiến địa lí giúp con người hiểu biết về con đường mới, vùng đất mới, dân tộc mới.

E. Phát kiến địa lí đã mở ra những đường giao thông buôn bán mới, tạo ra thị trường mới.

F. Phát kiến địa lí đã chấm dứt thời kì cách biệt châu Á và châu Âu, mở ra giai đoạn phát triển thịnh vượng của chủ nghĩa tư bản.

G. Phát kiến địa lí góp phần đem lại cho các nhà tư bản và thương nhân châu Âu những hàng hoá, nguyên liệu vô cùng quý giá, nhiều vàng bạc, châu báu thúc đẩy công thương nghiệp châu Âu phát triển.

H. Phát kiến địa lí đã mở ra thời kì xâm chiếm, cướp bóc thuộc địa ở châu Phi, Mĩ la tinh, châu Á, mở đầu cho sự ra đời của chủ nghĩa thực dân.

Câu 31: Hoàn thành bảng thống kê dưới đây về các cuộc phát kiến lớn về địa lí theo yêu cầu sau:

Thời gian	Tên	Kết quả từng cuộc phát kiến địa lí
1492	(A)	Tìm ra châu Mĩ.
1497	Va-xcô-đơ Ga-ma	(B)
(D)	(C)	Đi vòng quanh thế giới.

Câu 32: Nối kiến thức ở cột B sao cho phù hợp với tiêu đề ở cột A sau đây:

A	B
1. Nguyên nhân phát kiến địa lí.	A. Mở ra con đường giao thông buôn bán mới, tạo ra thị trường mới.
	B. Kinh tế châu Âu phát triển. Nhu cầu sản xuất, nhu cầu tiêu dùng của quý tộc, phong kiến ngày càng tăng.
2. Điều kiện thực hiện phát kiến địa lí.	C. Hiểu biết về địa lí, về đại lượng, về sử dụng la bàn.
	D. Con đường giao lưu qua Tây Á và Địa Trung Hải bị người Thổ Nhĩ Kỳ nắm độc quyền.
3. Hệ quả phát kiến địa lí.	E. Tàu Ca-ra-ven xuất hiện.
	G. Chấm dứt thời kì cách biệt Đông - Tây.
	H. Tạo ra bước chuyển biến mới trong nhận thức xã hội.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 16

1. B **2.** D **3.** C **4.** B **5.** B **6.** A **7.** B **8.** D **9.** B **10.** D
11. D **12.** A **13.** C **14.** D **15.** C **16.** B **17.** A **18.** B **19.** C **20.** C
21. D **22.** D **23.** A **24.** D **25.** D **26.** D **27.** B **28.** D
29. 1: B, 2: A, 3: D, 4: E, 5: C. **30.** A, B, D, E, H: Đúng; C, F, G: Sai.
31. A. C. Cô-lôm-bô. B. Đến Ca-li-cút bên bờ biển tây nam Ấn Độ.
C. Ph. Ma-gien-lan. D.1519 – 1522.
32. 1: B, D. 2: C, E. 3: A, G, H.

Bài 17
SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở TÂY ÂU

Câu 1: Điều kiện cần và đủ để chủ nghĩa tư bản châu Âu ra đời là gì?
A. Vốn.
B. Đội ngũ công nhân làm thuê.
C. Sự chuyển hoá từ quy tộc phong kiến sang tư bản.
D. Câu A và B đúng.

Câu 2: Số vốn đầu tiên và nhiều nhất mà thị dân Tây Âu tích luỹ được là do đâu?
A. Từ sự kinh doanh thủ công nghiệp. B. Từ cuộc phát kiến địa lí.
C. Từ việc buôn bán ở thành thị. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 3: Người nô lệ da đen bắt đầu được xuất cảng đến Bồ Đào Nha vào thời gian nào?
A. 1492. B. 1497. C. 1442. D. 1519.

Câu 4: Phong trào "Rào đất cướp ruộng" diễn ra ở nước nào sớm nhất?

A. Ở Anh. B. Ở Pháp. C. Ở Tây Ban Nha. D. Ở Bồ Đào Nha.

Câu 5: Đội ngũ công nhân làm thuê xuất thân chủ yếu từ giai cấp nào?

A. Thợ thủ công bị tước đoạt tư liệu sản xuất.

B. Nông dân bị tước ruộng đất.

C. Chủ xưởng bị phá sản.

D. Thương nhân bị sập tiệm.

Câu 6: Ở Tây Âu, quan hệ sản xuất phong kiến bắt đầu tan rã vào thời gian nào?

A. Từ thế kỉ XV. B. Từ thế kỉ XVI.

C. Từ thế kỉ XVII. D. Từ thế kỉ XVIII.

Câu 7: Từ đầu thế kỉ XVI, ở Tây Âu đã xuất hiện hình thức sản xuất gì để thay cho phường hội?

A. Xưởng thủ công. B. Nông trại.

C. Công trường thủ công. D. Thương đoàn.

Câu 8: Qui mô sản xuất của công trường thủ công lớn hơn xưởng thủ công của phường hội. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 9: Quan hệ sản xuất trong công trường thủ công là quan hệ gì?

A. Quan hệ giữa thợ cả - thợ bạn- thợ học nghề.

B. Quan hệ giữa chủ và thợ.

C. Quan hệ giữa thợ cả và học nghề.

D. Tất cả các quan hệ trên.

Câu 10: Quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp ở Tây Âu đầu thế kỉ XVI là quan hệ gì?

A. Chủ trang trại và nông dân. B. Quý tộc phong kiến và nông nô

C. Địa chủ và nông dân. D. Chủ nô và nô lệ.

Câu 11: Tích luỹ ban đầu của chủ nghĩa tư bản diễn ra bằng cách nào?

A. Bằng sự phát triển buôn bán, tiền của tập trung trong tay một số người

B. Qua cuộc phát kiến địa lí tìm ra những vùng đất mới đã thúc đẩy quá trình xâm chiếm thuộc địa.

C. Buôn bán ở thuộc địa, cướp bóc thuộc địa, buôn bán nô lệ da đen.

D. Bằng tất cả việc làm trên.

Câu 12: Phong trào "Rào đất cướp ruộng", nhằm mục đích gì trong việc hình thành giai cấp gắn liền với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa?

A. Biến ruộng đất của nông dân thành đồng cỏ chăn cừu phục vụ cho sản xuất len dạ.

B. Nông dân bị mất ruộng đất, chỉ còn con đường làm thuê, bán sức lao động cho những ông chủ giàu có.

C. Biến giai cấp địa chủ phong kiến thành giai cấp tư sản.

D. Câu B và C đúng.

Câu 13: Từ thế kỉ XVI, những yếu tố nào tạo điều kiện trực tiếp đến sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu?

A. Sự giải thể của quan hệ sản xuất phong kiến, cùng với những tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

B. Sự ra đời của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

C. Công trường thủ công thay thế cho xưởng thủ công phường hội.

D. Công trường thủ công có quy mô sản xuất lớn.

Câu 14: Giai cấp tư sản được hình thành từ những thành phần nào trong xã hội?

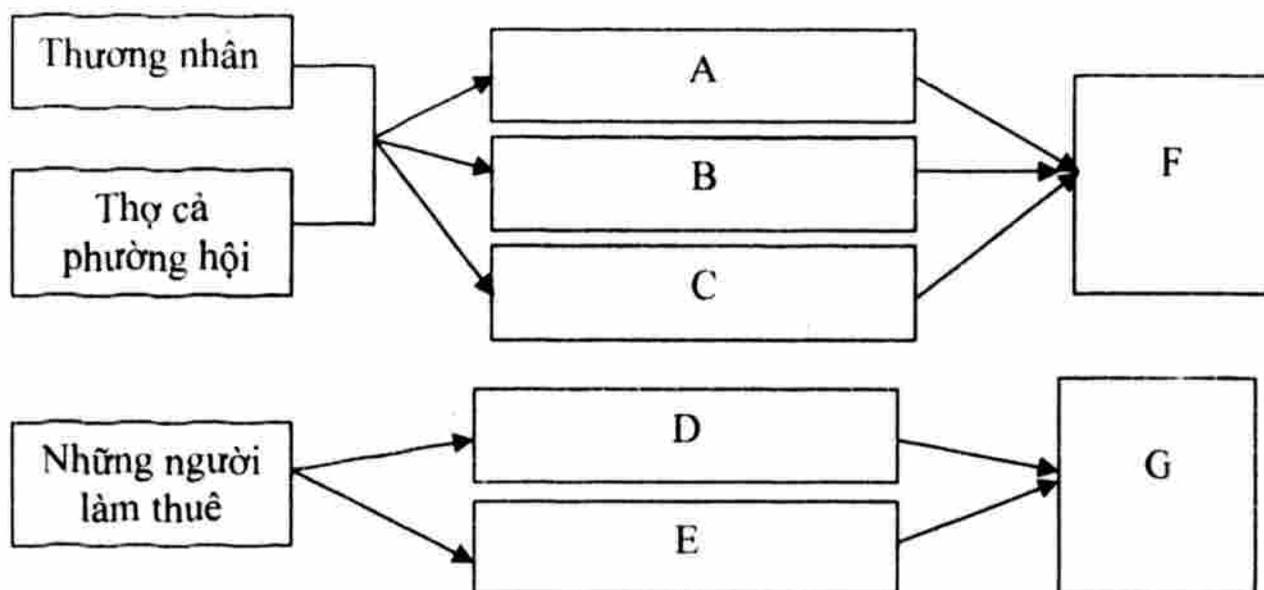
A. Những nhà buôn lớn, những chủ ngân hàng.

B. Những chủ công trường, chủ trang trại.

C. Câu A và B đúng.

D. Câu A và B sai.

Câu 15: Điền vào sơ đồ dưới đây về sự xuất hiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu?



Câu 16: Hãy ghi hậu quả của quá trình tích luỹ tư bản nguyên thuỷ theo bảng kê sau:

Lĩnh vực	Nội dung
1. Về kinh tế	A..
2. Về xã hội	B..
3. Về chính trị	C..

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 17

1. D **2.** B **3.** C **4.** A **5.** B **6.** B **7.** C

8. A **9.** B **10.** A **11.** D **12.** B **13.** A **14.** C

15. A. Nhà buôn lớn. B. Chủ ngân hàng.
C. Các chủ công trường. D. Trang trại.
E. Công trường thủ công. F. Giai cấp tư sản. G. Giai cấp vô sản.

16. A. Hình thức kinh doanh tư bản ra đời - đó là công trường thủ công.
B. Các giai cấp mới được hình thành - giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.
C. Giai cấp tư sản mâu thuẫn với giai cấp quý tộc phong kiến, dẫn đến cuộc đấu tranh chống quý tộc phong kiến, tạo điều kiện cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển.

Bài 18
PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HƯNG

Câu 1: Thế nào là văn hoá phục hưng?

A. Khôi phục lại toàn bộ nền văn hoá cổ đại.
B. Phục hưng tinh thần của nền văn hoá Hi Lạp, Rô-ma và sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.
C. Phục hưng lại nền văn hoá phong kiến thời trung đại.
D. Khôi phục lại những gì đã mất của văn hoá.

Câu 2: Bằng những tác phẩm của mình, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án:

A. Chế độ phong kiến. B. Văn hoá đồi truỵ.
C. Giáo hội Ki tô. D. Vua quan thời phong kiến.

Câu 3: Văn hoá phục hưng đã đề cao vấn đề gì?

A. Đề cao khoa học xã hội - nhân văn.
B. Đề cao tôn giáo.
C. Đề cao tự do cá nhân.
D. Đề cao giá trị con người và khoa học tự nhiên.

Câu 4: Điều kiện nào đóng vai trò chủ yếu dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hoá phục hưng?

A. Sự xuất hiện quan hệ tư bản chủ nghĩa.
B. Sự ra đời của giai cấp tư sản.
C. Sự lớn mạnh của thành thị.
D. Nhiều phát minh khoa học – kĩ thuật.

Câu 5: Từ thế kỉ XI – XIII, văn hoá châu Âu bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng nào?

A. Giáo hội Thiên chúa giáo. B. Nhà thờ Ki-tô.
C. Nho giáo. D. Trung quân.

Câu 6: Bước vào thời hậu kì trung đại, diễn ra cuộc chiến tranh nào làm hậu thuẫn cho giai cấp tư sản để chống lại chế độ phong kiến?

A. Cải cách tôn giáo.
B. Đấu tranh sôi nổi của nông dân.

C. Đấu tranh của giai cấp tư sản trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng.

D. Câu A và B đúng.

Câu 7: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Đến thế kỉ XV - XVI, chủ nghĩa tư bản ra đời ở……… và tiếp đó là các nước Tây Âu khác như Pháp, Tây Ban Nha, Nê-đéc-lan, Đức."

A. Hà Lan. B. I-ta-li-a. C. Anh. D. Châu Âu.

Câu 8: Từ thế kỉ XIV – XV, Văn hoá phục hưng xuất hiện tương đối sớm ở đâu?

A. Các thành thị nước Anh. B. Các thành thị Hà Lan.

C. Các thành thị Tây Âu. D. Các thành thị miền Bắc I-ta-li-a.

Câu 9: Văn hoá phục hưng phát triển rực rỡ nhất ở các nước Tây Âu vào thời gian nào?

A. Thế kỉ XV - XVI. B. Thế kỉ XVI.

C. Thế kỉ XVII. D. Thế kỉ XVIII.

Câu 10: Phong trào Văn hoá phục hưng đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực nào?

A. Phát minh về khoa học tự nhiên. B. Các công trình kiến trúc.

C. Văn học nghệ thuật. D. Triết học và lịch sử.

Câu 11: Thời đại Văn hoá phục hưng đã chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc của lĩnh vực nào?

A. Văn học nghệ thuật. B. Khoa học xã hội - nhân văn.

C. Khoa học - kĩ thuật. D. Tư tưởng văn hoá.

Câu 12: Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Ra-bơ-le.	a. Hoạ sĩ thiên tài, kĩ sư nổi tiếng.
2. Đê-các-tơ.	b. Nhà soạn kịch vĩ đại.
3. Lê-ô-ra-đơ Vanh-xi.	c. Nhà văn, nhà y học lớn.
4. Sếch-xpia.	d. Nhà toán học, nhà triết học lớn.

Câu 13: Văn hoá phục hưng đề cao giá trị con người. Đó là con người nào?

A. Con người trong xã hội nói chung. B. Con người của giai cấp tư sản.

C. Con người lao động khốn khổ. D. Con người nô lệ và nông dân.

Câu 14: Tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của nhà văn nào trong thời Văn hoá phục hưng?

A. Sếch-xpia. B. Ra-bơ-le. C. Tô-mat-Mo-rơ. D. Xéc-van-tet.

Câu 15: Văn hoá phục hưng là "cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại". Đánh giá này của ai?

A. Ăng-ghen. B. C. Mác. C. Lê-nin. D. Hồ Chí Minh.

Câu 16: Giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại hệ tư tưởng của đạo nào?

A. Đạo Hồi. B. Đạo Ki-tô. C. Đạo Phật. D. Ấn Độ giáo.

Câu 17: Phong trào Văn hoá Phục hưng diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Thế kỉ XIV - XVII. B. Giữa thế kỉ XIV - XVII.

C. Cuối thế kỉ XIV - XVII. D. Đầu thế kỉ XVII - XVIII.

Câu 18: Quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng là nước nào?

A. Nước Pháp. B. Nước Bỉ. C. Nước Ý. D. Nước Hà Lan.

Câu 19: Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài mà người ta gọi là:

A. "Những con người vĩ đại". B. "Những con người thông minh".

C. "Những con người xuất chúng". D. "Những con người khổng lồ".

Câu 20: Nội dung của phong trào Văn hoá Phục hưng là gì?

A. Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội. B. Đề cao khoa học tự nhiên.

C. Đề cao giá trị con người. D. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 21: "Ông đã chứng minh được trung tâm hệ thống hành tinh chúng ta là Mặt Trời, Trái Đất tự xoay xung quanh trục của nó và xoay xung quanh Mặt Trời". Ông là ai?

A. Cô-péc-ních. B. Ga-li-lê. C. Đê-các-tơ. D. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

Câu 22: "Ông cho rằng Mặt Trời không phải là trung tâm của vũ trụ mà chỉ là trong vô số thái dương hệ". Ông là ai?

A. Cô-péc-ních. B. Bru-nô. C. Đê-các-tơ. D. Ga-li-lê.

Câu 23: Ai là người đã chứng minh được tính khoa học vững chắc của thuyết Nhật tâm của Cô-péc-ních?

A. Bru-nô. B. Ga-li-lê. C. Đê-các-tơ. D. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

Câu 24: Qua các tác phẩm của mình, các tác giả thời Phục hưng muốn nói lên điều gì?

A. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Ki-tô.

B. Đả phá trật tự xã hội phong kiến.

C. Đề cao giá trị chân chính của con người.

D. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 25: Phong trào Văn hóa Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến mà còn là:

A. "Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại". B. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

C. Cuộc cách mạng văn hoá. D. Cuộc cách mạng tư sản.

Câu 26: Bước vào thời hậu kì trung đại, bộ mặt Tây Âu có nhiều thay đổi như thế nào?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành ngay trong lòng xã hội phong kiến.

B. Những tiến bộ của khoa học - kĩ thuật giúp con người thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nhận thức được bản chất của thế giới.

C. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã chiếm ưu thế trong xã hội phong kiến ở Tây Âu.

D. Câu A và B đúng.

Câu 27: Vào thời hậu kì trung đại, giai cấp tư sản muốn đạt được mục tiêu gì trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá?

A. Muốn có một hệ tư tưởng và nền văn hoá riêng phục vụ cho đời sống tinh thần của mình.

B. Muốn thực hiện một cuộc cải cách về văn hoá.

C. Muốn thay đổi toàn bộ hệ tư tưởng phong kiến ở châu Âu.

D. Muốn có một nền văn hoá mang đậm bản chất của tư sản.

Câu 28: Thời hậu kì trung đại, hệ tư tưởng nào trở nên lỗi thời, lạc hậu đang cản trở sự phát triển xã hội?

A. Hệ tư tưởng quý tộc phong kiến.

B. Hệ tư tưởng của Giáo hội và của giai cấp quý tộc phong kiến.

C. Hệ tư tưởng của phong kiến và tăng lữ.

D. Tất cả các hệ tư tưởng trên.

Câu 29: Thời hậu kì trung đại diễn ra cuộc đấu tranh sôi nổi của nông dân chống các thế lực nào đã làm hậu thuẫn cho giai cấp tư sản?

A. Chống ách áp bức bóc lột của lãnh chúa phong kiến và tăng lữ.

B. Chống hệ tư tưởng của lãnh chúa phong kiến và tăng lữ.

C. Chống ách áp bức bóc lột của quý tộc và địa chủ.

D. Chống giáo hội và quý tộc phong kiến.

Câu 30: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về nội dung và ý nghĩa của phong trào Văn hóc phục hưng sau đây:

A	B
1. Nội dung 2. Ý nghĩa	A. Đã đánh bại hệ tư tưởng lỗi thời của phong kiến và Giáo hội Thiên chúa. B. Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội. C. Đề cao giá trị con người. D. Đề cao những giá trị tốt đẹp cao quý của con người. E. Đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan mới. F. Là bước tiến kì diệu trong lịch sử văn minh Tây Âu. G. Đòi tự do cá nhân. H. Là một "cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại", mở đường cho sự phát triển cao hơn của văn hoá châu Âu và văn hoá của con người.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 18

1. B **2.** C **3.** D **4.** A **5.** A **6.** D **7.** C **8.** D **9.** B **10.** C **11.** C
12. 1:C, 2:D,3:A, 4:B **13.** B **14.** D **15.** A **16.** B **17.** A **18.** C **19.** D
20. D **21.** A **22.** B **23.** B **24.** D **25.** A **26.** D **27.** A **28.** B **29.** A
30. 1: B, C, E, G; 2: A, D, F, H.

Bài 19
CẢI CÁCH TÔN GIÁO VÀ CHIẾN TRANH NÔNG DÂN

Câu 1: Thời trung đại, ở châu Âu tôn giáo nào chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội?

A. Ki-tô giáo. B. Phật giáo.
C. Hồi giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 2: Lu-thơ là người khởi xướng phong trào cải cách Tôn giáo ở nước nào?

A. Ở Anh. B. Ở Pháp. C. Ở Đức. D. Ở I-ta-li-a.

Câu 3: Điểm chung giống nhau trong cải cách tôn giáo của Lu-thơ và Can-vanh là gì?

A. Triệt để thủ tiêu Ki-tô giáo.
B. Bãi bỏ những nghi lễ phiền phức.
C. Đưa giáo lí mới, nghi lễ mới vào đời sống tinh thần xã hội.
D. Quay về với giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ.

Câu 4: Can-vanh là người đi đầu trong việc chống lại những giáo điều lỗi thời, lạc hậu của Ki-tô giáo. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 5: Can-vanh là người nước nào?

A. Đức. B. Pháp. C. Anh. D. I-ta-li-a

Câu 6: Ai là người khởi xướng phong trào Cải cách tôn giáo?

A. Lu-thơ. B. Can-vanh. C. Ga-li-lê. D. Cô-péc-ních.

Câu 7: Phong trào Cải cách tôn giáo nổ ra đầu tiên ở nước nào?

A. Nước Pháp. B. Nước Đức. C. Nước Thụy Sĩ. D. Nước Anh.

Câu 8: Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo?

A. Giáo hội tăng cường bóc lột nhân dân.
B. Giáo hội là lực lượng cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản đang lên.
C. Giáo hội dựa vào Kinh thánh của đạo Ki-tô bóc lột nhân dân về mặt tinh thần.
D. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 9: Ông đã kịch liệt lên án những hành vi tham lam và đồi bại của giáo hoàng, chỉ trích mạnh mẽ những giáo lí giả dối của Giáo hội, đòi bãi bỏ những thủ tục, lễ nghi phiền toái, đòi quay về với giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ. Ông là ai?

A. M.Lu-thơ. B. G.Can-vanh.
C. U.Sếch-xpia. D. N.Cô-péc-ních.

Câu 10: Trong giáo lí của mình, Lu-thơ chủ trương vấn đề gì?

A. Lên án những hành vi của Giáo hoàng.
B. "Cứu vớt con người bằng lòng tin".
C. Chỉ trích giáo lí giả dối của Giáo hội.
D. Phủ nhận vai trò thống trị của Giáo hội.

Câu 11: Trong thời kì ở Pa-ri, Can-vanh chịu ảnh hưởng của tư tưởng nào?

A. Ki-tô giáo.

B. Cải cách tôn giáo của Lu-thơ.

C. Tư tưởng phong kiến và Giáo hội nhà thờ.

D. Không chịu ảnh hưởng tư tưởng nào cả.

Câu 12: Thuyết định mệnh là thuyết của ai?

A. Lu-thơ. B. Can-vanh. C. Cô-péc-ních. D. Ga-li-lê.

Câu 13: Đến thế kỉ XVI, nước nào lạc hậu nhất châu Âu?

A. Pháp. B. Anh. C. I-ta-li-a. D. Đức.

Câu 14: Tư tưởng nào đã châm ngòi cho một loạt cuộc nổi dậy của nông dân Đức, tạo thành một cuộc chiến tranh nông dân vĩ đại?

A. Tư tưởng cải cách của Can-vanh. B. Tư tưởng cải cách của Lu-thơ.

C. Tư tưởng của Ga-li-lê. D. Tư tưởng của Cô-péc-ních.

Câu 15: Ai là người tiêu biểu cho tư tưởng cải cách của quần chúng và cũng là lãnh tụ kiệt xuất của phong trào nông dân ở Đức?

A. Lu-thơ. B. Can-vanh.

C. Tô-mát-Muyn-xơ. D. To-mat-Mo-rơ

Câu 16: Vì sao phong trào chiến tranh nông dân Đức bị thất bại?

A. Thiếu sự lãnh đạo của một chính đảng của giai cấp nông dân.

B. Thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu sự đoàn kết giữa các vùng trong nước, giữa các thành phần xã hội tham gia phong trào.

C. Bọn phong kiến ở Đức còn rất mạnh.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 17: Chiến tranh nông dân Đức thể hiện điều gì?

A. Lòng căm thù của quảng đại quần chúng đối với chế độ phong kiến đã lỗi thời.

B. Lòng căm thù của giai cấp nông dân đối với chế độ phong kiến đã lỗi thời.

C. Lòng căm thù của giai cấp tư sản đối với bọn phong kiến và Giáo hội Thiên chúa giáo.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 18: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc cải cách tôn giáo ở Tây Âu thời trung đại?

A. Do Ki-tô giáo chi phối toàn bộ đời sống tinh thần xã hội.

B. Do Giáo hội trở nên thối nát, phản động, ngăn cản hoạt động của giai cấp tư sản đang lên.

C. Do nhu cầu của giai cấp tư sản và các tầng lớn nhân dân là cần có một Giáo hội mới với một hệ thống giáo lí mới phù hợp với thời đại mới.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 19: Quan điểm cải cách tôn giáo của Lu-thơ là gì?

A. Ông không muốn thủ tiêu tôn giáo mà chỉ dùng biện pháp ôn hoà, quay về với Giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ.

B. Chủ trương duy trì tín ngưỡng, tôn sùng Thượng đế, quay về với Giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ.

C. Muốn thủ tiêu vai trò của Giáo hội, bãi bỏ những thủ tục và lễ nghi phiền toái.

D. Câu A và C đều đúng.

Câu 20: Điểm nào dưới đây là quan điểm chính thống của cải cách tôn giáo của Can-vanh?

A. Chủ trương cứu vớt con người bằng lòng tin.

B. Cải cách tôn giáo mang tính nửa vời.

C. Chủ trương duy trì tín ngưỡng, tôn sùng Thượng đế, quay về với Giáo lí Ki-tô nguyên thuỷ.

D. Muốn xoá bỏ cơ sở kinh tế của Giáo hội, thủ tiêu địa vị xã hội của tăng lữ.

Câu 21: Cuộc cải cách tôn giáo ở Tây Âu thời hậu kì trung đại có tác dụng như thế nào?

A. Nó tấn công trực tiếp vào Giáo hội Thiên Chúa và vào chế độ phong kiến.

B. Nó châm ngòi cho phong trào đấu tranh nông dân, tiêu biểu là chiến tranh nông dân Đức.

C. Nó thủ tiêu toàn bộ Giáo hội Thiên chúa giáo, mở đường cho hệ tư tưởng tư sản phát triển.

D. Câu A và B đúng.

Câu 22: Nguyên nhân khách quan làm bùng nổ cuộc Chiến tranh nông dân Đức là

A. Nông dân Đức sống đau khổ dưới chế độ phong kiến và sự thối nát của Giáo hội Thiên chúa.

B. Do ảnh hưởng của phong trào Cải cách tôn giáo đến nông thôn Đức.

C. Do lòng căm thù của nông dân Đức đối với chế độ phong kiến.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 23: Ghi nội dung vào cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

Cải cách tôn giáo (A)	Nội dung (B)
1. Lu-thơ.	A. ....
2. Can-vanh.	B. ....

Câu 24: Hạn chế lớn nhất của cải cách tôn giáo của Lu- Thơ và Can-vanh là

A. Không tấn công trực tiếp vào giáo hội Thiên chúa giáo.

B. Không xoá bỏ tôn giáo mà chỉ thay đổi cho phù hợp với kích thước của nó.

C. Không xoá bỏ những mặt còn hạn chế của tôn giáo.

D. Không để ra lối thoát cho con người.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 19

1. A **2.** C **3.** D **4.** B **5.** B **6.** B **7.** B **8.** D **9.** A **10.** B **11.** B
12. B **13.** D **14.** B **15.** C **16.** B **17.** A **18.** A **19.** D **20.** C **21.** D **22.** B

23. A. - Chủ trương quay về với giáo lí nguyên thủy.
- Cứu vớt con người bằng lòng tin.
- Bác bỏ những nghi lễ phiền phức.

B. - Chủ trương quay về với giáo lí nguyên thuỷ.
- Tổ chức lại Giáo hội và hoạt động tôn giáo phù hợp với thời kì mới.
- Xoá bỏ kinh tế của nhà thờ, thủ tiêu địa vị của quý tộc.

24. B

Bài 20
ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Đặc điểm của người tối cổ là gì?
A. Sống thành từng bầy.
B. Chưa trút hết lốt vượn nhưng đã biết chế công cụ.
C. Đã chuyển sang sống thành thị tộc, bộ lạc.
D. Câu A và B đúng.

Câu 2: Khi Người tối cổ xuất hiện, họ đã biết làm gì?
A. Ghè những mảnh đá và mài nhẵn thành hình công cụ.
B. Chế tạo ra cung tên để săn bắn.
C. Lấy mảnh đá, hòn cuội lớn đem ghè một mặt cho sắc và vừa tay cầm làm công cụ.
D. Biết làm nhà sàn để ở, biết giữ lửa trong tự nhiên.

Câu 3: Biết tạo ra lửa và sử dụng lửa, đó là phát minh của:
A. Người vượn cổ.
B. Người tối cổ.
C. Người tinh khôn.
D. Người tối cổ và người tinh khôn.

Câu 4: Khoảng 6000 năm trước đây, đã xuất hiện nông dân cày bừa trên ruộng ven sông nào?
A. Sông Nin và Lưỡng Hà.
B. Sông Hằng và sông Ấn.
C. Sông Hoàng Hà.
D. Sông Hồng.

Câu 5: Xã hội có giai cấp đầu tiên ở đâu?
A. Sông Nin và Lưỡng Hà.
B. Sông Hằng và sông Ấn.
C. Sông Hoàng Hà.
D. Sông Hồng.

Câu 6: Quốc gia cổ đại xuất hiện sớm nhất ở khu vực nào trên thế giới?
A. Phương Đông và phương Tây.
B. Ở Phương Đông.
C. Ở Khu vực Địa Trung Hải.
D. Ở Phương Đông và phương Bắc.

Câu 7: Ngành kinh tế chủ yếu trong xã hội cổ đại phương Đông là gì?

A. Thủ công nghiệp. B. Thương nghiệp

C. Nông nghiệp. D. Tất cả các ngành trên.

Câu 8: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội phương Đông là tầng lớp nào?

A. Nô lệ. B. Nông nô.

C. Nông dân tự canh. D. Nông dân công xã.

Câu 9: Lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội chiếm nô ở phương Tây là tầng lớp nào?

A. Thợ Thủ Công. B. Công nhân. C. Nô lệ. D. Nông nô.

Câu 10: Hai giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở phương Đông là:

A. Chủ nô và nô lệ. B. Địa chủ và nông dân tự canh.

C. Chủ nô và nông nô. D. Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

Câu 11: Hai giai cấp chính trong xã hội phong kiến phương Tây là:

A. Lãnh chúa phong kiến và nông dân.

B. Lãnh chúa phong kiến và nông nô.

C. Địa chủ và nông dân.

D. Chủ nô và nô lệ.

Câu 12: Nền kinh tế chủ yếu ở khu vực Địa Trung Hải là:

A. Nông nghiệp.

B. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.

C. Công nghiệp và thương nghiệp.

D. Thương nghiệp và nông nghiệp.

Câu 13: Chế độ phong kiến phương Đông ra đời sớm, nhưng kết thúc muộn hơn các nước phương Tây. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 14: Chế độ phong kiến phương Đông rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng vào thời gian nào?

A. Khoảng thế kỉ XV - XVIII. B. Khoảng thế kỉ XVI - XVII.

C. Khoảng thế kỉ XVI - XVIII. D. Khoảng thế kỉ XVII - XIX.

Câu 15: Chế độ phong kiến phương Tây suy vong vào thời gian nào?

A. Thế kỉ XV - XVII. B. Thế kỉ XVI - XVII.

C. Thế kỉ XVII - XVIII. D. Thế kỉ XVI - XIII.

Câu 16: Lãnh chúa phong kiến và nông nô là hai giai cấp chính trong xã hội:

A. Xã hội chiếm nô. B. Xã hội phong kiến ở phương Đông.

C. Xã hội phong kiến ở phương Tây. D. Xã hội cổ đại phương Đông.

Câu 17: Văn hoá truyền thống của Ấn Độ và Trung Quốc có ảnh hưởng rõ nét đến khu vực:

A. Đông Nam Á. B. Châu Phi. C. Châu Á. D. Châu Mĩ La-tinh.

Câu 18: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	B
1. Người tối cổ 2. Người tinh khôn	A. Biết sử dụng lửa và tạo ra lửa. B. Sống trong cộng đồng thị tộc, bộ lạc. C. Chưa trút hết lớp vượn. D. Đã biết chế tạo công cụ bằng đá. E. Biết ghè đẽo công cụ sắc bén hơn. F. Sống theo cộng đồng, công bằng và tự nguyện. G. Biết làm nhà, mặc quần áo, đeo đồ trang sức. H. Sống thành từng bầy, gọi là bầy người nguyên thuỷ.

Câu 19: Hãy đánh dấu X vào cột dọc sau đây cho phù hợp:

Nội dung	Các quốc gia cổ đại phương Đông (A)	Chế độ chiếm nô phương Tây (B)
1. Thời gian ra đời 3.500 năm TCN.	....	....
2. Thời gian ra đời 1.000 nămTCN.	....	....
3. Địa bàn cư trú ven biển Địa Trung Hải.	....	....
4. Công cụ sản xuất bằng đá, gỗ, tre.	....	....
5. Địa bàn cư trú ven các dòng sông.	....	....
6. Giai cấp thống trị là vua chuyên chế.	....	....
7. Giai cấp thống trị là chủ nô.	....	....
8. Lực lượng sản xuất chủ yếu là nô lệ.	....	....
9. Lực lượng sản xuất chủ yếu là nông dân công xã.	....	....
10. Ngành sản xuất chính là nông nghiệp.	....	....
11. Ngành sản xuất chính là thủ công nghiệp.	....	....
12. Công cụ sản xuất chủ yếu bằng sắt.		

Câu 20: Ghi nội dung vào bảng thống kê dưới đây về xã hội phong kiến ở phương Đông và phương Tây:

	Phương Đông	Phương Tây
1. Thời gian ra đời	A.	B. ....
2. Hai giai cấp chính	C.	D. ....
3. Tổ chức xã hội	E.	F. ....
4. Thời gian khủng hoảng, suy vong.	G.	H. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 20

1. D **2.** C **3.** C **4.** A **5.** A **6.** B **7.** C **8.** D **9.** C

10. D **11.** B **12.** B **13.** A **14.** D **15.** A **16.** C **17.** A

18. 1: C, D, F, H; 2: A, B, E, F, G.

19. (A) : 1, 4, 5, 6, 9, 10; (B): 2,3,7, 8, 11. 12.

20. A. Ra đời sớm, từ khoảng mấy thế kỉ cuối trước Công nguyên.

B. Ra đời muộn hơn phương Đông, khoảng năm thế kỉ.

C. Hai giai cấp chính: Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

D. Hai giai cấp chính: lãnh chúa phong kiến và nông nô.

E. Chế độ phong kiến tập quyền.

F. Chế độ phong kiến phân quyền.

G. Khủng hoảng trầm trọng trong khoảng thế kỉ XVII - XIX, trước khi chủ nghĩa tư bản phương Tây đặt chân đến.

H. Từ thế kỉ XV - XVII, chế độ phong kiến phương Tây suy vong và chuẩn bị cho sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản.

PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chương I
VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THUỶ

Bài 21
CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

***Câu 1:** Cách ngày nay 30 - 40 vạn năm, trên đất nước Việt Nam đã có người nào sinh sống?*

A. Người tối cổ. B. Người tinh khôn.

C. Vượn Người. D. Câu A và B đúng.

***Câu 2:** Người ta tìm thấy một số chiếc răng Người tối cổ nước ta giống với răng của Người tối cổ Bắc Kinh ở vùng nào?*

A. Núi Đọ (Thanh Hoá). B. Dầu Giây (Đồng Nai).

C. An Lộc (Bình Phước). D. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).

***Câu 3:** Những di vật ngày nay tìm thấy được tại các di chỉ về Người tối cổ ở nước ta được chế tác bằng chất gì?*

A. Đá. B. Đồng thau. C. Thau. D. Sắt.

***Câu 4:** Người tối cổ ở Việt Nam sử dụng phương thức nào để kiếm sống?*

A. Săn bắt, hái lượm. B. Săn bắn, hái lượm.

C. Hái lượm, săn bắn. D. Trồng trọt, chăn nuôi.

***Câu 5:** Di tích của Người hiện đại đầu tiên ở Việt Nam được tìm thấy ở đâu?*

A. Di tích Ngườm (Thái Nguyên). B. Di tích Sơn Vi.

C. Ở hang Hùm. D. Tất cả các địa điểm trên.

***Câu 6:** Ở di tích Sơn Vi (Phú Thọ), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy di chỉ gì của Người hiện đại của Việt Nam?*

A. Răng hoá thạch. B. Xương hoá thạch.

C. Công cụ bằng đá. D. Công cụ bằng đồng thau.

***Câu 7:** Văn hoá Hoà Bình xuất hiện cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?*

A. 10.000 đến 7.000 năm. B. 12.000 đến 7.000 năm.

C. 11.000 đến 8.000 năm. D. 7.000 đến 12.000 năm.

***Câu 8:** Nối tiếp văn hoá Hoà Bình là văn hoá nào? Cách ngày nay bao nhiêu năm?*

A. Văn hoá Sơn La, cách nay khoảng 12.000 đến 7.000 năm.

B. Văn hoá Phú Thọ, cách nay khoảng 11.000 đến 6.000 năm.

C. Văn hoá Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), cách nay khoảng 11.000 đến 8.000 năm.

D. Văn hoá Bắc Sơn, cách nay khoảng 10.000 đến 7.000 năm.

Câu 9: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Bắc Sơn là gì?

A. Săn bắn, hái lượm. B. Săn bắt, hái lượm.

C. Đánh cá, chăn nuôi. D. Trồng trọt, chăn nuôi.

Câu 10: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Sản xuất nông nghiệp của cư dân Bắc Sơn có bước tiến triển hơn.................."

A. Cư dân Thanh Hoá. B. Cư dân Hoà Bình.

C. Cư dân Sơn Vi - Phú Thọ. D. Cư dân Lai Châu.

Câu 11: Cách ngày nay khoảng bao lâu, trên đất nước Việt Nam, con người đã phát triển kĩ thuật mài, cưa, khoan đá, làm gốm.

A. Khoảng 10.000 đến 6.000 năm. B. Khoảng 5.000 đến 6.000 năm.

C. Khoảng 6.000 đến 7.000 năm. D. Khoảng 4.000 đến 5.000 năm.

Câu 12: Nhiều di tích văn hoá hậu kì đá mới được phát hiện ở nhiều nơi như Mai Pha,Nậm Tun, Sập Việt... Vậy, Mai Pha thuộc tỉnh nào?

A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Lạng Sơn. D. Thanh Hoá.

Câu 13: Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

Các nhà khảo cổ học tìm thấy dấu tích của người tối cổ có niên đại cách đây 30 - 40 vạn năm. Ở Thẩm Khuyến, Thẩm Hai thuộc........(A)......... Ở Núi Đọ, Quảng Yên, Núi Nuông thuộc ....(B)......... Ở ....(C).........thuộc Đồng Nai. Ở An Lộc thuộc........(D)........

Câu 14: Dựa vào các yếu tố nào mà các nhà khảo cổ học khẳng định quá trình chuyển biến từ Người tối cổ thành Người hiện đại ở Việt Nam.

A. Dựa vào những hoá thạch răng và nhiều công cụ đá.

B. Dựa vào kết quả nghiên cứu tài liệu thư tịch.

C. Dựa vào các câu chuyện dân gian.

D. Dựa vào những công cụ sản xuất và xương sọ người.

Câu 15: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Ở hang Hùm (Yên Bái), có những hoá thạch răng của Người hiện đại giai đoạn sớm.

B. Ở di tích Ngườm (Thái Nguyên), có nhiều công cụ đá của Người hiện đại giai đoạn sớm.

C. Ở Thẩm Khuyên, Thẩm hai (Lạng Sơn) được tìm thấy di cốt Người tối cổ.

D. Ở di tích Sơn Vi (Phú Thọ) các nhà khảo cổ học tìm thấy nhiều công cụ đá của Người hiện đại giai đoạn sớm.

Câu 16: Cư dân Hoà Bình sống định cư lâu dài ở đâu thành các thị tộc?

A. Ở các khu rừng núi hoang sơ.

B. Trong các hang động, mái đá gần nguồn nước.

C. Trong các hang động gần các vách đá.

D. Ven sông, suối gần nguồn nước.

Câu 17: Cư dân Hoà Bình lấy phương thức nào làm nguồn sống chính?

A. Lấy săn bắt và hái lượm làm nguồn sống chính.

B. Lấy trồng các loại rau, củ, cây ăn quả làm nguồn sống chính.

C. Lấy săn bắn, hái lượm làm nguồn sống chính.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 18: Cư dân Bắc Sơn sống định cư ở đâu và dùng loại đá gì để chế tạo công cụ?

A. Trong các hang động đá vôi và dùng đá cuội để chế tạo công cụ.

B. Trong các hang động, mái đá và dùng đá chẻ để chế tạo công cụ.

C. Trong các vùng rừng núi và dùng đá mới để chế tạo công cụ.

D. Trong các núi đá vôi và dùng đá đỏ để chế tạo công cụ.

Câu 19: Công cụ phổ biến của cư dân Bắc Sơn là

A. Đá mài ở hai đầu.

B. Đá mài nhẵn và tra cán.

C. Đá mài ở lưỡi.

D. Rìu mài ở lưỡi.

Câu 20: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A cho sẵn sau đây:

A	B
1. Người tối cổ ở Việt Nam 2. Người Sơn Vi 3. Người Hoà Bình - Bắc Sơn	A. Sống cách nay 12000-7000 năm. B. Địa bàn cư trú ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Núi Đọ, Hòn Gòn, Dầu Giây. C. Địa bàn cư trú ở Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang... D. Địa bàn cư trú ở Hoà Bình, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang... E. Công cụ lao động bằng đá ghè đẽo thô sơ. . F. Công cụ lao động bằng đá cuội, được ghè đẽo ở rìa tạo thành lưỡi sắc. G. Công cụ lao động bằng đá được ghè đẽo và với công cụ bằng tre, gỗ. H. Phương thức kiếm sống: săn bắn, hái lượm, đánh cá, chăn nuôi.3 I. Phương thức kiếm sống: săn bắt, hái lượm. K. Phương thức kiếm sống: săn bắn, hái lượm. L. Sống theo gia đình mẫu hệ. M. Sống thành thị tộc, bộ lạc.

Câu 21: Hãy điền các sử liệu vào cột B sao cho phù hợp với cột A đã cho sau đây:

A	B
1. Ở hang Hùm (Yên Bái).	A. ....
2. Ở di tích Ngườm (Thái Nguyên).	B. ....
3. Ở di tích Sơn Vi.	C. ....

Câu 22: Từ 15 đến 20 vạn năm cách nay gắn liền với:

A. Người tối cổ ở Việt Nam.

B. Người Sơn Vi.

C. Người Hoà Bình - Bắc Sơn.

D. Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt.

Câu 23: Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt có niên đại cách nay:

A. 30 đến 40 vạn năm. B. 15 đến 20 vạn năm.

C. 12.000 đến 7.000 năm. D. 5.000 đến 6.000 năm.

Câu 24: Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng Nai, Bình Phước là địa bàn cư trú của:

A. Người tối cổ ở Việt Nam.

B. Người Sơn Vi.

C. Người Hoà Bình - Bắc Sơn.

D. Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt.

Câu 25: Người Sơn Vi có địa bàn cư trú ở đâu?

A. Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng Nai, Bình Phước.

B. Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị.

C. Hoà Bình, Thanh Hoá, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị.

D. Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Đắc Lắc, Đồng Nai.

Câu 26: Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt có địa bàn cư trú ở:

A. Hoà Bình, Thanh Hoá, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị.

B. Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng Nai, Bình Phước.

C. Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị.

D. Hoà Bình, Thanh Hoá, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị.

Câu 27: Người Hoà Bình - Bắc Sơn sử dụng công cụ lao động bằng:

A. Đá cuội được ghè đẽo ở rìa cạnh tạo thành lưỡi sắc.

B. Đá được ghè đẽo hai mặt, xương, tre gỗ.

C. Đá được mài, cưa, khoan lỗ.

D. Tất cả các loại công cụ trên.

Câu 28: Săn bắn, hái lượm, đánh cá, chăn nuôi, bắt đầu sản xuất nông nghiệp là hoạt động kinh tế của:

A. Người tối cổ ở Việt Nam.

B. Người Sơn Vi.

C. Người Hoà Bình - Bắc Sơn.

D. Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt.

Câu 29: Người Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn Đa Bút, Cầu Sắt có tổ chức xã hội như thế nào?

A. Sống từng bầy trong các hang động, mái đá.

B. Sống trong các thị tộc.

C. Sống theo tổ chức bộ lạc, gia đình mẫu hệ.

D. Sống thành từng bầy nguyên thuỷ.

Câu 30: "Cách mạng đá mới" ở Việt Nam cách ngày nay bao lâu?

A. Cách ngày nay khoảng 5.000 đến 6.000 năm.

B. Cách ngày nay khoảng 4.000 đến 5.000 năm.

C. Cách ngày nay khoảng 3.000 đến 4.000 năm.

D. Cách ngày nay khoảng 2.000 đến 3.000 năm.

Câu 31: Công cụ của "Cách mạng đá mới" ở Việt Nam đạt đến trình độ:

A. Phát triển kĩ thuật mài đá hai đầu.

B. Phát triển kĩ thuật mài, cưa, khoan đồ đá.

C. Sử dụng công cụ bằng đá có tra cán.

D. Sử dụng công cụ bằng đá, bằng tre, gỗ.

Câu 32: Tổ chức xã hội trong thời "Cách mạng đá mới" ở Việt Nam là

A. Tổ chức gia đình mẫu hệ ra đời. B. Tổ chức gia đình phụ hệ ra đời.

C. Tổ chức thành thị tộc. D. Tổ chức thành bộ lạc.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 21

1. A **2.** D **3.** A **4.** B **5.** C **6.** C **7.** B **8.** D **9.** A **10.** B **11.** B **12.** C

13. A: (Lạng Sơn). B: (Thanh Hoá). C: Hàng Gòn, Dầu Giây, D: (Bình Phước).

14. A **15.** A, B: Đúng; C, D: Sai.

16. B **17.** C **18.** A **19.** D

20. 1: B, E, I; 2: C, F, K, M; 3: A, D, G, H, L.

21. A. Những hoá thạch răng của Người hiện đại giai đoạn sớm.

B. Công cụ đá của Người hiện đại giai đoạn sớm.

C. Công cụ đá của Người hiện đại giai đoạn muộn.

22. B **23.** D **24.** A **25.** B **26.** D **27.** B **28.** C **29.** C **30.** A **31.** B **32.** A

Bài 22
VIỆT NAM CUỐI THỜI NGUYÊN THUỶ

Câu 1: Cách đây khoảng 4.000 năm, cư dân nước ta đã biết sử dụng nguyên liệu gì để chế tạo công cụ?

A. Nguyên liệu sắt. B. Nguyên liệu đồng.

C. Nguyên liệu tre, gỗ. D. Nguyên liệu đá.

Câu 2: Việc sử dụng nguyên liệu đồng và thuật luyện kim để chế tạo công cụ lao động có tác dụng đối với ngành sản xuất nào?

A. Nông nghiệp trồng lúa. B. Thủ công nghiệp.

C. Thương nghiệp. D. Tất cả các ngành trên.

Câu 3: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Đầu thế kỉ II TCN, các bộ lạc sống ở .... đã đưa kĩ thuật chế tác đá lên đỉnh cao, đồng thời sử dụng hợp kim đồng và thuật luyện kim để chế tạo công cụ."

A. Phùng Nguyên. B. Đông Sơn. C. Sông Hồng. D. Sa Huỳnh.

Câu 4: Chủ nhân của nền văn hoá nào mở đầu cho sơ kì thời đại đồng thau ở Việt Nam?

A. Hoa Lộc. B. Sa Huỳnh. C. Phùng Nguyên. D. Đồng Nai.

Câu 5: Các di tích văn hoá Phùng Nguyên được phát hiện nhiều nơi thuộc vùng nào ở Việt Nam?

A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 6: Công cụ lao động chủ yếu của các bộ lạc Phùng Nguyên bằng gì?

A. Bằng đồng. B. Bằng sắt. C. Bằng đá. D. Bằng tre gỗ.

Câu 7: Chủ nhân của nền văn hoá nào sống ở vùng châu thổ sông Mã?

A. Hoa Lộc. B. Sa Huỳnh. C. Phùng Nguyên. D. Đồng Nai.

Câu 8: Văn hoá Sa Huỳnh ở vùng Nam Trung Bộ cách đây bao lâu?

A. 4.000 - 5.000 năm. B. 2.000 - 3.000 năm.

C. 2.500 - 3.000 năm. D. 3.000 - 4.000 năm.

Câu 9: Các di tích văn hoá Sa Huỳnh được phát hiện ở các tỉnh nào hiện nay?

A. Quảng Ngãi, Bình Định. B. Quảng Nam, Đà Nẵng.

C. Khánh Hoà. D. Tất cả các tỉnh trên.

Câu 10: Văn hoá Óc Eo là văn hoá của vùng nào?

A. Đông Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ.

C. Tây Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 11: Các di tích văn hoá Đồng Nai thuộc vùng nào?

A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ.

C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nam Bộ.

Câu 12: Cư dân văn hoá Đồng Nai và Óc Eo làm nghề gì là chủ yếu?

A. Nông nghiệp lúa nước.

B. Nông nghiệp lúa nước và cây lương thực khác.

C. Khai thác sản vật rừng.

D. Săn bắn, hái lượm.

Câu 13: Nhờ đâu mà nghề trồng lúa nước được tiến hành ở nhiều thị tộc?

A. Nhờ biết sử dụng nguyên liệu bằng đồng và thuật luyện kim để chế tạo công cụ.

B. Nhờ thuật luyện kim và sử dụng nguyên liệu bằng sắt

C. Nhờ biết sử dụng nguyên liệu bằng đồng và mở rộng diện tích.

D. Nhờ biết sử dụng nguyên liệu bằng sắt để tiến hành khai hoang

Câu 14: Nền văn hoá lớn của nước ta vào cuối thời nguyên thuỷ được hình thành trên cơ sở nào?

A. Sử dụng nguyên liệu bằng đồng để chế tạo công cụ làm cho năng suất lao động tăng lên.

B. Thuật luyện kim và nghề trồng lúa nước đã tạo nên năng suất lao động cao.

C. Nghề trồng lúa nước được tiến hành ở nhiều thị tộc.

D. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

Câu 15: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các nền văn hoá ở cột A sau đây:

A	B
1. Văn hoá Phùng Nguyên.	A. Đầu thiên niên kỉ II trước Công nguyên.
	B. Cách ngày nay khoảng 3000 - 4000 năm.
2. Văn hoá Sa Huỳnh.	C. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà.
	D. Nông nghiệp lúa và trồng các loại cây khác. Công cụ phổ biến bằng đá.
	E. Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng.
	F. Làm đồ trang sức bằng đá, đồng, thuỷ tinh. Thiêu xác chết.
	G. Nông nghiệp lúa nước, sống trong các công xã thị tộc mẫu hệ. Công cụ lao động chủ yếu bằng đá.
	H. Làm đồ trang sức nhiều loại. Tục chôn người chết nơi cư trú...

Câu 16: Đầu thiên niên kỉ II trước Công nguyên gắn liền với nền văn hoá nào ở Việt Nam?

A. Nền văn hoá Sa Huỳnh.
B. Nền văn hoá Đồng Nai và Óc-Eo.
C. Nền văn hoá Phùng Nguyên.
D. Nền văn hoá Hoa Lộc.

Câu 17: Đời sống vật chất là nông nghiệp lúa và trồng các loại cây khác, công cụ phổ biến bằng đá, đó là đặc trưng của nền văn hoá nào?

A. Văn hoá Phùng Nguyên.
B. Văn hoá Sa Huỳnh.
C. Văn hoá Đông Sơn.
D. Văn hoá Đồng Nai và Óc-Eo.

Câu 18: Địa bàn cư trú của cư dân văn hoá Phùng Nguyên ở đâu?

A. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà.

B. An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Bắc Giang, Bắc Ninh.

C. Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng.

D. Quảng Nam, Quảng Nhãi, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 19: Hãy ghi vào chỗ trống trong bảng kê dưới đây về Văn hoá Phùng Nguyên:

Yêu cầu	Nội dung
1. Thời gian	A. ....
2. Địa bàn	B. ....
3. Đời sống vật chất	C. ....
4. Đời sống tinh thần	D. ....

Câu 20: Biết làm đồ trang sức bằng đá, đồng, thuỷ tinh và có tục thiêu xác chết, đó là đời sống tinh thần của cư dân nền văn hoá nào trên đất nước ta?

A. Cư dân Văn hoá Phùng Nguyên.

B. Cư dân Văn hoá Sa Huỳnh.

C. Cư dân Văn hoá Đồng Nai và Óc-Eo.

D. Tất cả các cư dân nói trên.

Câu 21: Hãy ghi vào chỗ trống trong bảng kê dưới đây về Văn hoá Sa Huỳnh:

Yêu cầu	Nội dung
1. Thời gian	A. ....
2. Địa bàn	B. ....
3. Đời sống vật chất	C. ....
4. Đời sống tinh thần	D. ....

Câu 22: Việc sử dụng đồ sắt của các bộ lạc Phùng Nguyên, vùng châu thổ sông Mã, vùng Nam Trung Bộ và lưu vực sông Đồng Nai chứng tỏ điều gì?

A. Họ đã bước vào thời đá mới.

B. Đánh dấu sự chuyển biến của xã hội nguyên thuỷ sang thời đá mới.

C. Cuộc sống vật chất và tinh thần của họ được cải thiện.

D. Đặt cơ sở hình thành các nền văn hoá lớn ở Việt Nam.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 22

1. B **2.** A **3.** C **4.** C **5.** A **6.** C **7.** A **8.** D **9.** D **10.** C **11.** C
12. B **13.** A **14.** B **15.** 1: A, E, G, H; 2: B, C, D, F. **16.** C **17.** B **18.** C

19. A. Thời gian: Đầu thiên niên ki II trước Công nguyên.

B. Địa bàn: Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng.

C. Đời sống vật chất: Nông nghiệp lúa nước, sống trong các công xã thị tộc mẫu hệ. Công cụ lao động chủ yếu bằng đá.

D. Đời sống tinh thần: Làm đồ trang sức nhiều loại. Tục chôn người chết nơi cư trú...

20. B

21. A. Thời gian: Cách ngày nay khoảng 3000 - 4000 năm.

B. Địa bàn: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà.

C. Đời sống vật chất: Nông nghiệp lúa và trồng các loại cây khác. Công cụ phổ biến bằng đá.

D. Đời sống tinh thần: Làm đồ trang sức bằng đá, đồng, thuỷ tinh. Thiêu xác chết.

22. B

Chương II
CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT VIỆT NAM

Bài 23
NƯỚC VĂN LANG - ÂU LẠC

Câu 1: Vào thời Đông Sơn, từ nửa đầu thiên niên kỉ I TCN, công cụ lao động nào trở nên phổ biến?

A. Bằng sắt. B. Bằng đồng thau.
C. Bằng tre, gỗ, xương. D. Tất cả các loại công cụ trên.

Câu 2: Cư dân trong thời Đông Sơn đã khai phá và biến vùng nào trở thành vùng đất màu mỡ để trồng lúa nước?

A. Châu thổ sông Hồng. B. Châu thổ sông Mã, sông Cả.
C. Châu thổ sông Mê Công. D. Câu A và B đúng.

Câu 3: Hiện vật tiêu biểu cho tài năng và kĩ thuật tinh xảo của nghề đúc đồng của người Việt xưa là gì?

A. Các loại vũ khí bằng đồng. B. Công cụ sản xuất bằng đồng.
C. Thạp đồng. D. Trống đồng.

Câu 4: Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc hơn dưới thời văn hoá nào?

A. Phùng Nguyên. B. Đông Sơn.
C. Hoa Lộc. D. Sa Huỳnh.

Câu 5: Yếu tố nào sau đây không thuộc cơ sở ra đời của nhà nước Văn Lang?

A. Yêu cầu chống ngoại xâm.
B. Yêu cầu bảo vệ nền kinh tế nông nghiệp lúa nước.
C. Phân hoá xã hội sâu sắc.
D. Tất cả các yếu tố trên.

Câu 6: Quốc gia Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng thế kỉ VII TCN. B. Khoảng thế kỉ VI TCN.
C. Khoảng thế kỉ VIII TCN. D. Khoảng thế kỉ V TCN

Câu 7: Lý do dẫn đến sự ra đời của Nhà nước đầu tiên ở nước ta?

A. Do nhu cầu liên kết chống ngoại xâm.
B. Do nhu cầu về thuỷ lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp.
C. Do nhu cầu phân hoá xã hội sâu sắc.
D. Do nhu cầu về thuỷ lợi, quản lí xã hội và liên kết chống ngoại xâm.

Câu 8: Nhà nước Văn Lang dưới thời vua Hùng, đất nước ta chia làm bao nhiêu bộ?

A. 12 bộ. B. 15 bộ. C. 16 bộ. D. 14 bộ.

Câu 9: Nhà nước Văn Lang, chia cả nước làm 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là ai?

A. Lạc hầu. B. Lạc tướng. C. Bồ Chính. D. Quan Lang.

Câu 10: Vua Hùng Vương cho đóng đô nước Văn Lang ở đâu?

A. Luy Lâu (Thuận Thành - Hà Nội). B. Thăng Long (Hà Nội).

C. Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội). D. Bạch Hạc (Việt Trì – Vĩnh Phúc).

Câu 11: Nước Văn Lang tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Khoảng thế kỉ V đến thế kỉ III TCN.

B. Khoảng thế kỉ V đến thế kỉ IV TCN.

C. Khoảng thế kỉ VI đến thế kỉ III TCN.

D. Khoảng thế kỉ VI đến thế kỉ IV TCN.

Câu 12: Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tần vào thế kỉ thứ III TCN?

A. Thục Phán. B. Hùng Vương. C. Hai Bà Trưng. D. Bà Triệu.

Câu 13: Người dựng nên nước Âu Lạc là ai? Đóng đô ở đâu?

A. Hùng Vương, đóng đô ở Bạch Hạc.

B. Thục Phán (An Dương Vương), đóng đô ở Cổ Loa.

C. Lang Liêu, đóng đô ở Thăng Long.

D. An Tiêm, đóng đô ở Cổ Loa.

Câu 14: Nguồn lương thực chính của cộng đồng cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

A. Rau củ và các loại sản phẩm của nghề đánh cá.

B. Gạo nếp, gạo tẻ.

C. Các loại củ như khoai, sắn.

D. Tất cả các loại trên.

Câu 15: Tín ngưỡng chủ yếu và phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

A. Thờ cúng tổ tiên. B. Sùng bái tự nhiên.

C. Thờ thần Mặt Trời. D. Thờ thần Núi.

Câu 16: Sự phân công lao động trong xã hội thời Đông Sơn diễn ra giữa:

A. Công nghiệp và nông nghiệp.

B. Giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.

C. Giữa nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.

D. Giữa trồng trọt và chăn nuôi.

Câu 17: Hoàn thành nốt các câu sau đây:

A. Thời Phùng Nguyên mới bắt đầu ....

B. Đến thời Đông Sơn, mức độ ....

C. Xã hội phân hoá giàu nghèo sẽ dẫn đến sự hình thành....................

D. Nhờ sự phát triển trong đời sống kinh tế đã dẫn đến sự ....

E. Sự phát triển trong đời sống kinh tế và sự chuyển biến xã hội là hai điều kiện cần thiết để đưa đến sự ra đời của........................

Câu 18: Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây về cơ cấu tổ chức nhà nước Văn Lang - Âu Lạc

Tổ chức nhà nước ....(A) còn rất đơn giản, sơ khai. Đứng đầu nước là vua Hùng, giúp vua có các ....(B), Lạc tướng. Cả nước chia làm .... (C). Đứng đầu mỗi bộ là ....(D). Dưới bộ là các làng do ....(E) cai quản.

Câu 19: Trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc, có ba tầng lớp chính đó là:

A. Vua quan quý tộc, nô tì và dân tự do.

B. Vua quan, quý tộc và nông dân.

C. Vua quan, địa chủ và nông dân dân công xã.

D. Vua quan nô tì và nông dân công xã.

Câu 20: Cư dân Văn Lang - Âu Lạc có nền kinh tế nông nghiệp đa dạng, họ sử dụng công cụ sản xuất chủ yếu bằng gì?

A. Công cụ sản xuất chủ yếu bằng đá, tre, gỗ.

B. Công cụ sản xuất chủ yếu bằng đồng thau và một ít đồ sắt.

C. Công cụ sản xuất chủ yếu bằng sắt.

D. Công cụ sản xuất chủ yếu bằng đồng thau và sắt.

Câu 21: Nguồn thức ăn chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

A. Gạo nếp, gạo tẻ; ngoài ra còn có các loại củ khoai, sắn.

B. Các loại nông sản và thực phẩm từ săn bắn, hái lượm.

C. Các loại rau củ, các sản phẩm của nghề đánh cá, chăn nuôi, săn bắn.

D. Các loại rau củ, các sản phẩm từ chăn nuôi, trồng trọt.

Câu 22: Nét đặc sắc về tín ngưỡng của cư dân Việt cổ là gì?

A. Tục nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình.

B. Sùng bái tự nhiên như thờ thần Mặt Trời, thần Sông, thần Núi.

C. Thờ cúng, sùng kính những người có công với làng nước.

D. Cưới xin, ma chay, lễ hội khá phổ biến, nhất là hội mùa.

Câu 23: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây chứng tỏ đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc khá phong phú.

A. Xã hội có ba tầng lớp: Vua quan quý tộc, dân tự do và nô tì.

B. Ngoài nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ, cư dân còn trồng ngô, khoai, sắn, đánh cá và chăn nuôi để cải thiện đời sống.

C. Cư dân có tập quán ở nhà sàn, nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình.

D. Người Việt cổ vẫn còn ở trong các hang động, mái đá, sống bằng nghề săn bắn, hái lượm.

E. Hàng năm họ tham gia các lễ hội với nhiều loại hình trang phục đẹp: nữ mặc áo váy, nam đóng khố cởi trần, đầu đội mũ lông chim...

Câu 24: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về Nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc theo yêu cầu sau:

A	B
1. Nhà nước Văn Lang 2. Nhà nước Âu Lạc	A. Do yêu cầu chống ngoại xâm, bảo vệ kinh tế nông nghiệp, làm thuỷ lợi. B. Đứng đầu là vua, giúp vua có các Lạc hầu, Lạc tướng. C. Có ba tầng lớp trong xã hội: vua quan quý tộc, nô tì và dân tự do. D. Tổ chức bộ máy nhà nước còn đơn giản, sơ khai. E. Tổ chức bộ máy nhà nước chặt chẽ, lãnh thổ được mở rộng trên cơ sở sáp nhập Văn Lang và Âu Việt. F. Kinh đô ở Bạch Hạc (Việt trì -Phú Thọ) G. Kinh đô ở Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội)

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 23

1. B **2.** D **3.** D **4.** B **5.** C **6.** A **7.** D **8.** B
9. B **10.** D **11.** C **12.** A **13.** B **14.** B **15.** B **16.** B
17. A. phân hoá giàu nghèo.
B. giàu nghèo trở nên sâu sắc hơn.
C. giai cấp và Nhà nước.
D. chuyển biến về xã hội.
E. nhà nước Văn Lang.
18. A. Văn Lang, B: Lạc hầu. C: 15 bộ. D: Lạc tướng, E: Bồ chính
19. A **20.** B **21.** C **22.** C **23.** B, C, E: Đúng, A, D: Sai.
24. 1: A, B, C, D, F; 2: A, B, C, E, G.

Bài 24
QUỐC GIA CỔ ĐẠI CHĂM- PA VÀ PHÙ NAM

Câu 1: Quốc gia cổ Lâm Ấp - Chăm-pa được hình thành trên địa bàn của nền văn hoá nào?

A. Đồng Nai. B. Óc Eo. C. Sa Huỳnh. D. Đông Sơn.

Câu 2: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Thời Bắc thuộc, vùng đất phía nam Hoành Sơn bị nhà Hán xâm chiếm và đặt thành quận, huyện… … … … là huyện xa nhất."

A. Tượng Lâm. B. Lâm Ấp. C. Chăm-pa. D. Hoành Sơn.

Câu 3: Ai là người hô hào nhân dân Tượng Lâm nổi dậy giành quyền tự chủ và đặt tên nước là Lâm Ấp?

A. Vua Hùng. B. Thục Phán. C. Khu Liên. D. Không phải các vua trên.

Câu 4: Nước Chăm-pa ra đời vào khoảng thời gian nào?

A. Thế kỉ V. B. Thế kỉ VI. C. Thế kỉ VII. D. Thế kỉ VIII.

Câu 5: Địa bàn của nước Chăm-pa thế kỉ VI gồm những vùng nào của Việt Nam ngày nay?

A. Phía bắc đến Quảng Bình, phía nam đến Phan Rang.

B. Phía bắc đến Hoành Sơn, phía nam đến Phan Rang.

C. Phía bắc đến Quảng Bình, phía nam đến Phan Thiết.

D. Phía bắc đến Quảng Nam, phía nam đến Đồng Nai.

Câu 6: Kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là gì?

A. Du mục. B. Nông nghiệp trồng lúa.

C. Thủ công nghiệp. D. Thương nghiệp.

Câu 7: Tháp Chăm được xây dựng nhiều nhất ở tỉnh nào hiện nay?

A. Phan Thiết - Bình Thuận. B. An Nhơn - Bình Định.

C. Phan Rang - Ninh Thuận. D. Trà Kiệu – Quảng Nam.

Câu 8: Kinh đô Chăm-pa ban đầu đóng ở đâu?

A. Ở Sin-ha-pu-ra (Trà Kiệu - Quảng Nam).

B. Ở In-đra-pu-ra (Đồng Dương - Quảng Nam).

C. Ở Vi-giay-a (Trà Bàn - Bình Định).

D. Không phải các vùng trên.

Câu 9: Chữ viết của người Chăm bắt nguồn từ chữ nào?

A. Chữ tượng hình của Trung Quốc. B. Chữ tượng ý của Trung Quốc.

C. Chữ quốc ngữ của Việt Nam. D. Chữ Phạn của Ấn Độ.

Câu 10: Từ thế kỉ VI, người Chăm theo tôn giáo nào?

A. Phật giáo. B. Bà la môn. C. Ấn Độ giáo. D. Bà la môn và Phật giáo.

Câu 11: Xã hội của người Chăm gồm các tầng lớp nào?

A. Công nhân, nông dân, thợ thủ công.

B. Quý tộc, nô lệ, dân tự do và dân lệ thuộc.

C. Địa chủ, nông dân và nô lệ.

D. Quý tộc, địa chủ, nông dân và nô lệ.

Câu 12: Quốc gia cổ Phù Nam được hình thành trên cơ sở nền văn hoá nào?

A. Nền văn hoá Sa Huỳnh. B. Nền văn hoá Đồng Nai.

C. Nền văn hoá Óc-Eo. D. Nền văn hoá Đông Sơn.

Câu 13: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Quốc gia Phù Nam gồm nhiều tiểu quốc, bộ phận chủ yếu là chủ ở.................., nói tiếng Nam Đảo."

A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nam Bộ.

C. Nam Trung Bộ. D. Trung Trung Bộ.

Câu 14: Quốc gia Phù Nam tồn tại từ thế kỉ nào đến thế kỉ nào?

A. Từ thế kỉ I đến thế kỉ VI.

B. Từ thế kỉ II đến thế kỉ V.

C. Từ thế kỉ I đến thế kỉ V.

D. Từ thế kỉ II đến thế kỉ IV.

Câu 15: Cư dân Phù Nam sùng tín ngưỡng tôn giáo nào?

A. Phật giáo.

B. Bà la môn.

C. Thiên chúa giáo.

D. Bà la môn và Phật giáo.

Câu 16: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây:

A. Trên địa bàn của văn hóa Sa Hùynh, đã hình thành quốc gia cổ Lâm - Áp – Chăm-pa.

B. Thời Bắc thuộc, vùng đất ở phía nam Hoành Sơn bị nhà Hán xâm chiếm và đặt thành quận, huyện.

C. Tượng Lâm là huyện gần nhất ở phía nam Hoành Sơn.

D. Vào cuối thế kỉ II, nhân lúc tình hình Trung Quốc loạn lạc, Tượng Lâm đã hô hào nhân dân nổi dậy giành quyền tự chủ.

E. Khởi nghĩa thắng lợi, Tượng Lâm tự làm vua, đặt tên nước là Lâm Áp.

F. Sau khi nước Lâm Áp ra đời, các vua Lâm Áp dựa vào lực lượng quân đội khá mạnh, tiến hành các cuộc tấn công các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ, về phía bắc đến Hoành Sơn, phía nam đến Phan Rang và đổi tên nước là Chăm-pa (thế kỉ VI).

Câu 17: Vào khoảng thế kỉ I, quốc gia nào trên đất nước ta phát triển mạnh nhất?

A. Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc.

B. Quốc gia Phù Nam.

C. Quốc gia Chăm-pa.

D. Quốc gia Lâm Áp.

Câu 18: Quốc gia Phù Nam bao gồm nhiều tiểu vương quốc, bộ phận chủ yếu ở đâu, nói tiếng gì?

A. Ở Tây Nam Bộ, nói tiếng Nam Đảo.

B. Ở Đông Nam Bộ, nói tiếng Đa Đảo

C. Ở Đồng Nai, nói tiếng Nam Đảo.

D. Ở Biên Hoà, nói tiếng Khơ-me.

Câu 19: Quốc gia Phù Nam xây dựng thể chế chính trị như thế nào?

A. Thể chế chính trị quân chủ theo kiểu Trung Quốc, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.

B. Thể chế chính trị quân chủ lập hiến.

C. Thể chế chính trị quân chủ theo kiểu Ấn Độ, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.

D. Tất cả đều sai.

Câu 20: Những nét tương đồng của các quốc gia Chăm-pa cổ, Phù Nam cổ và Văn lang - Âu lạc cổ:

A. Có một nền kinh tế, văn hoá phát triển và quan hệ với nhau.

B. Mỗi cư dân đều có những nét riêng về văn hoá, xã hội như tôn giáo, tín ngưỡng.

C. Mỗi cư dân có đặc điểm nghệ thuật, xây dựng, kiến trúc riêng nhưng thống nhất.

D. Có một nền kinh tế, văn hoá đa dạng trong thống nhất.

***Câu 21:** Hãy ghi vào các chỗ trống bảng thống kê dưới đây về kinh tế, văn hoá, xã hội của quốc gia Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.*

Kinh tế	Văn hoá	Xã hội
A. Nông nghiệp:...... B. Thủ công nghiệp:	C. Chữ viết: .... D. Tôn giáo: .... E. Phong tục, tập quán:	F. Thiết chế nhà nước:......... G. Tổ chức bộ máy nhà nước: ....

***Câu 22:** Những nội dung lịch sử nào dưới đây gắn liền với quốc gia cổ Chăm-pa và Phù Nam? Hãy đánh dấu X vào cột dọc cho đúng.*

Nội dung	Quốc gia Chăm-pa (A)	Quốc gia Phù Nam (B)
1. Nhà nước theo chế độ quân chủ, vua là người nắm mọi quyền hành.		
2. Kinh đô ban đầu đóng ở Sin-ha-pu-ra (Trà Kiệu - Quảng Nam).		
3. Xã hội phân hoá giàu, nghèo.		
4. Đất nước chia làm bốn khu vực hành chính lớn gọi là châu, dưới châu có huyện, làng.		
5. Sử dụng chữ Phạn làm chữ viết của mình.		
6. Tôn giáo là đạo Bà-la-môn và đạo Phật.		
7. Tập quán phổ biến là ở nhà sàn.		
8. Cuối thế kỉ VI, đất nước suy yếu, bị Chân Lạp thôn tính.		

***Câu 23:** Di sản văn hoá lớn nhất của văn hoá Chăm-pa được tổ chức văn hoá thế giới công nhận đó là*

A. Tháp Chàm ở Phan Rang.

B. Tháp Chăm ở Bình Định.

C. Khu di tích thánh địa Mĩ Sơn ở Quảng Nam.

D. Các điệu múa của người Chăm.

***Câu 24:** Sắp xếp theo thứ tự thời gian các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam dưới đây, câu nào đúng?*

A. Văn Lang, Âu Lạc, Lâm Ấp, Chăm-pa, Phù Nam.

B. Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Lâm Ấp, Phù Nam.

C. Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa, Lâm Ấp.

D. Văn Lang, Âu Lạc, Lâm Ấp, Phù Nam, Chăm-pa.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 24

1. C **2.** A **3.** C **4.** B **5.** B **6.** B **7.** C **8.** A **9.** D **10.** D

11. B **12.** C **13.** B **14.** A **15.** D **16.** A, B, F: Đúng; C, D, E: Sai.

17. B **18.** A **19.** C **20.** A

21. A. Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa.

B. Nghề dệt, làm đồ gốm, đồ trang sức, chế tạo vũ khí bằng kim loại, đóng gạch.

C. Chữ Phạn của Ấn Độ.

D. Bà la môn và Phật giáo.

E. Ở nhà sàn, ăn trầu cau và hoả táng người chết.

F. Quân chủ chuyên chế.

G. Dưới vua có Tể tướng và hai đại thần. Dưới đại thần có các thuộc quan.

22. (A): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; (B): 1, 3, 6, 7,8. **23.** A **24.** A

Chương III
THỜI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
(Từ thế kỉ II đến thế kỉ X)

Bài 25
CHÍNH SÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHƯƠNG BẮC VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

Câu 1: Năm 179 TCN, nước ta bị triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc xâm chiếm?

A. Nhà Hán. B. Nhà Triệu. C. Nhà Ngô. D. Nhà Tống.

Câu 2: Những chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X nhằm thực hiện âm mưu gì?

A. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ của chúng.

B. Biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của chúng.

C. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của chúng.

D. Biến nước ta thành căn cứ quân sự để xâm lược các nước khác.

Câu 3: Nhà Triệu chia nước Âu Lạc thành hai quận và sát nhập vào quốc gia nào?

A. Trung Quốc. B. Văn Lang. C. Nam Việt. D. An Nam.

Câu 4: Dưới sự cai trị của chính quyền nhà Hán, chúng đã đưa các tầng lớp nào vào Âu Lạc cũ, cho ở lẫn với người Việt?

A. Quý tộc. B. Nông dân.

C. Dân nghèo, tội nhân. D. Tất cả các tầng lớp trên.

Câu 5: Các triều đại phong kiến phương Bắc đã truyền bá tôn giáo nào vào nước ta?

A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Thiên chúa giáo. D. Nho giáo.

Câu 6: Các triều đại phương Bắc truyền bá Nho giáo vào nước ta, bắt nhân dân ta phải đổi phong tục theo người Hán nhằm mục đích gì?

A. Mở rộng quan hệ giao lưu với Trung Quốc.

B. Thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc ta.

C. Khai phá văn minh cho dân tộc ta.

D. Tất cả cùng sai.

Câu 7: Trong thời Bắc thuộc, nhân dân ta biết tiếp nhận những yếu tố tích cực của nền văn hoá Trung Hoa thời nào?

A. Thời nhà Triệu. B. Thời nhà Hán.

C. Thời nhà Hán - Đường. D. Thời nhà Tống - Đường.

Câu 8: Quan hệ bao trùm trong xã hội nước ta dưới thời Bắc thuộc là quan hệ gì?

A. Quan hệ giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.

B. Quan hệ giữa nhân dân ta với chính quyền đô hộ phương Bắc.

C. Quan hệ giữa quý tộc, phong kiến Việt Nam với chính quyền đô hộ phương Bắc.

D. Tất cả các quan hệ trên.

Câu 9: Ở nước ta thời Bắc thuộc, đâu là nơi xuất phát các cuộc đấu tranh chống lại các triều đại phương Bắc để giành độc lập dân tộc?

A. Thành thị. B. Rừng núi.

C. Làng xóm ở nông thôn. D. Cả nông thôn và thành thị.

Câu 10: Vì sao nhân dân ta không ngừng vùng lên đấu tranh chống chế độ phong kiến Bắc thuộc?

A. Vì căm thù sâu sắc chế độ cai trị tàn bạo của kẻ thù.

B. Vì bị bóc lột theo kiểu địa tô phong kiến.

C. Vì bị mất ruộng đất quá nhiều.

D. Vì đời sống gặp nhiều khó khăn.

Câu 11: Sắp xếp thứ tự cho đúng về các triều đại phong kiến phương Bắc đã từng xâm lược nước ta sau đây:

A. Triệu, Hán, Ngô, Tần, Tống, Tề, Lương, Tuỳ, Đường.

B. Triệu, Hán, Tần, Ngô, Tống, Tề, Lương, Tuỳ, Đường.

C. Tần, Triệu, Hán, Ngô, Tống, Tề, Lương, Tuỳ, Đường.

D. Triệu, Ngô, Tần, Hán, Tống, Tề, Lương, Tuỳ, Đường.

Câu 12: Chính quyền đô hộ phương Bắc thi hành chính sách độc quyền về:

A. Ruộng đất. B. Sắt và muối.

C. Lương thực, thực phẩm. D. Sắt, muối và rượu.

Câu 13: Để thực hiện chính sách đồng hoá đối với dân tộc ta, người Hán đã làm gì về văn hoá, xã hội?

A. Bắt nhân dân ta mở trường dạy chữ Hán.

B. Bắt nhân dân ta không được dạy chữ quốc ngữ.

C. Truyền bá Nho giáo vào nước ta, bắt nhân dân ta phải thay đổi phong tục theo người Hán.

D. Đưa người Hán vào nước ta để sống chung với người Âu Lạc cổ.

Câu 14: Một trong những nguyên nhân nào dưới đây khiến cho các triều đại phong kiến phương Bắc không thực hiện được mục đích của chúng đối với nước ta là đồng hoá dân tộc Việt Nam, sáp nhập Việt Nam vào Trung Quốc?

A. Nhân dân ta luôn đấu tranh chống lại phong kiến phương Bắc.

B. Nhân dân ta có ý thức bảo vệ, duy trì và phát triển nền văn hoá của mình.

C. Nhân dân ta đã có ý thức bảo vệ độc lập dân tộc từ rất sớm.

D. Nhân dân ta đã tổ chức dạy tiếng mẹ đẻ từ lâu đời.

Câu 15: Hãy ghi mục đích vào bảng kê sau đây về: tổ chức bộ máy cai trị; văn hoá xã hội và kinh tế nước ta dưới thời Bắc thuộc?

Lĩnh vực	Nội dung
1. Tổ chức bộ máy cai trị.	A.
2. Về kinh tế.	B.
3. Về văn hoá, xã hội.	C.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 25

1. B **2.** A **3.** C **4.** C **5.** D **6.** B **7.** C

8. B **9.** C **10.** A **11.** A **12.** B **13.** C **14.** B

15. A Thực hiện nhiều chính sách cai trị nhằm sáp nhập đất nước Âu Lạc vào lãnh thổ của Trung Quốc.

B. Hạn chế phát triển sản xuất, duy trì sự nghèo nàn và lạc hậu để dễ bề thống trị, sai khiến, hạn chế sự chống đối của nhân dân ta.

C. Truyền bá Nho giáo vào nước ta, bắt nhân dân ta phải thay đổi phong tục, tập quán theo người phương Bắc nhằm đồng hoá dân tộc ta.

Bài 26
CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (TỪ THẾ KỈ I ĐẾN THẾ KỈ V)

Câu 1: Năm 111 TCN, nước Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của:

A. Nhà Triệu. B. Nhà Hán. C. Nhà Lương. D. Nhà Ngô.

Câu 2: Ai là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đánh chiếm quân xâm lược Hán vào năm 40?

A. Triệu Thị Trinh. B. An Dương Vương.
C. Lý Thường Kiệt. D. Trưng Trắc – Trưng Nhị.

Câu 3: Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh bại quân xâm lược nào?

A. Quân nhà Hán. B. Quân nhà Tuỳ.
C. Quân nhà Ngô. D. Quân nhà Lương.

Câu 4: Mùa xuân năm 40, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng bùng nổ ở đâu?

A. Mê Linh (Vĩnh Phúc). B. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).
C. Hát Môn (Phú Thọ, Hà Tây). D. Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh).

Câu 5: Sau khi đánh chiếm Mê Linh (Vĩnh Phúc), nghĩa quân của Hai Bà Trưng đánh chiếm vùng nào?

A. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). B. Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh).
C. Hát Môn (Phú Thọ, Hà Tây). D. Câu A và B đúng.

Câu 6: Tên tướng nào của quân nhà Hán nếm lấy thất bại trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, phải chạy trốn về nước?

A. Tích Quang. B. Tô Định. C. Thoát Hoan. D. Lưu Hoằng Thao.

Câu 7: Mùa hè năm 42, tên tướng nào của nhà Hán được cử làm tổng chỉ huy đạo quân khoảng 2 vạn người xâm lược nước ta?

A. Tô Định. B. Đoàn Chí. C. Mã Viện. D. Lưu Long.

Câu 8: Cuộc kháng chiến của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng chống quân xâm lược nhà Hán bị thất bại vào năm nào?

A. Năm 42. B. Năm 43. C. Năm 44. D. Năm 45.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu nổ ra vào năm nào? Chống lại quân xâm lược nào của Trung Quốc?

A. Năm 246, chống quân xâm lược nhà Ngô.

B. Năm 247, chống quân xâm lược nhà Hán.

C. Năm 248, chống quân xâm lược nhà Ngô.

D. Năm 249, chống quân xâm lược nhà Lương.

Câu 10: Triệu Thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt đã hô hào nhân dân vùng nào nổi dậy khởi nghĩa?

A. Cửu Chân. B. Nhật Nam. C. Hợp Phố. D. Giao Chỉ.

Câu 11: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu bùng nổ ở Phú Điền thuộc tỉnh nào ngày nay?

A. Nghệ An. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Thanh Hoá.

Câu 12: Cuộc khởi nghĩa thất bại, không chịu khuất phục kẻ thù, Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) đã anh dũng tuẫn tiết tại đâu?

A. Sông Hát (Hát Môn, Hà Tây). B. Núi Đụn (Thanh Oai, Hà Tây).

C. Núi Tùng (Hậu Lộc, Thanh Hoá). D. Núi Nưa (Hậu Lộc, Thanh Hoá).

Câu 13: Có hơn 3000 dân nổi dậy đốt phá trị sở, nhà cửa bọn quan lại đô hộ. Đó là cuộc khởi nghĩa diễn ra ở đâu vào năm 100?

A. Tượng Lâm và toàn quận Nhật Nam.

B. Quận Nhật Nam.

C. Nhật Nam và Cửu Chân.

D. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố.

Câu 14: Năm 137 diễn ra sự kiện gì ở Tượng Lâm và toàn quận Nhật Nam?

A. Hơn 3000 dân nổi dậy đốt phá trị sở, nhà cửa bọn quan lại đô hộ.

B. Hơn 1000 dân Nhật Nam nổi dậy liên kết với nhân dân Cửu Chân đánh các huyện.

C. Hơn 2000 dân đánh huyện lị, đốt thành.

D. Hơn 4000 dân Cửu Chân, Nhật Nam do Chu Đạt lãnh đạo đánh giết Huyện lệnh, đánh quân trị Cửu Chân, giết Thái thú.

Câu 15: Năm 178 – 181 ở Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố diễn ra sự kiện lịch sử gì?

A. Hàng vạn dân nổi dậy do Lương Long cầm đầu.

B. Hơn 3000 dân nổi dậy đốt phá trị sở, nhà cửa bọn quan lại đô hộ.

C. Nhân dân khởi nghĩa, Thứ sử Chu Phù không chống nổi, phải bỏ trốn.

D. Hơn 2000 dân đánh huyện lị, đốt thành.

***Câu 16:* Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:**

A (Nơi có khởi nghĩa)	B (Tóm tắt diễn biến, kết quả)
1. Quận Nhật Nam 2. Cửu Chân và Nhật Nam 3. Tượng Lâm và toàn quận Nhật Nam 4. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố 5. Giao Châu	A. Hơn 2000 dân đánh huyện lị, đốt thành. Cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn một năm mới thất bại. B. Hơn 3000 dân nổi dậy đốt phá trị sở, nhà cửa bọn quan lại đô hộ. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. C. Lý Tường Nhân giết các quan lại, thuộc hạ của Thứ sử Trương Mục, tự xưng *Thứ sử*. Không đàn áp được, nhà Tống phải công nhận chức *Thứ sử* cho Tường Nhân. Tiếp sau đó là Lý Thúc Hiến. năm 485, Hiến đầu hàng nhà Tề. D. Hơn 4000 dân Cửu Chân, Nhật Nam (do Chu Đạt lãnh đạo) đánh giết Huyện lệnh, đánh quân trị Cửu Chân, giết Thái thú. Ba năm sau, cuộc khởi nghĩa mới bị đàn áp. E. Hàng vạn dân nổi dậy do Lương Long cầm đầu. Đến năm 181, cuộc nổi dậy mới bị tiêu diệt.

***Câu 17:* Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:**

"Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở ....(A)......(Phú Thọ, Hà Tây). Được đông đảo nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng, Hai Bà chiếm được ......(B)......(Vĩnh Phúc); rồi từ ....(C)......đánh chiếm ....(D) ....(Đông Anh, Hà Nội) và ....(E)......... (Thuận Thành, Bắc Ninh). Thái thú ....(F)......phải trốn chạy về nước. Cuộc khởi nghĩa kết thúc thắng lợi, ...(G).........được suy tôn làm vua, đóng đô ở Mê Linh".

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 26

1. A **2.** D **3.** A **4.** C **5.** D **6.** B **7.** C **8.** B **9.** C **10.** A

11. D **12.** C **13.** B **14.** C **15.** A **16.** 1: B, 3: D, 3: A, 4: E, 5: C.

17. A. Hát Môn, B. Mê Linh, C. Mê Linh, D. Cổ Loa, E. Luy Lâu, F. Tô Định, G. Trưng Trắc

Bài 27
CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP
(Từ thế kỉ VI đến thế kỉ X)

***Câu 1:** Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí nổ ra vào mùa xuân năm 542 chống lại quân xâm lược dưới thời nhà nào của Trung Quốc?*

A. Nhà Hán. B. Nhà Ngô. C. Nhà Lương. D. Nhà Triệu.

***Câu 2:** Lý Bí lên làm vua vào năm nào?*

A. Năm 542. B. Năm 544. C. Năm 545. D. Năm 546.

***Câu 3:** Sau khi lên làm vua, Lý Bí đặt quốc hiệu nước ta là gì?*

A. Đại Việt. B. Nam Việt. C. Vạn Xuân. D. Đại Cồ Việt.

***Câu 4:** Người kế tục Lý Nam Đế lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược vào năm 545 là ai?*

A. Lý Tự Tiên. B. Lý Phật Tử.
C. Lý Thiên Bảo. D. Triệu Quang Phục.

***Câu 5:** Sau khi đánh bại quân xâm lược nhà Lương (550), Triệu Quang Phục lên làm vua, lấy hiệu là gì?*

A. Triệu Việt Vương. B. Triệu Nam Vương.
C. Dạ Trạch Vương. D. Nam Việt Vương.

***Câu 6:** Ai là người họ hàng với Lý Nam Đế nổi lên chống lại Triệu Việt Vương từ năm 555 đến năm 571?*

A. Lý Thiên Bảo. B. Lý Tự Tiên. C. Lý Phật Tử. D. Lý Phật Mã.

***Câu 7:** Năm 603, đất nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà nào ở Trung Quốc?*

A. Nhà Đường. B. Nhà Tây Hán. C. Nhà Tống. D. Nhà Tuỳ.

***Câu 8:** Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại quân xâm lược nhà Đường vào năm 687 là ai?*

A. Phùng Hưng. B. Lý Tự Tiên, Đinh Kiến.
C. Mai Thúc Loan. D. Dương Thanh.

***Câu 9:** Ai là người lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường vào năm 722?*

A. Mai Thúc Loan. B. Phùng Hưng
C. Lý Tự Tiên, Đinh Kiến. D. Dương Thanh.

***Câu 10:** Trong số các lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Đường, ai là người được nhân dân ta suy tôn danh hiệu "Bố Cái Đại Vương"?*

A. Lý Tự Tiên. B. Đinh Kiến. C. Mai Thúc Loan. D. Phùng Hưng.

***Câu 11:** Năm 905, nhân cơ hội nhà Đường suy sụp, ai là người được nhân dân ủng hộ, đánh chiếm Tống Bình giành quyền tự do cho đất nước ta?*

A. Khúc Hạo. B. Khúc Thừa Dụ.
C. Đinh Công Trứ. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 12: Năm 907, Khúc Thừa Dụ qua đời, ai là người lên thay để cai quản đất nước?

A. Khúc Hạo. B. Khúc Thừa Mỹ.

C. Dương Đình Nghệ. D. Đinh Công Trứ.

Câu 13: Sau khi quân xâm lược nhà Đường bị thất bại, triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc mang quân xâm lược nước ta?

A. Nhà Tây Hán. B. Nhà Đông Hán.

C. Nhà Nam Hán. D. Nhà Tống.

Câu 14: Dương Đình Nghệ lãnh đạo nhân dân đánh bại quận xâm lược của Nam Hán, thay họ Khúc nắm giữ chính quyền tự chủ vào năm nào?

A. 930. B. 931. C. 937. D. 938.

Câu 15: Đầu năm 937 diễn ra sự biến lịch sử nào trong nội bộ nước ta?

A. Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn phản bội giết chết.

B. Nhà Hán đem quân xâm lược nước ta lần thứ hai.

C. Ngô Quyền đem quân đánh Kiều Công Tiễn.

D. Câu A và B đúng.

Câu 16: Ngô Quyền, con rể của Dương Đình Nghệ đã đem quân đánh Kiều Công Tiễn trả thù cho chủ tướng vào thời gian nào?

A. Tháng 2 - 938. B. Tháng 4 - 938.

C. Tháng 10 - 938. D. Tháng 12 - 938.

Câu 17: Lợi dụng cơ hội nào mà quân Nam Hán kéo vào xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết chết.

B. Nội bộ triều đình nhà Ngô bị rối loạn.

C. Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ.

D. Kiều Công Tiễn cho người sang cầu cứu Nam Hán.

Câu 18: Chiến thắng Bạch Đằng vào năm 938, là chiến công của ai?

A. Lý Thường Kiệt đánh bại quân nhà Tống.

B. Lê Hoàn đánh bại 10 vạn quân Tống.

C. Ngô Quyền phá quân Nam Hán.

D. Câu B và C đúng.

Câu 19: Tướng nào của Nam Hán bị Ngô Quyền bắt sống trên sông Bạch Đằng năm 938?

A. Thoát Hoan. B. Ô Mã Nhi.

C. Hoằng Thao. D. Ngột Lương Hợp Thai.

Câu 20: Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ X đánh dấu sự chấm dứt thời kì đô hộ của phong kiến phương Bắc, đưa nước ta bước vào thời kì mới – thời kì độc lập lâu dài?

A. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ (năm 905).

B. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938).

C. Ngô Quyền xưng vương lập ra nhà Ngô (năm 939).

D. Câu A và B đúng.

Câu 21: Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

STT	A	B
1	542	A. Mai Thúc Loan kêu gọi nhân dân vùng Nam Đàn (Nghệ An) nổi dậy khởi nghĩa, xây dựng căn cứ chống giặc ở Sa Nam (Nam Đàn).
2	687	B. Ngô Quyền đánh bại cuộc xâm lược của Nam Hán, bảo vệ độc lập tự chủ.
3	722	C. Lý Bí khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, thành lập nước Vạn Xuân.
4	Khoảng năm 776	D. Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm (Ba Vì - Hà Tây), đánh chiếm phủ thành Tống Bình, quản lí đất nước.
5	905	E. Lý Tự Tiên, Đinh Kiến khởi nghĩa, vây đánh phủ thành Tống Bình (Hà Nội), giết chết Đô hộ phủ Lưu Diên Hựu. Nhà Đường cử quân sang đánh bại nghĩa quân.
6	938	F. Khúc Thừa Dụ được nhân dân ủng hộ, đánh chiếm Tống Bình giành quyền tự chủ. Triều đình nhà Đường buộc phải phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ An Nam.

Câu 22: Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí đã liên kết với thành phần nào ở nước ta?

A. Các tầng lớp nhân dân ở miền Trung nước ta.

B. Các hào kiệt các châu thuộc miền Bắc nước ta.

C. Các tầng lớp quý tộc ở miền Nam nước ta.

D. Tất cả các tầng lớp trên.

Câu 23: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề dưới đây:

"Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi vua, đặt niên hiệu là .....(A)......, đặt quo hiệu là.....(B)......, dựng kinh đô ở vùng cửa sông......(C)....... Nhà nướ ......(D)......độc lập tự chủ ra đời".

Câu 24: Năm 545, nhà Lương cử Trần Bá Tiên đem quân sang xâm lược nướ ta, đầu tiên Lý Nam Đế rút quân về đâu?

A. Hồ Điển Triệt (Vĩnh Phúc). B. Động Khuất Lão (Tam Nông, Phú Thọ).

C. Đầm Dạ Trạch (Hưng Yên). D. Sông Tô Lịch (Hà Nội).

Câu 25: Thời kì Lý Phật Tử lên làm vua, lịch sử nước ta gọi là

A. Thời Tiền Lý Nam Đế. B. Thời Hậu Lý Nam Đế.

C. Thời Tiền Lý Phật Tử. D. Thời Hậu Lý Phật Tử.

Câu 26: Khi Khúc Thừa Dụ được nhân dân ủng hộ, đánh chiếm Tống Bìn giành quyền tự chủ. Triều đình nhà Đường buộc phải phong Khúc Thừa D chức gì?

A. Tiết độ sứ An Nam. B. Tổng quản An Nam.

C. Bình Tây Đại nguyên soái An Nam. D. Đô hộ phủ An Nam.

Câu 27: Ghi nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền vào bảng kê dưới đây:

Tiêu mục	Nội dung
1. Nguyên nhân thắng lợi	A. ....
2. Ý nghĩa lịch sử	B. ....

Câu 28: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây nói về công lao của Ngô Quyền

A. Là người biết chớp lấy thời cơ lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền, đã đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội).

B. Cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền thắng lợi đã đánh dấu sự thắng lợi về cơ bản của cuộc đấu tranh vũ trang trong hơn nghìn năm Bắc thuộc, đặt cơ sở cho nền độc lập lâu bền của dân tộc.

C. Trừ khử tên phản động Kiều Công Tiễn vừa trả thù cho chủ tướng vừa thủ tiêu nội ứng lợi hại của Nam Hán.

D. Thiết kế và chỉ huy trận đánh ở sông Bạch Đằng đập tan cuộc xâm lược của quân Nam Hán.

E. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 đã kết thúc vĩnh viễn ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc, mở ra một bước ngoặt mới, thời đại mới - thời đại độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc ta.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 27

1. C **2.** B **3.** C **4.** D **5.** A **6.** C **7.** D **8.** B **9.** A **10.** D

11. B **12.** A **13.** C **14.** B **15.** A **16.** C **17.** D **18.** C **19.** C **20.** D

21. 1: C, 2: E, 3: A, 4: D, 5: F, 6: B. **22.** B

23. A: Đại Đức, B: Vạn Xuân, C: Tô Lịch (Hà Nội). D: Vạn Xuân

24. A **25.** B **26.** A

27. A. - Do sức mạnh đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm của toàn dân.
- Do tài mưu lược của Ngô Quyền trong việc sử dụng nghệ thuật thuỷ chiến.

B. - Nêu lên ý chí quyết tâm bảo vệ thành quả đấu tranh của dân tộc ta.
- X... lập vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.
- ...ánh dấu sự trưởng thành của dân tộc và kết thúc hoàn toàn thời kì ...ấu tranh giành lại độc lập hàng chục thế kỉ.

28. A ... sai; C, D, E: Đúng.

Chương IV
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

Bài 28
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC ĐỘC LẬP THỐNG NHẤT
(Từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV)

Câu 1: Sau khi đánh bại quân xâm lược Nam Hán, Ngô Quyền xưng vương vào năm nào? Đóng đô ở đâu?

A. Năm 938. Đóng đô ở Hoa Lư. B. Năm 939. Đóng đô ở Thăng Long.

C. Năm 939. Đóng đô ở Cổ Loa. D. Năm 938. Đóng đô ở Cổ Loa.

Câu 2: Năm 944, Ngô Quyền mất, ai là người chiếm ngôi vua?

A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Dương Tam Kha.

C. Ngô Xương Ngập. D. Ngô Xương Văn.

Câu 3: Triều Ngô trong lịch sử nước ta được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Năm 931 - 933. B. Năm 938 - 944.

C. Năm 939 - 965. D. Năm 939 – 968.

Câu 4: "Loạn 12 sứ quân" diễn ra trong thời điểm lịch sử nào?

A. Cuối thời Ngô. B. Đầu thời Ngô.

C. Cuối thời Đinh. D. Đầu thời Đinh.

Câu 5: Ai là người có công dẹp "Loạn 12 sứ quân" thống nhất đất nước vào năm 967?

A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Đinh Công Trứ.

C. Đinh Điền. D. Ngô Xương Ngập.

Câu 6: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt tên nước là gì?

A. Năm 967. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

B. Năm 968. Đặt tên nước là Đại Việt.

C. Năm 968. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

D. Năm 969. Đặt tên nước là Đại Việt.

Câu 7: Dưới thời nhà Đinh, kinh đô nước ta đóng ở đâu?

A. Đại La. B. Hoa Lư. C. Cổ Loa. D. Thăng Long.

Câu 8: Triều nhà Đinh trong lịch sử nước ta được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Năm 939 - 944. B. Năm 968 - 979.

C. Năm 967 - 979. D. Năm 968 - 1001.

Câu 9: Trong lịch sử nước ta nối tiếp sự nghiệp của nhà Đinh là triều đại phong kiến nào?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Nhà Tiền Lê. D. Nhà Hậu Lê.

Câu 10: Nhà Tiền Lê được thành lập trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

A. Đất nước thanh bình.

B. Thế lực phong kiến phương Bắc ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta.

C. Đang bị quân nhà Tống xâm lược.

D. Nội bộ triều đình hỗn loạn.

Câu 11: Nhà Tiền Lê được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Năm 980 - 1009. B. Năm 981 - 1010.

C. Năm 980 - 1008. D. Năm 979 - 1009.

Câu 12: Vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lê là ai?

A. Lê Đại Hành. B. Lê Thái Tổ.

C. Lê Thánh Tông. D. Lê Nhân Tông.

Câu 13: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

" Bấy giờ (dưới thời Tiền Lê), các nhà sư vừa có tri thức vừa quan tâm đến đất nước nên được triều đình quý trọng. Sư.............. được cử làm người thay mặt vua đi đón sứ thần nhà Tống."

A. Ngô Chân Lưu. B. Vạn Hạnh.

C. Đỗ Thuận. D. Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh.

Câu 14: Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo bảng thống kê sau đây:

A	B
1. Nhà Ngô. 2. Nhà Đinh. 3. Nhà Tiền Lê	A. Chia nước làm 10 đạo, giao cho các con cháu và các tướng lĩnh trung thành cai quản. B. "Loạn 12 sứ quân". C. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. D. Bắt đầu quan hệ với Cham-pa, củng cố vùng biên cương của đất nước. E. Nhà nước quân chủ sơ khai ra đời, bao gồm ba ban: võ ban, văn ban và tăng ban. G. Kinh đô ở Cổ Loa.

Câu 15: Năm 1009, vua cuối cùng của nhà Tiền Lê là Lê Long Đĩnh qua đời, ai là người được suy tôn lên làm vua lập ra nhà Lý?

A. Lý Phật Mã. B. Lý Công Uẩn.

C. Lý Thường Kiệt. D. Lý Nhật Tộn.

Câu 16: Năm 1010, vua Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 17: Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi lại tên nước thành:

A. Đại Nam. B. Đại Việt. C. Việt Nam. D. Nam Việt.

Câu 18: Nhà Lý được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. 1010 - 1209. B. 1010 - 1210. C. 1010 - 1138. D. 1010 - 1225.

Câu 19: Vị vua cuối cùng của nhà Lý là ai?

A. Lý Cao Tông. B. Lý Chiêu Hoàng.

C. Lý Huệ Tông. D. Lý Trần Quán.

Câu 20: Vua đầu tiên của nhà Trần là ai?

A. Trần Thái Tông (Trần Cảnh). B. Trần Thánh Tông (Trần Hoàng).

C. Trần Nhân Tông (Trần Khâm). D. Trần Anh Tông (Trần Thuyên).

Câu 21: Đất nước được chia thành nhiều lộ, phủ huyện, châu, hương. Đó là bộ máy hành chính nhà nước dưới thời nào?

A. Nhà Lý. B. Nhà Tiền Lê. C. Nhà Trần. D. Nhà Đinh.

Câu 22: Dưới thời Lý – Trần, quan lại chủ yếu được tuyển chọn từ:

A. Con em nhân dân.

B. Con em các gia đình quý tộc.

C. Con cháu quan lại.

D. Con em các gia đình quý tộc và con cháu quan lại.

Câu 23: Các vua nhà Lý cho dựng lầu chuông hai bên thềm điện Long Trì để làm gì?

A. Người dân ai có điều oan uổng đều có thể đánh chuông mời vua ra xét.

B. Triệu tập quý tộc, quan lại trong triều đình lúc cần thiết.

C. Báo động cho triều đình khi có giặc ngoại xâm.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 24: Việc nhà Lý gả công chúa và ban hành chức tước cho các tù trưởng dân tộc ít người nhằm mục đích gì?

A. Thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc.

B. Lấy lòng người dân tộc thiểu số.

C. Thực hiện chính sách đa dân tộc.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 25: Thời Lý – Trần – Hồ, quan hệ nước ta với phương Bắc như thế nào?

A. Giữ thái độ vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn để giữ vững biên cương.

B. Giữ lệ thần phục, nộp phú cống đều đặn.

C. Giữ lệ thần phục, nộp phú cống đều đặn, nhưng luôn giữ vững tư thế của một dân tộc độc lập.

D. Hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

Câu 26: Ngô Quyền lên làm vua vào năm nào?

A. Năm 938. B. Năm 939. C. Năm 940. D. Năm 941.

Câu 27: Triều đại nhà Ngô tồn tại trong thời gian nào?

A. 905 - 907 B. 931 - 938 C. 939 - 965 D. 939 - 956

Câu 28: Ngô Quyền đã cử ai làm Thứ sử châu Hoan (Nghệ An - Hà Tĩnh)?

A. Đinh Công Trứ. B. Kiều Công Hãn.

C. Ngô Xương Ngập. D. Ngô Xương Văn.

Câu 29: Năm 944, diễn ra sự kiện gì đau buồn đối với nhà Ngô?

A. Loạn 12 sứ quân. B. Ngô Xương Văn bỏ trốn.

C. Ngô Quyền mất. D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 30: Loạn 12 sứ quân diễn ra thời điểm nào?

A. Cuối thời nhà Ngô. B. Đầu thời nhà Đinh.

C. Cuối thời nhà Đinh. D. Đầu thời nhà Tiền Lê.

Câu 31: Ai là người đứng ra dẹp "Loạn 12 sứ quân"?

A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Đinh Kiến.

C. Đinh Công Trứ. D. Dương Tam Kha.

Câu 32: Đinh Bộ Lĩnh người quê ở đâu? Con của ai?

A. Gia Viễn - Ninh Bình. Con của Đinh Tiên Hoàng.

B. Động Hoa Lư - Gia Viễn - Ninh Bình. Con của Đinh Công Trứ.

C. Đông Anh - Hà Nội. Con của Đinh Kiến.

D. Hưng Nguyên – Nam Đàn – Nghệ An. Con của Đinh Điền.

Câu 33: Dưới thời của Đinh Bộ Lĩnh, đất nước ta đến năm nào được bình yên trở lại?

A. Đầu năm 967. B. Đầu năm 965. C. Cuối năm 965. D. Cuối năm 967.

Câu 34: Khi Ngô Quyền mất, nhường ngôi lại cho ai?

A. Ngô Xương Ngập B. Ngô Xương Văn

C. Ngô Xương Xí D. Đinh Tiên Hoàng

Câu 35: Điền vào chỗ trống câu sau đây : "Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, Đinh Bộ Lĩnh liên kết với sứ quân của......., chiêu dụ được sứ quân Phạm Bạch Hổ, tiến đánh các sứ quân khác".

A. Đỗ Cảnh Thạc. B. Trần Lãm. C. Ngô Xương Xí. D. Kiều Công Hãn.

Câu 36: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với yêu cầu ở cột A sau đây về tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức cai quản đất nước dưới thời Lý:

A	B
1. Tổ chức bộ máy nhà nước 2. Tổ chức cai quản đất nước	A. Chia đất nước thành nhiều lộ, dưới lộ là phủ, huyện, châu, hương. B. Vua đứng đầu đất nước, nắm mọi quyền hành cao nhất về chính trị, luật pháp, quân sự, nghi lễ, đối ngoại. C. Quân đội gồm có Cấm binh bảo vệ nhà vua và kinh thành. Lộ binh ở các địa phương. Quân đội được tuyển chọn theo chế độ "Ngụ binh ư nông". D. Luật pháp, thời Lý có bộ Hình thư. E. Giúp vua có Tể tướng (Thái uý), các đại thần, các chức hành khiển, các cơ quan hành chính, pháp lí như sảnh, viện, đài. F. Ban đầu tuyển chọn quan lại chủ yếu được tuyển chọn từ con em các gia đình quý tộc hoặc con cháu quan lại.

'âu 37: Hãy điền sự kiện lịch sử vào niên đại đã cho sau đây:

Niên đại	Sự kiện lịch sử
1. Năm 939.	A. ....
2. Năm 944.	B. ....
3. Năm 968.	C. ....
4. Năm 1010.	D. ....
5. Năm 1042.	E. ....
6. Năm 1054.	F. ....

'âu 38: Lập bảng thống kê về tổ chức quân đội dưới thời Lý - Trần theo yêu cầu ıu đây:

Quân đội	Thành phần tuyển chọn	Nhiệm vụ
Cấm binh	A.	B. ....
Lộ binh	C.	D. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 28

1. C **2.** B **3.** D **4.** B **5.** A **6.** C **7.** B **8.** B **9.** C **10.** B **11.** A
12. B **13.** C **14.** 1:B, G; 2:C,E; 3: A,D**15.** B **16.** A **17.** B **18.** D **19.** B
20. A **21.** C **22.** D **23.** A **24.** A **25.** C **26.** B **27.** C **28.** A **29.** C **30.** A
31. A **32.** B **33.** D **34.** B **35.** B **36.** 1: B, E; 2: A, C, D, F.

37. A. Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

B. Ngô Quyền mất. Dương Tam Kha chiếm ngôi vương.

C. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, lập ra triều Đinh, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

D. Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long.

E. Nhà Lý ban hành bộ Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.

F. Vua Lý Thánh Tông đổi lại tên nước thành Đại Việt.

38. A. Tuyển chọn những thanh niên khoẻ mạnh trong cả nước.

B. Bảo vệ vua và kinh thành.

C. Tuyển chọn những thanh niên trai tráng ở lăng xã đến tuổi thành đinh (18 tuổi) cho chế độ "Ngụ binh ư nông".

D. Canh phòng các lộ, phủ.

Bài 29
MỞ RỘNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
(Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)

Câu 1: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Từ thời………, nhà nước và nhân dân đã chăm lo khai phá đất hoang, mở rộng đất đai canh tác, phát triển nông nghiệp".

A. Đinh - Tiền Lê. B. Lý. C. Trần. D. Lý - Trần.

Câu 2: Dưới thời Lý - Trần, Nhà nước bước đầu lấy một số ruộng thưởng và cấp cho đối tượng nào?

A. Thưởng cho những người có công và cấp cho hộ nông dân nghèo.

B. Thưởng cho quý tộc và cấp cho dòng tộc.

C. Thưởng cho những người có công và cấp cho các chùa chiền.

D. Thưởng cho quân đội và cấp cho lãng xã.

Câu 3: Các vua thời Lê và Lý hàng năm thường về các địa phương để làm gì?

A. Cùng nông dân làm công tác thuỷ lợi.

B. Làm lễ cày ruộng tịch điền.

C. Kiểm tra lại việc ban cấp ruộng đất cho nông dân.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 4: Nhà Trần huy động nhân dân cả nước đắp đê dọc hai bờ các con sông lớn vào năm nào?

A. Năm 1225. B. Năm 1252. C. Năm 1247. D. Năm 1248.

Câu 5: Dưới thời nhà Trần đã đặt thêm chức gì để trông coi, đốc thúc việc sửa và đắp đê?

A. Đồn điền sứ. B. Hà đê sứ. C. Đắp đê sứ. D. Khuyến nông sứ.

Câu 6: Dưới thời nào đã thành lập được các xưởng thủ công gọi là cục Bách tác?

A. Thời Đinh - Tiền Lê. B. Thời Lý.

C. Thời Trần. D. Thời Đinh – Tiền Lê, Lý – Trần.

Câu 7: "Trong xóm làng thường có chợ, cứ hai ngày họp một phiên, hàng hoá trăm thứ, bày la liệt". Đó là đánh giá của ai?

A. Lý Thái Tổ. B. Trần Thánh Tông.

C. Sử giả nhà Nguyên (Trung Quốc). D. Sứ giả Ấn Độ.

Câu 8: Trên vùng biên giới Việt – Trung, từ thời nào đã hình thành các điểm trao đổi hàng hoá?

A. Nhà Đinh - Tiền Lê. B. Nhà Lý.

C. Nhà Trần. D. Nhà Hồ.

Câu 9: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Thuyền buôn các nước phương Nam như……………… cũng thường qua lại mua bán ở các cửa biển Đông - Bắc".

A. Ấn Độ, Trung Quốc. B. Gia-va, Xiêm, Mã Lai.

C. Xiêm, Ấn Độ, Mã Lai. D. Ấn Độ, Trung Quốc, Xiêm.

Câu 10: Năm 1149, nhà Lý lập trang Vân Đồn (Quảng Ninh) để làm gì?

A. Làm vùng hải cảng trao đổi hàng hoá với nước ngoài.

B. Làm căn cứ quân sự chống ngoại xâm.

C. Làm cơ sở sản xuất các mặt hàng thủ công.

D. Làm vùng hải cảng để trao đổi hàng hoá với Ấn Độ.

Câu 11: Tình hình chính trị và kinh tế của nước Đại Việt dưới thời Lý – Trần như thế nào?

A. Chính trị ổn định, kinh tế chậm phát triển.

B. Chính trị chưa ổn định, kinh tế còn khó khăn.

C. Chính trị ổn định, kinh tế phát triển.

D. Chính trị chưa ổn định nhưng kinh tế đã phát triển thịnh đạt.

Câu 12: Sự bùng nổ các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa sau thế kỉ XIV chứng tỏ điều gì?

A. Nhà nước đã suy yếu, không đảm nhận vai trò ổn định và phát triển đất nước.

B. Nông dân đã giác ngộ và có ý thức dân tộc.

C. Sự sụp đổ của nhà Trần là không thể tránh khỏi.

D. Câu A và B đúng.

Câu 13: Dưới thời nào nhà nước không ngừng khuyến khích khai hoang, đẩy mạnh sản xuất?

A. Thời Đinh - Tiền Lê. B. Thời Lý - Trần.

C. Thời hậu Lê. D. Thời nhà Hồ.

Câu 14: Thành tựu chung của nông nghiệp dưới thời Đinh - Tiền Lê, Lý - Trần là

A. Năng suất lao động tăng lên đáng kể.

B. Đắp được hệ thống đê điều.

C. Trồng được nhiều loại cây lương thực.

D. Bên cạnh việc trồng lúa, khoai, sắn, nhân dân ta còn trồng dâu nuôi tằm, trồng bông, trồng cây ăn quả, rau đậu.

Câu 15: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Trên vùng biên giới ....(A)....., từ thời ....(B)..... đã hình thành các địa điểm trao đổi hàng hoá. Lái buôn hai nước đem đủ thứ lụa là, vải vóc, ngà voi, giấy, ngọc, vàng... đến trao đổi. Thuyền buôn các nước phương Nam như ....(C)....., Xiêm, Ấn Độ cũng thường qua lại mua bán ở các cửa biển ......(D)......... Năm 1149, nhà Lý cho lập trang .....(E).....(Quảng Ninh) làm vùng hải cảng trao đổi hàng hoá với nước ngoài. ....(F)....(Thanh Hóa) cũng là một vùng hải cảng buôn bán".

Câu 16: Vào thế kỉ nào tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng cao?

A. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XI. B. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XII.

C. Từ thế kỉ XII đến thế kỉ XIII. D. Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XIV.

Câu 17: Vào nửa sau thế kỉ XIV, một số vua Trần và quan chức cao cấp của nhà nước cai quản đất nước như thế nào?

A. Ra sức xây dựng đất nước ngày càng phồn thịnh.

B. Chỉ lo ăn chơi xa xỉ, không quan tâm đến cuộc sống nhân dân.

C. Ra sức xây dựng kinh tế, quốc phòng để củng cố đất nước và chống ngoại xâm.

D. Ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng đất nước.

Câu 18: Nguyên nhân cơ bản làm bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân đầu thế kỉ XII, đặc biệt là thế kỉ XIII – XIV là

A. Nông dân bị sưu cao thuế nặng.

B. Nông dân bị bóc lột tàn tệ, đói kém liên tục diễn ra.

C. Nông dân bị mất nhiều ruộng đất.

D. Nông dân đã có ý thức chống áp bức, bóc lột.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 29

1. A **2.** C **3.** B **4.** D **5.** B **6.** D **7.** C

8. B **9.** B **10.** A **11.** C **12.** A **13.** B **14.** D

15. A: Việt – Trung, B: Lý, C: Gia-va,
D: Đông - Bắc, E: Vân Đồn, F: Lạch Trường .

16. D **17.** B **18.** B

Bài 30
KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM

Câu 1: Lê Hoàn lên ngôi vua vào năm nào?

A. Năm 938. B. Năm 981. C. Năm 980. D. Năm 918.

Câu 2: Thời Tiền Lê, nước ta đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của quân nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Tống. B. Nhà Minh. C. Nhà Nguyên. D. Nhà Hán.

Câu 3: Lê Hoàn chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống giành được thắng lợi ở đâu?

A. Sông Như Nguyệt. B. Sông Bạch Đằng.

C. Ở Rạch Gầm - Xoài Mút. D. Ở Chi Lăng - Xương Giang.

Câu 4: Giữa thế kỉ XI, tình hình nhà Tống như thế nào?

A. Đang ở thời kì thịnh đạt.

B. Bị các nước xâm lược.

C. Suy yếu và gặp nhiều khó khăn ở trong nước cũng như ở vùng biên giới phía Bắc

D. Đang mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược các nước.

Câu 5: Nhà Tống đã giải quyết những khó khăn giữa thế kỉ XI như thế nào?

A. Đánh hai nước Liêu, Hạ.

B. Đánh Cham-pa để mở rộng lãnh thổ.

C. Đánh Đại Việt làm cho Liêu, Hạ kiêng nể.

D. Giải hoà với Đại Việt để đánh Liêu, Hạ.

Câu 6: Ai là người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống vào những năm 1075 – 1077?

A. Lê Hoàn. B. Lý Thường Kiệt.

C. Trần Hưng Đạo. D. Lý Công Uẩn.

Câu 7: Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, ai là người thực hiện chiến lược "Tiên phát chế nhân"?

A. Lê Hoàn. B. Trần Hưng Đạo.

C. Lý Công Uẩn. D. Lý Thường Kiệt.

Câu 8: Nối niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây:

Niên đại	Sự kiện
	A. Ba mươi vạn quân Tống tràn vào xâm lược nước ta.
1. 1075.	B. Quân ta đánh sang châu Khâm, châu Liêm, rồi tập trung bao vây thành Ung Châu.
2. 1077.	C. Trận quyết chiến trên sông Như Nguyệt, đánh tan quân xâm lược Tống.
	D. Bài thơ thần của Lý Thường Kiệt ngân vang.
	E. Quân ta đánh tan hoàn toàn lực lượng chuẩn bị xâm lược của nhà Tống.

Câu 9: Nước Đại Việt dưới thời nào đã phải đương đầu với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên?

A. Thời Đinh - Tiền Lê. B. Thời nhà Lý.

C. Thời nhà Trần. D. Thời nhà Hồ.

Câu 10: Nước Đại Việt phải đương đầu với một số cuộc thử lửa chống quân Mông – Nguyên diễn ra bao nhiêu năm?

A. 15 năm. B. 20 năm. C. 25 năm. D. 30 năm.

Câu 11: Ai là nhà quân sự thiên tài đã cùng với các vua Trần và hàng loạt tướng lĩnh tài năng chiến đấu chống quân xâm lược Mông – Nguyên giành thắng lợi vẻ vang cho Tổ quốc?

A. Trần Thủ Độ. B. Trần Khánh Dư.

C. Trần Hưng Đạo. D. Trần Quang Khải.

Câu 12: Hội nghị Bình Than diễn ra trong cuộc kháng chiến lần thứ mấy chống Mông – Nguyên?

A. Lần thứ nhất. B. Lần thứ hai.

C. Lần thứ ba. D. Lần thứ nhất và lần thứ hai.

Câu 13: Hội nghị Diên Hồng do triều Trần tổ chức đã triệu tập những thành phần nào để bàn kế hoạch đánh giặc?

A. Các vương hầu, quý tộc. B. Đại biểu cho mọi tầng lớp nhân dân.

C. Các bậc phụ lão có uy tín. D. Tất cả các thành phần trên.

Câu 14: Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, chiến thắng nào vang dội, mãi mãi đi vào lịch sử như một biểu tượng của truyền thống yêu nước, bất khuất, quật cường của dân tộc ta?

A. Chiến thắng Vân Đồn. B. Chiến thắng Vạn Kiếp.

C. Chiến thắng Bạch Đằng. D. Cả ba chiến thắng trên.

Câu 15: Đến thế kỉ XV, nước Đại Việt rơi vào ách đô hộ nghiệt ngã, tàn bạo của quân xâm lược nào?

A. Quân xâm lược nhà Thanh. B. Quân xâm lược nhà Minh.

C. Quân xâm lược nhà Xiêm. D. Quân xâm lược nhà Tống.

Câu 16: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ năm 1407 mau chóng bị thất bại. Nguyên nhân nào chủ yếu?

A. Thế giặc quá mạnh.

B. Nhà Hồ không có tướng tài.

C. Nhà Hồ không đoàn kết được nhân dân.

D. Nhà Hồ có nội phản trong triều.

Câu 17: Cuộc khởi nghĩa chống quân Minh do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo chính thức nổ ra vào năm nào? Ở đâu?

A. Năm 1417, Ở núi Lam Sơn - Thanh Hoá.

B. Năm 1418, Ở núi Chí Linh - Nghệ An.

C. Năm 1418, Ở núi Lam Sơn - Thanh Hoá.

D. Năm 1418, Ở núi Lam Sơn – Hà Tĩnh.

Câu 18: Khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài từ năm nào đến năm nào?

A. 1418 - 1428. B. 1417 - 1427. C. 1418 - 1427. D. 1417 - 1428.

Câu 19: Chiến thắng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ khởi nghĩa Lam Sơn là trận nào?

A. Tốt Động - Chúc Động (1426). B. Chi Lăng - Xương Giang (1427).

C. Chí Linh (1424). D. Diễn Châu (1425).

Câu 20: Năm 981, lợi dụng tình hình nào nhà Tống sai quân xâm lược nước ta?

A. Vua Đinh Tiên Hoàng bị ốm nặng, triều đình Đại Việt suy yếu.

B. Vua Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, triều đình Đại Việt gặp nhiều khó khăn.

C. Nước Đại Việt đang đứng trước những khó khăn vô cùng to lớn.

D. Nội bộ triều đình Đại Việt mâu thuẫn.

Câu 21: Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được ai tôn lên làm vua để chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Tống?

A. Được bà Thái hậu và các tướng lĩnh tôn lên làm vua, chỉ đạo cuộc kháng chiến.

B. Được nhân dân tôn lên làm vua, chỉ đạo cuộc kháng chiến.

C. Được các quan lại trong triều đình tôn lên là vua, chỉ đạo cuộc kháng chiến.

D. Tất cả đều sai.

Câu 22: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1. Năm 1075 2. Năm 1077 3. Năm 1288 4. Năm 1407 5. Năm 1418 6. Cuối năm 1427	A. 30 vạn quân Tống tràn sang nước ta. Bằng trận quyết chiến trên bờ Bắc sông Như Nguyệt (sông Cầu - Bắc Ninh), quân ta, do Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy, đã đánh tan quân xâm lược. B. Quân ta đánh sang châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông, Quảng Tây - Trung Quốc). C. Chiến thắng Bạch Đằng vang dội mãi mãi đi vào lịch sử như một biểu tượng của truyền thống yêu nước, bất khuất, quật cường của dân tộc. D. Cuộc khởi nghĩa lớn đã dấy lên ở đất Lam Sơn (Thanh Hoá), do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. E. Đại Việt lại rơi vào ách đô hộ nghiệt ngã, tàn bạo. hàng loạt cuộc khởi nghĩa đã bùng lên ở miền xuôi cũng như miền ngược, nhưng đều bị đàn áp. F. Nghĩa quân Lam Sơn chiến đấu chủ động, sáng tạo đã làm nên chiến thắng lẫy lừng Chi Lăng - Xương Giang, đánh tan 10 vạn viện binh của giặc. Quân xâm lược Minh đầu hàng phải rút về nước.

Câu 23: Ghi sự kiện vào thời gian ở bảng thống kê về các cuộc kháng chiến và khởi nghĩ lớn chống ngoại xâm từ năm 981 đến 1247 của dân tộc ta dưới đây:

Niên đại	Sự kiện
1. Năm 981.	A. ....
2. Năm 1075 - 1077.	B. ....
3. Năm 1258.	C. ....
4. Năm 1285.	D. ....
5. Năm 1288.	E. ....
6. Năm 1418 - 1427.	F. ....

Câu 24: Điền vào chỗ trống trong bảng sau đây cho đúng về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống lần thứ nhất và lần thứ hai:

	Cuộc kháng chiến lần thứ nhất	**Cuộc kháng chiến lần thứ hai**
Thời gian	A.	B. ....
Người lãnh đạo	C.	D. ....
Tình hình nước Đại Việt	E.	F. ....
Kết quả	G.	H. ....

Câu 25: Hãy hoàn thành các câu dưới đây cho đúng:

A. Tháng 1 - 1288, ...chia làm ba đạo quân tiến vào Thăng Long.

B. Nhân cơ hội này, vua Trần và ....mở cuộc phản công và tiến hành bố trí quân mai phục ở sông Bạch Đằng.

C. Tháng 4 - 1288, toán quân ....rút theo đường thuỷ trên sông Bạch Đằng.

D. Khi quân ....tiến đến bãi cọc, quân Trần khiêu khích rồi bỏ chạy, chờ nước triều xuống, tổ chức phản công.

E. Cánh quân của ....từ Vạn Kiếp đến Lạng Sơn rút qua Quảng Tây (Trung Quốc) cũng bị truy kích và tiêu diệt. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Câu 26: Ghi nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vào bảng kê sau:

	Nội dung
1. Nguyên nhân thắng lợi	A. ....
2. Ý nghĩa lịch sử	B. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 30

1. B **2.** A **3.** B **4.** C **5.** C **6.** B **7.** D **8.** 1: B,E; 2:A, C,D.
9. C **10.** D **11.** C **12.** B **13.** C **14.** C **15.** B **16.** C **17.** C **18.** C
19. B **20.** B **21.** A **22.** 1: B, 2: A, 3: C, 4: E, 5: D, 6: F

23. A. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê.

B. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý.

C. Cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ nhất.

D. Cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai.

E. Cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ ba.

F. Khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi, Nguyễn Trãi chống quân xâm lược nhà Minh.

24. A. 981, B. 1075 - 1077, C. Lê Hoàn, D. Lý Thường Kiệt,

E. Vua Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, nước Đại Việt gặp nhiều khó khăn.

F. Nước Đại Việt thời Lý đang vươn lên trong xây dựng kinh tế và ổn định chính trị.

G. Cuộc kháng chiến toàn thắng. Quan hệ Việt - Tống trở lại ổn.

H. Đánh tan quân xâm lược nhà Tống, đất nước thái bình.

25. A. Thoát Hoan. B. Trần Quốc Tuấn. C. Ô Mã Nhi.

D. Ô Mã Nhi. E. Thoát Hoan.

26. A. - Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất quyết tâm giành lại độc lập tự do cho đất nước, toàn dân đoàn kết chiến đấu.

- Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn của bộ tham mưu, đứng đầu là các anh hùng dân tộc Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

- Những người lãnh đạo biết dựa vào dân.

B. - Kết thúc 20 năm đô hộ tàn bạo của phong kiến nhà Minh.

- Mở ra một thời kì phát triển mới của xã hội, đất nước, dân tộc Việt Nam- thời Lê sơ.

Bài 31
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Câu 1: Thời Bắc thuộc, hệ tư tưởng phong kiến nào được truyền bá vào nước ta?

A. Nho giáo. B. Phật giáo. C. Đạo giáo. D. Ấn Độ giáo.

Câu 2: Phật giáo phát triển mạnh mẽ nhất ở nước ta vào thời kì nào?

A. Thời Đinh - Tiền Lê. B. Thời Lý - Trần.

C. Thời nhà Hồ. D. Tất cả các thời kì trên.

Câu 3: Từ thời Bắc thuộc hai tôn giáo lớn đã được truyền bá vào nước ta, từng bước hoà nhập vào cuộc sống của nhân dân, đó là tôn giáo nào?

A. Nho giáo và Phật giáo. B. Phật giáo và Đạo giáo.

C. Phật giáo và Thiên chúa giáo. D. Phật giáo và Ấn Độ giáo.

Câu 4: Vị vua nào dưới thời Trần khi lên làm Thái thượng hoàng đã xuất gia đầu Phật và lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt.

A. Trần Thái Tông. B. Trần Thánh Tông.

C. Trần Nhân Tông. D. Trần Anh Tông.

Câu 5: Vị vua nào cho "lập văn miếu" ở kinh đô Thăng Long, "đắp tượng Khổng Tử, Chu Công, vẽ 72 vị hiền tài, bốn mùa cúng tế và cho Hoàng thái tử đến học" vào năm 1070?

A. Lý Thái Tổ. B. Lý Thái Tông.

C. Lý Nhân Tông. D. Lý Thánh Tông.

Câu 6: Nhà Lý tổ chức "thi Minh kinh bác học và thơ Nho học tam trường" vào năm nào?

A. Năm 1070. B. Năm 1072. C. Năm 1074. D. Năm 1075.

Câu 7: Nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi" (ba người đỗ đầu), qui định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc tử giám cho con em quý tộc và quan chức đến học vào năm nào?

A. Năm 1258. B. Năm 1285. C. Năm 1247. D. Năm 1274.

Câu 8: Dưới thời Trần, ai là thầy giáo, nhà nho được triều đình trọng dụng nhất?

A. Trương Hán Siêu. B. Chu Văn An.

C. Nguyễn Trãi. D. Phạm Sư Mạnh.

Câu 9: Ai là tác giả của tác phẩm "Bạch Đằng giang phú"?

A. Trần Quốc Tuấn. B. Nguyễn Trãi.

C. Trương Hán Siêu. D. Lý Thường Kiệt.

Câu 10: Đời nhà Trần có một danh sĩ được gọi là "Lưỡng quốc Trạng nguyên" (trạng nguyên hai nước). Đó là ai?

A. Lê Quý Đôn. B. Chu Văn An.

C. Phạm Sư Mạnh. D. Mạc Đĩnh Chi.

Câu 11: Ai là tác giả của hai câu thơ dưới đây:

"Tướng sĩ, quân hầu đều biết chữ
Chăn voi, thư lại cũng hay thơ"

A. Trần Nguyên Đán. B. Trần Nhân Tông.

C. Trần Quang Khải. D. Phạm Sư Mạnh.

Câu 12: Trần Thái Tông viết hai câu thơ:

"Người lính già đầu bạc
Kể mãi chuyện Nguyên Phong"

để nói về chiến công oanh liệt chống quân xâm lược nào?

A. Quân nhà Tống (1075 - 1077). B. Quân nhà Nguyên (1288).

C. Quân Mông Cổ (1258). D. Quân nhà Minh (1427).

Câu 13: Ở thế kỉ XI – XII, chữ Nôm ra đời trên cơ sở học tập chữ Hán. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 14: Chùa Một Cột ở Hà Nội – một di tích văn hoá – lịch sử của dân tộc ta được xây dựng dưới thời nào?

A. Tiền Lê. B. Lý. C. Trần. D. Hồ.

Câu 15: Vào cuối thế kỉ XIV, một khu thành lớn được xây dựng ở đâu?

A. Ở Lam Sơn (Thanh Hoá). B. Ở Chí Linh (Thanh Hoá).

C. Ở Thăng Long. D. Ở Vĩnh Lộc (Thanh Hoá).

Câu 16: Bộ "Đại Việt sử kí" là tác phẩm của ai?

A. Lê Văn Hưu. B. Lê Hữu Trác.

C. Trần Quang Khải. D. Trương Hán Siêu.

Câu 17: Nền văn hoá Đại Việt thời Lý – Trần, Hồ thường được gọi là văn hoá gì?

A. Văn hoá sông Hồng. B. Văn hoá Đại Việt.

C. Văn hoá Thăng Long. D. Văn hoá Việt Nam.

Câu 18: "Nước Đại Việt ta thực sự là một nước văn hiến". Câu nói đó của ai?

A. Nguyễn Trãi. B. Trần Nguyên Đán.

C. Trần Quốc Tuấn. D. Trần Nhân Tông.

Câu 19: Trên con đường phong kiến hoá, giai cấp thống trị đã tiếp nhận Nho giáo như thế nào?

A. Như một hệ tư tưởng chính của mình.

B. Như một công cụ thống trị của mình.

C. Như một quốc giáo của đất nước.

D. Như một tôn giáo không thể thiếu của mình.

Câu 20: Trong các tôn giáo ở Việt Nam cuối thế kỉ XIV, tôn giáo nào được giai cấp thống trị tôn sùng?

A. Nho giáo. B. Phật giáo.

C. Thiên chúa giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 21: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Nhiều nhà sư như Ngô Chân Lưu, Đỗ Thuận, Vạn Hạnh đã tham gia tích cực vào sự nghiệp giữ nước và dựng nước.

B. Một số nhà vua thời Đinh, Tiền Lê, Lý - Trần đã tìm đến Phật giáo.

C. Vua Trần Nhân Tông khi lên làm Thái thượng hoàng đã xuất gia đầu Phật và lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt.

D. Đạo giáo được truyền bá trong nhân dân hoà nhập với một số tín ngưỡng trong dân gian.

E. Các tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ những người có công với nước, với dân, thờ thần núi, sông... cũng ngày càng được phổ biến.

F. Năm 1075 vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

Câu 22: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1. Năm 1070 2. Năm 1075 3. Năm 1247	A. Nhà Lý tổ chức "thi Minh kinh bác học và thi Nho học tam tường". B. Vua Lý Thánh Tông cho "lập Văn Miếu" ở kinh đô Thăng Long, "đắp tượng Khổng Tử, Chu công, vẽ 72 vị hiền tài, bốn mùa cúng tế và cho Hoàng thái tử đến học".

4. Năm 1396	C. Các kì thi được hoàn chỉnh. Sự phát triển của giáo dục đã tạo nên nhiều trí thức tài giỏi cho đất nước như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi v.v... Vị trí của Nho giáo, do đó, cũng được nâng dần lên theo thế độc tôn. D. nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi" (ba người đỗ đầu), quy định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc tử giám cho con em quý tộc và quan chức đến học.

Câu 23: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Từ thời .....(A)........, ...(B)........đã trở thành một đô thị với nhiều cung điện, đền đài. Công cuộc xây dựng đất nước thời ......(C)........và sự phát triển của ......(D)....... đã đẩy nhanh sự phát triển của nghệ thuật. ....(E).......trở thành trung tâm của một nền văn hoá mới. Ngoài các cung điện, tháp chuông, đền đài, nổi lên hàng loạt công trình kiến trúc độc đáo như chùa ......(F).......(còn gọi là chùa Một Cột), tháp ....(G) ...., chùa Chân Giáo, đền Đồng Cổ".

Câu 24: Hãy điền tên của các tác giả ứng với những tác phẩm văn học sau đây:

Tác phẩm	Tác giả
1. Nam quốc sơn hà.	A. ....
2. Hịch tướng sĩ.	B. ....
3. Đoạt sáo Chương Dương.	C..
4. Hoành sáo giang sơn.	D..
5. Bạch Đằng giang phú.	E..
6. Việt điện u linh.	F..
7. Lĩnh Nam chích quái.	G..

Câu 25: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các công trình kiến trúc ở cột A dưới đây:

A	B
1. Thành Thăng Long 2. Chùa Một Cột 3. Tháp Báo Thiên 4. Tượng Phật Di lặc	A. Gồm 12 tầng, cao khoảng 60 trượng, được xây dựng ở Hà - Nam – Ninh. 3 B. Được xây dựng từ thời Lý, có qui mô lớn, giữa hai vùng dài khoảng 25km. 1 C. Là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc. Toàn bộ được xây trên một cột đá lớn dựng giữa hồ, tựa như toà sen.2 D. Được đặt ở chùa Quỳnh Lâm

Câu 26: Nghệ thuật độc đáo thời Lý - Trần, trên bước đường trưởng thành đã tiếp thu một số ảnh hưởng của nghệ thuật nào?

A. Cham-pa và Trung Quốc.
B. Ấn Độ và Trung Quốc.
C. Ấn Độ và Chăm-pa.
D. Trung Quốc, Ấn Độ, Chăm-pa.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 31

1. A **2.** B **3.** B **4.** C **5.** D **6.** D **7.** C **8.** B **9.** C **10.** D
11. A **12.** C **13.** A **14.** B **15.** D **16.** A **17.** C **18.** A **19.** A **20.** B
21. A, C, D, E: Đúng; B, F: Sai.**22.** 1: A, 2: A, 3: D, 4: C.
23. A. Đinh - Tiền Lê, B. Hoa Lư, C. Lý - Trần, D. Phật giáo, E. Thăng Long, F. Diên Hựu, G. Báo Thiên.
24. A. Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt.
B. Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn.
C. Đoạt sáo Chương Dương Trần Quang Khải.
D. Hoành sáo giang sơn của Phạm Ngũ Lão.
E. Bạch Đằng giang phú Trương Hán Siêu.
F. Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên.
G. Lĩnh Nam chích quái của Trần Thế Pháp.
25. 1: B, 2: C, 3: A, 4: D. **26.** A

Bài 32
VIỆT NAM THẾ KỈ XV - THỜI LÊ SƠ

Câu 1: Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt tên nước là gì?
A. Năm 1427. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt.
B. Năm 1428. Đặt tên nước là Đại Ngu.
C. Năm 1427. Đặt tên nước là Đại Việt.
D. Năm 1428. Đặt tên nước là Đại Việt.

Câu 2: Nhà nước dưới thời Lê sơ được xây dựng theo mô hình của nhà nước nào trước đó?
A. Nhà nước thời Trần, Hồ. B. Nhà nước thời Lý.
C. Nhà nước thời Lý - Trần. D. Nhà nước thời Đinh - Tiền Lê.

Câu 3: Nước Đại Việt dưới thời Lê sơ được chia làm mấy đạo?
A. Mười đạo. B. Sáu đạo. C. Năm đạo. D. Bốn đạo.

Câu 4: Dưới đạo là các tổ chức nào để cai quản đất nước?
A. Lộ - phủ - huyện - châu - xã. B. Phủ - huyện - lộ - châu - xã.
C. Lộ - huyện - phủ - châu - xã. D. Huyện - lộ - châu - xã - phủ.

Câu 5: Vua Lê Thánh Tông cai quản đất nước trong thời gian nào?
A. 1428 - 1497. B. 1427 - 1407. C. 1460 - 1497. D. 1460 - 1479.

Câu 6: Trong cải cách hành chính của mình, vua Lê Thánh Tông bãi bỏ các chức vị nào?
A. Tể tướng. B. Đại hành khiển.
C. Tể tướng, Đại hành khiển. D. Ngự sử đài.

Câu 7: Thời Lê Thánh Tông cơ quan nào được thành lập, trực tiếp cai quản mọi việc và chịu trách nhiệm trước vua?

A. Đại hành khiển.
B. Sáu bộ.
C. Ngự sử.
D. 12 đạo thừa tuyên.

Câu 8: Thời Lê Thánh Tông ở địa phương cả nước chia thành:

A. 12 đạo.
B. 12 lộ.
C. 12 phủ.
D. 12 đạo thừa tuyên.

Câu 9: Cách tuyển chọn quan lại dưới thời Lê Thánh Tông diễn ra dưới hình thức nào là chủ yếu?

A. Qua giáo dục, khoa cử.
B. Qua dòng họ.
C. Chọn những người có công.
D. Tất cả các hình thức trên.

Câu 10: Bộ luật mới được ban hành dưới thời nhà Lê có tên gọi là gì?

A. "Luật hình sự".
B. "Quốc triều hình luật".
C. "Hình luật quốc gia".
D. "Luật Hồng Bàng".

Câu 11: Quân đội dưới thời nhà Lê được tổ chức chặt chẽ và theo chế độ:

A. "Ngụ nông ư binh".
B. "Ngụ binh ư nông".
C. "Quân đội nhà nước".
D. "Ư binh hiến nông".

Câu 12: Thời nhà Lê, nhà nước ban hành chính sách gì để khuyến khích phát triển nông nghiệp?

A. Lộc điền.
B. Quân điền.
C. Điền trang.
D. Thái ấp.

Câu 13: Dưới thời nhà Lê, ở đâu tập trung nhiều ngành nghề thủ công nhất?

A. Vân Đồn.
B. Vạn Kiếp.
C. Thăng Long.
D. Vạn Ninh.

Câu 14: Thời nhà Lê, hệ tư tưởng nào chiếm địa vị độc tôn trong xã hội?

A. Phật giáo.
B. Nho giáo.
C. Thiên chúa giáo.
D. Đạo giáo.

Câu 15: Dưới thời Lê sơ, cứ bao nhiêu năm tổ chức một kì thi Hội ở kinh đô để chọn nhân tài?

A. 2 năm.
B. 5 năm.
C. 4 năm.
D. 3 năm.

Câu 16: Dưới thời nhà Lê, các bia đá dựng ở Văn Miếu để làm gì?

A. Khắc tên những người đỗ Tiến sĩ.
B. Khắc tên những anh hùng có công với nước.
C. Khắc tên những vị vua thời Lê sơ.
D. Khắc tên những người có học hàm.

Câu 17: Dưới thời nhà Lê, tôn giáo nào được xem là tôn giáo của nhân dân?

A. Nho giáo.
B. Phật giáo.
C. Phật giáo, Đạo giáo.
D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 18: Hãy nối sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Lê Thánh Tông.	A. Hồng Đức quốc âm thi tập.
2. Nguyễn Trãi.	B. Ức Trai thi tập.

3. Lương Thế Vinh	C. Quỳnh uyển cửu ca. D. Bình Ngô đại cáo E. Thiên Nam dư hạ G. Đại hành toán pháp.

Câu19: Dưới thời nhà Lê, vị vua nào đã tiến hành cải cách hành chính toàn diện?

A. Thời vua Lê Thánh Tông. B. Thời vua Lê Thái Tông.

C. Thời vua Lê Nhân Tông. D. Thời vua Lê Thái Tổ.

Câu 20: Thời Lê Thánh Tông, ở Trung ương, cơ quan nào mới được thành lập trực tiếp cai quản mọi việc và chịu trách nhiệm trước vua.

A. Ngự sử đài. B. Các bộ. C. Đại hành khiển. D. Ngự sử đài.

Câu 21: Thời Lê Thánh Tông, ở địa phương, nhà nước bỏ các đạo, lộ cũ, chia lại cả nước thành 12 đạo thừa tuyên. Ở mỗi đạo thừa tuyên đều có 3 ti phụ trách các lĩnh vực nào?

A. Văn hoá, giáo dục, quân sự. B. Kinh tế, văn hoá, giáo dục.

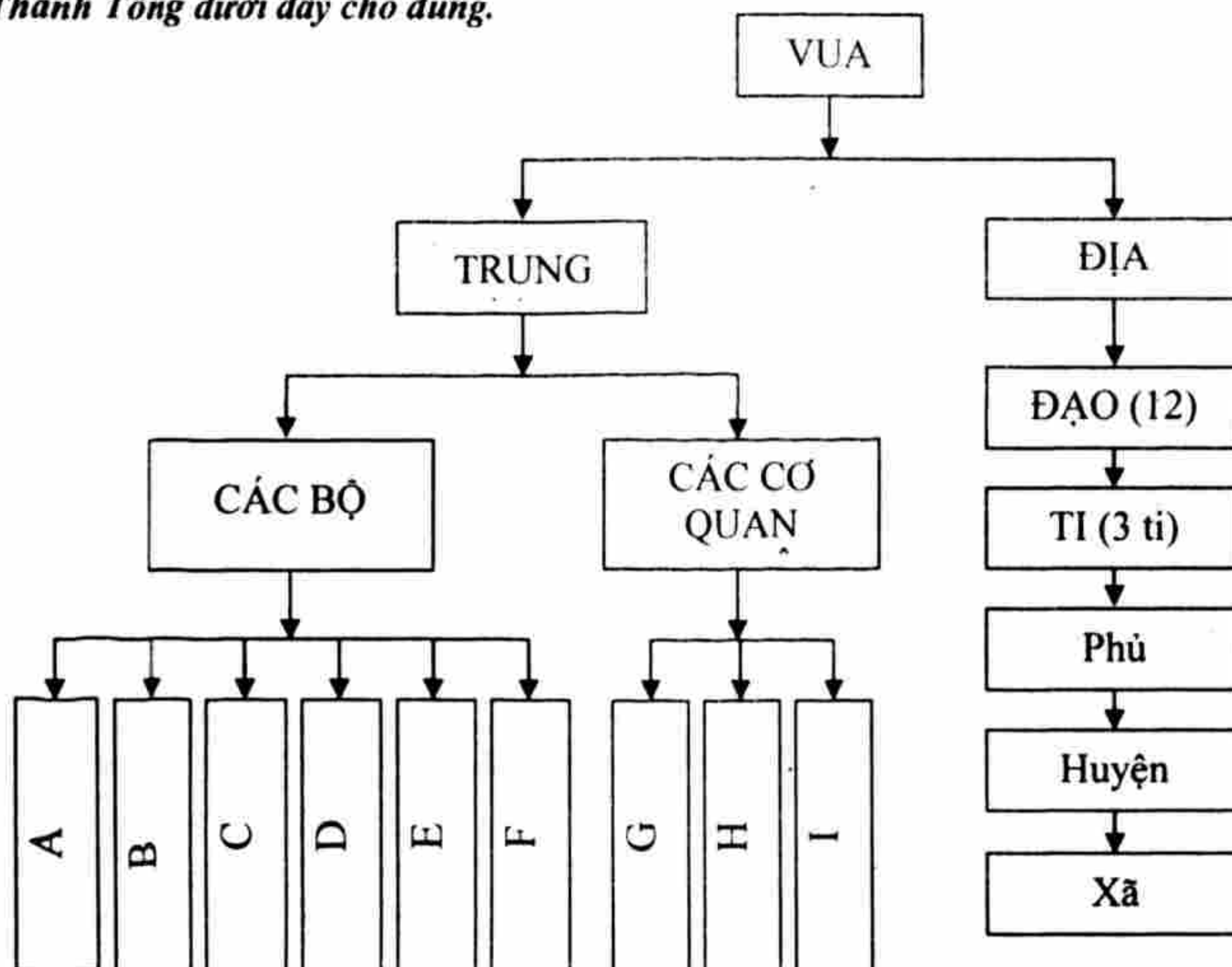
C. Quân sự, dân sự và thanh tra. D. Kinh tế, quân sự, dân sự, hành chính.

Câu 22: Dưới thời nhà Lê, "Quốc triều hình luật" còn được gọi là

A. Luật dân sự. B. Luật hình sự.

C. Luật Hồng Bàng. D. Luật Hồng Đức.

Câu 23: Hãy điền vào các ô trống ở sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê Thánh Tông dưới đây cho đúng.



***Câu 24:** Hãy hoàn thành nốt các câu dưới đây về thành tựu văn hoá dưới thời Lê.*

A. Văn thơ chữ Hán có những tác phẩm nổi tiếng:..............................

B. Văn thơ chữ Nôm có..............................

C. Văn thơ thời Lê sơ có nội dung..............................

D. Sử học gồm có..............................

E. Địa lí gồm có..............................

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 32

1. D **2.** A **3.** C **4.** A **5.** C **6.** C **7.** B **8.** D **9.** A **10.** B **11.** B
12. B **13.** C **14.** B **15.** D **16.** A **17.** C **18.** 1: A,C,E; 2B,D;3:G
19. A **20.** B **21.** C **22.** D

23. A. Bộ Binh, B. Bộ Lại, C. Bộ Hộ, D. Bộ Lễ, E. Bộ Công, F. Bộ Hình. G. Hàn lâm viện, H. Quốc sử viện, I. Ngự sử đài.

24. A. Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Quỳnh uyển cửu ca

B. Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Thập giới cô hồn quốc ngữ văn.

C. Yêu nước sâu sắc, thể hiện niềm tự hào dân tộc.

D. Đại Việt sử kí, Đại Việt sử kí toàn thư, Lam Sơn thực lục, Việt giám thông khảo tổng luận, Hoàng triều quan chế ...

E. Hồng Đức bản đồ, Dư địa chí, An Nam bình thăng đồ.

Chương V
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII

Bài 33
CHIẾN TRANH PHONG KIẾN VÀ SỰ CHIA CẮT ĐẤT NƯỚC

Câu 1: Triều đình nhà Lê ngày càng bộc lộ những hạn chế, mâu thuẫn và mất hết vai trò tích cực vào thời gian nào?

A. Thế kỉ XV. B. Thế kỉ XVI. C. Thế kỉ XVII. D. Thế kỉ XVIII.

Câu 2: Mạc Đăng Dung bắt ép Cung hoàng đế nhường ngôi, lập ra nhà Mạc vào thời gian nào?

A. Năm 1524. B. Năm 1525. C. Năm 1526. D. Năm 1527.

Câu 3: Giữa lúc nhà Mạc đang phải đối phó với các cuộc nổi dậy ở trong nước, ai là người đã bí mật xây dựng lực lượng và tôn Lê Duy Ninh lên làm vua, lập lại triều Lê?

A. Nguyễn Kim. B. Nguyễn Hoàng.
C. Trịnh Kiểm. D. Nguyễn Phúc Ánh.

Câu 4: Ai là người đã quy tụ được đông đảo các lực lượng cựu thần nhà Lê chống lại nhà Mạc?

A. Nguyễn Hoàng. B. Nguyễn Kim.
C. Lê Duy Ninh. D. Trịnh Kiểm.

Câu 5: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Từ năm 1539 đến năm 1543, Nguyễn Kim đánh chiếm……………… và xây dựng khu vực này thành vùng kiểm soát của chính quyền nhà Lê dưới danh nghĩa triều Lê Trung hưng".

A. Quảng Bình, Quảng Trị. B. Thuận Hoá.
C. Thanh Hoá, Nghệ An. D. Quảng Nam.

Câu 6: Năm 1545, Nguyễn Kim chết, ai là người thay thế vị trí của ông, tiếp tục cuộc chiến tranh với nhà Mạc?

A. Nguyễn Hoàng. B. Nguyễn Phúc Ánh.
C. Trịnh Kiểm. D. Lê Duy Ninh.

Câu 7: Từ năm 1527 đến năm 1592, đất nước ta diễn ra cục diện: Nam – Bắc triều. Đó là cuộc tranh giành quyền lực giữa tập đoàn phong kiến nào?

A. Lê (Nam triều) - Trịnh (Bắc triều).
B. Trịnh (Nam triều) - Mạc (Bắc triều).
C. Mạc (Nam triều) - Nguyễn (Bắc triều).
D. Lề, Trịnh (Nam triều) – Mạc (Bắc triều).

Câu 8:.Cuộc nội chiến Nam – Bắc triều kéo dài trong khoảng thời gian nào đã gây nhiều tổn thương cho dân tộc?

A. Từ năm 1527 đến năm 1592. B. Từ năm 1545 đến năm 1592.
C. Từ năm 1545 đến năm 1555. D. Từ năm 1559 đến năm 1677.

Câu 9: Nền độc lập của dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ bị xâm phạm trong suốt gần 50 năm (từ 1545 đến 1592), do đâu?

A. Cuộc nội chiến Nam - Bắc triều.

B. Cuộc chiến tranh xâm lược của quân Xiêm.

C. Cuộc chiến tranh xâm lược của quân Mãn Thanh.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 10: Năm 1592, quân Nam triều tấn công vào đâu giành thắng lợi quyết định làm cho cục diện chiến tranh Nam – Bắc triều về cơ bản chấm dứt?

A. Vào Cao Bằng. B. Vào Lạng Sơn.

C. Vào Thăng Long. D. Vào Thanh Hoá.

Câu 11: Triều Mạc kết thúc vai trò cai trị đất nước ta vào thời gian nào?

A. Năm 1592. B. Năm 1545. C. Năm 1667. D. Năm 1677.

Câu 12: Khi cuộc chiến Nam – Bắc triều đang tiếp diễn thì nội bộ Nam triều như thế nào?

A. Đoàn kết để chống Bắc triều.

B. Đã nảy sinh mầm mống của sự chia rẽ.

C. Đã diễn ra mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ Nam triều.

D. Đã nảy sinh mầm móng của sự chia rẽ nhưng không ảnh hưởng đến nội bộ Nam triều.

Câu 13: Ở Nam triều, ai là người thâu tóm mọi quyền hành trong tay mình và loại dần ảnh hưởng của họ Nguyễn?

A. Trịnh Kiểm. B. Trịnh Tùng. C. Trịnh Tráng. D. Trịnh Doanh.

Câu 14: Để tránh âm mưu bị ám hại của họ Trịnh, Nguyễn Hoàng đã tìm cách vào trấn thủ ở đâu?

A. Thanh Hoá. B. Quảng Nam. C. Thuận Hoá. D. Thuận – Quảng.

Câu 15: Vì sao Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ ở Thuận Hoá?

A. Tránh sự xung đột Nam - Bắc triều.

B. Tập hợp nhân dân khai hoang.

C. Tránh âm mưu bị ám hại của họ Trịnh.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 16: Họ Nguyễn vừa lo phát triển kinh tế, vừa lo củng cố chính quyền thống trị ở Thuận Hoá nhằm mục đích gì?

A. Sẵn sàng chống lại thế lực của họ Trịnh.

B. Thoát li dần sự lệ thuộc của họ Trịnh.

C. Thoát li dần sự lệ thuộc và trở thành một lực lượng đối địch với họ Trịnh.

D. Củng cố thế lực của họ Nguyễn ở Nam triều.

Câu 17: Cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn, cuộc chiến tương tàn trong lịch sử nước ta kéo dài gần nửa thế kỉ. Đó là khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1545 đến năm 1592. B. Từ năm 1627 đến năm 1672.

C. Từ năm 1672 đến năm 1692. D. Từ năm 1592 đến năm 1672.

Câu 18:* *Từ đầu thế kỉ XVII, sông Gianh, luỹ Thầy (Quảng Bình) là giới tuyến chia đất nước ta thành Đàng Trong và Đàng Ngoài. Cát cứ hai miền thuộc hai đoàn phong kiến nào?

A. Trịnh (Đàng Ngoài) - Lê (Đàng Trong).

B. Trịnh (Đàng Trong) - Lê (Đàng Ngoài).

C. Lê (Đàng Trong) - Nguyễn (Đàng Ngoài).

D. Lê - Trịnh (Đàng Ngoài) - Nguyễn (Đàng Trong).

Câu 19:* *Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về cuộc nội chiến Nam - Bắc triều và nội chiến Trịnh - Nguyễn dưới đây:

A	B
1. Nội chiến Nam - Bắc triều. 2. Nội chiến Trịnh - Nguyễn.	A. Nguyễn Hoàng vào trấn giữ ở Thuận Hoá. B. Năm 1570, Nguyễn Hoàng được giao kiêm lãnh làm Trấn thủ cả xứ Quảng Nam (từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông). C. Từ năm 1539 đến năm 1543, Nguyễn Kim đánh Thanh Hoá. D. Năm 1545, Nguyễn Kim chết, Trịnh Kiểm thay thế vị trí của ông, tiếp tục chiến tranh với nhà Mạc. E. Dần dần, khu vực Thuận - Quảng trở thành vùng đất của tập đoàn phong kiến Nguyễn. F. Cuộc nội chiến kéo dài gần 50 năm (từ 1545 đến 1592), tàn phá đất nước nặng nề. G. Nội chiến kéo dài 45 năm (từ 1627 đến 1672), đánh nhau bảy lần, làm cho đất nước tương tàn.

Câu 20:* *Điền các sự kiện lịch sử vào các mốc thời gian đã cho sau đây:

Thời gian	Sự kiện
1. 1527	A. ....
2. 1533	B. ....
3. 1545	C. ....
4. 1545 - 1592	D. ....
5. 1592	E. ....
6. 1627 - 1672	F. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 33

1. B **2.** D **3.** A **4.** B **5.** C **6.** C **7.** D **8.** B **9.** A **10.** C **11.** D
12. B **13.** A **14.** C **15.** C **16.** C **17.** B **18.** D **19.** 1: C, D, F; 2: A, B, E, G.

20. A. Mạc Đăng Dung bắt ép Cung hoàng đế nhường ngôi, lập ra nhà Mạc.

B. Nguyễn Kim chạy vào Thanh Hoá, lập ra nhà Lê.

C. Nguyễn Kim chết, Trịnh Kiểm thay thế vị trí của ông, tiếp tục cuộc chiến tranh với nhà Mạc.

D. Cuộc xung đột Nam - Bắc triều kéo dài gần 50 năm.

E. Quân Nam triều tấn công vào Thăng Long, giành thắng lợi quyết định.

F. Cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bảy lần với những trận đánh ác liệt làm cho đất nước tương tàn.

Bài 34
TÌNH HÌNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Câu 1: Đến thế kỉ nào chính sách ruộng đất công làng xã của thời Lê sơ về cơ bản đã bị phá sản?

A. Thế kỉ XVI. B. Thế kỉ XVII. C. Thế kỉ XVIII. D. Thế kỉ XV.

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho chính sách ruộng đất công làng xã thời Lê sơ bị phá sản?

A. Do đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài.

B. Do sự khai hoang diễn ra nhanh chóng.

C. Do sự phát triển nhanh chóng của ruộng đất tư hữu.

D. Do nhà nước khuyến khích biến ruộng đất công thành ruộng đất tư.

Câu 3: Đến đầu thế kỉ XVIII, tình hình sản xuất nông nghiệp ở Đàng Ngoài như thế nào?

A. Đang trên đà phát triển mạnh mẽ.

B. Vẫn có những dấu hiệu tương đối ổn định và phát triển.

C. Đã bị khủng hoảng và bế tắc.

D. Đang có những bước tiến vượt bậc so với các thời kì trước, nhờ có những cải cách tiến bộ.

Câu 4: Chính sách ruộng đất của họ Trịnh ở Đàng Ngoài nhằm phục vụ cho các giai cấp và tầng lớp nào trong xã hội?

A. Nông dân, binh sĩ, địa chủ phong kiến.

B. Nhà nước phong kiến, địa chủ, tầng lớp quan liêu, binh sĩ.

C. Nhà nước phong kiến, địa chủ, nông dân.

D. Địa chủ, nông dân, binh sĩ.

Câu 5: Nguyên nhân sâu xa làm cho người nông dân Đàng Ngoài phải rời bỏ ruộng đất, xóm làng đi lang thang kiếm sống ngày càng đông đảo?

A. Bị nhiều tầng áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến Đàng Ngoài.

B. Bị mất ruộng đất tư, lại hết hi vọng vào ruộng đất công làng xã.

C. Bị bóc lột bằng tô thuế, lao dịch, binh dịch.

D. Câu B và C đúng.

Câu 6: Từ những năm 30 của thế kỉ XVIII, tình hình xã hội ở Đàng Ngoài như thế nào?

A. Ổn định và phát triển.
B. Tương đối ổn định và phát triển.
C. Có dấu hiệu suy thoái.
D. Suy yếu và khủng hoảng.

Câu 7: Vào thời gian nào Nguyễn Hoàng cho quân vượt đèo Cù Mông chiếm thêm đất của Cham-pa, lập ra phủ Phú Yên?

A. Năm 1611.
B. Năm 1653.
C. Năm 1623.
D. Năm 1693.

Câu 8: Đến năm 1653, ai là người mở rộng cương giới đến sông Phan Rang?

A. Nguyễn Hoàng.
B. Nguyễn Phúc Tần.
C. Nguyễn Phúc Chu.
D. Nguyễn Hữu Cảnh.

Câu 9: Điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:

"Đến năm 1693, toàn bộ phần đất còn lại của............ đã được sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong".

A. Nam Bộ.
B. Nam Trung Bộ.
C. Chăm-pa.
D. Đông Nam Bộ.

Câu 10: Đầu thế kỉ XVII, bắt đầu có những cư dân Việt vượt biển vào đâu để khai khẩn đất hoang, lập ra những làng Việt đầu tiên trên đất Mô Xoài (Bà Rịa)?

A. Đồng Nai.
B. Nam Bộ.
C. Bến Tre.
D. Vũng Tàu.

Câu 11: Năm 1623, chúa Nguyễn đã thoả thuận với chính quyền nào để lập một trạm thu thuế ở Sài Gòn?

A. Chăm-pa.
B. Đồng Nai.
C. Chân Lạp.
D. Trung Quốc.

Câu 12: Nguyễn Phúc Chu cho Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai vào năm nào?

A. 1693.
B. 1698.
C. 1690.
D. 1689.

Câu 13: Đến năm nào họ Mạc ở Hà Tiên đã quyết định đưa vùng đất do mình cai quản về với chúa Nguyễn?

A. 1693.
B. 1698.
C. 1705.
D. 1708.

Câu 14: Ở Đàng Trong, vùng đất nào cơ cấu tổ chức làng xóm có nhiều nét giống với Đàng Ngoài?

A. Đồng Nai.
B. Hà Tiên.
C. Thuận Quảng.
D. Cà Mau.

Câu 15: Ở Đàng Trong, vùng đất nào được chúa Nguyễn cho phép biến thành ruộng đất tư nhân?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng Nam - Trung - Bộ.
C. Đồng Nai.
D. Thuận Quảng.

Câu 16: Chúa Nguyễn đã khuyến khích những địa chủ giàu có ở đâu chiêu mộ những người dân nghèo vào khai hoang ở Đồng Nai, Gia Định?

A. Ở Đàng Ngoài.
B. Ở Quảng Nam.
C. Ở Thuận Quảng.
D. Ở Phú Yên.

Câu 17: Từ thế kỉ XVII, vùng đất nào ở Đàng Trong trở thành khu vực sản xuất nông nghiệp phát triển?

A. Đồng Nai. B. Gia Định.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Câu A và B đúng.

Câu 18: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Sang đến thế kỉ XVII, đất Thuận Quảng được mở rộng thêm về phía Nam.

B. Năm 1611, Nguyễn Hoàng cho quân vượt đèo Cù Mông chiếm thêm đất của Chăm-pa, lập ra phủ Phú Yên.

C. Năm 1635, Nguyễn Hoàng mở rộng cương giới đến sông Phan Rang.

D. Năm 1693, toàn bộ phần đất còn lại của Phan Rang đã được sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong.

E. Năm 1698, Nguyễn Phúc Chu cho Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai.

Câu 19: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về kinh tế ở Đàng Ngoài và Đàng Trong thế kỉ XVII - XVIII.

A	B
1. Tình hình kinh tế ở Đàng Ngoài thế kỉ XVII – XVIII 2. Tình hình kinh tế ở Đàng Trong thế kỉ XVII - XVIII	A. Chính quyền tổ chức di dân, khai hoang, cấp công cụ, lương thực, lập thành làng ấp. B. Nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng, nông dân phải rời bỏ ruộng đồng, xóm làng đi lang thang kiếm sống. C. Ruộng đất bỏ hoang, mất mùa đói kém diễn ra dồn dập. D. Nhà nước cho phép biến vùng đất khai hoang thành ruộng đất tư nhân. E. Ngành chăn nuôi gia cầm, gia súc, nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh và giữ vị trí quan trọng. F. Nảy sinh hiện tượng tích tụ ruộng đất với qui mô lớn. G. Chính sách ruộng đất thời Lê sơ về cơ bản bị phá sản do sự phát triển nhanh chóng của ruộng đất tư hữu.

Câu 20: Hãy điền sự kiện lịch sử vào niên đại đã cho sau đây:

Niên đại	Sự kiện lịch sử
1611	A. ....
1623	B. ....
1653	C. ....
1693	D. ....
1698	E. ....
1708	F. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 34

1. A **2.** C **3.** B **4.** B **5.** D **6.** D **7.** A **8.** B **9.** C **10.** A **11.** C
12. B **13.** D **14.** C **15.** A **16.** C **17.** C **18.** A, B, E: Đúng; C, D: Sai.
19. 1: B, C, E, G; 2: A, D, F.
20. A. Nguyễn Hoàng cho quân vượt đèo Cù Mông chiếm thêm đất Chăm-pa lập ra phủ Phú Yên.
B. Chúa Nguyễn thoả thuận được với chính quyền Chân Lạp để lập một trạm thu thuế ở Sài Gòn.
C. Nguyễn Phúc Tần mở rộng cương giới đến sông Phan Rang.
D. Toàn bộ phần đất còn lại của Chăm-pa đã được sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong.
E. Nguyễn Phúc Chu cho Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, khai khẩn đất hoang, lập thêm dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, đặt ra phủ Gia Định để quản lí.
F. Họ Mạc ở Hà Tiên đã quyết định đưa vùng đất do mình cai quản về với chúa Nguyễn.

Bài 35

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ HÀNG HOÁ

Câu 1: Chính quyền Lê - Trịnh và chính quyền chúa Nguyễn đều chú trọng đến các quan xưởng để làm gì?

A. Phục vụ cho nhu cầu của nhân dân.
B. Phục vụ cho nhu cầu của thợ thủ công.
C. Phục vụ cho nhu cầu của quan lại.
D. Phục vụ cho nhu cầu của nhà nước.

Câu 2: Ở Đàng Ngoài, khu vực nào chúa Trịnh lập nhiều xưởng lớn chuyên việc đúc súng, sản xuất vũ khí, đúc tiền, đóng thuyền...?

A. Kinh thành Thăng Long. B. Vạn Kiếp.
C. Vân Đồn. D. Ngoại thành Thăng Long.

Câu 3: Từ năm 1760 trở đi, ở Đàng Ngoài, chúa Trịnh cho phép các trấn cũng được mở xưởng để làm gì?

A. Đúc đồng. B. Đúc tiền. C. Đúc súng. D. Làm đồ trang sức.

Câu 4: Ở Đàng Trong, bên cạnh những quan xưởng gần giống như Đàng Ngoài, chúa Nguyễn đặc biệt quan tâm đến các xưởng nào?

A. Đúc tiền. B. Đúc súng.
C. Đóng thuyền. D. Đúc súng và đóng thuyền.

Câu 5: Lực lượng lao động trong các xưởng thủ công nghiệp nhà nước là tầng lớp nào?

A. Thợ thủ công bị phá sản.

B. Nông dân bị mất ruộng đất.

C. Thợ thủ công giỏi, được trưng tập từ các địa phương theo chế độ công tượng.

D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 6: Làng nghề Vạn Phúc, La Khê (Hà Tây), Bưởi, Trích Sài (Hà Nội), Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân (Thừa Thiên Huế)... chuyên sản xuất những mặt hàng thủ công nào?

A. Dệt vải, lụa.

B. Làm đồ gốm.

C. Làm nghề rèn.

D. Làm nghề mộc.

Câu 7: Nghề trồng lúa, làm đường phát triển mạnh ở vùng nào của Đàng Trong?

A. Quảng Nam.

B. Quảng Ngãi.

C. Bình Định.

D. Câu A và B đúng.

Câu 8: Từ thế kỉ XVII - XVIII, người ta thường buôn bán ở đâu?

A. Ở cửa hàng.

B. Ở cửa hiệu.

C. Ở chợ.

D. Ở ngã ba đường.

Câu 9: Những mặt hàng nào là chủ yếu được mua bán ở chợ làng?

A. Sản phẩm nông nghiệp.

B. Sản phẩm thủ công nghiệp.

C. Sản phẩm lấy từ Trung Quốc.

D. Hàng nông phẩm và hàng thủ công do người sản xuất trực tiếp bán và mua là chủ yếu.

Câu 10: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Mối quan hệ buôn bán truyền thống với các nước phương Đông, đặc biệt với ...., không những vẫn được duy trì mà còn có xu hướng phát triển hơn trước."

A. Trung Quốc và Ấn Độ.

B. Nhật Bản và Ấn Độ.

C. Trung Quốc và Nhật Bản.

D. Các nước Đông Nam Á.

Câu 11: Thế kỉ XVII – XVIII, trên đất nước ta xuất hiện một lực lượng khá đông các kiều dân nào định cư lâu dài và hoạt động buôn bán là chủ yếu?

A. Trung Quốc, Nhật Bản.

B. Trung Quốc, Ấn Độ.

C. Nhật Bản, Ấn Độ.

D. Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Câu 12: Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A sau đây:

A	B
1. Thế kỉ XVI	A. Kiều dân Trung Quốc, Nhật Bản định cư lâu dài và hoạt động buôn bán ở nước ta.
2. Thế kỉ XVII.	B. Hà Lan nhanh chóng giành ưu thế trong việc buôn bán với phương Đông.
	C.Thuyền buôn Bồ Đào Nha thường xuất phát từ Áo Môn (Ma Cao, Trung Quốc) đến buôn bán ở Hội An (Quảng Nam).

3. Thế kỉ XVII - XVIII	D. Thuyền buôn của các công ty Đông Ấn của Anh, Pháp cũng lần lượt đến buôn bán và lập thương điếm ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Câu 13: Thương nhân phương Tây thường mua các thứ hàng hoá nào của Nhật Bản sang nước ta bán để kiếm lãi?

A. Bạc, vũ khí.
B. Tơ lụa, thuốc bắc.
C. Đồ sứ, vải.
D. Tất cả các mặt hàng trên.

Câu 14: Thế kỉ XVII – XVIII, ở Đàng Ngoài có hai đô thị tiêu biểu nhất, đó là đô thị nào?

A. Kinh Kì, Phố Hiến.
B. Thăng Long, Phố Hiến.
C. Thanh Hà, Phố Hiến.
D. Thăng Long, Hội An.

Câu 15: Đâu là nơi chính quyền Lê – Trịnh đặt dinh Hiến ti trấn Sơn Nam, nơi bốc dỡ và trung chuyển hàng hoá từ các tàu thuyền buôn ngoại quốc?

A. Thăng Long. B. Hội An. C. Kinh Kì. D. Phố Hiến.

Câu 16: Đô thị tiêu biểu nhất ở Đàng Trong là đô thị nào?

A. Thanh Hà (Huế).
B. Hội An (Quảng Nam).
C. Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh).
D. Nước Mặn (Bình Định).

Câu 17: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với ngành thủ công nghiệp nhà nước và thủ công nghiệp nhân dân ở cột A dưới đây:

A	B
1. Thủ công nghiệp nhà nước 2. Thủ công nghiệp nhân dân	A. Bộ phận thủ công chuyên nghiệp ở thành thị và nông thôn ngày càng phát triển và có xu hướng trở thành bộ phận sản xuất chính. B. Chuyên đúc súng, sản xuất vũ khí cho quân đội, đúc tiền, đóng thuyền, làm các đồ trang sức, may trang phục cho vua chúa, quan lại. C. Lực lượng lao động trong các xưởng thủ công nghiệp đều là những thợ thủ công giỏi, được trưng tập từ các địa phương theo chế độ công tượng. D. Những làng thủ công chuyên nghiệp ở nông thôn và phường thủ công chuyên nghiệp ở thành thị xuất hiện ngày càng nhiều. E. Nghề khai mỏ chủ yếu ở Đàng Ngoài, không chỉ phát triển nhanh về số lượng các mỏ được khai thác mà đã xuất hiện hiện tượng thuê mướn nhân công trong sản xuất.

Câu 18: Việc buôn bán có tính chất truyền thống của nhân dân ta chủ yếu với các nước nào?

A. Các nước phương Tây.

B. Các nước phương Đông, đặc biệt với Trung Quốc và Nhật Bản.

C. Các nước Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

D. Các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Ban Nha.

Câu 19: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề dưới đây:

"Từ giữa thế kỉ XVI, thuyền buôn ………(A)…….thường xuất phát từ ……..(B)…………(Ma Cao, Trung Quốc) đến buôn bán tại ……..(C)………(Quảng Nam). Sang thế kỉ XVII, sau khi công ti ………(D)……..ra đời, người ……..(E)………đã nhanh chóng giành được ưu thế trong việc buôn bán với các nước phương Đông".

Câu 20: Hãy ghi các địa danh gắn với các sản phẩm nổi tiếng của thủ công nghiệp nhân dân theo yêu cầu sau đây:

Sản phẩm	Địa danh
1. Đồ gốm.	A. ....
2. Dệt vải, lụa.	B...
3. Nghề rèn.	C...
4. Trồng mía, làm đường.	D. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 35

1. D **2.** B **3.** B **4.** D **5.** C **6.** A **7.** D **8.** C **9.** D **10.** C **11.** A

12. 1:C; 2:B;3:A,D**13.** A **14.** B **15.** D **16.** B **17.** 1: B, C; 2: A, D, E. **18.** B

19. A: Bồ Đào Nha, B: Áo Môn, C: Hội An, D: Đông Ấn Hà Lan, E: Hà Lan

20. A. Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Giang), Phù Lãng (Bắc Ninh), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Là Chum (Thanh Hoá), Thanh Hà (Quảng Nam)...

B. Vạn Phúc, La Khê (Hà Tây), Bưởi, Trích Sài (Hà Nội), Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân (Thừa Thiên Huế)...

C. Vân Chàng (Nam Định), Nho Lâm (Nghệ An), Trung Lương.

D. Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Bài 36
TÌNH HÌNH VĂN HOÁ, TƯ TƯỞNG THẾ KỈ XVI - ĐẦU THẾ KỈ XVIII

Câu 1: Ở các thế kỉ XVI - XVIII, hệ tư tưởng nào vẫn giữ vị trí thống trị trong xã hội nhưng không còn vai trò độc tôn?

A. Phật giáo. B. Nho giáo. C. Đạo giáo. D. Thiên Chúa giáo.

Câu 2: Vì sao ở các thế kỉ XVI – XVIII, Nho giáo không còn giữ vị trí độc tôn trong xã hội?

A. Nhà nước trung ương tập quyền Lê sơ bị sụp đổ.

B. Sự phát triển của kinh tế hàng hoá.

C. Sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo.

D. Câu A và B đúng.

Câu 3: Tôn giáo nào trước đây bị nhà nước Lê sơ hạn chế, thậm chí cấm đoán, đến thế kỉ XVI - XVIII có điều kiện phục hồi và phát triển?

A. Phật giáo, Đạo giáo. B. Thiên Chúa giáo.

C. Ấn Độ giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Thiên Chúa giáo.

Câu 4: Đến thế kỉ nào, Thiên Chúa giáo truyền bá mạnh mẽ vào nước ta?

A. Thế kỉ XV. B. Thế kỉ XVI. C. Thế kỉ XVII. D. Thế kỉ XVIII.

Câu 5: Đến giữa thế kỉ XVII, cuốn sách nào viết bằng tiếng Việt, có thể coi là chữ Quốc ngữ đã ra đời?

A. Giáo lí Thiên Chúa giáo. B. Giáo lí Cương mục.

C. Thông giám cương yếu. D. Giáo lí cương yếu.

Câu 6: Vào thời gian nào chữ Quốc ngữ chính thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt Nam?

A. Thế kỉ XVII. B. Thế kỉ XVIII. C. Thế kỉ XIX. D. Thế kỉ XX.

Câu 7: Năm 1529, Mạc Đăng Dung đã mở khoa thi Hội lấy đỗ bao nhiêu tiến sĩ?

A. 30 tiến sĩ. B. 28 tiến sĩ. C. 27 tiến sĩ. D. 25 tiến sĩ.

Câu 8: Trạng nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm đỗ tiến sĩ trong thời kì nào?

A. Nhà Lê sơ. B. Nhà Lý. C. Nhà Mạc. D. Nhà Hồ.

Câu 9: Ai là người nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử khoa cử Nho học Việt Nam?

A. Nguyễn Thị Duệ. B. Đoàn Thị Điểm.

C. Lý Chiêu Hoàng. D. Bùi Thị Xuân.

Câu 10: Ở Đàng Trong, họ Nguyễn tuyển dụng quan lại chủ yếu thông qua hình thức nào?

A. Thi cử. B. Tiến cử.

C. Dòng tộc. D. Người có công với chúa Nguyễn.

Câu 11: Nét nổi bật của văn học giai đoạn từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVIII là sự nở rộ của các tác phẩm văn thơ viết bằng chữ nào?

A. Chữ Nôm. B. Chữ Hán. C. Chữ Quốc ngữ. D. Các chữ trên.

Câu 12: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay ở chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) được tạc vào năm nào?

A. 1665. B. 1655. C. 1656. D. 1657.

Câu 13: Cuốn sử học "Lê triều công nghiệp thực lục" do ai viết?

A. Hồ Sĩ Dương. B. Dương Văn An.

C. Ngô Sĩ Liên. D. Lý Thánh Tông.

Câu 14: Tác phẩm sử học nổi tiếng được Ngô Sĩ Liên khởi thảo vào thế kỉ XV và được in vào thế kỉ XVII có tên gọi là gì?

A. Đại Việt sử kí. B. Thông giám Cương mục.

C. Việt điện u linh. D. Đại Việt sử kí toàn thư.

Câu 15: Sách "Hổ trướng khu cơ" và công trình luỹ Thầy gắn liền với tên tuổi của ai?

A. Nguyễn Bỉnh Khiêm. B. Đào Duy Từ.

C. Ngô Thế Lân. D. Mạc Thiên Tứ.

Câu 16: Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Nho giáo đến thế kỉ XVI vẫn còn giữ được địa vị thống trị trong xã hội.

B. Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, vốn bị nhà nước Lê sơ hạn chế, thậm chí cấm đoán, thì bây giờ lại chiếm địa vị độc tôn trong xã hội.

C. Từ năm 1533, một giáo sĩ đạo Thiên Chúa (đạo Ki-tô) vào truyền đạo ở khu vực duyên hải tỉnh Nam Định.

D. Ngay từ đầu cả chúa Nguyễn và chúa Trịnh đều tỏ thái độ căm phẫn đối với đạo Thiên chúa và thực hiện ngay chính sách cấm đạo.

E. Trong quá trình phát triển của dân tộc, tiếng Việt ngày càng phong phú và trong sáng.

F. Các giáo sĩ phương Tây vào nước ta truyền đạo đã học tiếng Việt để giảng đạo và dùng chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt.

G. Đầu thế kỉ XVI, chữ Quốc ngữ chính thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt Nam.

Câu 17: Vào nửa đầu thế kỉ XVI, ở Đàng Ngoài giáo dục và khoa cử theo hệ thống nào vẫn được duy trì tương đối liên tục?

A. Theo hệ thống Nho giáo. B. Theo hệ thống Phật giáo.

C. Theo hệ thống Đạo giáo. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 18: Ở Đàng Trong, họ Nguyễn tổ chức tuyển chọn quan lại theo hình thức nào?

A. Theo hình thức khoa cử.

B. Theo hình thức tiến cử.

C. Chọn những người thân trong dòng họ.

D. Chọn những người có công với chúa Nguyễn.

Câu 19: Vài thời gian nào văn học chữ Hán ở nước ta vẫn chiếm ưu thế?

A. Thế kỉ XVI - XVII và đầu thế kỉ XVIII.

B. Thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

C. Thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI.

D. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Câu 20: Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với tên tác giả ở cột A dưới đây:

A	B
1. Nguyễn Bỉnh Khiêm	A. Quê ở Vĩnh Bảo (Hải Phòng). B. Đỗ Trạng nguyên, làm quan triều Mạc, rồi từ quan về dạy học, người đương thời quen gọi là Trạng Trình. C. Ông sinh tại làng Hoa Trai (Tĩnh Gia - Thanh Hoá),

2. Đào Duy Từ	D. Ông là người có tài nhưng không được chúa Trịnh cho đi thi. E. Ông có tấm lòng cao thượng, muốn *"lo trước những việc lo của thiên hạ"*. F. Ông vào Đàng Trong, được chúa Nguyễn phong tước hầu và trọng dụng trong việc xây dựng hệ thống luỹ Thầy. G. Ông là người có công phát triển nghề hát bội ở Đàng Trong và là người khởi thảo tuồng Sơn Hậu. H. Ông thường được mệnh danh là *"nhà thơ đạo lí"*, là tác giả tiêu biểu nhất của nền văn học chữ Nôm ở thế kỉ XVI.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 36

1. B **2.** D **3.** A **4.** C **5.** D **6.** D **7.** C **8.** C **9.** A **10.** B **11.** A **12.** C **13.** A **14.** D **15.** B **16.** A, C, E, F: Đúng; B, D, G: Sai. **17.** A **18.** B **19.** A **20.** 1: A, B, E, H; 2: C, D, F, G.

Bài 37

KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐÀNG TRONG VÀ PHONG TRÀO TÂY SƠN

Câu 1: Đầu thế kỉ XVIII, xã hội phong kiến Đàng Ngoài và Đàng Trong như thế nào?

A. Bước vào giai đoạn suy yếu và khủng hoảng.

B. Đàng Ngoài khủng hoảng, Đàng Trong vẫn còn ổn định và phát triển.

C. Đàng Trong khủng hoảng, Đàng Ngoài vẫn còn ổn định và phát triển.

D. Vẫn còn ổn định và phát triển.

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản nhất làm bùng nổ phong trào khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài đầu thập niên 40 của thế kỉ XVIII?

A. Nông dân bị chấp chiếm, cướp đoạt hết ruộng đất.

B. Nông dân bị chế độ tô thuế, lao dịch, binh dịch nặng nề.

C. Nông dân bị nạn hạn hán, lụt lội, vỡ đê và mất mùa xảy ra liên tiếp.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 3: Ở Đàng Ngoài, cuộc khởi nghĩa của ai nổ ra vào năm 1741 và chấm dứt vào năm 1751?

A. Nguyễn Danh Phương. B. Nguyễn Hữu Cầu.

C. Hoàng Công Chất. D. Lê Duy Mật.

Câu 4: Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật (1738 – 1770) nổ ra ở vùng nào?

A. Ở Hải Phòng. B. Ở Vĩnh Phúc.

C. Ở Thái Bình, Hưng Yên. D. Ở thượng du Thanh Hoá.

Câu 5: Năm 1771, anh em Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

A. Tây Sơn hạ đạo. B. Tây Sơn trung đạo.

C. Tây Sơn thượng đạo. D. Phủ Quy Nhơn.

Câu 6: Nghĩa quân Tây Sơn vượt đèo An Khê tiến xuống giải phóng Tây Sơn hạ đạo vào năm nào?

A. 1772. B. 1773. C. 1774. D. 1775.

Câu 7: Từ năm 1776 đến năm 1783, quân Tây Sơn liên tục mở các cuộc tấn công vào vùng đất nào?

A. Quy Nhơn. B. Phú Yên. C. Gia Định. D. Đồng Nai.

Câu 8: Khi quân Tây Sơn giải phóng hầu hết đất Đàng Trong và tiêu diệt lực lượng cát cứ của chúa Nguyễn, ai là người còn sống sót đã chạy sang cầu cứu quân Xiêm?

A. Nguyễn Kim. B. Nguyễn Hoàng.

C. Lê Chiêu Thống. D. Nguyễn Ánh.

Câu 9: Vua Xiêm tổ chức các đạo quân thuỷ - bộ bao gồm 5 vạn quân đánh chiếm vùng nào của nước ta?

A. Gia Định. B. Quy Nhơn. C. Đồng Nai. D. Rạch Gầm - Xoài Mút.

Câu 10: Đầu tháng 1 năm 1785, Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn vượt biển vào Gia Định và đóng đại bản doanh tại đâu?

A. Tiền Giang. B. Mĩ Tho. C. Kiên Giang. D. Vĩnh Long.

Câu 11: Trận đánh ở Rạch Gầm – Xoài Mút diễn ra và kết thúc nhanh gọn, làm thất bại quân xâm lược Xiêm vao thời gian nào?

A. 20 - 01 - 1785. B. 21 - 01 - 1785. C. 22 - 01 - 1785. D. 19 - 01 - 1785.

Câu 12: Sự kiện nào được coi là mốc lịch sử đánh dấu sự nghiệp thống nhất đất nước của quân Tây Sơn?

A. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút.

B. Quân Tây Sơn tiến ra Đàng Ngoài phá bỏ ranh giới sông Gianh, luỹ Thầy.

C. Quân Tây Sơn đánh bại vua Lê - chúa Trịnh.

D. Câu B và C đúng.

Câu 13: Khi Nguyễn Huệ quyết định tiến quân thẳng ra Đàng Ngoài, ông đã nêu khẩu hiệu gì?

A. "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

B. "Quyết tâm tiêu diệt vua Lê, chúa Trịnh".

C. "Phù Lê diệt Trịnh".

D. "Phù Trịnh diệt Lê".

Câu 14: Ai là người cầu cứu nhà Thanh đưa 29 vạn quân vào nước ta?

A. Nguyễn Ánh. B. Trịnh Kiểm. C. Lê Chiêu Thống. D. Lê Long Đĩnh.

Câu 15: Hai mươi chín vạn quân Thanh do tên tướng nào chỉ huy, theo bốn đường tiến đánh nước ta?

A. Tôn Sĩ Nghị. B. Hứa Tế Hanh.

C. Sầm Nghi Đống. D. Liễu Thăng.

Câu 16: Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung vào năm nào?

A. 1786. B. 1787. C. 1788. D. 1789.

Câu 17: Mờ sáng ngày 5 Tết Kỉ Dậu, quân Tây Sơn đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào đâu?

A. Ngọc Hồi. B. Hà Hồi.

C. Đống Đa. D. Ngọc Hồi và Đống Đa.

Câu 18: Chiến thắng nào đã ghi dấu ấn sâu sắc nhất về sự đánh bại quân Mãn Thanh xâm lược?

A. Hà Hồi. B. Ngọc Hồi.

C. Ngọc Hồi, Đống Đa. D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 19: Phong trào Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến thối nát Nguyễn, Trịnh, Lê và đập tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh thống nhất đất nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Phong trào Tây Sơn diễn ra qua bao nhiêu năm?

A. 15 năm. B. 17 năm. C. 19 năm. D. 21 năm.

Câu 20: Nối sự kiện cho phù hợp với địa danh diễn ra các cuộc khởi nghĩa ở Đàng Ngoài cuối thập niên 40 thế kỉ XVIII dưới đây:

Sự kiện	Địa danh
1. Khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu.	A. Ở thượng du Thanh Hoá.
2. Khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương.	B. Lúc đầu ở Thái Bình, Hưng Yên, sau chuyển lên Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình.
3. Khởi nghĩa của Hoàng Công Chất.	C. Ở Vĩnh Phúc.
4. Khởi nghĩa của Lê Duy Mật.	D. Ở vùng Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương.

Câu 21: Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây cho đúng.

"Đầu tháng 1 - 1785, Nguyễn Huệ từ ....(A)......vượt biển vào ....(B)........ và đóng đại bản doanh tại ....(C)........ Nguyễn Huệ đã chủ trương nhử địch ra khỏi căn cứ tổ chức lực lượng mai phục ở khúc sông Tiền, đoạn từ ....(D)........ để tiêu diệt quân Xiêm".

Câu 22: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A.. Từ sau chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, về cơ bản quân Tây Sơn đã làm chủ được toàn bộ đất Đàng Trong.

B.. Sau khi đánh bại quân Xiêm, Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ tự nhận về mình sứ mệnh thiêng liêng dẫn đầu đoàn quân Tây Sơn tiến ra Đàng Ngoài phá bỏ ranh giới sông Gianh, luỹ Thầy, lật đổ chế độ chúa Trịnh, vua Lê, lập lại nền thống nhất đất nước.

C. Lê Chiêu Thống đã trực tiếp sang Trung Quốc để cầu cứu nhà Mãn Thanh đánh lại quân Tây Sơn.

D. Vua Thanh là Càn Long huy động 29 vạn quân, giao cho Tôn Sĩ Nghị chi huy, theo 4 đường tiến đánh nước ta.

E. Sau khi đánh bại quân Thanh xâm lược, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung.

F. Đúng vào đêm 30 Tết, từ Tam Điệp, Biện Sơn, năm mũi tiến công của quân Tây Sơn đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các đồn Ngọc Hồi, và Đống Đa.

Câu 23: Điền sự kiện vào cột B cho phù hợp với niên đại cho sẵn ở cột A sau đây:

Niên đại	Sự kiện
1. 1771	A. ....
2. 1773	B. ....
3. 1776 - 1783	C. ....
4. 1777	D. ....
5. 1785	E. ....
6. 1786	F. ....
7. 1788	G. ....
8. 1789	H. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 37

1. A **2.** A **3.** B **4.** D **5.** C **6.** B **7.** C **8.** D **9.** A **10.** B **11.** D
12. D **13.** C **14.** C **15.** A **16.** C **17.** D **18.** C **19.** B **20.** 1: D, 2: C, 3: B, 4: A.
21. A: Quy Nhơn, B: Gia Định, C: Mĩ Tho, D: Rạch Gầm đến Xoài Mút
22. A, D, F: Đúng; B, C, E: Sai.
23. A. 1771: Anh em Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng đạo (thuộc huyện An Khê, tỉnh Gia Lai).

B. 1773: Nghĩa quân Tây Sơn kiểm soát phần lớn phủ Quy Nhơn.

C. 1776 - 1783: Quân Tây Sơn liên tục mở các cuộc tấn công vào Gia Định, giải phóng hầu hết đất Đàng Trong.

D. 1777: Quân Tây Sơn bắt được chúa Nguyễn, chỉ còn Nguyễn Ánh chạy thoát. Chính quyền của họ Nguyễn ở Đàng Trong bị sụp đổ.

E. 1785: Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh bại quân xâm lược Xiêm.

F. 786: Nguyễn Huệ đánh vào Thăng Long. Chúa Trịnh bị dân bắt nộp cho quân Tây Sơn. Chính quyền chúa Trịnh bị sụp đổ.

G. 1788: Nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị đưa 29 vạn quân xâm lược nước ta.

H. 1789: Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, đánh bại quân xâm lược Mãn Thanh. Đất nước hoàn toàn sạch bóng quân thù.

Chương VI
VIỆT NAM Ở ĐẦU THẾ KỈ XIX

Bài 38
SỰ THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN

Câu 1: Nguyễn Ánh đem quân trở về đánh chiếm Gia Định trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?

A. Quân Tây Sơn đang suy yếu.

B. Quân Tây Sơn đang dồn sức giải quyết các công việc ở Bắc Hà.

C. Quân Tây Sơn đang đánh chiếm Phú Xuân.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 2: Tháng 6 – 1801, Nguyễn Ánh tấn công vào đâu, Quang Toản chống cự không nổi phải bỏ chạy ra Thăng Long?

A. Phú Xuân (Huế).   B. Gia Định.

C. Tam Điệp (Ninh Bình).   D. Quảng Nam.

Câu 3: Nguyễn Ánh đánh chiếm Thăng Long vào thời gian nào?

A. 20 - 07- 1802.   B. 21 - 06 - 1801.

C. 21 - 06 - 1802.   D. 12 - 06 - 1802.

Câu 4: Khi Nguyễn Ánh đánh chiếm Thăng Long, Quang Toản chạy đến đâu thì bị bắt?

A. Xương Giang (Bắc Giang).   B. Tam Điệp (Ninh Bình).

C. Sông Gianh (Quảng Bình).   D. Biện Sơn (Thanh Hoá).

Câu 5: Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì?

A. Năm 1801 - Niên hiệu là Gia Long.

B. Năm 1802 - Niên hiệu là Gia Long.

C. Năm 1804 - Niên hiệu là Càn Long.

D. Năm 1806 – Niên hiệu là Minh Mạng.

Câu 6: Vương triều Nguyễn tồn tại trong khoảng thời gian nào? Có bao nhiêu đời vua?

A. Từ 1801 đến 1945. Có 13 đời vua.   B. Từ 1802 đến 1858. Có 12 đời vua.

C. Từ 1802 đến 1885. Có 13 đời vua.   D. Từ 1802 đến 1945. Có 13 đời vua.

Câu 7: Khi lên ngôi Hoàng đế, công việc đầu tiên mà Nguyễn Ánh tập trung giải quyết là gì?

A. Trả thù phong trào Tây Sơn.

B. Xây dựng cung đình nguy nga, tráng lệ.

C. Thiết lập một hệ thống cai trị từ trung ương tới các địa phương.

D. Xây dựng quân đội hùng mạnh.

Câu 8: Sau vua Gia Long, đời vua nào nối tiếp của triều Nguyễn?

A. Tự Đức. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Dục Đức.

Câu 9: Minh Mạng lập ra Cơ mật viện vào năm nào?

A. 1823. B. 1824. C. 1834. D. 1844.

Câu 10: Dưới triều Nguyễn, địa danh nào được chọn làm kinh đô là trung tâm đầu não của cả nước?

A. Thăng Long (Hà Nội). B. Phủ Quy Nhơn.

C. Phú Xuân (Huế). D. Gia Định (Sài Gòn).

Câu 11: Trong hai năm 1831 – 1832, vua Minh Mạng lần lượt bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước thành bao nhiêu tỉnh?

A. 30 tỉnh. B. 45 tỉnh. C. 56 tỉnh. D. 28 tỉnh.

Câu 12: Tổ chức bộ máy cai trị ở địa phương dưới thời Minh Mạng như thế nào?

A. Tỉnh, phủ, huyện và xã. B. Tỉnh, phủ, huyện, châu, tổng và xã.

C. Tỉnh, huyện, phủ, tổng và xã. D. Tỉnh, phủ, huyện, châu và xã.

Câu 13: Dưới thời nhà Nguyễn, bộ Hoàng Việt luật lệ được ban hành vào năm nào?

A. Năm 1814. B. Năm 1815. C. Năm 1816. D. Năm 1817.

Câu 14: Nhà Nguyễn chủ trương thần phục triều đại nào ở Trung Quốc?

A. Nhà Minh. B. Nhà Tống. C. Nhà Nguyên. D. Nhà Thanh.

Câu 15: Năm 1803, Gia Long cử sứ bộ sang Trung Quốc để làm gì?

A. Xin quốc hiệu và cầu an. B. Xin quốc hội và cầu phong.

C. Xin cống nạp và cầu phong. D. Xin giảng hoà.

Câu 16: Các vua nhà Nguyễn sử dụng lực lượng quân sự bắt các nước nào phải thần phục?

A. Cao Miên và Lào. B. Cao Miên, Lào, Thái Lan.

C. Mã Lai, In-đô-nê-xi-a. D. Các nước Đông Nam Á.

Câu 17: Trong chính sách đối ngoại của mình, trong giai đoạn đầu, Gia Long tỏ thái độ như thế nào đối với các nước phương Tây?

A. Ngăn cản ảnh hưởng của người phương Tây trên đất nước Việt Nam.

B. Thi hành chính sách tương đối cởi mở với Pháp và đạo Thiên Chúa.

C. Thi hành chính sách *"đóng cửa"* và đàn áp Công giáo.

D. Khước từ quan hệ đối với các nước phương Tây.

Câu 18: Đến thời Minh Mạng, triều Nguyễn quan hệ với các nước phương Tây như thế nào?

A. Khước từ dần quan hệ đối với các nước phương Tây.

B. Đặt quan hệ thân thiện với các nước phương Tây.

C. Thực hiện chính sách *"mở cửa"* để quan hệ với phương Tây.

D. Thi hành chính sách tương đối cởi mở đối với các nước phương Tây.

Câu 19: Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A dưới đây:

A	B
1. Tháng 6-1801 2. Ngày 21-6-1802 3. Năm 1815 4. Năm 1820.	A. Nguyễn Ánh đánh chiếm Thăng Long. Quang Toản và triều đình Tây Sơn chạy đến Xương Giang (Bắc Giang) thì bị bắt. B. Nguyễn Ánh tấn công Phú Xuân (Huế), Nguyễn Toản chống cự không nổi phải bỏ chạy ra Thăng Long. C. Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Minh Mạng. D. Bộ *Hoàng Việt luật lệ* (hay còn gọi là luật Gia Long) gồm 398 điều, chia thành 7 chương, được chính thức ban hành.

Câu 20: Đến thời Minh Mạng, tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện chặt chẽ hơn, ngoài 6 bộ còn có các viện và các cơ quan chuyên trách như

A. Đô sát viện, Nội các, Cơ mật viện.

B. Đô đốc viện, Nội các, Cơ mật viện.

C. Cơ mật viện, Thượng nghị viện, Hạ nghị viện.

D. Tuần phủ, Thượng thư, Nội các.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây gắn với hệ thống chính quyền dưới thời Gia Long và Minh Mạng, hãy nối cho đúng.

Triều đại	Nội dung
1. Thời Gia Long 2. Thời Minh Mạng	A. Tổ chức bộ máy nhà nước hoàn thiện chặt chẽ hơn. B. Thiết lập một hệ thống cai trị từ trung ương tới các địa phương. C. Xây dựng một thể chế quân chủ quan liêu chuyên chế, trong đó vua là người đứng đầu triều đình và nắm toàn quyền quyết định mọi công việc hệ trọng của đất nước. D. Ngoài sáu bộ còn có các viện và các cơ quan chuyên trách như Đô sát viện, Nội các, Cơ mật viện... E. Chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên). F. Dưới vua có sáu bộ, đứng đầu mỗi bộ là Thượng thư. Dưới bộ có các ti chuyên trách. G. Các tỉnh đều do Tổng đốc hay Tuần phủ đứng đầu. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu, tổng và xã.

Câu 22: Hãy ghi niên hiệu các đời vua của triều Nguyễn vào bảng thống kê dưới đây:

TT	Tên vua	Năm lên vua	Niên hiệu
1	Nguyễn Phúc Ánh	1802 - 1820	A.................
2	Nguyễn Phúc Đảm	1820 - 1840	B.................
3	Nguyễn Phúc Tuyền	1840 - 1847	C.................

4	Nguyễn Phúc Thì	1847 - 1883	D. ....
5	Ưng Châu	1883 (2 ngày)	E. ....
6	Hồng Dật	6 - 1883 - 11 - 1883	F. ....
7	Ưng Đăng	1883 - 1884	G. ....
8	Ưng Lịch	1884 - 1885	H. ....
9	Ưng Xụy	1885 - 1888	I. ....
10	Biểu Lân	1889 - 1907	K. ....
11	Vĩnh San	1907 - 1916	L. ....
12	Bửu Đảo	1916 - 1925	M. ....
13	Vĩnh Thụy	1926 - 1945	N. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 38

1. B **2.** A **3.** C **4.** A **5.** B **6.** D **7.** C **8.** B **9.** C **10.** C **11.** A
12. B **13.** B **14.** D **15.** B **16.** A **17.** B **18.** A **19.** 1: B, 2: A, 3: D, 4: C.
20. A **21.** 1: B, C, F; 2: A, D, E, G.
22. A. Gia Long, B. Minh Mạng, C. Thiệu Trị, D. Tự Đức, E. Dục Đức, F. Hiệp Hoà, G. Kiến Phúc, H. Hàm Nghi, I. Đồng Khánh, K. Thành Thái, L. Duy Tân, M. Khải Định, N. Bảo Đại.

Bài 39
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

***Câu 1:** Vào nửa đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn ra sức phục hồi nền kinh tế trên nguyên tắc nào?*
A. Coi trọng việc phát triển công nghiệp.
B. Coi trọng việc phát triển thủ công và thương nghiệp.
C. Coi trọng quan hệ buôn bán với nước ngoài.
D. Coi trọng ruộng đất và sản xuất nông nghiệp.

***Câu 2:** Khi mới lên ngôi, ai là người đã ra lệnh đo đạc lại toàn bộ ruộng đất, lập địa bạ cho từng làng ở Bắc Hà?*
A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

***Câu 3:** Đời vua nào của triều Nguyễn, việc lập địa bạ các làng xã trên phạm vi toàn quốc đã được hoàn thành?*
A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

***Câu 4:** Vào năm nào Gia Long ban hành chính sách quân điền?*
A. 1802. B. 1803. C. 1804. D. 1805.

Câu 5: Về thực chất, chính sách quân điền của nhà Nguyễn nhằm cấp ruộng đất cho các giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội?

A. Nông dân và nô tì. B. Quan lại và binh lính.

C. Địa chủ và nông dân. D. Quan lại và nhà chùa.

Câu 6: Trong các biện pháp trọng nông, chính sách nào có hiệu quả hơn cả?

A. Chính sách quân điền.

B. Chính sách đo đạc lại ruộng đất.

C. Chính sách lộc điền.

D. Chính sách khai hoang dưới hình thức doanh điền.

Câu 7: Điền vào chỗ trống câu sau đây:

"Chỉ riêng vùng hạ lưu sông Hồng, Doanh điền sứ……….. đã tổ chức khai khẩn, lập ra hai huyện mới là Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình)".

A. Nguyễn Công Trứ. B. Nguyễn Công Hoan.

C. Nguyễn Công Minh. D. Nguyễn Công Hoàng.

Câu 8: Chính sách doanh điền, khai hoang của nhà Nguyễn đã giải quyết được những mâu thuẫn đang đặt ra cho nông nghiệp Việt Nam. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 9: Đối với sản xuất thủ công nghiệp, nhà Nguyễn có khuynh hướng tăng cường xây dựng các quan xưởng, chủ yếu tập trung ở đâu?

A. Thăng Long (Hà Nội). B. Huế.

C. Quảng Nam. D. Quy Nhơn.

Câu 10: Dưới thời nhà Nguyễn, việc quản lí chung các ngành, nghề thủ công của nhà nước là cơ quan nào?

A. Ti Ngân khố chế tạo. B. Ti Ngũ khố chế tạo.

C. Ti Bão khố chế tạo. D. Ti Vũ khố chế tạo.

Câu 11: Một trong những hoạt động kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong thời kì nhà Nguyễn là gì?

A. Khai hoang. B. Khai khoáng.

C. Phát triển nghề thủ công. D. Lập doanh điền.

Câu 12: Đến thế kỉ nào thương nghiệp dưới thời nhà Nguyễn có chiều hướng suy thoái?

A. Thế kỉ XVIII. B. Thế kỉ XIX. C. Thế kỉ XX. D. Thế kỉ XVII - XVIII.

Câu 13: Thương nhân ngoại quốc đến buôn bán ở nước ta giai đoạn này chủ yếu là những ai?

A. Người Hoa, Xiêm, Cao Miên. B. Người Hoa, Xiêm, Lào.

C. Người Hoa, Xiêm, Mã Lai. D. Người Hoa, Mã Lai.

Câu 14: Sự sa sút của kinh tế thương nghiệp dưới thời nhà Nguyễn đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Nông nghiệp suy yếu. B. Thủ công nghiệp kém phát triển.

C. Các đô thị ngày càng suy thoái. D. Thương nhân bị thất nghiệp.

Câu 15: Dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỉ XIX đã có bao nhiêu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình?

A. 250 cuộc khởi nghĩa.
B. 400 cuộc khởi nghĩa.
C. 500 cuộc khởi nghĩa.
D. 300 cuộc khởi nghĩa.

Câu 16: Từ năm 1821 đến năm 1827, nổ ra cuộc khởi nghĩa nào ở hạ lưu châu thổ sông Hồng?

A. Phan Bá Vành.
B. Lê Duy Lương.
C. Lê Văn Khôi.
D. Cao Bá Quát.

Câu 17: Khởi nghĩa của Nông Văn Vân nổ ra ở đâu?

A. Tuyên Quang, Hà Giang.
B. Tuyên Quang, Cao Bằng.
C. Cao Bằng, Lạng Sơn.
D. Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Câu 18: Trong các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, cuộc khởi nghĩa nào kéo dài lâu nhất?

A. Khởi nghĩa của Phan Bá Vành.
B. Khởi nghĩa của Lê Văn Khôi.
C. Khởi nghĩa của Lê Duy Lương.
D. Khởi nghĩa của Cao Bá Quát.

Câu 19: Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Nhà Nguyễn hết sức coi trọng vấn đề ruộng đất và sản xuất nông nghiệp.

B. Năm 1803, ngay khi mới lên ngôi, Gia Long đã ra lệnh đo đạc lại toàn bộ ruộng đất, lập địa bạ cho từng làng ở Bắc Hà.

C. Đến năm 1842, dưới thời Minh Mạng, việc lập địa bạ các làng xã trên phạm vi toàn quốc đã được hoàn thành.

D. Năm 1804, Gia Long ban hành chính sách quân điền và lộc điền.

E. Dưới thời nhà Nguyễn, trong các biện pháp trọng nông, chính sách khai hoang dưới hình thức doanh điền là có hiệu quả hơn cả.

F. Chính sách doanh điền, khai hoang của nhà Nguyễn đã giải quyết được những mâu thuẫn đang đặt ra cho nông nghiệp Việt Nam.

Câu 20: Điền vào chỗ trống ở bảng thống kê dưới đây về các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân ở nửa đầu thế kỉ XIX.

Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Địa điểm khởi nghĩa
1821 - 1827	A.	Lưu vực châu thổ sông Sồng, thuộc các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh và Hải Phòng.
1833 - 1843	B.	Phú Thọ, Tuyên Quang.
1833 - 1843	C.	Hoà Bình, Thanh Hoá.
1833 - 1835	D.	Gia Định.
1833 - 1835	E.	Tuyên Quang, Cao Bằng.
1854 - 1856	F.	Hà Tây.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 39

1. D **2.** A **3.** B **4.** C **5.** B **6.** D **7.** A **8.** B **9.** B **10.** D **11.** B
12. B **13.** C **14.** C **15.** B **16.** A **17.** B **18.** C **19.** A, B, E: Đúng; C, D, F: Sai.
20. A. Phan Bá Vành, B. Ba Nhàn, Tiền Bột, C. Lê Duy Lương, D. Lê Văn Khôi, E. Nông Văn Vân, F. Cao Bá Quát.

Bài 40
ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ - TƯ TƯỞNG NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Câu 1: Nhà Nguyễn thi hành chính sách độc tôn đối với tôn giáo nào?

A. Nho giáo. B. Phật giáo.
C. Thiên Chúa giáo. D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 2: Nhà Nguyễn đã đối xử với Phật giáo và tín ngưỡng dân gian như thế nào?

A. Cấm đoán.
B. Tạo điều kiện để phát triển.
C. Tìm mọi cách hạn chế.
D. Thực hiện chính sách độc tôn đối với Phật giáo, coi trọng các tín ngưỡng dân gian.

Câu 3: Từ thời vua nào, nhà Nguyễn thi hành những biện pháp cấm đoán gắt gao đối với Thiên Chúa giáo?

A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

Câu 4: Gia Long ban hành quy chế thi Hương và thi Hội vào năm nào?

A. 1804. B. 1805. C. 1806. D. 1807.

Câu 5: Tháng 10 – 1807, triều Nguyễn bắt đầu mở khoa thi Hương từ tỉnh nào trở ra Bắc?

A. Thanh Hoá. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 6: Đầu năm 1822, Minh Mạng cho khôi phục các kì thi nào?

A. Thi Hương, thi Hội. B. Thi Hương, thi Đình.
C. Thi Hội, thi Đình. D. Thi Hương, thi Hội, thi Đình.

Câu 7: Trường Quốc học (sau đổi thành Quốc tử giám) ở kinh đô Phú Xuân được xây dựng vào năm nào?

A. 1803. B. 1804. C. 1805. D. 1806.

Câu 8: Tính đến năm 1851, nhà Nguyễn đã tổ chức được bao nhiêu khoa thi Hội, lấy được bao nhiêu tiến sĩ và phó bảng?

A. 16 khoa thi Hội, lấy được 136 tiến sĩ và 87 phó bảng.
B. 14 khoa thi Hội, lấy được 138 tiến sĩ và 78 phó bảng.
C. 15 khoa thi Hội, lấy được 163 tiến sĩ và 87 phó bảng.
D. 14 khoa thi Hội, lấy được 136 tiến sĩ và 87 phó bảng.

Câu 9: Hai tác giả đại biểu kiệt xuất nhất của dòng văn học chữ Nôm nói riêng và văn học Việt Nam nói chung ở thế kỉ XIX là những ai?

A. Đoàn Thị Điểm và Hồ Xuân Hương.

B. Nguyễn Du và Nguyễn Trãi.

C. Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương.

D. Nguyễn Du và Đoàn Thị Điểm.

Câu 10: Dưới triều Nguyễn, Phan Huy Chú đã viết tác phẩm lịch sử nổi tiếng, đó là tác phẩm nào?

A. Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

B. Đại Nam thực lục.

C. Lịch triều hiến chương loại chí.

D. Sử học bị khảo.

Câu 11: Tác phẩm Gia định thành thông chí của ai?

A. Trịnh Hoài Đức. B. Đặng Xuân Bảng.

C. Nguyễn Văn Siêu. D. Phan Huy Chú.

Câu 12: "Đại Nam thống nhất toàn đồ" được vẽ vào thời nào đã thể hiện tương đối chính xác hình ảnh nước Đại Nam thống nhất?

A. Thời Gia Long. B. Cuối thời Minh Mạng.

C. Cuối thời Thiệu Trị. D. Thời Tự Đức.

Câu 13: Nữ thi sĩ được mệnh danh "Bà chúa thơ Nôm" là ai?

A. Ngọc Hân Công chúa. B. Đoàn Thị Điểm.

C. Bà huyện Thanh Quan. D. Hồ Xuân Hương.

Câu 14: Bước sang thế kỉ XIX, dòng văn học nào phát triển đạt đến đỉnh cao?

A. Văn học chữ Nôm. B. Văn học chữ Hán.

C. Văn học dân gian. D. Tất cả các dòng văn học trên.

Câu 15: Nối tên các tác giả với những tác phẩm mà họ sáng tác dưới đây:

Các tác phẩm	Các tác giả
1. Lịch triều hiến chương loại chí.	A. Nguyễn Du.
2. Đại Việt thông sử.	B. Đoàn Thị Điểm.
3. Truyện Kiều.	C. Lê Quý Đôn.
4. Chinh phụ ngâm.	D. Phan Huy Chú.

Câu 16: Lăng tẩm các vua Nguyễn được xây dựng ở đâu?

A. Hà Nội. B. Huế. C. Hà Tây. D. Bắc Ninh.

Câu 17: Nối tên các nhà văn, nhà thơ với thời gian sáng tác của họ cho phù hợp

Thời gian	Tên nhà văn, nhà thơ
1. Thế kỉ XVIII	A. Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu.
2. Thế kỉ XIX	B. Lê Quý Đôn, Ngô Thời Sĩ, Ngô Thời Nhậm.

	C. Bùi Huy Bích, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Cư Trinh. D. Lý Văn Phức, Minh Mạng, Tự Đức. E. Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương. F. Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương.

Câu 18: Trong các tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào thuộc Quốc sử quán triều Nguyễn?

A. Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục.

B. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ

C. Lịch triều hiến chương loại chí

D. Sử học bị khảo Phương Đình dư địa chí, Gia Định thành thông chí.

Câu 19: Hãy điền chính sách của nhà Nguyễn đối với Nho giáo, Phật giáo và Thiên Chúa giáo theo biểu bảng sau:

Các tôn giáo	Chính sách của nhà Nguyễn
1. Nho giáo.	A. ....
2. Phật giáo.	B. ....
3. Thiên Chúa giáo.	C. ....

Câu 20: Trong các nhóm kiến thức dưới đây, hãy chọn 3 kiến thức của mỗi nhóm có liên quan với nhau và giải thích ngắn gọn mối quan hệ đó.

1. A. Lê Quý Đôn. B. Bùi Huy Bích.
   C. Ngô Thời Sĩ. D. Nguyễn Văn Siêu.
2. A. Cao Bá Quát. B. Ngô Thời Nhậm.
   C. Nguyễn Văn Siêu. D. Lý Văn Phúc.
3. A. Truyện Kiều. B. Cung oán ngâm khúc.
   C. Chinh phụ ngâm. D. Khâm định Việt sử thông giám cương mục.
4. A. Đại Nam thống nhất toàn đồ. B. Sử học bị khảo.
   C. Lịch triều hiến chương loại chí. D. Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 40

1. A **2.** C **3.** B **4.** D **5.** B **6.** A **7.** A **8.** D **9.** C **10.** C **11.** A **12.** B **13.** D **14.** A **15.** 1: D; 2: C; 3:A; 4: B **16.** B **17.** 1: B, C; 2: A, D, E, F.**18.** A

19. A. Nho giáo: Nhà Nguyễn thi hành chính sách độc tôn Nho giáo, phục hồi Nho giáo đã bị suy đồi trong thế kỉ trước.

B. Phật giáo: Nhà Nguyễn tìm mọi cách hạn chế Phật giáo, nhưng Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển ở nông thôn.

C. Thiên Chúa giáo: Nhà Nguyễn thi hành những biện pháp cấm đoán gắt gao, thậm chí còn thẳng tay đàn áp.

20. 1: A, B, C; 2: A, C, D; 3: A, B, C; 4: B, C, D.

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 41
NHỮNG THÀNH TỰU CHÍNH CỦA DÂN TỘC TRONG SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

***Câu 1:** Những người nguyên thuỷ ở Việt Nam đã quần tụ nhau lại lập ra quốc gia đầu tiên, sớm nhất, đó là quốc gia nào?*

A. Lâm Ấp – Chăm-pa. B. Văn Lang - Âu Lạc.
C. Phù Nam. D. Đại Việt.

***Câu 2:** Dân tộc Việt Nam bước vào thời đại phong kiến độc lập từ thế kỉ nào?*

A. Thế kỉ V. B. Thế kỉ IX. C. Thế kỉ X. D. Thế kỉ XV.

***Câu 3:** Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, nước Việt Nam được xây dựng theo chế độ nào?*

A. Dân chủ phong kiến.
B. Quân chủ chuyên chế, trung ương tập quyền.
C. Phong kiến phân quyền.
D. Tất cả đều sai.

***Câu 4:** Bộ Quốc triều hình luật được viết dưới thời nào?*

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Nhà Lê. D. Nhà Nguyễn.

***Câu 5:** Chính sách đối ngoại của nước ta được bắt đầu từ thời nào?*

A. Thời Đinh. B. Thời Lý. C. Thời Trần. D. Thời tiền Lê.

***Câu 6:** Đến thời kì nào, nhà nước phong kiến đã hoàn thành việc đo đạc ruộng đất trên toàn quốc, lập địa bạ các làng xã, phân rõ ruộng đất công và tư?*

A. Thời nhà Lý. B. Thời nhà Trần.
C. Thời nhà Hồ. D. Thời nhà Nguyễn.

***Câu 7:** Ngoại thương của nước ta phát triển mạnh vào thời gian nào?*

A. Thế kỉ XV. B. Thế kỉ XV - XVI.
C. Thế kỉ XVII - XVIII. D. Thế kỉ XVIII - XIX.

***Câu 8:** Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:*

"Tiếp nhận Nho giáo,……………từ nước ngoài, người Việt Nam đã hoà lẫn nó với những tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng truyền thống của mình để tạo nên lối sống và cách ứng xử riêng."

A. Thiên Chúa giáo. B. Phật giáo.
C. Đạo giáo. D. Ấn Độ giáo.

***Câu 9:** Dựa trên cơ sở chữ nào, người Việt Nam đã sáng tạo ra chữ viết để ghi chép, sáng tác thơ văn?*

A. Chữ Hán, chữ Phạn. B. Chữ Hán, chữ Nôm.
C. Chữ Chăm, chữ Nôm. D. Tất cả các chữ trên.

Câu 10: Dòng văn học dân gian của nước ta gồm các thể loại nào tiêu biểu nhất?

A. Ca dac, tục ngữ. B. Ca dao, tục ngữ, truyện kí.

C. Ca dao, dân ca. D. Tục ngữ, ca dao, hò, vè.

Câu 11: Xếp theo thứ tự thời gian tên anh hùng dân tộc đã lãnh đạo quân ta làm nên chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI?

A. Lê Hoàn - Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo.

B. Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo - Lê Hoàn.

C. Ngô Quyền - Lê Hoàn - Trần Hưng Đạo.

D. Trần Hưng Đạo – Ngô Quyền – Lê Hoàn.

Câu 12: Sắp xếp các chiến thắng oanh liệt của quân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII theo thứ tự thời gian?

A. Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng - Xương Giang, Ngọc Hồi - Đống Đa.

B. Như Nguyệt, Bạch Đằng, Chi Lăng - Xương Giang, Ngọc Hồi - Đống Đa.

C. Chi Lăng - Xương Giang, Bạch Đằng, Ngọc Hồi - Đống Đa, Như Nguyệt.

D. Chi Lăng - Xương Giang, Ngọc Hồi - Đống Đa, Như Nguyệt, Bạch Đằng.

Câu 13: Điền vào chỗ trống dưới đây về tên nước, kinh đô, niên đại của các triều đại Việt Nam:

Triều đại	**Tên nước**	**Kinh đô**	**Niên đại**
1. Ngô:	A..........................	B..........................	C.......................... ....
2. Đinh-Tiền Lê:	D..........................	E..........................	E.......................... ....
3. Lý:	G..........................	H..........................	I.......................... ....
4. Trần:	K..........................	L..........................	M.......................... ....
5. Hồ:	N..........................	O..........................	P.......................... ....
6. Lê sơ:	Q..........................	R..........................	S.......................... ....
7. Nguyễn:	T..........................	U..........................	V.......................... ....

Câu 14: Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với các triều đại ở cột A về lĩnh vực pháp luật ở bảng dưới đây:

A	B
1. Triều nhà Ngô 2. Triều Đinh - Tiền Lê 3. Triều Lý 4. Triều Trần 5. Triều nhà Hồ 6. Triều Lê sơ 7. Triều Nguyễn	A. Dùng hình phạt khắc nghiệt ném vào vạc dầu sôi. B. Ban hành bộ Hình thư. (bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta). C. Qui định lễ nghi trong triều,màu sắc trang phục của các quan lại các cấp. D. Hoàng triều luật lệ ra đời. E. Quốc triều hình luật hay Luật Hồng Đức. F. Bộ luật Quốc triều hình luật. Đặt cơ quan Thẩm hình viện để xét xử. G. Đổi tên một số đơn vị hành chính. Đặt lệ cử các quan trong triều thăm hỏi nhân dân.

Câu 15: Nêu tên các vị anh hùng dân tộc có công trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc.

Triều đại	**Tên các vị anh hùng (A)**	**Chiến công (B)**
1. Ngô	....	....
2. Đinh	....	....
3. Tiền Lê	....	....
4. Lý	....	....
5. Trần	....	....
6. Hồ	....	....
7. Lê sơ	....	....

Câu 16: Hãy ghi các cuộc kháng chiến chống ngoại âm của dân tộc ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII, theo mẫu sau:

Thời gian	Các cuộc kháng chiến
1. Năm 938	A..
2. Năm 1075-1077	B..
3. Năm 1258-1288	C..
4. Năm 1406	D..
5. Năm 1418-1427	E..
6. Năm 1785	F..
7. Năm1789	G..

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 41

1. B **2.** C **3.** B **4.** C **5.** A **6.** D **7.** C **8.** B **9.** A **10.** B **11.** C **12.** A

13. A. Âu Lạc, B. Cổ Loa, C. 939
D. Đại Cồ Việt, E. Hoa Lư, F. 968
G. Đại Việt, H. Đại La, Thăng Long, I. 1010
K. Đại Việt, L.Thăng Long, M.1226
N. Đại Ngu, O. An Tôn (Tây Đô –Thanh Hóa), P. 1440.
Q. Đại Việt, R. Thăng Long, S.1428.
T. Đại Việt, U. Phú Xuân, V. 1802.

14. 1: C, 2: A, 3: B, 4: F, 5: G, 6: E, 7: D.

15. 1. A. Ngô Quyền.
B. Lãnh đạo nhân dân trừng trị tên phản bội Kiều Công Tiễn, đập tan âm mưu xâm lược vào ki nguyên mới: độc lập, tự chủ gắn liền với chế độ phong kiến. Ngô Quyền được mệnh danh là "Ông tổ phục hưng".

2. A. Đinh Bộ Lĩnh.
B. Dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước. Đinh Bộ Lĩnh được tôn là Vạn Thắng Vương, sau đó lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

3. A. Lê Hoàn (Lê Đại Hành)
B. Sau khi lên ngôi đã lãnh đạo nhân dân đập tan âm mưu xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống. Bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

4. A. Lý Thường Kiệt.
B. Lãnh đạo nhân dân Đại Việt tiến hành cuộc tập kích sang đất Tống (1075 –1076), và đánh bại 30 vạn quân xâm lược Tống khi chúng sang xâm lược nước ta lần thứ hai trên phòng tuyến Như Nguyệt. Độc lập dân tộc được giữ vững.

5. A. Trần Thái Tông.

B. Lãnh đạo nhân dân đánh bại 3 vạn quân xâm lược Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.

- Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn)
- 1285 và 1288
- Tổng chỉ huy quân đội, viết sách "Binh thư yếu lược", "Hịch tướng sĩ". Lãnh đạo nhân dân đánh bại lần xâm lược thứ hai (1288) và lần xâm lược thứ ba của quân Nguyên-Mông. Độc lập dân tộc được bảo vệ toàn vẹn.

6. A. Hồ Quý Ly.

B. Ban hành những cải cách về nhiều lĩnh vực: kinh tế tài chính, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, quân sự, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng chứng tỏ ông là một nhà cải cách có tài và là người yêu nước thiết tha.

7. A. Lê Lợi và Nguyễn Trãi (Khởi nghĩa Lam Sơn)

B. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đập tan ách thống trị nhà Minh, giành lại độc lập cho dân tộc.

16. 1. Ngô Quyền chống quân Nam Hán.

2. Nhà Lý chống xâm lược Tống.
3. Nhà Trần 2 lần kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên.
4. Nhà Hồ chống quân xâm lược Minh.
5. Lê Lợi chống quân xâm lược Minh.
6. Nguyễn Huệ chống quân xâm lược Xiêm.
7. Nguyễn Huệ chống quân xâm lược Xiêm.

Bài 42

ĐÓNG GÓP CỦA DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀO SỰ NGHIỆP CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC

Câu 1: Ngoài dân tộc Kinh, nước ta có bao nhiêu dân tộc thiểu số?

A. 54 tộc người thiểu số. B. 53 tộc người thiểu số.

C. 52 tộc người thiểu số. D. 51 tộc người thiểu số.

Câu 2: Người Thái, Tày, Nùng sống chủ yếu ở đâu?

A. Ở tây Bắc Bộ. B. Ở Bắc Trung Bộ.

C. Ở phía Bắc và tây Bắc. D. Ở tất cả các vùng trên.

Câu 3: Ở tây Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thường có các tộc người nào?

A. Thái, Tày, Nùng. B. Thái, Mường.

C. Ba-na, Ê-đê. D. Hmông, Dao.

Câu 4: Người Ba-na, Ê-đê, Xơ-đăng, Gia-rai, Chăm sống chủ yếu ở vùng nào của đất nước ta?

A. Nam Bộ. B. Tây Nam Bộ. C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 5: Nhiều công trình kiến trúc của tộc người nào hiện còn lưu lại trên đất nước ta?

A. Người Chăm. B. Người Khơ-me. C. Người Thái. D. Người Tày.

Câu 6: Trường ca "Đẻ đất đẻ nước" của dân tộc nào?

A. Thái. B. Mường. C. Gia-rai. D. Ê-đê.

Câu 7: Múa sạp, một loại hình nghệ thuật độc đáo của dân tộc nào?

A. Thái. B. Tày. C. Nùng. D. Mường.

Câu 8: Người Chăm, trải qua quá trình lịch sử lâu dài của quốc gia Cham-pa đã để lại nhiều bia kí khắc chữ Phạn hay chữ Chăm, ghi những việc làm của ai?

A. Của vua quan. B. Của dân chúng.

C. Của thợ thủ công. D. Của nông dân.

Câu 9: Từ thời nào, các tộc người mạn Bắc đã "chung lưng đấu cột" trong kháng chiến chống xâm lược nhà Tần, bảo vệ quê hương?

A. Đại Việt. B. Văn Lang - Âu Lạc.

C. Phù Nam. D. Cham-pa.

Câu 10: Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nào, nhân dân các dân tộc thiểu số đã cùng cả nước đánh giặc?

A. Kháng chiến chống quân Tống.

B. Kháng chiến chống quân Minh.

C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên.

D. Kháng chiến chống quân Mãn Thanh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 42

1. B **2.** C **3.** B **4.** D **5.** A **6.** B **7.** D **8.** A **9.** B **10.** C

PHẦN BA
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN
(PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI)

CHƯƠNG I
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 1
CÁCH MẠNG TƯ SẢN HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH

Câu 1. Nền kinh tế nào dưới đây được đánh giá là đặc điểm nổi bật nhất của Nê-đéc-lan trước khi bùng nổ cách mạng tư sản?

A. Nền kinh tế phong kiến phát triển mạnh, khống chế toàn bộ hoạt động trong xã hội.

B. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh không bị chế độ phong kiến kìm hãm.

C. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh nhất châu Âu với nhiều thành phố và hải cảng lớn.

D. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Câu 2. Nguồn gốc xuất thân chủ yếu của giai cấp công nhân làm thuê ở Nê-đéc-lan?

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Tầng lớp tiểu tư sản bị thất nghiệp.

D. Thợ thủ công và nông dân bị phá sản.

Câu 3. Trong các thế kỉ XII đến thế kỉ XIV, Nê-đéc-lan bị lệ thuộc vào vương quốc nào?

A. Vương quốc Tây Ban Nha. B. Vương quốc Bồ Đào Nha.

C. Vương quốc Bỉ. D. Vương quốc Anh.

Câu 4. Tại sao các tầng lớp nhân dân Nê-đéc-lan dùng thơ ca để chế giễu, đả kích nhà thờ Thiên Chúa giáo?

A. Thiên Chúa giáo đang kìm hãm sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

B. Thiên Chúa giáo là chỗ dựa vững chắc của chính quyền Tây Ban Nha.

C. Thiên Chúa giáo ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Nê-đéc-lan.

D. Thiên Chúa giáo đã trở nên lỗi thời, lạc hậu trong đời sống tinh thần của nhân dân Nê-đéc-lan.

Câu 5. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống Tây Ban Nha bùng nổ vào thời gian nào?

A. Tháng 6 năm 1566.
C. Tháng 8 năm 1566.
B. Tháng 7 năm 1566.
D. Tháng 10 năm 1566.

Câu 6. Vì sao cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan được gọi là "phong trào phá tượng Thánh"?

A. Vì họ phá toàn bộ các tượng thánh dựng lên ở Nê-đéc-lan.
B. Vì họ phá tất cả các nhà thờ Thiên Chúa giáo.
C. Vì họ phá nhà thờ Thiên Chúa giáo, lùng bắt các giám mục
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 7. Trước sự xâm lược tàn bạo của quân đội Tây Ban Nha vào tháng 6-1567, quý tộc và tư sản lớp trên của Nê-đéc-lan tỏ thái độ như thế nào?

A. Sẵn sàng thỏa hiệp với Tây Ban Nha đàn áp cách mạng.
B. Hợp tác với quân khởi nghĩa chống lại Tây Ban Nha.
C. Cầu cứu Anh, Pháp, lập quân đội để vừa chống Tây Ban Nha, vừa đàn áp quân khởi nghĩa.
D. Đơn phương lập quân đội chống lại quân Tây Ban Nha.

Câu 8. Tháng 4 năm 1572 đã diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào ở Nê-đéc-lan?

A. Quân khởi nghĩa giải pháp nhiều vùng rộng lớn ở miền Bắc Nê-đéc-lan.
B. Phong trào đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan lan rộng ra 12 tỉnh.
C. Quân Tây Ban Nha được phái sang chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Nê-đéc-lan.
D. Tây Ban Nha chính thức công nhận nền độc lập của nhân dân Nê-đéc-lan.

Câu 9. Nhân dân Nê-đéc-lan thành lập Ủy ban quản lí xã hội gồm đa số đại biểu của giai cấp và tầng lớp nào?

A. Tư sản và bình dân.
B. Tư sản và quý tộc.
C. Tư sản, quý tộc và bình dân.
D. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

Câu 10. Tên nước Hà Lan chính thức ra đời vào thời gian nào?

A. Năm 1572.
B. Năm 1597.
C. Năm 1648.
D. Năm 1649.

Câu 11. Hãy nối thời gian cho phù hợp với các sự kiện sau đây:

Thời gian	Sự kiện
1- Tháng 8 - 1866 2- Tháng 8 - 1567 3- Tháng 4 - 1572 4- Tháng 1 - 1579 5- Tháng 7 - 1581 6- Năm 1609 7- Năm 1648	A. Tây Ban Nha đưa quân đàn áp dã man những người khởi nghĩa. B. Nhân dân miền Bắc Nê-đéc-lan nổi dậy khởi nghĩa. C. Đại biểu các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan họp hội nghị ở U-rếch. D. Quân khởi nghĩa đã làm chủ các tỉnh phía bắc. E. Hiệp định đình chiến giữa Tây Ban Nha và Hà Lan được kí kết. F. Vua Tây Ban Nha Phi-líp II bị phế truất. G. Nền độc lập Hà Lan được chính thức công nhận.

Câu 12. Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống trong các câu sau đây:

A. ☐ Từ thế kỉ XII đến thế kỉ XIV Nê-đéc-lan bị lệ thuộc vào Vương quốc Tây Ban Nha.

B. ☐ Giai cấp lãnh đạo cuộc cách mạng Hà Lan là giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hóa.

C. ☐ Tây Ban Nha chính thức thừa nhận nền độc lập của Hà Lan vào năm 1648.

D. ☐ Cách mạng tư sản Hà Lan thắng lợi, chế độ tư bản chủ nghĩa của Tây Ban Nha bị lật đổ ở Hà Lan.

E. ☐ Hạn chế lớn nhất của Cách mạng Hà Lan là thay thế sự thống trị của Tây Ban Nha bằng sự áp biến, bóc lột của tư sản, quý tộc trong nước.

F. ☐ Động lực chủ yếu của cách mạng tư sản Hà Lan là giai cấp tư sản, quý tộc mới và đông đảo nông dân.

Câu 13. Trước khi cách mạng bùng nổ, quan hệ sản xuất nào đã thâm nhập vào nông thôn Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh?

A. Quan hệ kinh tế nông nghiệp.
B. Quan hệ kinh tế công nghiệp.
C. Quan hệ kinh tế tiền tệ.
D. Tất cả các quan hệ kinh tế trên.

Câu 14 Từ thế kỉ XVI, ngành sản xuất nào dưới đây được đánh giá là ngành sản xuất nổi tiếng nhất ở Anh?

A. Sản xuất thủ công nghiệp.
B. Sản xuất nông nghiệp.
C. Sản xuất len dạ.
D. Sản xuất và chế biến thủy tinh.

Câu 15. Vì sao trước cách mạng, người nông dân ở Anh phải ra thành thị bán sức lao động cho tư bản hay di cư sang Tây bán cầu?

A. Họ bị mất ruộng đất.
B. Họ bị bọn địa chủ bóc lột tàn nhẫn.
C. Họ muốn tìm cuộc sống no đủ hơn.
D. Tất cả các lý do trên.

Câu 16. Một số địa chủ phong kiến ở Anh chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, trở thành tầng lớp nào?

A. Tư sản công nghiệp.
B. Tư sản nông nghiệp.
C. Địa chủ mới.
D. Quý tộc mới.

Câu 17. Mâu thuẫn nào mới nảy sinh ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc địa chủ.
B. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới, giai cấp tư sản với chế độ quân chủ.
C. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc mới.
D. Mâu thuẫn giữa quý tộc địa chủ với tư sản.

Câu 18. Thời gian nào dưới đây biểu hiện cho cuộc nội chiến ở Anh bắt đầu bùng nổ?

A. Tháng 01-1642.
B. Ngày 14-6-1645.
C. Ngày 22-8-1642.
D. Ngày 14-6-1642.

Câu 19. Sự chống đối giữa các thế lực nào làm bùng nổ cuộc nội chiến ở Anh thế kỉ XVII?

A. Vua Sac-lơ I với quý tộc mới.
B. Vua Sác-lơ I với Quốc hội.
C. Quý tộc mới với nông dân.
D. Tư sản với địa chủ phong kiến.

Câu 20. Cách mạng tư sản Anh đạt đến đỉnh cao vào thời gian nào? Tương ứng với sự kiện gì?

A. Năm 1649, tương ứng với sự kiện Sác-lơ I bị xử tử.

B. Năm 1648, tương ứng với sự kiện quân đội Sác-lơ I bị Quốc hội đánh bại.

C. Năm 1658, tương ứng với sự kiện quý tộc mới và tư sản chủ trương lập lại chế độ quân chủ.

D. Năm 1689, tương ứng với sự kiện tư sản và quý tộc mới đưa Vin-hem Ô-ran-giơ lên ngôi vua.

Câu 21. Khi nước Anh trở thành nước cộng hòa, mọi quyền hành nằm trong tay giai cấp nào?

A. Quý tộc mới và địa chủ phong kiến.

B. Tư sản và nông dân.

C. Quý tộc mới và tư sản.

D. Quý tộc mới, tư sản và nông dân.

Câu 22. Lực lượng chủ yếu tham gia trong cách mạng tư sản chống lại chế độ phong kiến ở Anh thế kỉ XVII là

A. Công nhân và nông dân.

B. Nông dân và binh lính.

C. Quý tộc mới và tư sản.

D. Nông dân và quý tộc mới.

Câu 23. Chế độ độc tài quân sự ở Anh được thiết lập vào thời gian nào? Do ai đứng đầu?

A. Năm 1649. Do Sác-lơ I đứng đầu.

B. Năm 1660. Do Sác-lơ III đứng đầu.

C. Năm 1689. Do Vin-hem Ô-ran-giơ đứng đầu.

D. Năm 1653. Do Ô-li-vơ Crôm-oen đứng đầu.

Câu 24. Giai cấp, tầng lớp nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là

A. Quý tộc mới và nông dân.

B. Tư sản và thợ thủ công.

C. Quý tộc mới và tư sản.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp trên.

Câu 25. Vì sao cách mạng tư sản Anh là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

A. Không đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

B. Kết thúc bằng sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản cầm quyền.

C. Lập ra chế độ quân chủ lập kiến.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 26. Cuộc cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức nào?

A. Nội chiến.

B. Chiến tranh giải phóng dân tộc.

C. Nội chiến kết hợp với chiến tranh giải phóng dân tộc.

D. Bạo động của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C **2.** D **3.** A **4.** B **5.** C **6.** C **7.** B **8.** A **9.** A **10.** B
11. 1: B. 2: A. 3: D. 4: C. 5: F. 6: E. 7: G.
12. A, C, E: Đúng. B, D, F: Sai. **13.** C **14.** C **15.** A **16.** D **17.** B
18. C **19.** B **20.** A **21.** C **22.** B **23.** D **24.** C **25.** D **26.** A

Bài 2
CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ

Câu 1. Vì sao Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh đối với nước Anh?

A. Do sự phát triển kinh tế của các thuộc địa.

B. Do sự xâm nhập chủ nghĩa tư bản Anh vào Bắc Mĩ.

C. Do sự cản trở của Bắc Mĩ đối với hàng hoá Anh.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 2. Năm 1773 diễn ra sự kiện lịch sử nào tiêu biểu nhất ở Bắc Mĩ?

A. Nhân dân thuộc địa họp đại hội ở Phi-la-đen Phi-a.

B. Nhân dân Bô-xtơn tấn công tàu chở chè Anh.

C. Chiến tranh bùng nổ giữa thực dân Anh và thuộc địa.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 3. Tại Đại hội lục địa lần thứ nhất vào tháng 9-1774, các đại biểu yêu cầu vua Anh vấn đề gì?

A. Rút quân đội khỏi Bắc Mĩ.

B. Bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mĩ.

C. Bỏ chính sách thuế khoá ở Bắc Mĩ.

D. Trao trả nền độc lập cho Bắc Mĩ.

Câu 4. Chiến tranh giữa các thuộc địa với chính quốc bùng nổ vào thời gian nào?

A. Tháng 4 năm 1775. B. Tháng 5 năm 1775.

C. Tháng 7 năm 1776. D. Tháng 7 năm 1767.

Câu 5. Nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A dưới đây cho đúng với cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở BắcMĩ.

A	B
1- Nguyên nhân	A. Thị trường dân tộc được hình thành.
	B. Tuyên ngôn độc lập.
2- Diễn biến	C. Đại hội lục địa lần thứ nhất.
	D. Đại hội lục địa lần thứ hai.
3- Kết quả, ý nghĩa	E. Hoà ước Véc-xai 1783.

	F. Sự phát triển kinh tế của thuộc địa làm cho Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh đối với Anh. G. Hiến pháp thông qua. H. Tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. I. Thắng lợi tại Xa-ra-tô-ga. K. Duy trì chế độ nô lệ.

Câu 6. Ngày 4-7-1776 ghi vào lịch sử nước Mĩ như thế nào?

A. Ngày quốc khánh nước Mĩ.

B. Các thuộc địa lần lượt tuyên bố tách khỏi nước Anh.

C. Đại hội lục địa lần hai thành công

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 7. Chiến thắng nào đã tạo nên bước ngoặt trong cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ?

A. Chiến thắng Bô-xtơn.
B. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga.
C. Chiến thắng I-oóc-tao.
D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 8. Với trận đánh quyết định nào làm cho toàn bộ quân Anh phải đầu hàng?

A. Trận đánh ở Bô-xtơn.
B. Trận đánh ở Xa-ra-tô-ga.
C. Trận đánh ở I-oóc-tao.
D. Trận đánh ở Oa-sinh-tơn.

Câu 9. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Anh chính thức công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ?

A. Kí kết hoà ước Véc-xai ở Pháp tháng 9-1783.

B. Mĩ thông qua Hiến pháp năm 1787.

C. Thông qua bản tuyên ngôn Độc lập ngày 4-7-1776.

D. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga ngày 17-10-1777.

Câu 10. Tại Hội nghị lục địa lần thứ hai đã tuyên bố vấn đề gì?

A. Cắt đứt quan hệ với Anh, củng cố lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-tơn.

B. Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ.

C. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

D. Xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi của thực dân Anh ở Bắc Mĩ.

Câu 11. Hãy nối thời gian với các đạo luật của Anh ở Bắc Mĩ theo yêu cầu dưới đây:

Thời gian	Các đạo luật
1. 1651	A. Luật tem
2. 1764	B. Luật chè
3. 1765	C. Luật hàng hải
4. 1770	D. Luật đường

Câu 12. Điền các sự kiện vào thời gian cho sẵn sau đây:

Thời gian	Sự kiện
1. Tháng 9 - 1774	A. ....
2. Tháng 4 - 1775	B. ....
3. Tháng 5 - 1775	C. ....
4. Ngày 4 - 7 - 1776	D. ....
5. Ngày 17 - 10 - 1777	E. ....
6. Năm 1787	F. ....

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A **2.** B **3.** B **4.** A **5.** 1:F. 2: B, C, D, I.3: A, E, G, H, K.

6. A **7.** B **8.** C **9.** A **10.** A **11.** 1: C, 2: D, 3: A, 4: B.

12. A. Đại hội lục địa lần thứ nhất của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ khai mạc tại Phi-la-đen-phi-a.

B. Chiến tranh giữa các thuộc địa với chính quốc bùng nổ.

C. Hội nghị lục địa lần thứ hai.

D. Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập.

E. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga.

F. Quân thuộc địa giành thắng lợi trận quyết định I-oóc-tao.

Bài 3
CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

Câu 1. Vì sao trước cách mạng, nông nghiệp Pháp kém phát triển?

A. Công cụ, kĩ thuật canh tác còn thô sơ.

B. Đất đai bị bỏ hoang nhiều, năng suất cây trồng thấp.

C. Một số địa chủ chuyển sang kinh doanh theo hướng tư bản chủ nghĩa.

D. Quan hệ sản xuất phong kiến vẫn được duy trì với phương thức bóc lột cũ.

Câu 2. Nét nổi bật trong lĩnh vực công nghiệp ở Pháp vào cuối thế kỉ XVIII là:

A. Sản xuất được nhiều mặt hàng mĩ phẩm.

B. Công trường thủ công khá lớn, thu bút được đông đảo công nhân làm thuê.

C. Công nghiệp nặng phát triển mạnh mẽ.

D. Công nghiệp chế biến trở thành ngành kinh tế then chốt.

Câu 3. Trước cách mạng, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

A. Quân chủ lập hiến.

B. Cộng hòa tư sản.

C. Quân chủ chuyên chế.

D. Quân chủ lập hiến đan xen với quân chủ chuyên chế.

Câu 4. Trước cách mạng, ở Pháp đẳng cấp nào được hưởng đặc quyền, không phải đóng thuế?

A. Đẳng cấp tăng lữ. B. Đẳng cấp quý tộc.

C. Đẳng cấp thứ ba. D. Đẳng cấp tăng lữ và quý tộc.

Câu 5. Trong đẳng cấp thứ ba gồm có các giai cấp và tầng lớp nào của xã hội Pháp?

A. Tư sản, nông dân. B. Tư sản, nông dân, công nhân.

C. Tư sản, quý tộc phong kiến. D. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

Câu 6. Trước cách mạng, lực lượng nào chiếm số lượng đông đảo nhất ở nước Pháp?

A. Công nhân. B. Tư sản. C. Nông dân. D. Thợ thủ công.

Câu 7. Vào thế kỉ XVIII, ở Pháp mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất?

A. Mâu thuẫn giữa phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong đẳng cấp thứ ba.

B. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc phong kiến.

C. Mẫu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ.

D. Mẫu thuẫn giữa công nhân, nông dân với chế độ phong kiến.

Câu 8. Ở nước Pháp, trước cách mạng, đẳng cấp nào cung cấp cho nhà vua kinh cầu nguyện?

A. Đẳng cấp thứ ba. B. Đẳng cấp quý tộc.

C. Đẳng cấp tăng lữ. D. Tất cả các đẳng cấp trên.

Câu 9. Ở Pháp, vào thế kỉ XVIII nổi lên ba nhà tư tưởng lớn, đó là những ai?

A. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Phu-ri-ê. B. Phu-ri-ê, Ô-oen, Vôn-te.

C. Vôn-te, Rut-xô, Mông-te-xki-ơ. D. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.

Câu 10. Ai là người lãnh đạo nhóm Bách khoa toàn thư ở Pháp?

A. Mông-te-xki-ơ. B. Mê-li-ê. C. Vôn-te. D. Đi-nơ-rô.

Câu 11. Cách mạng 1789 thắng lợi, ở Pháp phái lập hiến lên nắm quyền. Phái lập hiến thuộc tầng lớp nào?

A. Tư sản công thương. B. Đại tư sản.

C. Quý tộc mới. D. Đại địa chủ.

Câu 12. Ngày 28-8-1789 diễn ra sự kiện lịch sử nào ở Pháp?

A. Công nhân, thợ thủ công đánh chiếm nhà tù Ba-xti.

B. Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ra đời.

C. Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp mới.

D. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.

Câu 13. Chính sách tiến bộ nhất của phái Lập hiến trong cách mạng tư sản Pháp là gì?

A. Tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.

B. Thông qua Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền.

C. Thông qua Hiến pháp mới, xác định chế độ quân chủ lập hiến cho nước Pháp.

D. Ban hành chế độ phổ thông đầu phiếu.

Câu 14. Sau ngày 10-8-1792 đến trước ngày 02-6-1793, phái nào lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp?

A. Phái lập hiến. B. Phái Quân chủ lập hiến.

C. Phái Gia-cô-banh. D. Phái Gi-rông-đanh.

Câu 15. Phái Gia-cô-banh nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp kể từ:

A. Từ ngày 02-6-1793. B. Sau ngày 10-8-1792.

C. Sau ngày 21-01-1793. D. Sau ngày 31-5-1793

Câu 16. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây về tiến trình cách mạng Pháp.

A	B
1. 5 - 5 - 1789	A. Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ra đời.
2. 14 - 7 - 1789	B. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ một số nghĩa vụ của nông dân.
3. 4 - 8 - 1789	
4. 28 - 8 - 1789	C. Hội nghị ba đẳng cấp được triệu tập.
5. 20 - 4 - 1792	D. Công nhân và thợ thủ công hạ ngục Ba-xti.
6. 21 - 1 - 1793	E. Cách mạng bước vào thời kì thoái trào.
7. 2 - 6 - 1793	F. Phái Gia-cô-banh lên nắm quyền lãnh đạo.
8. 27 - 7 - 1794	G. Vua Lu-i XVI bị xử tử.
	H. Pháp tuyên chiến với Áo.

Câu 17. Chế độ phong kiến đã kìm hãm sự phát triển của công, thương nghiệp như thế nào?

A. Đánh thuế nặng.

B. Không có đơn vị tiền tệ và đo lường thống nhất.

C. Sức mua của dân rất hạn chế.

D. Câu A và B đúng.

Câu 18. Xã hội Pháp trước cách mạng phân ra những đẳng cấp nào?

A. Tăng lữ, quý tộc, nông dân. B. Tăng lữ, quý tộc, đẳng cấp thứ ba.

C. Tăng lữ, quý tộc, tư sản. D. Nông dân, tư sản, các tầng lớp khác.

Câu 19. Sự suy yếu của chế độ quân chủ chuyên chế Pháp biểu hiện ở những điểm nào?

A. Chế độ phong kiến ngày càng suy yếu, số nợ Nhà nước vay của tư sản không trả được.

B. Công, thương nghiệp đình đốn, nông nghiệp lạc hậu, kinh tế suy yếu.

C. Đời sống nhân dân cực khổ, nhân dân đấu tranh mạnh mẽ.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 20. Vì sao việc đánh chiếm pháo đài Ba-xti đã mở đầu cho thắng lợi của Cách mạng Pháp?

A. Pháo đài Ba-xti tượng trưng cho uy quyền nhà vua.

B. Pháo đài được xây dựng để bảo vệ thành Pa-ri.

C. Pháo đài là nơi giam cầm những người chống chế độ phong kiến.

D. Chế độ quân chủ chuyên chế bị giáng đòn đầu tiên quan trọng, cách mạng bước đầu thắng lợi, tiếp tục phát triển.

Câu 21. Phái Lập hiến của tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền đã làm được những gì?

A. Phế truất vua Lu-i XVI.

B. Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.

C. Hạn chế quyền vua.

D. Xoa dịu sự căm phẫn của nhân dân.

Câu 22. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp đã thể hiện mặt tiến bộ ở điểm nào?

A. Đề cao vấn đề quyền tự do, bình đẳng của con người.

B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội.

C. Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

D. Câu A và B đúng.

Câu 23. Mặt hạn chế của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền là gì?

A. Chỉ phục vụ cho quyền lực giai cấp tư sản.

B. Phục vụ cho quyền lợi của giai cấp công nhân.

C. Phục vụ cho quyền lợi của tầng lớp địa chủ phong kiến.

D. Phục vụ cho các tầng lớp tham gia đấu tranh.

Câu 24. Thái độ của phái Gi-rông-đanh trước sự tấn công của quân Anh và phong kiến châu Âu như thế nào?

A. Tập hợp nhân dân chống ngoại xâm.

B. Tập hợp nhân dân chống ngoại xâm và nội phản.

C. Ổn định đời sống cho nhân dân, củng cố Nhà nước.

D. Không lo tổ chức chống ngoại xâm và nội phản và ổn định đời sống nhân dân, chỉ lo củng cố quyền lực.

Câu 25. Điều nào chứng tỏ Cách mạng Pháp phát triển đi lên trong giai đoạn phái Gi-rông-đanh cầm quyền?

A. Nam giới từ 21 tuổi được đi bầu cử.

B. Thành lập nền cộng hoà, xử tử vua Lu-i VXI.

C. Chiến thắng quân Áo - Phổ ở Van-mi, đuổi chúng ra khỏi đất nước.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 26. Trong các biện pháp sau của phái Gia-cô-banh, biện pháp nào mang lại quyền lợi thiết thực nhất cho nông dân?

A. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. Quy định giá bán tối đa các mặt hàng thiết yếu.

C. Thực hiện chính sách trưng thu lúa mì.

D. Quy định mức lương tối đa cho công nhân.

Câu 27. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thất bại của phái Gia-cô-banh?

A. Sự chống đối của tư sản phản cách mạng.

B. Mâu thuẫn nội bộ phái cầm quyền, nhân dân xa rời Chính phủ.

C. Chỉ lo củng cố quyền lực.

D. Tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính.

Câu 28. Vì sao tư sản phản cách mạng tiến hành cuộc đảo chính lật đổ phái Gia-cô-banh?

A. Để tranh giành quyền lực.

B. Để bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản.

C. Do mâu thuẫn sâu sắc giữa phái Gia-cô-banh và tư sản phản cách mạng.

D. Ngăn chặn cách mạng tiếp tục phát triển vì động chạm nhiều đến quyền lợi của giai cấp tư sản.

Câu 29. Yếu tố nào là cơ bản chứng tỏ Cách mạng tư sản Pháp 1789 là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất?

A. Cách mạng thi hành nhiều biện pháp kiên quyết để trừng trị bọn phản cách mạng.

B. Cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền.

C. Thiết lập được nền cộng hòa tư sản.

D. Cách mạng đã đạt tới đỉnh cao với nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Câu 30. Tính chất của cuộc cách mạng Pháp 1789 là gì?

A. Cách mạng giải phóng dân tộc. B. Cách mạng tư sản.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng dân chủ nhân dân.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. D **2.** B **3.** C **4.** D **5.** B **6.** C **7.** A **8.** C **9.** D **10.** D **11.** B
12. B **13.** B **14.** D **15.** A **16.** 1: C, 2: D, 3: B, 4: A, 5: H, 6: G, 7: F, 8: E
17. D **18.** B **19.** D **20.** D **21.** B **22.** A **23.** A **24.** D **25.** D **26.** A **27.** B
28. D **29.** B **30.** B

Bài 4
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

Câu 1. Vì sao nước Anh là nước tiến hành cách mạng công nghiệp đầu tiên trên thế giới?

A. Nước Anh nổ ra cuộc cách mạng tư sản sớm.

B. Nước Anh có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất.

C. Nước Anh thu được nhiều lợi nhuận trong cuộc phát kiến địa lí.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 2. Điều kiện cần và đủ để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp là gì?

A. Tư bản, nhân công.

B. Vốn, đội ngũ công nhân làm thuê.

C. Tư bản, nhân công và sự phát triển khoa học kĩ thuật.

D. Tư bản và các thiết bị máy móc.

Câu 3. Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu vào thời gian nào?

A. Từ cuối những năm 50 của thế kỉ XVIII.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVII.

D. Từ cuối những năm 60 của thế kỉ XVIII.

Câu 4. Ai là người sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt cho máy?

A. Giêm Oát. B. Giêm Ha-gri-vơ.

C. Ét-mơn Cát-ri. D. Xli-phen-xơn.

Câu 5. Đến giữa thế kỉ XIX, nước Anh được mệnh danh là gì?

A. "Nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới".

B. "Nước công nghiệp hiện đại".

C. "Nước đi tiên phong trong công nghiệp".

D. "Công xưởng của thế giới".

Câu 6. Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về cách mạng công nghiệp ở Anh sau đây:

A	B
1. Giêm Ha-gri-vơ	A. Phát minh ra máy hơi nước.
2. Ét-mơn Cát-ri	B. Chế tạo ra máy kéo sơi chạy bằng hơi nước.
3. Giêm Oát	C. Sáng chế ra máy kéo sợi.
4. Xli-phen-xơn	D. Chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước.
5. Ác-crai-tơ	E. Chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

Câu 7. Cách mạng công nghiệp ở Pháp bắt đầu phát triển từ thời gian nào?

A. Những năm 20 của thế kỉ XIX. B. Những năm 30 của thế kỉ XIX.

C. Những năm 50 của thế kỉ XIX. D. Những năm 30 của thế kỉ XVIII.

Câu 8. Cách mạng công nghiệp Pháp bắt đầu từ ngành công nghiệp nào?

A. Công nghiệp luyện kim. B. Công nghiệp cơ khí.

C. Công nghiệp hoá chất. D. Công nghiệp nhẹ.

Câu 9. Cách mạng công nghiệp ở Đức diễn ra vào những năm nào?

A. Từ những năm 40 của thế kỉ XIX.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVIII.

D. Từ cuối những năm 30 của thế kỉ XIX.

Câu 10. Hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp ở các nước châu Âu từ cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX là gì?

A. Làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản châu Âu.

B. Thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp và giao thông.

C. Góp phần giải phong nông dân, bổ sung lực lượng lao động cho thành phố.

D. Hình thành giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

Câu 11. Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về cách mạng công nghiệp ở châu Âu sau đây:

A	B
1. Cánh mạng công nghiệp Anh 2. Cách mạng công nghiệp Pháp 3: Cách mạng công nghiệp Đức	A. Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ các ngành công nghiệp nhẹ. B. Chế tạo ra máy kéo sơi chạy bằng hơi nước đầu tiên. C. Từ năm 1850 đến năm 1860, sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng hơn gấp đôi. D. Được mệnh danh là "công xưởng của thế giới". E. Một hệ thống đại lộ, nhà ga, của hàng...được xây dựng thay thế các phố xá cũ chất hẹp. F. Hình thành hai giai cấp cơ bản: tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

Câu 12. Vì sao cách mạng công nghiệp làm cho giai cấp vô sản ngày càng đông đảo?

A. Giai cấp vô sản bị áp bức, bóc lột nặng nề nên họ tập trung ngày ngày đông.

B. Quá trình cơ giới hoá trong nông nghiệp làm cho nông dân trở thành giai cấp vô sản.

C. Quá trình phát triển công nghiệp cần phải có nhiều người lao động.

D. Tất cả các lí do trên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A **2.** C **3.** B **4.** B **5.** D **6.** 1: C. 2: D. 3: A. 4: E. 5: B.
7. B **8.** D **9.** A **10.** D **11.** 1: A, B, D, F. 2: A, E, F. 3: C, F. **12. B**

Bài 5
HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MĨ GIỮA THẾ KỈ XIX

Câu 1. Vào giữa thế kỉ XIX, yêu cầu nào trở nên cấp bách nhất để thống nhất nước Đức?

A. Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

B. Sự chia cắt lãnh thổ thành 38 lãnh địa.

C. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế nông nghiệp.

D. Tất cả các yêu cầu trên.

Câu 2. Lực lượng nào đứng ra lãnh đạo quá trình thống nhất nước Đức?

A. Giai cấp tư sản. C. Tư sản và quý tộc phong kiến.

B. Giai cấp vô sản. D. Quý tộc quân phiệt.

Câu 3. Quá trình thống nhất nước Đức diễn ra bằng con đường nào?

A. Quần chúng dùng vũ lực đấu tranh để thống nhất đất nước "từ dưới lên".

B. Giai cấp địa chủ quân phiệt Phổ, dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống".

C. Giai cấp tư sản dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ dưới lên".

D. Giai cấp tư sản cùng với quân Phiệt dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống" và "từ dưới lên".

Câu 4. Năm 1862, diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng nào ở Phổ?

A. Phổ gây chiến tranh với Đan Mạch.

B. Bi-xmác lên làm thủ tướng Phổ, đảm nhận nhiệm vụ lãnh đạo công cuộc thống nhất đất nước.

C. Phổ gây chiến tranh với Áo.

D. Liên bang Bắc Đức được thành lập do Phổ đứng đầu.

Câu 5. Liên bang Bắc Đức ra đời gồm có bao nhiêu quốc gia?

A. 10 Quốc gia ở Bắc Đức và ba thành phố tự do.

B. 16 Quốc gia ở Bắc Đức và hai thành phố tự do.

C. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và ba thành phố tự do.

D. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và bốn thành phố tự do.

Câu 6. Vì sao khi tiến hành sáp nhập các quốc gia miền Nam - Phổ bị Pháp ngăn cản?

A. Các quốc gia miền Nam vốn là lãnh thổ của Pháp.

B. Pháp không muốn có một quốc gia thống nhất hùng mạnh bên cạnh mình.

C. Pháp muốn dùng các quốc gia miền Nam làm bàn đạp xâm lược Phổ.

D. Tất cả các lý do trên đều đúng.

Câu 7. Sự kiện nào chứng tỏ Bi-xmác đã hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước?

A. Liên bang Bắc Đức được thành lập.

B. Phổ sáp nhập các quốc gia miền Nam vào lãnh thổ của mình.

C. Phổ lôi kéo các nước Nam Đức chống lại Pháp.

D. Thắng lợi của Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871).

Câu 8. Cuộc cách mạng tư sản nổ ra trên bán đảo I-ta-li-a năm 1848 do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp công nhân. C. Phái tư sản cách mạng.

B. Giai cấp nông dân. D. Tư sản và quý tộc.

Câu 9. Vì sao đến khoảng năm 1849 vấn đề thống nhất I-ta-li-a được đặt ra?

A. Chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ.

B. Đất nước bị chia cắt thành bảy nước.

C. Phần lớn đất nước bị phụ thuộc đế quốc Áo.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 10. Bá tước Ca-vua, Thủ tướng của Vương quốc Pi-ê-môn-tê, từ khi lên cầm quyền đã đề ra chủ trương:

A. Lập ra Nhà nước quân chủ lập hiến.

B. Thống nhất I-ta-li-a "từ trên xuống".

C. Thống nhất I-ta-li-a "từ dưới lên".

D. Mở mang kinh tế và xây dựng quân đội.

Câu 11. Từ tháng 4 - 1859, Ca-vua dựa vào thế lực nào để gạt ảnh hưởng của nước Áo, giành lại chủ quyền thống nhất một số vùng miền Bắc và miền Trung I-ta-li-a?

A. Dựa vào quý tộc trong nước.

B. Dựa vào giai cấp tư sản trong nước.

C. Dựa vào thế lực nước ngoài đó là Pháp.

D. Dựa vào thế lực nước ngoài đó là Anh.

Câu 12. Năm 1848, Ga-ri-ban-đi thành lập "Đội quân áo đỏ" để đấu tranh chống thế lực nào?

A. Phong kiến cát cứ ở I-ta-li-a.

B. Chế độ thống trị của Áo và phong kiến.

C. Chế độ thống trị của Áo và tư sản.

D. Chế độ quân chủ chuyên chế của Vương quốc Pi-ê-môn-tê.

Câu 13. I-ta-li-a đã hoàn thành đất nước được thống nhất vào thời gian nào?

A. Năm 1866. B. Năm 1868. C. Năm 1870. D. Năm 1871.

Câu 14. Sau khi đất nước I-ta-li-a được thống nhất, chính quyền nằm trong tay:

A. Giai cấp tự sản. C. Giai cấp công nhân và nông dân.

B. Tầng lớp tiểu tư sản. D. Tư sản và quý tộc tư sản lớn.

Câu 15. Vì sao sau cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành?

A. Chính quyền vẫn còn rơi vào tay phong kiến.

B. Vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết theo nguyện vọng của nhân dân.

C. Chế độ nô lệ vẫn được duy trì ở miền Nam.

D. Câu B và C đúng.

Câu 16. Đến giữa thế kỉ XIX, ở miền Bắc nước Mĩ có hai giai cấp chính, đó là:

A. Chủ nô và nô lệ. B. Địa chủ phong kiến và nông dân.

C. Tư sản và công nhân. D. Tư sản và nô lệ da đen.

Câu 17. Vì sao sự duy trì chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mĩ?

A. Các nhà tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc cần thị trường và sức lao động.

B. Nó ngăn sản sự thống nhất ở Mĩ.

C. Nó tạo điều kiện cho chế độ phong kiến phục hồi ở Mĩ.

D. Nó ngăn cản sự giao lưu giữa miền Bắc và miền Nam.

Câu 18. Cuộc nội chiến ở Mĩ diễn ra giữa các thế lực nào?

A. Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.

B. Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ nô lệ ở miền Nam.

C. Giai cấp phong kiến ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.

D. Giai cấp tư sản và quý tộc tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ phong kiến ở miền Nam.

Câu 19. Ngày 12-4-1861, giới chủ nô gây ra cuộc nội chiến nhằm mục đích gì?

A. Chống lại tổng thống Lin-côn người của Đảng Cộng hòa.

B. Thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.

C. Duy trì chế độ nô lệ đang có nguy cơ bị sụp đổ.

D. Tăng cường thế lực của chế độ nô lệ đang phát triển ở miền Nam.

Câu 20. Cuộc nội chiến ở Mĩ kéo dài trong khoảng thời gian:

A. Từ tháng 4-1861 đến tháng 9-1864.

B. Từ tháng 6-1861 đến tháng 6-1865.

C. Từ tháng 5-1861 đến tháng 4-1865.

D. Từ tháng 4-1861 đến tháng 4-1865.

Câu 21. Vì sao nói: cuộc nội chiến ở Mĩ có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản thứ hai sau chiến tranh giành độc lập?

A. Giải phóng hoàn toàn nô lệ da đen, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

B. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

C. Xóa bỏ chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

D. Tất cả các lý do trên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A **2.** D **3.** B **4.** B **5.** C **6.** B **7.** D **8.** C **9.** A **10.** D **11.** C
12. B **13.** C **14.** D **15.** D **16.** C **17.** A **18.** B **19.** C **20.** D **21.** C

Bài 6
CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Câu 1. Vào thời gian nào chủ nghĩa tư bản "tự do" chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền?

A. Khoảng 50 năm cuối thế kỉ XIX. B. Khoảng 40 năm cuối thế kỉ XIX.

C. Khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX. D. Khoảng 20 năm cuối thế kỉ XIX.

Câu 2. Những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật trong nền kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa những năm cuối thế kỉ XIX chủ yếu là:

A. Phát minh và sử dụng động cơ đốt trong và động cơ điện.

B. Phát minh và sử dụng nhiệt lượng.

C. Phát minh ra sử dụng mảy hơi nước.

D. Phát minh và sử dụng động cơ học.

Câu 3. Phát hiện về phóng xạ của Hăng-ri Béc-cơ-ren (Pháp) thuộc lĩnh vực nào?

A. Lĩnh vực toán học. B. Lĩnh vực vật lí.

C. Lĩnh vực hoá học. D. Lĩnh vực sinh học.

Câu 4. Ai là người đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân?

A. Ma-ri Quy-ri. B. Hăng-ri Béc-cơ-ren.

C. Rơn-ghen. D. Rơ-dơ-pho.

Câu 5. Học thuyết Đác-uyn (Anh) đề cập đến vấn đề gì?

A. Hoạt động của các tế bào. B. Hoạt động của hệ thần kinh cao cấp.

C. Biến dị và da truyền. D. Sự tiến hoá và di truyền.

Câu 6. Tháng 12-1903 đã diễn ra sự kiện tiêu biểu gì?

A. Kỹ thuật luyện kim được cải tiến, với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác-tinh.

B. Dầu hỏa được khai thác để thắp sáng.

C. Anh em người Mĩ đã chế tạo máy bay đầu tiên.

D. Ô tô được đưa vào sử dụng nhờ phát minh về động cơ đốt trong.

Câu 7. Năm 1879, ai là người thí nghiệm thành công việc thắp sáng, để cho bóng đèn điện ra đời?

A. R. Đi-ê-den. B. Ê-đi-xơn. C. Nô-ben. D. Tôm-xơn.

Câu 8. Phát minh nổi tiếng của Nô-ben năm 1867 là gì?

A. Bóng đèn điện. B. Động cơ đốt trong.

C. Thông tin vô tuyến điện. D. Thuốc nổ.

Câu 9. Năm 1903 được đánh dấu bằng sự kiện lịch sử gì trong lĩnh vực giao thông?

A. Xuất hiện ô tô đầu tiên trên thế giới.

B. Xuất hiện tàu thủy đầu tiên trên thế giới.

C. Xuất hiện máy bay đầu tiên trên thế giới

D. Xuất hiện tàu hỏa đầu tiên trên thế giới.

Câu 10. Sự xuất hiện các tổ chức độc quyền cacten, xanh đi ca và tơrơt ở những nước nào?

A. Cacten, xanhđica ở Đức và Pháp, tơrớt ở Mĩ.

B. Tơrớt ở Pháp, caten ở Mĩ, xanhđica ở Đức.

C. Cacten, xanhđica ở Mĩ và Đức, tơrớt ở Pháp.

D. Cacten ở Mĩ, xanhđica và tơ rớt ở Đức và Pháp.

Câu 11. Các điều kiện nào đã dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo giữa các nước tư bản với nhau ở cuối thế kỉ XIX?

A. Tài nguyên và nhân công.

B. Trình độ sản xuất và tập trung tư bản.

C. Trình độ tổ chức và quản lý sản xuất.

D. Nguyên liệu và kĩ thuật sản xuất.

Câu 12. Vào cuối thế kỉ XIX diễn ra quy luật gì trong nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa?

A. Quy luật cung - cầu. B. Quy luật giá trị.

C. Quy luật phát triển không đều. D. Quy luật cạnh tranh.

Câu 13. Sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản làm tăng vai trò của ngành nào trong các nước tư bản chủ nghĩa.

A. Ngành công nghiệp nặng. B. Ngành ngân hàng.

C. Ngành thương nghiệp. D. Ngành tài chính.

Câu 14. Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp đã tạo ra tầng lớp tư bản nào?

A. Tư bản thương nghiệp. B. Tư bản công nghiệp.

C. Tư bản ngân hàng. D. Tư bản tài chính.

Câu 15. Trong quá trình kinh doanh của mình, các tầng lớp tư bản tài chính đã làm gì?

A. Xuất khẩu hàng hóa.

B. Xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu tài chính.

C. Xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu tư bản.

D. Xuất khẩu tài chính và xuất khẩu ngân hàng.

Câu 16. Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm chiếm và tranh chấp thuộc địa?

A. Các thuộc địa có vai trò quan trọng là nơi đầu tư và tiêu thụ hàng hoá của chính quốc.

B. Nơi cung cấp nguyên liệu và nguồn nhân công rẻ mạt, cung cấp binh lính trong các cuộc chiến tranh.

C. Thuộc địa có vị trí địa lí thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự hình thành các công ti độc quyền là gì?

A. Do tiến bộ của khoa học - kĩ thuật sản xuất công nghiệp các nước Âu - Mĩ tăng nhanh dẫn đến tích tụ tư bản.

B. Các ngành kinh tế chuyển từ tự do cạnh tranh sang tổ chức độc quyền dưới nhiều hình thức: các ten, xanhđica, tờrơt.

C. Do sử dụng năng lượng mới trong sản xuất công nghiệp.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 18. Nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc đấu tranh để phân chia thuộc địa?

A. Do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với các nước thuộc địa.

B. Do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trong việc tranh chấp thuộc địa.

C. Do mâu thuẫn giữa các nước tư bản trong việc xuất khẩu hàng hoá đến các nước thuộc địa.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 19. Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược các nước thuộc địa?

A. Các nước thuộc địa có thị trường tiêu thụ mở rộng.

B. Các nước thuộc địa có thị trường tiêu thụ mở rộng, nhiều nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt.

C. Các nước thuộc địa còn lạc hậu nên dễ khai thác tài nguyên thiên nhiên.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 20. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.   B. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

C. Giữa thế kỉ XIX.   D. Giữa thế kỉ XX.

Câu 21. Biểu hiện cơ bản nhất về sự xuất hiện chủ nghĩa đế quốc là gì?

A. Sự xuất hiện các tầng lớp tư bản tài chính.

B. Sự ra đời của các tổ chức độc quyền.

C. Chiến tranh đế quốc nhằm phân chia thuộc địa.

D. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

Câu 22. Sự ra đời của các tổ chức độc quyền đã đánh dấu bước chuyển biến như thế nào?

A. Từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền.

B. Từ chủ nghĩa tư bản nguyên thuỷ sang chủ nghĩa tư bản hiện đại

C. Từ chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

D. Từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.

Câu 23. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Mĩ là gì?

A. Là sự hình thành các tờ rớt khổng lồ với những tập đoàn tài chính giàu sụ.

B. Là đế quốc thực dân với hệ thống thuộc địa rộng lớn và đông dân.

C. Là đế quốc cho vay nặng lãi.

D. Xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong nội bộ.

Câu 24. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất làm bùng nổ các phong trào giải phóng dân tộc?

A. Mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.

B. Mâu thuẫn giữa đế quốc với nhân dân thuộc địa.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với công nhân và nhân dân lao động.

D. Tất cả các mâu thuẫn trên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C **2.** A **3.** B **4.** A **5.** D **6.** C **7.** B **8.** D **9.** C **10.** A **11.** D **12.** C
13. B **14.** D **15.** C **16.** D **17.** A **18.** B **19.** B **20.** A **21.** B **22.** C **23.** A **24.** B

Bài 7

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ VÀ SỰ BÀNH TRƯỚNG THUỘC ĐỊA

Câu 1. Vào những thập niên mới của thế kỉ XIX, nước Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, bị các nước nào vượt qua?

A. Nước Pháp, Mĩ.
C. Nước Mĩ, Nga.
B. Nước Mĩ, Đức.
D. Nước Mĩ, Pháp, Đức.

Câu 2. Những thập niên cuối của thế kỉ XIX, giai cấp tư sản Anh chú trọng nhiều nhất đến vấn đề gì trong quá trình kinh doanh?

A. Cải tiến kĩ thuật sản xuất để nâng cao năng suất lao động.
B. Đổi mới và phát triển công nghiệp.
C. Xuất khẩu tư bản sang các nước thuộc địa.
D. Tiếp nhận những thành tựu khoa học - kĩ thuật để thay đổi cơ cấu sản xuất.

Câu 3. Tuy mất địa vị độc quyền công nghiệp, Anh vẫn đứng đầu thế giới về:

A. Tài chính và xuất khẩu tư bản.
B. Tài chính và xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quan và thuộc địa.
C. Xuất khẩu tư bản và thuộc địa.
D. Xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa.

Câu 4. Vào cuối thế kỉ XIX, Anh chú ý phát triển các ngành công nghiệp nào?

A. Luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ.
B. Luyện kim, cơ khí, hóa chất.
C. Cơ khí, hóa chất, khai thác mỏ.
D. Luyện kim, cơ khí, đóng tàu.

Câu 5. Việc xuất khẩu tư bản của Anh chủ yếu và đầu tiên đến khu vực nào?

A. Các nước ở châu Phi và Mĩ la-tinh.
B. Các nước ở Đông Nam Á.
C. Trung Quốc và các nước châu Á.
D. Hoa Kì và các nước Mĩ la-tinh.

Câu 6. Cuối thế kỉ XIX, hai đảng thay nhau lên cầm quyền ở Anh, đó là:

A. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa.
B. Đảng Tự do và Công đảng.
C. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ.
D. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

Câu 7. Chủ nghĩa đế quốc Anh được mệnh danh là:

A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.
D. Chủ nghĩa đế quốc bành trướng.

Câu 8. Từ sau năm 1871, công nghiệp của Pháp đứng sau các nước nào?

A. Mĩ, Đức, Anh.
C. Đức, Nga, Mĩ.
B. Mĩ, Nga, Trung Quốc.
D. Nga, Pháp, Hà Lan.

Câu 9. Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, một số ngành công nghiệp ở Pháp mới ra đời đạt được nhiều thành tựu, đó là:

A. Khai thác mỏ, luyện kim.
B. Điện khí, hóa chất, chế tạo ô tô, điện ảnh.
C. Luyện kim, hóa chất, đóng tàu.
D. Khai thác mỏ, hóa chất, đóng tàu.

Câu 10. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nông dân Pháp bị phụ thuộc vào tầng lớp nào?

A. Các nhà buôn nông sản và bọn chủ nợ.

B. Quý tộc mới và giai cấp tư sản.

C. Địa chủ phong kiến.

D. Các thương nhân châu Âu và quý tộc trong nước.

Câu 11. Đặc điểm của tổ chức độc quyền ở Pháp là gì?

A. Tập trung tài chính đạt mức cao.

B. Tập trung ngân hàng đạt mức cao.

C. Xuất khẩu tư bản tài chính.

D. Tập trung tư sản vào sản xuất công nghiệp.

Câu 12. Chủ nghĩa đế quốc Pháp được mệnh danh là:

A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.

B. Chủ nghĩa đế quốc ngân hàng.

C. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.

D. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.

Câu 13. Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ, nền cộng hòa thứ mấy ở Pháp được thiết lập?

A. Cộng hòa thứ nhất.

B. Cộng hòa thứ hai.

C. Cộng hòa thứ ba.

D. Cộng hòa thứ tư.

Câu 14. Từ năm 1870 đến năm 1893, Pháp tăng cường xâm lược các nước ở khu vực nào?

A. Châu Á, châu Phi, châu Mĩ la- tinh.

B. Châu Âu, châu Phi.

C. Châu Á, châu Mĩ la-tinh.

D. Châu Á, châu Phi.

Câu 15. Sau Hiệp ước Véc-xai (1871), Đức có thêm điều kiện thuận lợi nào từ bên ngoài để xây dựng và mở rộng kinh doanh?

A. Được các nước Anh, Pháp, Mĩ cho vay vốn.

B. Chiếm được 5 tỉ Phơ-răng và hai vùng An-dát, Lo-ren của Pháp.

C. Có thêm vùng nguyên liệu ở miền Tây Nam.

D. Được Anh, Pháp nhượng bộ một số thuộc địa.

Câu 16. Đến cuối thế kỉ XIX, công nghiệp Đức đứng thứ mấy ở châu Âu, sau nước nào?

A. Đứng thứ hai, sau Mĩ.

B. Đứng thứ nhất, không sau nước nào cả.

C. Đứng thứ ba, sau Mĩ, Anh.

D. Đứng thứ tư, sau Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 17. Đến năm 1913, sản lượng gang thép của Đức gấp đôi nước nào?

A. Gấp đôi nước Anh.

C. Gấp đối nước Mĩ.

B. Gấp đôi nước Pháp.

D. Gấp đôi nước Tây Ban Nha.

Câu 18. Sự hình thành các công ti độc quyền của Đức dựa trên cơ sở:

A. Tập trung sản xuất và tập trung ngân hàng.

B. Tập trung tư bản và tài chính.

C. Xuất khẩu tư bản.

D. Tập trung sản xuất và tư sản.

Câu 19. Các công ti độc quyền của Đức xuất hiện dưới hình thức phổ biến nào?

A. Cacten và tơrớt. C. Cácten và Xanhđica.

B. Tơrớt và Xanhđica. D. Tất cả các hình thức trên.

Câu 20. Tầng lớp nào nắm lấy quyền thống trị ở Đức trong những năm cuối thế kỉ XIX?

A. Quý tộc địa chủ và tư sản độc quyền.

B. Bọn quân phiệt hiếu chiến.

C. Tư sản công nghiệp và tư bản tài chính.

D. Tư sản độc quyền và tư sản công nghiệp.

Câu 21. Sau sự kiện nào chủ nghĩa tư bản ở Mĩ phát triển vượt bậc?

A. Lin-côn lên làm Tổng thống năm 1860.

B. Kết thúc cuộc nội chiến 1861-1865.

C. Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918.

D. Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha năm 1898.

Câu 22. Ngoài việc giải phóng người nô lệ tạo nên người lao động phong phú, Mĩ có thêm nguồn lao động từ đâu?

A. Tốc độ gia tăng dân số rất nhanh.

B. Nô lệ bắt từ châu Phi.

C. Nông dân bị tước ruộng đất.

D. Nguồn người nhập cư từ châu Á và châu Âu.

Câu 23. Trong khoảng thời gian nào, kinh tế Mĩ từ hàng thứ tư nhảy lên đứng đầu thế giới?

A. Từ năm 1865 đến năm 1890. B. Từ năm 1865 đến năm 1892.

C. Từ năm 1865 đến năm 1894. D. Từ năm 1860 đến năm 1870.

Câu 24. Hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ là gì?

A. Cacten. B. Xanhđica. C. Rốc-phe-lơ D. Tơrớt

Câu 25. Hai Đảng thay nhau lên nắm chính quyền ở Mĩ, đó là:

A. Đảng Cộng hòa và Đảng Bảo chủ. B. Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ.

C. Đảng Tự do và Đảng Dân chủ. D. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa.

Câu 26. Năm 1898, diễn ra sự kiện gì ở Mĩ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới?

A. Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin và Cuba.

B. Mĩ gây chiến với Bồ Đào Nha và mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

C. Mĩ dùng đô la để can thiệp vào các nước Mĩ la-tinh.

D. Mĩ đánh chiếm các nước ở Đông Nam Á.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B **2.** C **3.** B **4.** A **5.** D **6.** C **7.** A **8.** A **9.** B

10. A **11.** B **12.** C **13.** C **14.** D **15.** B **16.** B **17.** A **18.** D

19. C **20.** A **21.** B **22.** D **23.** C **24.** D **25.** B **26.** A

Bài 8
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Câu 1. Giai cấp tư sản ra đời từ những thành phần nào trong xã hội?

A. Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền.

B. Chủ công xưởng, chủ đồn điền, công nhân giàu có.

C. Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền, quý tộc mới.

D. Tất cả các thành phần trên.

Câu 2. Hàng ngũ những người vô sản chủ yếu bắt nguồn từ đâu?

A. Nông dân bị phá sản, mất đất.

B. Thợ thủ công bị thất nghiệp, phá sản.

C. Nông dân và thợ thủ công bị phá sản.

D. Nô lệ bị bắt ở các nước trong chiến tranh.

Câu 3. Giai cấp vô sản là giai cấp:

A. Chỉ có rất ít tư liệu sản xuất.

B. Hoàn toàn không có tư liệu sản xuất.

C. Không có tài sản, chỉ có sức lao động.

D. Chỉ có một ít tư liệu sản xuất và hoàn toàn không có tài sản.

Câu 4. Giai cấp vô sản công nghiệp thế giới ra đời sớm nhất ở nước nào?

A. Nước Pháp. B. Nước Mĩ. C. Nước Đức. D. Nước Anh.

Câu 5. Phong trào đấu tranh đầu tiên của công nhân diễn ra dưới hình thức nào?

A. Bỏ trốn tập thể để khỏi bị hành hạ. B. Đánh bọn chủ xưởng, bọn cai kí.

C. Đập phá máy móc, đốt công xưởng. D. Đập phá máy móc, đánh chủ xưởng.

Câu 6. Phong trào đấu tranh tự phát của công nhân Anh diễn ra vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

B. Khoảng những năm 20-30 của thế kỉ XIX.

C. Khoảng cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

D. Khoảng những năm 1836 – 1848.

Câu 7. Trong những năm 20 - 30 của thế kỉ XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền lợi gì?

A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.

B. Đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.

C. Đòi quyền tuyển cử.

D. Đòi quốc hội Anh thông qua đạo luật cải cách tuyển cử.

Câu 8. "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu!", đó là khẩu hiệu đấu tranh của công nhân nước nào?

A. Nước Anh. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Mĩ.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa của công nhân thợ dệt ở Li-ông (Pháp) diễn ra vào năm nào?

A. Năm 1832. B. Năm 1834. C. Năm 1843. D. Năm 1835.

Câu 10. Năm 1831, công nhân dệt thành phố Li-ông (Pháp) đấu tranh đòi quyền lợi gì?

A. Thiết lập nền cộng hòa. B. Nghỉ ngày chủ nhật có lương.

C. Được tự do bầu cử. D. Tăng lương, giảm giờ làm.

Câu 11. Ở Đức, để được làm việc trong các nhà máy công nhân phải đóng thuế đặc biệt cho bọn nào?

A. Giai cấp tư sản. B. Tầng lớp quý tộc mới.

C. Bọn chủ nhà máy. D. Bọn địa chủ.

Câu 12. Trong các cuộc đấu tranh dưới đây của công nhân, cuộc đấu tranh nào tồn tại lâu nhất?

A. Khởi nghĩa Li-ông ở Pháp.

B. Phong trào Hiến chương ở Anh.

C. Khởi nghĩa Sơ-lê-din ở Đức.

D. Khởi nghĩa Li-ông (Pháp) và phong trào Hiến chương (Anh).

Câu 13. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất làm cho các cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức bị thất bại?

A. Lực lượng công nhân còn rất ít.

B. Giai cấp tư sản còn đang rất mạnh.

C. Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng.

D. Chưa có sự liên minh với giai cấp nông dân.

Câu 14. Ba nhà tư tưởng tiến bộ nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng là:

A. Xanh xi-mông, Phu-ri-ê và Crôm-oen.

B. Phu-ri-ê; Mông-te-xki-ơ và Ô-oen.

C. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ru-xô.

D. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

Câu 15. Hạn chế lớn nhất của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì?

A. Chưa đánh giá đúng vai trò của giai cấp công nhân.

B. Chưa đề ra được phương pháp đấu tranh cho giai cấp công nhân.

C. Chưa thấy được bản chất của giai cấp tư sản.

D. Chưa vạch ra con đường đúng để thủ tiêu việc bóc lột, xây dựng xã hội mới.

Câu 16. Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ XIX đã làm tiền đề cho chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời?

A. Sự phát triển của phong trào công nhân.

B. Sự ra đời và hoạt động của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

C. Sự thành lập Quốc tế thứ nhất.

D. Sự xuất hiện của Mác và Ăng-nghen.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C **2.** A **3.** B **4.** D **5.** C **6.** A **7.** C **8.** B
9. B **10.** D **11.** D **12.** B **13.** C **14.** D **15.** A **16.** B

Bài 9
MÁC VÀ ĂNG-GHEN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Câu 1. Năm 23 tuổi, Mác đỗ tiến sĩ với luận án xuất sắc về đề tài gì?

A. Triết học Mác-Lê nin. B. Triết học Ánh sáng.
C. Triết học cổ đại La mã. D. Triết học cổ đại Hi Lạp.

Câu 2. Năm 1843, Mác rời nước Đức đi đến nước nào đầu tiên?

A. Nước Anh. B. Nước Pháp. C. Nước Bỉ. D. Nước Hà Lan.

Câu 3. Trong tác phẩm nào của mình, Ăng-ghen miêu tả cụ thể, sinh động sự bóc lột tàn bạo của giai cấp tư sản đối với công nhân?

A. Biên niên Pháp - Đức. B. Triết học cổ điển Đức.
C. Triết học cổ đại Hi Lạp. D. Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh.

Câu 4. Cuộc gặp gỡ đã mở đầu tình bạn cảm động của Mác và Ăng-ghen vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Vào năm 1844 . Tại Luân Đôn (Anh). B. Vào năm 1844. Tại Pa-ri (Pháp).
C. Vào năm 1845. Tại Pa-ri (Pháp). D. Vào năm 1843. Tại Brúc-xen (Bỉ).

Câu 5. Tổ chức " Đồng minh những người chính nghĩa" được thành lập ở đâu? Vào thời gian nào?

A. Thành lập ở Pa-ri (Pháp) . Vào năm 1836.
B. Thành lập ở Luân Đôn (Anh). Vào năm 1847.
C. Thành lập ở Pa-ri (Pháp). Vào năm 1847.
D. Thành lập ở Brúc-xen (Bỉ).Vào năm 1836.

Câu 6. Tổ chức " Đồng minh những người chính nghĩa" đổi tên thành "Đồng minh những người cộng sản vào thời gian nào?

A. Tháng 4 - 1847. B. Tháng 5 - 1847.
C. Tháng 6 - 1847. D. Tháng 7-1847.

Câu 7. " Đồng minh những người cộng sản" ra đời nhằm mục đích:

A. "Đoàn kết giai cấp vô sản tất cả các nước".
B. " Đoàn kết giai cấp vô sản và những người cộng sản các nước".
C. "Đoàn kết giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa".
D. "Đoàn kết những người cộng sản tất cả các nước".

Câu 8. Cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1847 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong Đồng minh những người cộng sản?

A. Đại hội lần thứ nhất của Đồng minh những người cộng sản.

B. Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản.

C. Đại hội lần thứ ba của Đồng minh những người cộng sản.

D. Đại hội lần thứ tư của Đồng minh những người cộng sản.

Câu 9. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản xác định vai trò của giai cấp vô sản như thế nào?

A. Cùng với nông dân lãnh đạo cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

B. Lãnh đạo cuộc đấu tranh, nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản.

C. Lãnh đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột.

D. Lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 10. Chương I trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản nói về vấn đề gì?

A. Vô sản và cộng sản.

B. Quan hệ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập.

C. Tư sản và vô sản.

D. Sách báo xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Câu 11. Cơ sở hình thành tình bạn vĩ đại và cảm động của Các Mác và Ăng-ghen là gì?

A. Cùng quê ở Đức, nơi chủ nghĩa tư bản phản động nhất.

B. Đều có học thức uyên bác, thấu hiểu đồng cảm với người lao động.

C. Cùng chung chí hướng là giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi áp bức bóc lột.

D. Tất cả các cơ sở trên.

Câu 12. Vào thời gian nào Các Mác xuất bản tạp chí "Biên niên Pháp - Đức"?

A. Năm 1843. B. Năm 1834. C. Năm 1844. D. Năm 1845.

Câu 13. Các Mác đánh giá vai trò và sứ mệnh của giai cấp vô sản như thế nào?

A. Là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất.

B. Là giai cấp đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản.

C. Là giai cấp có vai trò và sứ mệnh giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột.

D. Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất.

Câu 14. Tác phẩm Tình cảnh giai cấp công nhân Anh được Ăng-ghen viết vào năm nào?

A. Năm 1843. B. Năm 1842. C. Năm 1840. D. Năm 1844.

Câu 15. Tháng 2 - 1848 một tác phẩm nổi tiếng của Các Mác, Ăng-ghen ra đời, đó là tác phẩm nào?

A. Đồng minh những người vô sản. B. Đồng minh những người cộng sản.

C. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản. D. Tuyên ngôn những người chính nghĩa.

Câu 16. Ý nào dưới đây không nằm trong nội dung của Tuyên ngôn Đảng Cộng sản?

A. Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu nổ ra.

B. Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình.

C. Trình bày một cách hệ thống những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

D. Từ đây phong trào công nhân đã có lí luận cách mạng soi đường.

Câu 17. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1- 1818	A. Năm sinh của Ăng-ghen.
2- 1820	B. Năm sinh của Các Mác.
3- 1841	C. Mác làm Tổng biên tập Báo Sông Ranh.
4- 1842	D. Mác và Ăng-ghen công bố *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.*
5- 1844	E. Các Mác bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.
6-1848	F. Mác và Ăng-ghen gặp nhau ở Pa-ri.

Câu 18. Sứ mệnh của giai cấp vô sản được Mác và Ăng-ghen xác định như thế nào?

A. Lãnh đạo của đấu tranh chống sự thống trị và áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa.

B. Thành lập chính đảng của mình, thiết lập nền chuyên chính vô sản.

C. Sử dụng bạo lực để lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

D. Tất cả đều đúng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. D **2.** B **3.** D **4.** B **5.** A **6.** C **7.** A **8.** B **9.** B **10.** C **11.** D
12. A **13.** C **14.** B **15.** C **16.** D **17.** 1: B. 2: A. 3: E. 4: C. 5: F. 6: D. **18.** A

Bài 10
QUỐC TẾ THỨ NHẤT VÀ CÔNG XÃ PA-RI

Câu 1. Vào năm nào chủ nghĩa tư sản đã được xác lập trên phạm vi thế giới?

A. Đầu năm 1848. B. Cuối năm 1848.

C. Đầu năm 1849. D. Cuối năm 1849.

Câu 2. Vì sao các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa trong những năm 1848 - 1849 cuối cùng bị thất bại?

A. Thiếu sự liên minh giai cấp. B. Thiếu đoàn kết, chưa có đảng lãnh đạo.

C. Chưa có tổ chức thống nhất. D. Thiếu đoàn kết, chưa có tổ chức thống nhất.

Câu 3. Quốc tế thứ nhất ban đầu có tên là gì?

A. Hội liên hiệp giai cấp công nhân quốc tế.

B. Hội liên hiệp lao động quốc tế.

C. Hội liên hiệp công nhân lao động.

D. Hội liên hiệp những người cộng sản quốc tế.

Câu 4 . Linh hồn của Quốc tế thứ nhất là ai?

A. Ăng-ghen. B. Lê-nin. C. Các Mác. D. Xta-lin.

Câu 5. Trong quá trình tồn tại và hoạt động, Quốc tế thứ nhất chuẩn bị thành lập các chính đảng công nhân độc lập ở đâu?

A. Châu Âu và châu Á. B. Châu Á và châu Mĩ la-tinh.

C. Châu Âu và Bắc Mĩ. D. Châu Âu và châu Phi.

Câu 6. Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán vào thời gian nào?

A. Ngày 17- 5-1876. B. Ngày 18-6-1876.

C. Ngày 25-7-1876. D. Ngày 15-7-1876.

Câu 7. Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ nổ ra vào thời gian nào?

A. Ngày 2-9-1870. B. Ngày 18-7-1870.

C. Ngày 19-7-1870. D. Ngày 7-9-1870.

Câu 8. Để chuẩn bị lực lượng chống quân Phổ xâm lược, quần chúng nhân dân Pa-ri đòi thành lập các đơn vị.

A. Cộng hòa. B. Quốc dân quân.

C. Quân đội nhân dân. D. Vệ quốc quân.

Câu 9. Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản Pháp thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi là gì?

A. "Chính phủ Lập quốc". B. "Chính phủ Vệ quốc".

C. " Chính phủ Cứu quốc". D. "Chính phủ yêu nước".

Câu 10. Khi quân đội Đức tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri, chính phủ lâm thời tư sản ra lệnh cho nhân dân làm gì?

A. Kiên quyết đứng lên chống Đức đến cùng.

B. Giải tán lực lượng vũ trang.

C. Hãy cứu nguy cho Tổ quốc.

D. Chấm dứt phòng thủ đất nước.

Câu 11. Vì sao cuộc cách mạng ngày 18-3-1871 được gọi là cuộc cách mạng vô sản?

A. Vì cuộc cách mạng này lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản.

B. Vì cuộc cách mạng này do giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Vì cuộc cách mạng này đánh đuổi được quân Phổ và thiết lập nên chuyên chính vô sản.

D. Vì cuộc cách mạng này thành lập bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản.

Câu 12. Sau khi bị thất bại, tàn quân của Chính phủ tư sản rút chạy về đâu?

A. Mông-mác. B. Véc-xai. C. Pa-ri. D. Xơ-đăng.

Câu 13. Ngày 26-3-1871, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Pháp?

A. Quân khởi nghĩa đánh chiếm các trụ sở của Chính phủ lâm thời.

B. Lá cờ cách mạng phất phới tung bay trên nóc nhà thị chính.

C. Tổ chức bầu cử Hội đồng công xã.

D. Hội đồng công xã làm lễ ra mắt trước quốc dân đồng bào.

Câu 14. Hội đồng Công xã Pa-ri tập trung các quyền lực nào?

A. Quyền hành pháp.

B. Quyền lập pháp.

C. Quyền hành pháp và quyền lập pháp.

D. Quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Câu 15. Đến ngày 1-5-1871 Hội đồng Công xã thành lập thêm ủy ban nào?

A. Ủy ban quân sự.

B. Ủy ban An ninh.

C. Ủy ban Đối ngoại.

D. Ủy ban Cứu quốc.

Câu 16. "Tuần lễ đẫm máu" ở nước Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 12 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871. B. Từ 21 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871.

C. Từ 20 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871. D. Từ 19 - 5 - 1981 đến 27 - 5 - 1871.

Câu 17. Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho Công xã Pa - ri bị thất bại?

A. Giai cấp cô sản Pháp còn yếu.

B. Họ chưa có chính đảng lãnh đạo.

C. Chưa có nước liên minh công nông.

D. Các thế lực phản động cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

Câu 18. Bài học lớn nhất được rút ra từ Công xã Pa-ri là gì?

A. Phải có sự lãnh đạo của đảng vô sản.

B. Phải thực hiện liên minh công nông.

C. Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới.

D. Tất cả các bài học trên.

Câu 19. Trong các sắc lệnh sau đây của Công xã, sắc lệnh nào thể hiện tính ưu việt của Công xã?

A. Tách nhà thờ ra khỏi hoạt động của Nhà nước.

B. Giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn.

C. Quy định về tiền lương tối thiểu, giảm lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập công nhân.

D. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí.

Câu 29. Điền vào chỗ trống những từ thích hợp trong đoạn trích dưới đây:

"Ngày 26 – 3 – 1871 , ...(A)........ tiến hành bầu Hội đồng Công xã theo nguyên tắc ... .(B)............86 đại biểu đã ....(C)............. hầu hết là ....(D)............. đại diện cho nhân dân lao động Pa-ri".

Câu 21. Vì sao nói Công xã Pa- ri là một Nhà nước kiểu mới?

A. Công xã do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

B. Công xã đã ban bố và thi hành nhiều sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân.

C. Công xã giải phóng quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ.

D. Công xã vừa ban bố pháp lệnh, vừa thi hành pháp lệnh.

Câu 22. Vì sao giai cấp tư sản điên cuồng chống lại Công xã?

A. Công xã xoá hết mọi đặc quyền của giai cấp tư sản.

B. Công xã tách nhà thờ ra khỏi Nhà nước.

C. Công xã thực sự là Nhà nước do dân và vì dân, đối lập Nhà nước tư bản.

D. Công xã ban bố các sắc lệnh phục vụ quyền tự do của nhân dân.

Câu 23. Công xã Pa-ri tồn tại trong bao nhiêu ngày?

A. 70 ngày. B. 71 ngày. C. 72 ngày. D. 73 ngày.

Câu 24. Nối niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B:

Cột A	Cột B
1. 2-9-1870	A. Nhân dân Pa-ri khởi nghĩa lật đổ Na-pô-lê-ông, lập chế độ cộng hòa.
2. 4-9-1870	B. Na-pô-lê-ông III và 10 vạn quân Pháp bị bắt tại Xơ-đăng.
3. 18-3-1871	C. Nhân dân Pa-ri bầu Hội đồng Công xã.
4. 26-3-1871	D. Quân Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri.
5. Đầu tháng 4-1871	E. Chi-e đánh úp đồi Mông-mác.
6. 20-5-1871	F. Cuộc chiến đấu ở nghĩa địa Cha-la-se-dơ.
7. 27-5-1871	G. Quân Véc-xai tổng tấn công Pa-ri.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A **2.** D **3.** B **4.** C **5.** C **6.** D **7.** C **8.** B **9.** C **10.** D

11. A **12.** B **13.** C **14.** C **15.** D **16.** B **17.** B **18.** A **19.** D

20. A. nhân dân Pa-ri. B. phổ thông đầu phiếu.

C. trúng cử D. công nhân và trí thức

21. B **22.** C **23.** C **24.** 1:B, 2:A, 3:E, 4:C, 5:D, 6:G.7: F.

Bài 11
QUỐC TẾ THỨ HAI

Câu 1. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở đâu?

A. Tây Âu và châu Á. B. Châu Âu và Bắc Mĩ.

C. Tất cả các nước châu Âu. D. Châu Âu và châu Mĩ.

Câu 2. Năm 1886, công nhân Pháp đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi gì?

A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm. B. Đòi ngày làm việc tám giờ.

C. Đòi các quyền tự do dân chủ. D. Đòi tăng lương và quyền dân chu.

Câu 3. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, phong trào công nhân nước nào diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và quyết liệt nhất là:

A. Phong trào công nhân ở Pháp. B. Phong trào công nhân ở Anh.

C. Phong trào công nhân ở Đức. D. Phong trào công nhân ở Mĩ.

Câu 4. Ngày 1-5-1886 ở Mĩ diễn ra sự kiện gì gắn với phong trào đấu tranh của công nhân?

A. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Si-ca-gô

B. Cuộc bãi cọng của công nhân New-yook.

C. Cuộc tổng bãi công của công nhân Oa-sinh-tơn.

D. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Ca-li-phôt-ni-a.

Câu 5. Hạn chế lớn nhất của phong trào công nhân thế giới của thế kỉ XIX là gì?

A. Chưa liên minh chặt chẽ với nông dân.

B. Chưa có sự thống nhất trong lãnh đạo và thiếu sự phối hợp đấu tranh.

C. Chưa tiếp thu được chủ nghĩa Mác.

D. Chưa xây dựng được một lực lượng hùng mạnh để đấu tranh.

Câu 6. Quốc tế thứ hai được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 17 - 4 - 1889. Ở Pa-ri (Pháp).

B. Ngày 14 - 7 - 1889. Ở Luân Đôn (Anh).

C. Ngày 14 - 7 - 1889. Ở Pa-ri (Pháp).

D. Ngày 17 - 4 - 1889. Ở Béc-lin (Đức).

Câu 7. Một trong những yêu cầu nào dưới đây đã dẫn đến thành lập Quốc tế thứ hai?

A. Phong trào công nhân chưa phát triển mạnh.

B. Các đảng công nhân được thành lập và sự cần thiết phải thống nhất.

C. Chủ nghĩa tư bản đã thành lập tổ chức Quốc tế của nó để chống lại phong trào công nhân.

D. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã được truyền bá sâu rộng vào trong phong trào công nhân.

Câu 8. Câu nào dưới đây không phải là điều kiện và yêu cầu thành lập Quốc tế thứ hai?

A. Phong trào công nhân chưa phát triển mạnh mẽ ở các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Các đảng công nhân được thành lập và sự cần thiết phải thống nhất.

C. Phải đoàn kết các lực lượng công nhân để đấu tranh thắng lợi.

D. Câu B và C đúng.

Câu 9. Quốc tế thứ hai quyết định lấy ngày 1-5 làm ngày Quốc tế lao động nhằm:

A. Để cho công nhân được làm việc, nghỉ ngơi cho đúng Luật lao động quốc tế.

B. Để cho công nhân được làm việc tám giờ.

C. Để cho công nhân được hưởng mọi quyền lợi.

D. Để đoàn kết và biểu dương lực lượng giai cấp vô sản thế giới.

Câu 10. Từ năm 1889 đến năm 1896, Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động gắn với tên tuổi của ai?

A. Các Mác. B. Ăng-ghen. C. Lê-nin D. Xta-lin.

Câu 11. Trong những năm đầu thế kỉ XX, trong Quốc tế thứ hai diễn ra hai khuynh hướng nào?

A. Khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.

B. Khuynh hướng tư sản và vô sản.

C. Khuynh hướng duy trì Quốc tế thứ hai và xóa bỏ Quốc tế thứ hai.

D. Khuynh hướng đấu tranh giai cấp và phi giai cấp.

Câu 12. "Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại". Câu nói đó của ai.

A. Các Mác. B. Ăng-ghen. C. Lê-nin. D. Hồ Chí Minh.

Câu 13. Điền từ đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các sự kiện sau đây:

A. Ở Anh, 1899, cuộc đấu tranh của công nhân khuân vác ở Luân đôn đã buộc chủ phải tăng lương.

B. Ở Pháp, 1893, công nhân thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội.

C. Ở Mĩ, 1-5-1886, hơn 350.000 công nhân biểu tình đòi ngày làm 8 giờ và từ đó, ngày 1-5 hàng năm trở thành ngày Quốc tế lao động.

D. Từ năm 1889, ngày 1-5 trở thành ngày Quốc tế lao động.

Câu 14. Kết quả lớn nhất của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX đạt được là gì?

A. Chủ nghĩa Mác được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân các nước.

B. Chủ phải tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân.

C. Các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân mỗi nước ra đời.

D. Lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày Quốc tế lao động.

Câu 15. Đại hội thành lập Quốc tế thứ hai (1889) đã thông qua nhiều nghị quyết, theo em nghị quyết nào là quan trọng nhất với tình hình lúc đó?

A. Phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước.

B. Đấu tranh giành chính quyền.

C. Đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ.

D. Lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

Câu 16. Nguyên nhân cơ bản đã đưa đến sự tan rã của Quốc tế thứ hai?

A. Sau khi Ăng-ghen mất, bọn cơ hội chiếm ưu thế trong Quốc tế hai.

B. Các đảng trong Quốc tế hai đều ủng hộ chính phủ tư sản (trừ Nga).

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B **2.** D **3.** D **4.** A **5.** B **6.** C **7.** B **8.** A **9.** D **10.** B
11. A **12.** C **13.** A, B, D: Đúng, C: Sai. **14.** C **15.** C **16.** A

Bài 12

LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX

Câu 1. Nước Nga bắt đầu chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XIX. C. Sau cuộc cải cách nông nô 1861.

B. Đầu thế kỉ XX. D. Cuối thế kỉ XX.

Câu 2. Tình hình kinh tế nước Nga sau cuộc cải cách nông nô 1861 như thế nào?

A. Kinh tế phong kiến phát triển mạnh mẽ hơn so với kinh tế tư bản chủ nghĩa.

B. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

C. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển, thường bị cản trở bởi chế độ chuyên chế Nga hoàng và tàn dư của chế độ nông nô.

D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Câu 3. Mùa thu năm 1895, Lê-nin thống nhất những nhóm macxít Pê-tec-bua thành một tổ chức chính trị duy nhất, lấy tên là gì?

A. Liên hiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc Nga.

B. Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân.

C. Liên hiệp cách mạng Nga.

D. Liên hiệp giải phóng công nhân.

Câu 4. Lê-nin bị bắt và bị đày đi Xi-bia trong khoảng thời gian nào?

A. 1895 - 1905. C. 1890 - 1900.

B. 1895 - 1904. D. 1895 - 1900.

Câu 5. Năm 1900, Lê-nin cùng các đồng chí của mình xuất bản tờ báo lấy tên là:

A. Tia sáng. B. Tia lửa. C. Ánh sáng. D. Phá xiềng xích.

Câu 6. Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Năm 1903 ở Luân Đôn (Anh).

B. Năm 1905 ở Pa-ri (Pháp).

C. Năm 1900 ở Mat-xcơ-va (Nga).

D. Năm 1903 ở Pê-tec-bua (Nga).

Câu 7. Tính tiên phong của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được thể hiện như thế nào?

A. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ Nga hoàng.

B. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến.

C. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến.

D. Lãnh đạo công nhân chống chế độ tư bản và Nga hoàng.

Câu 8. "Ngày chủ nhật đẫm máu" trong cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga là ngày nào?

A. Ngày 1- 9 - 1905.
B. Ngày 9 - 1 - 1905.
C. Ngày 1 - 5 - 1905.
D. Ngày 5 - 1 - 1907.

Câu 9. Tháng 6 - 1905 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga?

A. 40 vạn công nhân ở Pê-téc-bua biểu tình.
B. Binh lính và nông dân Nga nổi dậy chống Nga hoàng.
C. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Mat-xcơ-va.
D. Thủy thủy trên chiến hạm Pô-tem-kim khởi nghĩa.

Câu 10. Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga lên đến đỉnh cao vào thời gian nào?

A. Tháng 5 - 1905.
B. Tháng 6 - 1905.
C. Tháng 10 - 1905.
D. Tháng 12 - 1905.

Câu 11. Cách mạng 1905-1907 ở Nga là cuộc cách mạng:

A. Dân chủ tư sản.
B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
C. Cách mạng vô sản.
D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 12. Cách mạng 1905-1907 ở Nga có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào?

A. Các nước phương Tây.
B. Các nước ở khu vực Mĩ La-tinh.
C. Các nước phương Đông.
D. Các nước ở khu vực châu Phi.

Câu 13. Trong các nội dung mà Cương lĩnh của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga nêu ra, nội dung nào mang lại quyền lợi cho người nông dân?

A. Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
B. Đánh đổ chính quyền tư sản, thành lập chuyên chính vô sản.
C. Thi hành những cải cách dân chủ.
D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 14. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến phong trào cách mạng trong những năm 1905-1907 ở Nga là gì?

A. Nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
B. Số công nhân thất nghiệp ngày càng tăng.
C. Tiền lương công nhân giảm sút, điều kiện sống tồi tệ.
D. Hậu quả của cuộc chiến tranh Nga-Nhật.

Câu 15. Lực lượng nào tham gia trong phong trào cách mạng 1905 -1907 ở Nga?

A. Công nhân, nông dân.
B. Công nhân, nông dân, binh lính.
C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 16. Sự kiện nào sau đây được xem là đỉnh cao của cuộc Cách mạng 1905-1907 ở Nga?

A. Cuộc đấu tranh "Ngày chủ nhật đẫm máu" (9-1-1905) của 14 vạn công nhân Pê-téc-bua.

B. Cuộc nổi dậy phá dinh cơ của địa chủ phong kiến (5-1905) của nông dân.

C. Cuộc khởi nghĩa của thủy thủ trên chiến hạm Pô-tem-kin (6-1905).

D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va (12-1905).

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B **2.** C **3.** B **4.** D **5.** B **6.** A **7.** C **8.** B

9. D **10.** D **11.** B **12.** C **13.** D **14.** A **15.** B **16.** D

MỤC LỤC

PHẦN HAI. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

PHẦN BA. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN (PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9724852. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: VŨ THOANG – VĂN LA
NGUYỄN HẠNH

Chế bản: Nhà Sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa: NGỌC ANH

Thực hiện liên kết: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

1299 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 10

Mã số: 2L-152ĐH2007
In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP Hồ Chí Minh.
Số xuất bản: 651 - 2007/CXB/02 - 98/ĐHQGHN, ngày 17/08/2007.
Quyết định xuất bản số: 435 LK/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2007.